

# 100 Bài Kinh Phật



Đoàn Trung Còn - Nguyễn Minh Tiên Dịch và chú giải

---o0o---

*Nguồn*

*<http://www.rongmotamhon.net>*

*Chuyển sang ebook 20-11-2014*

*Người thực hiện :*

*Nam Thiên - [namthien@gmail.com](mailto:namthien@gmail.com)*

*[Link Audio Tại Website http://www.phapthihoi.org](http://www.phapthihoi.org)*

Mục Lục

**LỜI NÓI ĐẦU**

**PHẨM THỨ NHẤT : BỒ-TÁT ĐƯỢC THỌ KÝ - THỈNH PHẬT TỪ PHƯƠNG XA**

**NGƯỜI CON DÂU KÍNH PHẬT**

**ĐỨA CON LƯỜI BIẾNG**

**NGƯỜI KHÁCH THƯƠNG**

**NGƯỜI THỌ DỆT**

**NGƯỜI BỆNH NẶNG**

**MỘT CÀNH HOA**

**MỘT CUỘC THỀ NGUYỆN**

**PHẬT ĐỘ HAI VUA XUẤT GIA**

**TRƯỞNG GIẢ LÀM VUA BẢY NGÀY**

**PHẨM THỨ HAI : CÚNG DƯỜNG ĐƯỢC THỌ BẢO - NHỮNG NGƯỜI  
THUYỀN CHÀI**

**VUA QUÁN ĐẢNH THỈNH PHẬT**

**VUA PHÁP HỘ TẮM PHẬT**

**PHẬT TRỪ DỊCH BỆNH**

**THIÊN ĐẾ CÚNG PHẬT**

**PHẬT HÓA HÌNH ĐẾ THÍCH**

**CÚNG DƯỜNG ÂM NHẠC**

**NGƯỜI TỬ TỘI CẦU XUẤT GIA**

**VUA TÀN-BÀ-SA-LA THỈNH PHẬT**

**ĐẾ-THÍCH HIỆN THẦN BIẾN**

**PHẨM THỨ BA : THỌ KÝ BÍCH-CHI PHẬT - VƯƠNG TỬ SANH TỪ  
HOA SEN**

**EM BÉ CÚNG HOA**

**CÚNG DƯỜNG TRÂN BẢO**

**CHÚ NGUYỆN CỨU ĐƯỢC NGƯỜI**

**TRƯỞNG GIẢ CÚNG PHẬT**

**QUA SÔNG ĐỘ NGƯỜI**

**NGƯỜI HẦU GÁI CÚNG PHẬT**

**NGƯỜI NGHÈO CÚNG PHẬT**

**TRƯỞNG GIẢ CÚNG ĐƯỜNG ÂM NHẠC**

**NHẬN LÃNH TAM QUY**

**PHẨM THỨ TƯ : BỒ-TÁT RA ĐỜI - VUA LIÊN HOA NGUYỄN HÓA  
LÀM CÁ**

**VUA PHẠM-DỰ' BỐ THÍ**

**VUA THI-TỶ KHOẾT MẮT BỐ THÍ**

**VUA THIỆN DIỆN XẢ THÂN CẦU PHÁP**

**THÁI TỬ CẦU PHÁP**

**NGƯỜI CẢN ĐƯỜNG PHẬT**

**PHẬT ĐỘ TU-BẠT-ĐÀ**

**THỎ THIÊU THÂN CÚNG ĐƯỜNG**

**NGƯỜI MẸ GIẾT CON**

**KẺ CƯỚP LÂU-ĐÀ**

**PHẨM THỨ NĂM : LÀM ÁC ĐỌA NGẠ QUỶ - PHÚ-NA-KỶ ĐỌA NGẠ  
QUỶ**

**THAM LAM ĐỌA NGẠ QUỶ**

**LOÀI QUỶ KHÁT NƯỚC**

**PHÂN DƠ TRONG BÁT**

**NĂM TRĂM NGẠ QUỶ**

**BÀ MẸ BỒN SẼN**

**NGẠ QUỶ MÙ**

**XUẤT GIA CHẴNG BỎ LÒNG THAM**

**NGẠ QUỶ ĂN THỊT CON**

**NGƯỜI XÁU NHƯ QUỶ**

**PHẨM THỨ SÁU : CHƯ THIÊN CÚNG DƯỜNG - HÓA THÂN LÀM RẮN ĐỘC**

**CẬU BÉ ĐƯỢC SINH LÊN CÔI TRỜI**

**HÁI HOA CÚNG PHẬT**

**LIỀU MÌNH QUÉT THÁP PHẬT**

**CÔ GÁI NGHÈO CÚNG PHẬT**

**CHIM KẾT THỈNH PHẬT**

**SỨ GIẢ ĐI THỈNH PHẬT**

**PHẬT ĐỘ TRẬU NƯỚC HUNG DỮ**

**ĐÔI BẠN ĐỒNG TU**

**THIÊN NGẠ NGHE PHÁP**

**PHẨM THỨ BẢY : CHƯ PHẬT RA ĐỜI - THÂN HIỆN SẮC VÀNG**

**MÙI THƠM NƠI THÂN**

**TỰ CÓ OAI ĐỨC**

**SỨC MẠNH TỰ NHIÊN**

**ĐƯỢC NGƯỜI YÊU MẾN**

**LỌNG QUÝ CHE TRÊN ĐÀU**

**TIẾNG NÓI ÊM DỊU**

**MỘT BỌC TRĂM CON**

HẠT CHÂU TRÊN ĐỈNH ĐÀU  
TRANG NGHIÊM THÁP PHẬT  
PHẨM THỨ TÁM : CÁC VỊ TỠ-KHEO NI - ÁNH SÁNG KHI RA ĐỜI  
NGƯỜI LUÔN NO ĐỦ  
ÁO TRẮNG TỰ NHIÊN SINH  
CÓ TÀI HÙNG BIỆN  
VỮ NỮ XIN XUẤT GIA  
SINH RA CÓ ÁO CÀ-SA  
VÒNG NGỌC QUANH TRÁN  
HAI VUA GIẢNG HÒA  
CÔNG CHÚA XÁU XÍ  
TÊN TRỘM XUẤT GIA

PHẨM THỨ CHÍN : CÁC VỊ THANH VĂN - NHỮNG NGƯỜI ĐI BIỂN  
ÁO HOA CHE THÂN  
BÀN TAY VÀNG  
TỠ-KHEO TAM TẶNG  
DA-XOA-MẶT-ĐA  
VỊ TỠ-KHEO HÓA SANH  
CHÚNG BẢO TRANG NGHIÊM  
ÔNG VUA HIẾU CHIẾN  
ÔNG HOÀNG XUẤT GIA  
THÁI TỬ XUẤT GIA

# **PHẨM THỨ MƯỜI : CÁC NHÂN DUYÊN KHÁC - PHẬT ĐỘ NGƯỜI HUNG ÁC**

**MANG THAI SÁU MƯỜI NĂM**

**NGƯỜI KHÔNG CÓ TAY**

**ĐÓI KHỔ SUỐT ĐỜI**

**SANH TỬ KHỔ LẮM THAY!**

**THÂN THỂ ĐẦY UNG NHỌT**

**NGƯỜI XẤU XÍ**

**NGƯỜI KHÔNG THỂ CHẾT**

**HAI CẬU CHÁU**

**ĐẸP HƠN CON VUA**

---o0o---

## **LỜI NÓI ĐẦU**

Cuốn “Một trăm bài kinh Phật” này nguyên bản tiếng Phạn nhan đề là Avadna-Cataka, nằm trong Đại Tạng Kinh, và đã được phiên dịch ra nhiều thứ tiếng như Tây Tạng, Pli, Hán, Pháp...

Bản dịch tiếng Pháp lấy tựa là “Avadna-Cataka ou Cent légendes bouddhiques”, do Léon Feer dịch và phát hành tại nhà sách Ernest Leroux 28 Rue Bonaparte Paris, in xong năm 1891. Trước đây cư sĩ Đoàn Trung Còn đã dịch bản tiếng Pháp này sang tiếng Việt.

Bản chữ Hán nhan đề là “Soạn tập bá duyên kinh”, do ngài Chi Khiêm đời nhà Ngô ở Trung Quốc dịch từ tiếng Phạn.

Đây là một bản kinh Phật đặc sắc, nêu bật lên ý nghĩa nhân quả bằng những truyện tích nhân duyên rất sống động, được thuật lại với nhiều chi tiết thú vị. Và với nội

dung như thế, nên hầu như thích hợp với tất cả mọi tầng lớp, mọi lứa tuổi. Bất cứ ai khi đọc qua một trong những truyện tích này, cũng đều có thể rút ra được những điều cần chiêm nghiệm, suy ngẫm trong cách ứng xử hàng ngày của mình.

Qua những câu truyện tích này, chúng ta hiểu ra một điều đã từ nhiều thế kỷ nay rất quen thuộc đối với mọi người Việt, đó là: “Ở hiền gặp lành”. Đây chính là tinh thần Phật giáo bàng bạc trong dân gian, một thứ đạo lý không cần rút ra từ thiên kinh vạn quyển, mà như một sự chứng nghiệm cụ thể qua những gì tai nghe mắt thấy hàng ngày.

Chính nhờ vậy mà bản dịch của cư sĩ Đoàn Trung Còn trước đây đã được sự đón nhận rất nhiệt tình từ nhiều tầng lớp độc giả khác nhau, từ bậc trí thức uyên thâm cho đến giới bình dân ít học.

Nhưng gần đây, sau khi đối chiếu kỹ giữa bản chữ Hán trong Đại Tạng Kinh với bản dịch của cư sĩ Đoàn Trung Còn, chúng tôi thấy có một số điểm cần sửa chữa, bổ khuyết. Vì thế, chúng tôi không nệ tài hèn sức mọn, đã nỗ lực hết sức để hoàn thiện những gì người đi trước đã làm.

Trên tinh thần đó, chúng tôi cố gắng gìn giữ tối đa bản dịch cũ, nhưng đồng thời cũng so sánh với bản chữ Hán để hoàn chỉnh nội dung hơn so với trước đây.

Như vậy, bản dịch tiếng Việt lần này kết hợp giữa hai bản dịch Pháp văn và Hán văn như đã nói trên. Tuy nhiên, chúng tôi cho in nguyên phần Hán văn kèm theo để tiện việc đối chiếu cho quý vị nào cần đến.

Do sự giới hạn nhất định về trình độ, chắc chắn không thể tránh được ít nhiều sai sót, kính mong các bậc cao minh rộng lòng chỉ giáo.

NHỮNG NGƯỜI THỰC HIỆN

---o0o---

**PHẨM THỨ NHẤT : BỒ-TÁT ĐƯỢC THỌ KÝ - THỈNH PHẬT TỪ PHƯƠNG XA**

Lúc ấy, Phật ở gần thành Vương-xá, trong khu rừng Trúc Lâm.

Bấy giờ về phía Nam, có người bà-la-môn tên là Mãn Hiền, giàu có, của cải tài vật nhiều vô kể. Người này tánh tình nhu thuận, hiền hậu, giàu lòng thương người và rất chuộng việc bố thí. Ông tin và thờ phụng đức Tỳ-sa-môn, đã từng chu cấp, cúng dường cho cả trăm ngàn thầy ngoại đạo, hy vọng nhờ phước ấy mà được sinh lên cõi trời.

Lúc ấy, có một người họ hàng của Mãn Hiền từ thành Vương-xá đến. Ông này đã từng đến lễ Phật, nên ca tụng với Mãn Hiền về công đức của ngôi Tam Bảo: Phật, Pháp, Tăng. Ông nói rằng chính vua Tần-bà-sa-la ở thành Vương-xá cũng qui y theo Phật, và đến cả trăm ngàn người, gồm cả các vị đại thần, trưởng giả, quan thuộc... đều theo gương vua mà theo đạo Phật. Oai đức của Phật khiến cho tất cả mọi người không ai nghe đến mà không hết lòng kính ngưỡng, tán thán.

Ông Mãn Hiền nghe người ấy xưng tụng công đức của Phật thì tự nhiên sinh lòng tin phục, kính ngưỡng. Ông liền lên trên lầu cao, quay mặt về phía thành Vương-xá, quỳ gối tụng các thứ hương hoa, nước sạch lên và cầu thỉnh đức Phật rằng: “Như Lai công đức vô lượng, ngưỡng mong ngài thọ nhận những lễ cúng này, và khiến cho hương thơm bay tỏa khắp thành Vương-xá, hoa thơm hóa thành lọng hoa mà che trên đầu Phật.”

Phát nguyện như vậy rồi, liền thấy những hương hoa cúng Phật tự bay đến thành Vương-xá, khói hương bay tỏa khắp thành Vương-xá, còn hoa thơm thì tụ lại thành một lọng hoa bay đến che trên đầu Phật.

Khi ấy, tôn giả A-nan nhìn thấy sự thần biến như vậy liền thưa hỏi Phật rằng: “Bạch Thế Tôn, chẳng hay những hương hoa này là từ đâu mà đến?”

Đức Thế Tôn đáp rằng: “A-nan! Về phía Nam, ở nước Kim Địa, có người trưởng giả tên là Mãn Hiền. Người ấy từ phương xa mà phát nguyện thỉnh ta với chư tăng đến để cúng dường. Ta nhận lời thọ nhận lễ cúng, vậy chư tỳ-kheo hãy cùng nương thần lực của ta mà đi đến đó!”

Bấy giờ đức Phật và một ngàn vị tỳ-kheo cùng hiện về phương Nam. Nhờ thần lực của Phật, các vị đều thấy như chỉ gần trong gang tấc. Phật lại hiện thần lực khiến



cho một ngàn vị tỳ-kheo đều ẩn hình đi không ai nhìn thấy, duy chỉ thấy một mình ngài ôm bát đến chỗ ông trưởng giả Mãn Hiền.

Bấy giờ ông Mãn Hiền biết Phật đã đến liền cùng với năm trăm người thuộc hạ ra nghênh tiếp, mang theo đủ các thứ thức ăn ngon quý để cúng dường. Ông nhìn thấy đức Thế Tôn với ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, hào quang rạng ngời, sáng hơn cả trăm ngàn mặt trời, dáng đi uy nghi, thanh thoát, đủ vẻ trang nghiêm tốt đẹp, liền đến quỳ lạy dưới chân Phật, thưa rằng: “Lành thay! Nay đức Thế Tôn đã từ bi thương xót mà đến đây thọ nhận phẩm vật cúng dường của con.”

Phật bảo Mãn Hiền rằng: “Người muốn cúng dường ta món chi, cùng với năm trăm thuộc hạ của người nữa, hãy đặt hết thầy vào bình bát của ta đây!”

Mãn Hiền với năm trăm người thuộc hạ vâng lời dạy liền đặt các món thức ăn mang đến vào bình bát của Phật. Rất nhiều các thứ đồ ăn thức uống ngon quý, số dùng cho cả ngàn người, nhưng đặt mãi vào mà bình bát vẫn không đầy.

Do thần lực của đức Thế Tôn, bình bát của một ngàn vị tỳ-kheo khi ấy đều được đầy đủ các món vật thực, rồi các ngài bỗng nhiên hiện hình ra đứng vây quanh đức Phật.

Chứng kiến phép màu nhiệm ấy, ông trưởng giả Mãn Hiền khen là việc chưa từng có, liền lấy hết tâm thành mà lễ bái Phật, phát lời nguyện lớn rằng: “Với phước lành cúng dường vật thực cho Phật và chư tăng hôm nay, nguyện trong đời vị lai tôi sẽ vì những chúng sanh mù lòa mà hóa hiện làm cho mắt sáng, vì những chúng sanh chưa thọ pháp quy y mà giáo hóa cho quy y, vì những chúng sanh không người cứu hộ mà hóa thân cứu hộ cho, vì những chúng sanh chưa được an ổn mà làm cho an ổn, vì những chúng sanh chưa nhập Niết-bàn mà làm cho đều được nhập Niết-bàn.”

Khi ông phát nguyện như vậy rồi thì đức Thế Tôn liền mỉm cười, từ nơi trán, giữa hai lông mày phóng ra một đạo hào quang năm sắc chiếu khắp thế giới, hóa hiện đủ các màu sắc, bay quanh Phật ba vòng rồi lại theo chỗ trên trán Phật mà bay trở vào.

Khi ấy, A-nan bạch Phật rằng: “Như Lai là đáng tôn quý, chẳng vô cớ mà cười bao giờ. Nay vì nhân duyên gì mà Phật mỉm cười, xin giảng giải cho được biết.”

Phật bảo A-nan: “Người có nhìn thấy trưởng giả Mãn Hiền đây cúng dường ta chăng?” A-nan thưa: “Bạch Thế Tôn, con đã thấy.”

Phật nói: “Trái qua ba a-tăng-kỳ kiếp nữa, người này sẽ tu tập đủ các hạnh Bồ-tát, đầy đủ tâm đại bi, sáu phép ba-la-mật, sau cùng sẽ thành Phật, hiệu là Mãn Hiền, hóa độ chúng sanh số lượng nhiều không thể tính đếm. Vì nhân duyên ấy mà ta mỉm cười.”

Khi nghe Phật thuyết nhân duyên thành Phật về sau của ông trưởng giả Mãn Hiền, trong đại chúng có người được đắc quả Tu-đà-hoàn, có người đắc quả Tư-đà-hàm, có người đắc quả A-na-hàm, có người đắc quả A-La-hán. Lại có người phát tâm tu tập thành Bích-chi Phật, lại có người phát tâm vô thượng Bồ-đề.

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## **NGƯỜI CON DÂU KÍNH PHẬT**

Lúc ấy, Phật ở gần thành Tỳ-xá-ly với chư tỳ-kheo, trong vườn hoa gần bờ sông Nhĩ-hầu, nơi giảng đường được xây cất có nhiều tầng. Khi ấy, Phật đắp y mang bát, cùng với chư tỳ-kheo vào thành mà hóa trai, đến nhà một vị trưởng giả tên là Sư Tử.

Vị trưởng giả này có người con dâu tên là Danh Xưng. Cô này nhìn thấy dung nhan của Phật oai nghiêm đẹp đẽ, đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, hào quang rạng chiếu rực rỡ quanh thân, liền lấy làm vui vẻ, hân hoan vô cùng.

Cô hỏi người cha chồng rằng: “Thưa cha! Có cách nào được dung mạo tốt đẹp, trang nghiêm như Phật chăng?”

Ông trưởng giả đáp rằng: “Nếu con có thể tu tập đầy đủ công đức, phát tâm vô thượng Bồ-đề, thì cũng sẽ được thân tướng, dung mạo trang nghiêm đẹp đẽ như đức Thế Tôn vậy.”

Người con dâu nghe rồi liền xin cha một số tiền lớn để thiết hội thỉnh Phật cúng dường. Cô cúng dường Phật xong, lại dùng các thứ hoa quý đẹp trang nghiêm mà tung lên không trung để cúng dường, xưng tán Phật. Những hoa ấy từ trên không trung rơi xuống liền tự kết thành một tán hoa rất lớn mà che trên đỉnh đầu của Phật, tùy khi Phật đi đứng, đều bay theo mà che phía trên Phật.

Cô Danh Xung nhìn thấy phép màu nhiệm ấy, lòng vui mừng không tả xiết, liền sụp xuống chí thành lễ Phật, phát lời đại nguyện rằng: “Nhờ công đức cúng dường hôm nay, trong đời vị lai tôi nguyện sẽ có thể vì những chúng sanh mù lòa mà cứu giúp cho được sáng mắt, vì những chúng sanh chẳng quy y Phật mà độ cho quy y, những chúng sanh không người cứu hộ sẽ được cứu hộ, những chúng sanh không được an ổn sẽ được an ổn, những chúng sanh chưa nhập Niết-bàn sẽ được nhập Niết-bàn.”

Khi ấy, Phật quán sát thấy cô phát lời nguyện lớn như vậy rồi liền mỉm cười, từ nơi trán, giữa hai lông mày phóng ra một đạo hào quang năm sắc chiếu khắp thế giới, hóa hiện đủ các màu sắc, bay quanh Phật ba vòng rồi lại theo chỗ trên trán Phật mà bay trở vào.

Khi ấy, A-nan bạch Phật rằng: “Nhu Lai là đáng tôn quý, chẳng vô cớ mà cười bao giờ. Nay vì nhân duyên gì mà Phật mỉm cười, xin giảng giải cho được biết.”

Phật bảo A-nan: “Ngươi có nhìn thấy cô gái tên Danh Xung đây cúng dường ta chẳng?” A-nan thưa: “Bạch Thế Tôn, con đã thấy.”

Phật nói: “Nay cô gái này đã phát tâm Bồ-đề rộng lớn, nên trải qua ba a-tăng-kỳ kiếp nữa sẽ tu tập đủ các hạnh Bồ-tát, đầy đủ tâm đại bi, sáu phép ba-la-mật, sau cùng thành Phật hiệu là Bảo Ý, hóa độ chúng sanh nhiều vô số. Vì nhân duyên ấy mà ta mỉm cười.”

Khi nghe Phật thuyết nhân duyên thành Phật về sau của cô Danh Xung, trong đại chúng có người được đắc quả Tu-đà-hoàn, có người đắc quả Tu-đà-hàm, có người

đắc quả A-na-hàm, có người đắc quả A-La-hán. Lại có người phát tâm tu tập thành Bích-chi Phật, lại có người phát tâm vô thượng Bồ-đề.

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## **ĐỨA CON LƯỜI BIẾNG**

Lúc ấy, Phật ở gần thành Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp Cô Độc. Trong thành có một người trưởng giả rất giàu có, duy chỉ có một đứa con trai đặt tên là Nan-đà, cực kỳ lười nhác. Cậu chỉ thích nằm dài ra ngủ, chẳng muốn đi đứng hay ngồi dậy khỏi giường. Tuy vậy, cậu thông minh, sáng trí lắm, chỉ nằm đó mà nghe đọc các thứ kinh sách là có thể hiểu thấu nghĩa lý, không có điều chi không biết.

Người cha thấy cậu bé thông minh, luận giải kinh luận đều thông thạo, liền tự nghĩ rằng: “Thằng bé này thông minh xuất chúng, ta nên đón thầy ngoại đạo Phú-lan-na, và các thầy ngoại đạo khác đến dạy dỗ cho nó.”

Nghĩ như vậy rồi, liền bày biện các món ngon vật lạ cúng dường trọng thể, mời thỉnh các thầy ngoại đạo đến. Khi các thầy ăn uống đã xong, ông mới thưa rằng: “Tôi chỉ có một đứa con trai duy nhất, tánh tình lười nhác hết mức, chỉ muốn nằm ngủ hoài, chẳng muốn ngồi dậy. Nay nhờ các thầy dạy dỗ cho, giúp nó được thông thạo kinh luận, thay đổi tính nết mà nổi được nghiệp nhà.”

Bấy giờ sáu thầy ngoại đạo cùng nhau đến chỗ cậu bé. Cậu biết các thầy đến nhưng cứ nằm lì chẳng chịu dậy, huống gì nói đến chuyện mời các thầy ngồi. Ông trưởng giả thấy như vậy thì trong lòng buồn khổ, âu sầu vô hạn.

Khi ấy, đức Thế Tôn dùng tâm đại bi thương xót mà quán sát hết thấy chúng sanh, thường đến những nơi khổ não mà thuyết pháp độ sinh. Phật thấy ông trưởng giả vì thương con mà âu sầu, khổ não, liền cùng với chư tỳ-kheo đi đến nhà ấy.

Khi Phật vừa bước vào nhà thì cậu bé lười nhác bỗng nhiên vùng dậy, lẩy ghế mời Phật ngồi. Cậu đối trước Phật lễ bái rồi đứng hầu sang một bên.

Phật liền vì cậu bé mà thuyết pháp cho nghe, lại quở trách sự lười nhác của cậu. Cậu bé nghe rồi tự biết hối cải, sanh lòng tin sâu, kính ngưỡng Phật.

Bấy giờ, Phật trao cho cậu bé một cây gậy quý bằng gỗ chiên-đàn, nói rằng: “Nếu người chịu phát khởi lòng tinh tấn chuyên cần, dùng gậy này mà gõ xuống, sẽ phát ra âm thanh hay lạ. Người nghe được âm thanh ấy, có thể nhìn thấy trân bảo, châu báu ẩn chứa trong lòng đất.”

Cậu bé nghe lời Phật dạy thì liền làm theo. Cậu lấy gậy mà gõ xuống đất, nghe được những âm thanh hay lạ, nghe rồi liền nhìn thấy được những trân bảo, châu báu nằm sâu trong lòng đất. Cậu thấy được như vậy rồi thì hết sức vui mừng, liền tự nghĩ rằng: “Ta nghe lời dạy của đức Thế Tôn, chỉ mới siêng năng dụng công đôi chút mà đã được sự lợi ích chưa từng có, huống hồ hết lòng siêng năng, chuyên cần mà làm việc.”

Nghĩ như vậy rồi, ít lâu sau cậu liền quyết định sẽ khởi sự lên đường ra biển mà tìm trân bảo, châu báu. Vị thiếu niên ấy truyền rao khắp thành Xá-vê tuyên mộ người theo mình cùng đi ra biển tìm trân bảo. Chàng tìm được rất nhiều châu báu, lại đưa tất cả mọi người an toàn trở về nhà.

Khi ấy, chàng liền bày biện đủ các thứ trân bảo quý giá cùng nhiều món ăn ngon lạ, tinh khiết, thỉnh Phật và chư tăng đến để cúng dường.

Bấy giờ Phật cùng chư tỷ-kheo liền đến thọ nhận lễ cúng dường của cậu bé lười nhác ngày trước. Thọ cúng dường xong, lại vì chàng mà thuyết pháp cho nghe. Nghe pháp rồi dứt sạch lòng tham lam, sân hận, liền mang nhiều trân bảo quý giá tung lên hư không mà cúng dường Phật. Những trân bảo quý giá ấy liền tụ lại trên không thành một cái tán lớn mà bay theo che bên trên Phật.

Chàng thiếu niên nhìn thấy sự biến hóa nhiệm màu ấy lại càng tin sâu Tam bảo, chí thành lễ Phật mà phát lời nguyện lớn rằng: “Nhờ công đức cúng dường hôm nay, trong đời vị lai tôi nguyện sẽ có thể vì những chúng sanh mù lòa mà cứu giúp cho được sáng mắt, vì những chúng sanh chẳng quy y Phật mà độ cho quy y, những chúng sanh không người cứu hộ sẽ được cứu hộ, những chúng sanh không được an ổn sẽ được an ổn, những chúng sanh chưa nhập Niết-bàn sẽ được nhập Niết-bàn.”

Chàng phát nguyện rồi, đức Phật liền mỉm cười, từ nơi trán, giữa hai lông mày phóng ra một đạo hào quang năm sắc, bay quanh Phật ba vòng rồi lại theo chỗ trên trán Phật mà bay trở vào.

Khi ấy, A-nan bạch Phật rằng: “Nhu Lai là đáng tôn quý, chẳng vô cớ mà cười bao giờ. Nay vì nhân duyên gì mà Phật mỉm cười, xin giảng giải cho được biết.”

Phật bảo A-nan: “Người có nhìn thấy cậu bé lười nhác ngày trước giờ đây phát tâm cúng dường ta chăng?” A-nan thưa: “Bạch Thế Tôn, con đã thấy.”

Phật nói: “Cậu bé này trải qua ba a-tăng-kỳ kiếp nữa sẽ thành Phật hiệu là Tinh Tấn Lực, hóa độ chúng sanh nhiều vô số. Vì nhân duyên ấy mà ta mỉm cười.”

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## **NGƯỜI KHÁCH THƯƠNG**

Lúc ấy, Phật ở gần thành Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp Cô Độc. Trong thành có một nhà buôn lớn, cùng với 500 người khác cùng chở hàng hóa đi buôn xa bằng đường biển. Thuyền ra biển cả bị sóng đánh chìm, may mắn sống được mà về. Người ấy liền ngày đêm cầu khẩn, cúng vái các vị thần linh để cầu sự che chở. Rồi sắp xếp ra biển, lại bị chìm thuyền. Đến ba lần như vậy, cũng không có lần nào an ổn.

Khi ấy, người thương chủ nhờ may mắn mà sống sót mấy lần, trở về được nơi thành Xá-vệ, trong lòng sanh ra âu sầu áo não, liền suy nghĩ rằng: “Ta nghe có đức Phật Thế Tôn là bậc sáng suốt, trong cõi trời người chẳng ai bằng, lòng thường thương xót cứu hộ hết thảy chúng sanh. Nay ta nên chí thành xưng danh hiệu ngài, nguyện rằng nếu được đi về bình an thì sẽ lấy một nửa số châu báu kiếm được mà cúng dường ngài.”

Nghĩ như vậy rồi, liền sắp đặt thuyền ra khơi lần nữa. Lần này, ông chí thành niệm danh hiệu Phật mà cầu được an ổn trở về. Quả nhiên, lần ấy ông đi về bình an vô sự, mang về được rất nhiều trân bảo, châu báu.

Về nhà rồi, ông mang những của báu kiếm được ra ngắm nghía, tâm tham lam nổi lên, không thể dứt lòng mà mang phân nửa số châu báu đi cúng Phật. Ông liền nghĩ rằng: “Nếu không mang phân nửa số châu báu này đi cúng Phật thì trái lời đã hứa. Chi bằng ta mang phân nửa số châu báu này mà bán cho vợ ta, lấy hai đồng bạc, rồi mang hai đồng bạc ấy mua hương mang đến tinh xá Kỳ Hoàn mà đốt lên cúng dường Phật, cũng xem như giữ được lời hứa trước.”

Nghĩ rồi làm y như vậy. Người ấy mua hai đồng bạc hương và đi đến tinh xá Kỳ Hoàn, đốt hương cúng dường Phật. Khi ấy, Phật dùng thần lực làm cho khói hương bay lên hóa thành những đám mây hương lớn, che phủ khắp vùng tinh xá Kỳ Hoàn.

Người thương chủ ấy thấy sự thần biến như vậy, lòng tự hối trách, suy nghĩ rằng: “Đức Như Lai Thế Tôn thật có thần biến, hiện phép màu nhiệm xưa nay ta chưa từng được thấy. Nhờ sức thần hộ niệm của ngài mà ta được yên ổn đi về, thu hoạch nhiều châu báu. Nay ta lại sanh lòng tham tiếc nhỏ nhen, không muốn mang châu báu đến cúng dường ngài, thật đáng xấu hổ.”

Nghĩ như vậy rồi, ông liền quỳ xuống chí thành thỉnh Phật và chư tăng cùng đến thọ lễ cúng dường ở nhà ông. Phật nhận lời.

Ngày hôm sau, ông chuẩn bị mọi thứ chu đáo, lại sai người đến mời thỉnh một lần nữa. Phật và chư tăng cùng đến nhà ông thọ lễ cúng dường. Xong lễ, Phật lại vì ông mà thuyết pháp cho nghe. Ông nghe pháp rồi lòng tham lam trừ dứt, liền mang những trân bảo quý báu ra mà ném lên hư không để cúng dường Phật. Những trân bảo quý báu ấy bỗng nhiên tụ lại trên hư không thành một cái lọng báu rất lớn, bay che bên trên đức Phật.

Người thương chủ thấy sự biến hóa kỳ diệu như vậy, liền chí thành lễ Phật, phát lời nguyện lớn rằng: “Nhờ công đức cúng dường hôm nay, trong đời vị lai tôi nguyện sẽ có thể vì những chúng sanh mù lòa mà cứu giúp cho được sáng mắt, vì những chúng sanh chẳng quy y Phật mà độ cho quy y, những chúng sanh không người

cứu hộ sẽ được cứu hộ, những chúng sanh không được an ổn sẽ được an ổn, những chúng sanh chưa nhập Niết-bàn sẽ được nhập Niết-bàn.”

Phát nguyện vừa xong, đức Phật liền mỉm cười, từ nơi trán, giữa hai lông mày phóng ra một đạo hào quang năm sắc, bay quanh Phật ba vòng rồi lại theo chỗ trên trán Phật mà bay trở vào.

Khi ấy, A-nan bạch Phật rằng: “Nhu Lai là đáng tôn quý, chẳng vô cớ mà cười bao giờ. Nay vì nhân duyên gì mà Phật mỉm cười, xin giảng giải cho được biết.”

Phật bảo A-nan: “Người có nhìn thấy người thương chủ đây phát tâm hối hận, tự trách rồi cúng dường ta chăng?” A-nan thưa: “Bạch Thế Tôn, con đã thấy.”

Phật nói: “Người thương chủ này nhờ công đức cúng dường ta, không còn phải đọa vào trong ba nẻo ác: địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Thường sanh nơi cõi trời, hưởng nhiều sự khoái lạc. Trải qua ba a-tăng-kỳ kiếp nữa sẽ thành Phật hiệu là Bảo Thanh, hóa độ chúng sanh nhiều vô số. Vì nhân duyên ấy mà ta mỉm cười.”

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## **NGƯỜI THỢ DỆT**

Lúc ấy, Phật ở gần thành Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp Cô Độc. Trong thành có một người thợ dệt tên Tu-ma, rất nghèo túng, chỉ chuyên dệt thuê cho người khác lấy tiền công.

Người ấy làm bữa nào ăn bữa nấy, chẳng dành dụm được gì, bèn tự nghĩ rằng: “Ngày trước chắc ta không làm việc bố thí, nên nay mới bần cùng, khôn khó thế này! Nếu giờ đây cũng không biết bố thí, làm việc lành tạo phước về sau, chắc rồi cũng không khỏi sự nghèo khổ bần cùng mãi mãi. Nay có đức Thế Tôn tại thế, ta nên cố gắng cúng dường cho ngài ít nhiều để tạo chút phước đức về sau.”



Nghĩ như vậy rồi, một hôm nhân dệt vải cho ông trưởng giả kia, được một mảnh vải thừa. Trên đường mang về nhà thì gặp Phật với chư tỳ-kheo đang đi khát thực trong thành, ông liền đến trước Phật lễ bái, phát tâm cúng dường mảnh vải ấy.

Phật thấy người thợ dệt nghèo ấy phát tâm cúng dường một mảnh vải, thì liền đưa chỗ rách trên tấm y của ngài ra. Khi ấy, do thần lực của Phật, tấm vải bỗng nhiên bay đến đắp vào chỗ rách, làm cho tấm y lành lặn như mới.

Người thợ dệt thấy Phật hiện phép thần biến nhiệm mầu như vậy thì sanh lòng kính ngưỡng, tin sâu tam bảo. Ông liền chí thành lễ Phật rồi đọc một bài kệ để bày tỏ tâm nguyện lớn lao của mình. Kệ rằng:

Của cúng dường tuy ít,  
Gieo vào ruộng phước lớn.  
Nay cúng dường Thế Tôn,  
Nguyện sau này thành Phật.  
Độ hết thầy chúng sanh,  
Số lượng nhiều vô kể.  
Thế Tôn oai đức lớn,  
Xin chứng tri việc này.

Khi ấy, Phật liền đọc kệ đáp lại rằng:

Người nay cúng dường ta,  
Lòng thành kính bố thí,  
Ngày sau sẽ thành Phật,  
Danh hiệu là Thập Diên,  
Mười phương đều nghe biết,  
Độ vô số chúng sanh.

Người thợ dệt phát nguyện rồi, đức Phật liền mỉm cười, từ nơi trán, giữa hai lông mày phóng ra một đạo hào quang năm sắc, bay quanh Phật ba vòng rồi lại theo chỗ trên trán Phật mà bay trở vào.

Khi ấy, A-nan bạch Phật rằng: “Nhu Lai là đáng tôn quý, chẳng vô cớ mà cười bao giờ. Nay vì nhân duyên gì mà Phật mỉm cười, xin giảng giải cho được biết.”

Phật bảo A-nan: “Ngươi có nhìn thấy người thợ dệt nghèo tên Tu-ma đây phát tâm cúng dường mảnh vải cho ta, rồi phát lời nguyện lớn sẽ thành Phật chăng?” A-nan thưa: “Bạch Thế Tôn, con đã thấy.”

Phật nói: “Ông Tu-ma đây, cúng dường ta một mảnh vải, về sau sẽ thành Phật hiệu là Thập Diên, hóa độ chúng sanh nhiều vô số. Vì nhân duyên ấy mà ta mỉm cười.”

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## **NGƯỜI BỆNH NẶNG**

Lúc ấy, Phật ở gần thành Xá-vệ cùng với chư tỳ-kheo, trong vườn Kỳ thọ Cấp Cô Độc. Tại thành Xá-vệ, có một ông trưởng giả tên là Bà-trì-gia, giàu có nhưng tâm địa cực ác, thường chẳng thân thiện gần gũi với ai. Tuy vậy, ông lại có lòng kính ngưỡng phụng sự sáu thầy ngoại đạo.

Ngày kia, ông mắc bệnh trầm trọng, không có ai chăm sóc thuốc thang cho, mạng sống rất nguy kịch. Ông liền tự nghĩ rằng: “Ta nay thọ bệnh, khốn khổ cùng cực như thế này, nếu ai có thể cứu được mạng sống của ta, ta sẽ trọn đời hầu hạ phụng sự người ấy.” Ông lại nghĩ tiếp rằng: “Chỉ có Phật Thế Tôn mới có thể cứu được mạng ta mà thôi.” Nghĩ như vậy rồi liền sanh lòng khát ngưỡng, mong mỏi được thấy Phật.

Đức Phật thường lấy tâm đại bi ngày đêm quán sát hết thấy chúng sanh, thấy biết những ai đang gặp khổ não thì ngài hiện đến tùy duyên cứu giúp, thuyết pháp cho nghe khiến được hoan hỷ thân tâm, nếu đang đọa trong nẻo ác, cũng khiến cho lìa khỏi đó mà sinh vào chôn trời người, được thành đạo quả.

Khi ấy, Phật nhìn thấy ông trưởng giả đang khốn khổ vì bệnh tật, không có ai chăm sóc, nuôi dưỡng, ngài liền phóng hào quang chiếu đến nơi thân người bệnh, khiến cho thân thể được khoan khoái, mát mẻ, tâm liền tỉnh ngộ, vui mừng khôn xiết. Ông trưởng giả Bà-trì-gia khi ấy liền phủ phục lễ bái quy vọng đến chỗ Phật.

Lúc đó, đức Thế Tôn biết rằng thiện căn của Bà-trì-gia đã thành thực, có thể được giáo hóa. Ngài liền hiện đến nơi nhà ông trưởng giả này. Khi ấy, ông liền vùng dậy, chấp tay cung kính đón rước Phật lên chỗ ngồi.

Phật hỏi Bà-trì-gia rằng: “Người nay chịu bệnh khổ, có biết ở nơi đâu không?” Ông đáp rằng: “Con nay chịu khổ não ở cả nơi thân và tâm.”

Phật liền nghĩ rằng: “Ta từ nhiều kiếp đến nay từng tu hạnh từ bi, nguyện trị lành tất cả bệnh khổ nơi thân và tâm của chúng sanh.” Bấy giờ, Đệ-thích biết được ý nghĩ của Phật, liền bay đến Hương Sơn, lấy loại cỏ thuốc tên là bạch nhũ, mang về dâng lên cho Phật. Phật nhận cỏ thuốc rồi trao cho Bà-trì-gia, bảo uống hết vào. Bệnh liền được khỏi, thân tâm khoái lạc. Ông này đối trước Phật sanh lòng tin phục gấp bội phần, liền vì Phật và chư tỳ-kheo tặng mà chuẩn bị các món ăn ngon lạ để cúng dường. Xong, lại dùng một chiếc áo tốt rất đẹp đẽ, giá trị trăm ngàn lượng vàng mà dâng cúng.

Ông lại phát nguyện lớn rằng: “Nhờ công đức cúng dường Phật và chư tỳ-kheo tặng, nguyện cho tôi về sau cũng trị được các bệnh khổ nơi thân và tâm của tất cả chúng sanh, làm cho được an lạc, giống như ngày nay Thế Tôn đã trị dứt bệnh khổ nơi thân và tâm của tôi, làm cho được an lạc.”

Khi ông phát nguyện như vậy rồi, đức Phật liền mỉm cười, từ nơi trán, giữa hai lông mày phóng ra một đạo hào quang năm sắc, bay quanh Phật ba vòng rồi lại theo chỗ trên trán Phật mà bay trở vào.

Khi ấy, A-nan bạch Phật rằng: “Như Lai là đáng tôn quý, chẳng vô cớ mà cười bao giờ. Nay vì nhân duyên gì mà Phật mỉm cười, xin giảng giải cho được biết.”

Phật bảo A-nan: “Người có nhìn thấy người trưởng giả đây sau khi khỏi bệnh phát tâm cúng dường ta và chư tăng hay chăng?” A-nan thưa: “Bạch Thế Tôn, con đã thấy.”

Phật nói: “Về sau người này sẽ thành Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni, rộng độ chúng sanh nhiều vô số. Vì nhân duyên ấy mà ta mỉm cười.”

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## **MỘT CẢNH HOA**

Lúc ấy, Phật ở gần thành Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp Cô Độc. Khi chưa gặp Phật, vua Ba-tư-nặc theo ngoại đạo, thường cúng dường và nguyện vái các vị thiên thần ngoại đạo. Đến khi Phật thành chánh giác, muốn hóa độ vua Ba-tư-nặc nên mới đáp y mang bát đến chỗ vua mà khất thực

Vua nghe biết Phật đi đến, liền ra nghinh đón, thấy Phật oai nghi rực rỡ, hào quang rạng chiếu, lòng sinh ra hoan hỷ, khoái lạc vô cùng, liền thỉnh Phật ngồi, rồi sai người bày biện đủ các thứ món ngon vật lạ mà cúng dường Phật.

Phật thọ lễ cúng dường xong liền vì vua Ba-tư-nặc mà thuyết pháp, khiến vua sinh tâm tín phục, kính ngưỡng Phật pháp mà lìa bỏ việc thờ cúng ngoại đạo thiên thần. Từ đó về sau, vua hết lòng mộ đạo, mỗi ngày lễ Phật đến ba lần.

Một hôm, người giữ vườn cho vua cắt được một cành hoa đẹp trong vườn, liền mang ra phố. Một người ngoại đạo trông thấy, hỏi rằng: “Này ông, ông bán cành hoa ấy không?” Người làm vườn đáp: “Bán!” Người kia liền bước tới trả giá định mua. Bỗng có ông trưởng giả Tu-đạt đến, cũng muốn mua nên trả giá cao lên gấp đôi. Người ngoại đạo không chịu thua, cũng tăng giá lên nữa. Hai người đều quyết lòng mua cho được cành hoa, nên trả giá dần lên tới một trăm ngàn lượng vàng.

Người làm vườn khi ấy tự nghĩ rằng: “Ông Trưởng giả Tu-đạt đây không phải là người nông nổi. Nay ông ấy quyết lòng mua như vậy, chắc là có duyên có chi đây.” Nghĩ như vậy rồi, liền mới hỏi người ngoại đạo rằng: “Tại sao ông trả giá cao đến như vậy?” Người kia đáp: “Tôi quyết mua đặng dâng cho thần Na-la-diên.” Lại quay sang hỏi ông trưởng giả Tu-đạt, ông nói: “Tôi quyết mua để cúng dường Phật.”

Người làm vườn nghe vậy hỏi: “Phật là ai vậy?” Ông trưởng giả Tu-đạt liền giảng nói tường tận công đức của đức Phật Thế Tôn. Người làm vườn nghe rồi liền phát

nguyện rằng: “Dẫu trăm ngàn lượng vàng, nay tôi cũng quyết không bán nữa, chỉ để tự mình mang đến cúng dường Phật.” Ông Tu-đạt nghe vậy thì vui mừng khôn xiết, liền đưa người làm vườn đến chỗ tinh xá của Phật.

Người giữ vườn nhìn thấy Đức Thế Tôn trang nghiêm rực rỡ với ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, hào quang sáng ngời, liền dâng cành hoa lên trước Phật để cúng dường. Nhờ sức thần của Phật, cành hoa liền hóa thành một lọng hoa lớn che bên trên Phật.

Người giữ vườn nhìn thấy phép màu ấy, liền phủ phục xuống, chí thành lễ bái Phật và phát lời nguyện lớn rằng: “Nhờ công đức cúng dường cành hoa hôm nay, trong đời vị lai tôi nguyện sẽ có thể vì những chúng sanh mù lòa mà cứu giúp cho được sáng mắt, vì những chúng sanh chẳng quy y Phật mà độ cho quy y, những chúng sanh không người cứu hộ sẽ được cứu hộ, những chúng sanh không được an ổn sẽ được an ổn, những chúng sanh chưa nhập Niết-bàn sẽ được nhập Niết-bàn.”

Khi người ấy phát nguyện rồi, đức Phật liền mỉm cười, từ nơi trán, giữa hai lông mày phóng ra một đạo hào quang năm sắc, bay quanh Phật ba vòng rồi lại theo chỗ trên trán Phật mà bay trở vào.

Khi ấy, A-nan bạch Phật rằng: “Như Lai là đáng tôn quý, chẳng vô cớ mà cười bao giờ. Nay vì nhân duyên gì mà Phật mỉm cười, xin giảng giải cho được biết.”

Phật bảo A-nan: “Người có nhìn thấy người giữ vườn dâng cành hoa cúng dường ta chăng? Nhờ công đức ấy, trải qua ba a-tăng-kỳ kiếp nữa người này sẽ thành Phật hiệu là Hoa Thạnh, hóa độ chúng sanh nhiều vô số. Vì nhân duyên ấy mà ta mỉm cười.”

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## **MỘT CUỘC THỀ NGUYỆN**

Lúc ấy, Phật ở gần thành Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp Cô Độc. Tại thành Xá-vệ, có hai vị Phạm-chí, một người tin sâu pháp Phật, thường ca ngợi tán thán công đức của đức Như Lai là cao quý nhất, trong ba cõi chẳng ai bằng được, người kia thì lạc theo tà kiến, tôn sùng các vị sư ngoại đạo như Phú-lan-na..., cho rằng các sư ngoại đạo này là cao quý hơn hết, chẳng ai bằng được.

Người tin theo nhóm ngoại đạo Phú-lan-na bảo rằng: “Các vị thầy như Phú-lan-na có thần lực cao trội hơn Phật nhiều.” Người tin theo Phật bảo rằng: “Đức Phật Thế Tôn là đáng giác ngộ hoàn toàn, trọn vẹn, có thần lực cao trội nhất.” Hai người chẳng ai nhường ai, tranh cãi mãi không dứt.

Bấy giờ, hai người này tranh cãi nhau rất kịch liệt. Ai cũng cho là mình nói đúng. Có người đem chuyện ấy nói đến tai vua Ba-tư-nặc. Vua liền cho triệu cả hai người đến mà hỏi nguyên do.

Cả hai đều nói rằng vị thầy mà mình tin theo là có thần lực cao trội hơn hết. Vua liền phán: “Mỗi người trong các người đều tự cho mình là đúng, không thể phân xử được. Nay ta ra một kỳ hạn là bảy ngày, sẽ lập một hội thề mà thử nghiệm xem ai nói đúng. Nơi hội thề đó, mỗi người sẽ tự đốt hương, dâng hoa và rải nước mà thỉnh nguyện bậc thầy của mình đến dự hội.”

Hai vị Phạm-chí nghe vua phán rồi đều lui về lo sắm sửa lễ vật hương hoa.

Đúng bảy ngày, vua Ba-tư-nặc truyền tụ họp dân chúng số đông đến muôn ngàn người cùng đến chứng kiến. Khi ấy, trước mặt dân chúng, hai vị Phạm-chí liền cùng nhau lập nguyện mà khấn cùng vị thầy mà mình tin theo.

Vị tin theo các sư ngoại đạo như Phú-lan-na... bước ra trước, đốt hương, tung hoa và rải nước lên không trung, nguyện rằng: “Nếu quả Phú-lan-na với mấy vị giáo chủ kia là cao hơn hết, thì nguyện cho hoa, hương, với nước này bay đến chỗ các vị, khiến cho các vị được biết ý nguyện của tôi mà đến dự hội này. Nếu như các vị chẳng có thần lực gì, thì khiến cho các hương hoa lễ vật này vẫn ở yên nơi đây.” Người vừa dứt lời thì hoa rơi trên đất, hương tắt lửa và nước đổ xuống đất hết.

Mọi người ai nấy đều chứng kiến như vậy, liền nói với nhau rằng: “Phú-lan-na với mấy ông thầy ngoại đạo kia thật chẳng có thần lực chi cả, lâu nay uổng nhận sự cúng dường của nhân dân trong nước.”

Lúc bấy giờ, vị Phạm-chí tin Phật mới bước ra trước chúng hội, lấy hương hoa và nước sạch mà tung lên không trung, nguyện rằng: “Nếu đấng Như Lai thật có thần lực, xin cho các thứ hương hoa, nước sạch này đều bay đến chỗ của ngài, khiến cho ngài biết được ý nguyện của tôi mà đến dự hội này.” Phát nguyện vừa xong, khói hương liền bay tỏa ra khắp thành Xá-vệ, những hoa mà người tung lên cũng bay lên không trung, hóa thành một cái lọng hoa lớn bay thẳng đến chỗ Phật, che bên trên Phật. Nước rảy lên không trung cũng hóa thành trong suốt như lưu ly mà bay đến rưới xuống trước chỗ Phật. Rồi đức Thế Tôn với chúng tỳ-kheo đều hiện lại trước chúng hội. Bấy giờ mọi người ai ai cũng trông thấy, khen là việc chưa từng có, thấy đều sinh lòng tin sâu nơi Phật pháp, lìa bỏ không còn tin theo các thầy ngoại đạo nữa.

Vị Phạm-chí ấy thấy lời nguyện của mình được thành tựu liền phủ phục lễ bái trước Phật, phát lời nguyện lớn rằng: “Nhờ công đức dâng hương hoa cúng dường hôm nay, trong đời vị lai tôi nguyện sẽ có thể vì những chúng sanh mù lòa mà cứu giúp cho được sáng mắt, vì những chúng sanh chẳng quy y Phật mà độ cho quy y, những chúng sanh không người cứu hộ sẽ được cứu hộ, những chúng sanh không được an ổn sẽ được an ổn, những chúng sanh chưa nhập Niết-bàn sẽ được nhập Niết-bàn.”

Khi vị ấy phát nguyện rồi, đức Phật liền mỉm cười, từ nơi trán, giữa hai lông mày phóng ra một đạo hào quang năm sắc, bay quanh Phật ba vòng rồi lại theo chỗ trên trán Phật mà bay trở vào.

Khi ấy, A-nan bạch Phật rằng: “Như Lai là đấng tôn quý, chẳng vô cớ mà cười bao giờ. Nay vì nhân duyên gì mà Phật mỉm cười, xin giảng giải cho được biết.”

Phật bảo A-nan: “Người có nhìn thấy vị Phạm-chí này dâng hương hoa cúng dường ta chẳng?” A-nan thưa: “Bạch Thế Tôn, con đã thấy.”

Phật nói: “Vị Phạm-chí này trải qua ba a-tăng-kỳ kiếp nữa sẽ thành Phật hiệu là Bất Động, hóa độ chúng sanh nhiều vô số. Vì nhân duyên ấy mà ta mỉm cười.”

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## **PHẬT ĐỘ HAI VUA XUẤT GIA**

Lúc ấy, Phật ở gần thành Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp Cô Độc. Bấy giờ, vua nước Băncá-la miền Bắc và vua nước Băncá-la miền Nam đánh nhau luôn, hại mạng nhân dân hai nước rất nhiều.

Vua Ba-tư-nặc ở thành Xá-vệ, nước Câu-tát-la thấy hai nước tranh nhau nhiều hại dân chúng, không ai ngăn cản hòa giải được, liền đến chỗ Phật, lạy chào và thưa rằng: “Bạch Thế Tôn ! Ngài là đấng Pháp vương cao trời chẳng có ai hơn. Ngài là đấng cứu nạn cứu khổ cho chúng sanh và giải hòa cho những kẻ ghét nghịch nhau. Lúc này, vua nước Băncá-la miền Bắc đang đánh nhau với vua nước Băncá-la miền Nam, giết hại rất nhiều sinh mạng. Xin ngài từ bi giải hòa cho sự tranh chấp ấy.”

Đức Thế Tôn lặng thinh nhận lời thỉnh cầu của vua Ba-tư-nặc.

Vua biết rằng Phật đã nhận lời, nên bèn cúi lạy và lui ra.

Hôm sau, đức Thế Tôn thức dậy sớm, đắp y, ôm bình bát đi qua thành Ba-la-nại. Đến nơi, ngài trụ trong vườn Lộc. Hai vị vua đều hay tin đức Phật đến đó.

Khi ấy, cả hai vua đang chuẩn bị quân binh mạnh mẽ, sắp sửa cùng nhau giao chiến. Vua nước Băncá-la miền Bắc khi dàn binh ra rồi bỗng nhiên thấy khiếp sợ, bèn đi trên một cái xe đến hầu chỗ Phật.

Đức Thế Tôn liền thuyết pháp với vua rằng: “Này đại vương, ở đời chẳng có chi là thường tồn cả. Kẻ lên cao lắm ắt có ngày cũng phải rơi xuống thấp. Việc dẫu có kéo dài rồi cũng phải có lúc chấm dứt. Có sinh ra ắt có ngày chết đi, có hợp lại ắt có lúc ly tán vậy.”



Vua nghe Phật thuyết pháp xong, tâm ý khai mở, liền đắc quả Tu-đà-hoàn. Vua đối trước Phật xin được xuất gia nhập đạo. Phật nói: “Lành thay đó, tỳ-kheo!” Liền đó, râu tóc của vua tự nhiên rụng mất, y phục trên người hóa thành cà-sa, tức nhiên trở thành một vị tỳ-kheo oai nghi đức hạnh. Sau đó, nhờ tinh cần tu tập mà không bao lâu được chứng quả A-La-hán.

Vua xứ Băc-cá-la miền Nam nghe việc Phật đã độ cho vua kia xuất gia, được giải thoát không còn lo buồn, sợ sệt, tâm ý thanh thoát an nhiên, liền ngự giá đến chỗ Phật mà đánh lễ nơi chân Phật, rồi ngồi sang một bên nghe Phật thuyết pháp. Nghe pháp xong, lòng vua vô cùng vui sướng, liền thỉnh Phật với chư tỳ-kheo vào hoàng thành để cúng dường. Phật nhận lời.

Vua liền trở về soạn sửa các món cúng dường rất trọng hậu mà phụng cúng Phật với chư tỳ-kheo tăng. Lễ cúng dường xong, vua liền đối trước Phật lễ bái mà phát lời nguyện lớn rằng: “Nhờ công đức cúng dường hôm nay, trong đời vị lai tôi nguyện sẽ có thể vì những chúng sanh mù lòa mà cứu giúp cho được sáng mắt, vì những chúng sanh chẳng quy y Phật mà độ cho quy y, những chúng sanh không người cứu hộ sẽ được cứu hộ, những chúng sanh không được an ổn sẽ được an ổn, những chúng sanh chưa nhập Niết-bàn sẽ được nhập Niết-bàn.”

Khi vua phát nguyện rồi, đức Phật liền mỉm cười, từ nơi trán, giữa hai lông mày phóng ra một đạo hào quang năm sắc, bay quanh Phật ba vòng rồi lại theo chỗ trên trán Phật mà bay trở vào.

Khi ấy, A-nan bạch Phật rằng: “Nhu Lai là đáng tôn quý, chẳng vô cớ mà cười bao giờ. Nay vì nhân duyên gì mà Phật mỉm cười, xin giảng giải cho được biết.”

Phật bảo A-nan: “Người có nhìn vua Bàn-giá-na phát tâm cúng dường ta chẳng?”  
A-nan thưa: “Bạch Thế Tôn, con đã thấy.”

Phật nói: “Nhờ công đức cúng dường này, từ nay về sau sẽ không còn đọa vào ba nẻo ác, sinh ra trong chốn trời người thường hưởng nhiều khoái lạc. Trải qua ba a-tăng-kỳ kiếp nữa sẽ thành Phật hiệu là Vô Thắng, hóa độ chúng sanh nhiều vô số. Vì nhân duyên ấy mà ta mỉm cười.”

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## TRƯỞNG GIẢ LÀM VUA BẢY NGÀY

Lúc ấy, Phật ở gần thành Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp Cô Độc. Vua nước Câu-tát-la là Ba-tư-nặc và vua nước Ma-kiệt-đề là A-xà-thế đang đánh nhau.

Khi ấy, cả hai vua đều có đủ bốn đoàn quân là: quân cưỡi voi, quân cưỡi ngựa, quân dùng xe và quân đánh bộ. Vua Ba-tư-nặc ra quân thất bại, thua to đến ba lần. Vua chạy trở về nước Câu-tát-la, vào trong thành nội lo rầu phiền muộn, bỏ ăn mất ngủ, đêm ngày lo nghĩ.

Bấy giờ, tại thành Xá-vệ có một người trưởng giả giàu có, vàng bạc châu báu nhiều không kể xiết. Nghe chuyện vua Ba-tư-nặc thất trận trở về phiền muộn trong thành, liền đến tâu với vua rằng: “Tâu bệ hạ! Kẻ hèn này sẵn có nhiều vàng bạc châu báu, xin dâng bệ hạ tùy nghi sử dụng. Có thể lấy đó để tuyển mộ thêm binh lính, mua nhiều ngựa tốt, lại cùng với nước kia giao chiến nữa mà dành phần thắng. Có gì mà bệ hạ phải buồn bực như vậy?”

Vua Ba-tư-nặc liền nhận lời. Ông trưởng giả mang hết vàng bạc châu báu dâng lên cho vua, vua lấy đó mà tuyển mộ rất đông quân binh, mua thêm nhiều ngựa tốt. Lại cho người đi khắp nước mà cầu bậc mưu sĩ ra giúp.

Bấy giờ, có một vị tướng giỏi nghe lời hiệu triệu của vua mà đến giúp, nhân đi qua cửa thành nghe có hai vị tướng sĩ cùng nhau luận bàn về binh pháp. Một người nói rằng: “Phép dùng binh nên chọn những quân binh hùng mạnh nhất cho đi trước, những quân binh bậc trung thì đi giữa, còn những quân yếu nhất thì cho đi sau hết.” Vị tướng nghe rồi, khi đến chầu vua liền thuật lại như vậy.

Vua Ba-tư-nặc nghe rồi liền tin theo lời ấy, hạp đủ bốn đoàn binh kéo tới đánh vua A-xà-thế, bố trí quân binh mạnh nhất đi đầu và quân binh yếu nhất đi sau. Quả nhiên thắng được quân vua A-xà-thế, thu bắt được rất nhiều voi ngựa, xe cộ, lại thừa thắng mà bắt sống cả vua A-xà-thế nữa.

Vua Ba-tur-nặc dẫn vua A-xà-thế đến chỗ Phật. Tới nơi, vua lạy chào Phật, bạch rằng: “Bạch Thế Tôn! Tôi với vua A-xà-thế thật không sanh lòng oán ghét, song vua ấy tự sanh lòng thù nghịch với tôi mà gây cuộc binh đao. Tuy vậy, vua cha của A-xà-thế ngày trước là bạn hữu của tôi, nên nay tôi không muốn xuống tay hại mạng người. Ý tôi muốn thả cho vua A-xà-thế về nước cũ.”

Khi ấy, đức Phật khen vua Ba-tur-nặc mà nói rằng: “Hay lắm, hay lắm. Đối với chỗ người thân kẻ oán đều giữ lòng bình đẳng như nhau, chính là chỗ các bậc thánh hiền đều khen ngợi.” Phật lại thuyết kệ rằng :

Bại thì sanh lo sợ,  
Thắng nên lòng hân hoan.  
Nay người thả vua kia,  
Đôi bên đều vui cả!  
Nếu biết bỏ thắng bại,  
Đó là vui lớn nhất.

Vua Ba-tur-nặc nghe Phật thuyết kệ rồi, liền vui vẻ thả vua A-xà-thế cho về nước cũ.

Vua trở về cung, lòng tự nghĩ rằng: “Ta sở dĩ ngày nay được chiến thắng, là nhờ có ông trưởng giả kia dâng lên trân bảo, vàng bạc để chiêu mộ thêm tướng sĩ.” Nghĩ như vậy, liền tức thời cho mời vị trưởng giả đến, bảo rằng: “Ta có được chiến thắng như ngày nay là nhờ có khanh dâng lên tài vật, giúp chiêu mộ binh tướng. Nay ta muốn ban thưởng cho khanh thật trọng hậu, vậy khanh muốn gì cứ nói ra.”

Trưởng giả tâu: “Xin đại vương xá tội cho, tôi mới dám nói.” Vua đáp: “Khanh muốn gì cứ nói, ta sẽ lắng nghe, không bắt tội.” Trưởng giả tâu rằng: “Tôi muốn được thay đại vương mà cầm quyền trị nước trong bảy ngày.”

Vua liền hứa thuận cho, truyền đánh trống loan báo ra khắp nước, lập ông trưởng giả lên làm vua trong bảy ngày.

Ông trưởng giả lên làm vua rồi, liền sai người đi đánh trống mà loan báo khắp nơi trong thành rằng: “Trong hạn bảy ngày, tất cả nhân dân đều được tự do, không bị bắt buộc phải làm bất cứ việc gì do quan viên sai khiến.” Lại sai sứ đến nói với vua

các nước nhỏ chư hầu rằng, trong hạn bảy ngày, phải bãi bỏ hết mọi việc triều chính mà về kinh đô bái kiến vua mới.

Khi các vua tề tựu về, ông liền thỉnh Phật và chư tăng đến để cúng dường trọng thể, lại khuyến khích hết thảy các vua chư hầu cùng các vị quan thuộc quy y Tam Bảo. Người người đều nghe lời khuyên của ông mà quy y theo Phật, số nhiều không tính hết.

Ông trưởng giả làm xong những việc ấy, trải qua bảy ngày rồi, liền đến chỗ Phật ngự, lễ bái cung kính và phát lời nguyện lớn rằng: “Nhờ công đức cúng dường hôm nay, trong đời vị lai tôi nguyện sẽ có thể vì những chúng sanh mù lòa mà cứu giúp cho được sáng mắt, vì những chúng sanh chẳng quy y Phật mà độ cho quy y, những chúng sanh không người cứu hộ sẽ được cứu hộ, những chúng sanh không được an ổn sẽ được an ổn, những chúng sanh chưa nhập Niết-bàn sẽ được nhập Niết-bàn.”

Ông trưởng giả phát nguyện rồi, đức Phật liền mỉm cười, từ nơi trán, giữa hai lông mày phóng ra một đạo hào quang năm sắc, bay quanh Phật ba vòng rồi lại theo chỗ trên trán Phật mà bay trở vào.

Khi ấy, A-nan bạch Phật rằng: “Nhu Lai là đáng tôn quý, chẳng vô cớ mà cười bao giờ. Nay vì nhân duyên gì mà Phật mỉm cười, xin giảng giải cho được biết.”

Phật bảo A-nan: “Người có thấy vị trưởng giả vừa làm vua bảy ngày đây chăng?”  
A-nan thưa: “Bạch Thế Tôn, con đã thấy.”

Phật nói: “Vị đại trưởng giả đây nhờ công đức thỉnh Phật cúng dường, trải qua ba a-tăng-kỳ kiếp nữa sẽ thành Phật hiệu là Tối Thắng, hóa độ chúng sanh nhiều vô số. Vì nhân duyên ấy mà ta mỉm cười.”

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thảy đều vui mừng tin nhận.

## **PHẨM THỨ HAI : CÚNG DƯỜNG ĐƯỢC THỌ BÁO - NHỮNG NGƯỜI THUYỀN CHÀI**

Lúc ấy, Phật ở gần thành Xá-vệ. Về phía bên kia sông Y-la-bạt, có một làng thuyền chài. Bấy giờ, Phật muốn qua sông mà hóa độ cho những người thuyền chài ấy. Khi những người ở làng chài thấy Phật đi đến chỗ bờ sông thì tự nhiên sinh lòng hoan hỷ, liền cùng nhau chèo thuyền sang, đối trước Phật lễ bái mà thưa thỉnh rằng: “Bạch Thế Tôn! Xin ngài rạng sáng ngày mai đến, chúng con sẽ đưa ngài sang sông.” Phật liền nhận lời.

Những người thuyền chài lập tức sửa soạn, trang hoàng thuyền bè, dọn sửa đường đi, cho đến nhặt sạch đá sỏi, những đồ ô uế. Rồi họ che lọng, treo cờ xí, cắm hoa vào bình, và chuẩn bị các món ăn tinh khiết, ngon quý. Chuẩn bị xong mọi việc, họ mang thuyền đến nơi bờ sông mà đợi Phật với chur tỳ-kheo tăng.

Đúng giờ đã hẹn, đức Thế Tôn với chur tỳ-kheo tăng cùng đi chỗ bờ sông, lên thuyền đã đợi sẵn đó mà qua sông, đến làng của những người thuyền chài. Tới nơi, Phật và chur tỳ-kheo đều được thỉnh lên những chỗ ngồi trang nghiêm đã dọn sẵn. Khi mọi người đều đã yên chỗ, những người thuyền chài tự tay sửa soạn, dâng cúng đủ các món ăn ngon quý, tinh khiết.

Lễ cúng dường xong, tất cả đều đến trước Phật lễ bái và khao khát xin được nghe pháp. Đức Thế Tôn lúc ấy liền vì bọn họ mà thuyết pháp Tứ diệu đế. Nghe Phật thuyết pháp xong, mọi người đều thấy tâm ý khai mở, nhiều người được đắc quả Tu-đà-hoàn, có người chứng quả Tư-đà-hàm, có người chứng quả A-na-hàm, có người chứng quả A-La-hán. Lại có người ngay khi đó phát tâm vô thượng Bồ-đề, nguyện được quả vị Phật.

Lúc bấy giờ, chur tỳ-kheo thấy việc Phật được cung kính cúng dường và đưa rước sang sông như thế, liền thưa hỏi rằng: “Chẳng hay đức Thế Tôn đã từng tạo những nhân duyên gì mà nay hưởng sự tự nhiên cúng dường cung kính như vậy?”

Phật bảo chur tỳ-kheo rằng: “Các người hãy lắng nghe, ta sẽ vì các người mà phân biệt nói rõ. Về thuở quá khứ cách đây vô số kiếp, nước Ba-la-nại có Phật ra đời hiệu là Tỳ-diêm-bà, cùng chur tỳ-kheo đi khắp các nước mà giáo hóa chúng sanh.

Khi đến một bờ sông, có những người khách buôn vận chuyển hàng hóa sang sông, vừa lúc ấy cũng vừa đến. Những người này vừa thấy Phật với sáu mươi hai ngàn vị A-La-hán cùng đi thì sanh lòng tin phục, kính ngưỡng, liền thưa hỏi rằng: ‘Bạch Thế Tôn, có phải ngài đang muốn sang sông chăng?’ Phật nói: ‘Đúng vậy.’ Những người khách buôn liền sửa soạn các món ăn ngon quý, tinh khiết mà cúng dường Phật với chư tỳ-kheo tăng, lại thưa thỉnh rằng: ‘Kính mong Phật và chư tỳ-kheo tăng nhận cho chúng con đưa thuyền sang sông, kéo e có bọn giặc cướp không biết mà làm hại đến các ngài.’ Phật liền nhận lời sang sông, rồi nhân đó mới vì những người khách buôn mà thuyết pháp, khiến hết thảy đều được sanh lòng hoan hỷ, phát tâm Bồ-đề. Khi ấy, đức Phật Tỳ-diêm-bà liền thọ ký cho vị chủ đoàn khách buôn rằng: ‘Người về sau sẽ thành Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni.’”

Đức Thế Tôn lại nói: “Này chư tỳ-kheo ! Thuở ấy, người chủ đoàn khách buôn chính là ta ngày nay đây. Ta đưa đức Phật Tỳ-diêm-bà với sáu mươi hai ngàn vị A-La-hán sang sông, cúng dường các ngài một bữa ăn đủ các món quý lạ, tinh khiết, và nhân nơi Phật ấy mà phát tâm Bồ-đề, nguyện thành quả Phật. Bởi nhân duyên ấy, nên trải qua trong nhiều kiếp lưu chuyển, ta không bao giờ đọa vào các đường ác, và cho đến nay được thành quả Phật. Cũng vì thế mà khắp trong cõi trời người, ai ai cũng muốn đến cúng dường ta.”

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thảy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## **VUA QUÁN ĐÁNH THỈNH PHẬT**

Lúc ấy, Phật ở thành Vương-xá, tinh xá Trúc Lâm. Bấy giờ, đức Thế Tôn cùng với sáu mươi hai ngàn vị tỳ-kheo A-La-hán cùng đến nước Câu-tỳ-la. Nhân dân nơi đây bẩm tính hiền lành, khoan hòa, hiếu thuận.

Khi ấy, đức Thế Tôn nghĩ rằng: “Ta nên lập một giảng đường lớn có cả lầu gác bằng các thứ gỗ quý như chiên-đàn, trầm hương, để hóa độ nhân dân nơi đây.”

Vị Đế-thích vua cõi trời biết được ý nghĩ của Phật, liền cùng với chư thiên và các loài rồng, dạ-xoa, càn-thát-bà, cư-bàn-trà mang những thứ cây gỗ quý như chiên-

đàn, trầm hương đến dâng cúng Phật. Các ngài lại theo ý Phật mà dùng các thứ gỗ quý ấy tạo dựng lên một giảng đường to lớn, trang nghiêm, đủ các loại giường ghế, chỗ ngồi chỗ nằm đều rộng rãi, xinh đẹp. Các ngài lại cúng dường Phật và chư tỳ-kheo tăng các món ăn quý lạ, giường nệm, hương hoa, một cách cung kính, trọng hậu.

Lúc ấy, dân chúng ở thành Câu-tỳ-la thấy hết những sự việc ấy, thấy đều cho là chưa từng có. Họ liền nói với nhau rằng: “Nay chỉ có đức Như Lai Thế Tôn là bậc có được công đức lớn lao như vậy, cảm hóa chư thiên hiện đến cúng dường lễ bái.”

Họ liền rủ nhau cùng đến chỗ Phật, cung kính lễ bái, rồi cùng nhau đứng sang một bên. Đức Thế Tôn khi ấy liền vì tất cả nhân dân xứ này mà thuyết pháp Tứ diệu đế. Nghe Phật thuyết pháp xong, mọi người đều thấy tâm ý khai mở, nhiều người được đắc quả Tu-đà-hoàn, có người chứng quả Tu-đà-hàm, có người chứng quả A-na-hàm, có người chứng quả A-La-hán. Lại có người ngay khi đó phát tâm vô thượng Bồ-đề, nguyện được quả vị Phật, Thế Tôn.

Lúc bấy giờ, chư tỳ-kheo thấy việc chư thiên hiện đến cúng dường, tạo dựng giảng đường trang nghiêm cúng dường như vậy, liền thưa hỏi Phật: “Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà nay Phật tự nhiên được chư thiên cung kính cúng dường như vậy?”

Đức Thế Tôn đáp rằng: “Này chư tỳ-kheo! Hãy chú tâm lắng nghe, ta sẽ vì các ngươi mà phân biệt giảng nói.

“Này chư tỳ-kheo! Về thuở quá khứ cách nay vô số kiếp, nước Ba-la-nại có Phật ra đời hiệu là Phạm-thiên, cùng với chư vị tỳ-kheo đi giáo hóa khắp nơi. Ngày kia đến chỗ một ông vua tên là Quán Đảnh. Vua nghe có Phật đến thì liền ra tận ngoài thành mà cung nghinh, lễ bái. Rồi lại thưa thỉnh Phật và chư tăng xin nhận sự cúng dường của vua trong ba tháng, đủ các món ăn, thức uống, y phục, thuốc men. Phật liền nhận lời. Vua Quán Đảnh lại cho dựng một giảng đường lớn, có đủ giường ghế, chỗ ngồi chỗ nằm thấy đều rộng rãi, đẹp đẽ.

“Vua cúng dường các món ăn quý lạ, tinh khiết như vậy trong suốt ba tháng, lại còn cúng dường một tấm áo rất quý đẹp. Khi ấy, Phật liền vì vua mà thuyết pháp,

khiến cho trong lòng được vui vẻ, liền phát tâm Bồ-đề, cầu thành quả Phật. Vua phát tâm rồi, Phật liền thọ ký cho: ‘Người về sau sẽ thành Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni.’”

Đức Thế Tôn lại dạy rằng: “Này chư tỳ-kheo! Vua Quán Đảnh ngày trước, nay chính là ta đây, còn quần thần thuở ấy nay chính là sáu mươi hai ngàn tỳ-kheo A-La-hán. Nhờ nhân duyên cúng dường, phụng sự đức Phật Phạm-thiên thuở ấy, nên trải qua bao kiếp lưu chuyển, ta chẳng bao giờ đọa vào các đường ác, thường thọ nhận những sự khoái lạc trong cõi trời, cõi người, cho đến ngày nay được quả vị vô thượng Bồ-đề. Cũng vì thế mà khắp trong cõi trời người, ai ai cũng muốn đến cúng dường ta.”

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## **VUA PHÁP HỘ TÂM PHẬT**

Lúc ấy, Phật ở thành Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp Cô Độc.

Lúc ấy, trong thành Xá-vệ có năm trăm người khách thương đi buôn bán ở phương xa. Trên đường đi, lạc vào một vùng hoang vắng rộng lớn, chẳng biết lối ra. Gặp lúc trời nắng nóng, không có nước uống nên đều sắp chết khát. Lúc ấy, những người khách buôn này liền cầu khẩn đủ các vị thần, mong được cứu giúp, nhưng thấy đều không thấy linh ứng.

Trong nhóm khách buôn, có một người cư sĩ tin Phật, nói với mọi người rằng: “Này các ông! Đức Như Lai Thế Tôn thường lấy tâm đại bi mà ngày đêm quán sát chúng sanh, nơi đâu có người chịu khổ não ngài đều đến cứu hộ cho. Nay tất cả chúng ta nên cùng nhau chí tâm mà xưng niệm danh hiệu Phật, ắt sẽ được cứu hộ.”

Khi ấy, cả nhóm khách buôn nghe lời ấy rồi thì đều đồng thanh mà xưng danh hiệu Phật.



Lúc đó, đức Phật nghe được tiếng niệm Phật của nhóm khách buôn, liền cùng với Đê-thích hiện đến chỗ những người này, đổ xuống một cơn mưa rất lớn. Những người khách buôn được thoát qua cơn khát, dần dần tìm được đường mà trở về thành Xá-vệ.

Những người khách buôn khi về đến nhà liền thỉnh Phật và chư tỳ-kheo đến cúng dường. Phật liền nhận lời. Bọn họ liền cùng nhau sắp sửa đủ các món cúng dường trang nghiêm, tinh sạch mà dâng lên Phật với chư tỳ-kheo.

Phật cùng chư tỳ-kheo đến chỗ những người khách buôn mà thọ lãnh cúng dường rồi, họ lại tỏ ý khát ngưỡng muốn được nghe Phật thuyết pháp. Đức Thế Tôn liền vì bọn họ mà thuyết pháp. Nghe pháp xong, mọi người đều thấy tâm ý khai mở, nhiều người được đắc quả Tu-đà-hoàn, có người đắc quả Tu-đà-hàm, có người đắc quả A-na-hàm. Lại có người ngay khi đó phát tâm vô thượng Bồ-đề.

Khi ấy, chư tỳ-kheo thấy sự việc như thế, bèn thưa hỏi Phật rằng: “Bạch đức Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà có sự việc những người thương khách đây cúng dường Phật, nghe pháp rồi đắc quả như vậy.”

Đức Thế Tôn đáp rằng: “Này chư tỳ-kheo! Hãy chú tâm lắng nghe, ta sẽ vì các ngươi mà phân biệt giảng nói.

“Này chư tỳ-kheo! Về thuở quá khứ cách nay vô số kiếp, nước Ba-la-nại có Phật ra đời hiệu là Chiên Đàn Hương, cùng với chư tỳ-kheo tăng đi hóa độ chúng sanh, đến nước của một ông vua tên là Pháp Hộ. Khi ấy gặp lúc trời đang nắng hạn, các loại cây trái hoa màu chẳng thu hoạch được gì. Vua ấy nghe tin Phật đến thì liền cùng với quần thần ra nghinh đón, thỉnh Phật vào thành cúng dường các món ăn uống, y phục, thuốc men trong ba tháng. Đức Phật nhận lời.

Vua Pháp Hộ cho xây trong thành một cái hồ lớn, làm chỗ cho Phật và chư tỳ-kheo tắm rửa. Rồi phát lời thệ nguyện rằng: “Do nơi công đức này, nguyện cho Đê-thích sẽ đổ mưa lớn xuống khắp cõi đất này, tươi tốt hoa màu, lợi ích hết thảy chúng sanh.” Phát nguyện vừa xong thì trời liền đổ mưa, thấm nhuần khắp nước.

Khi ấy vua Pháp Hộ liền cho làm ra tám mươi bốn ngàn cái bình quý, sai lấy nước trong hồ Phật tắm mà đựng vào trong đó. Rồi sai người mang đến cho tám mươi

bốn ngàn thành thị trong khắp nước, mỗi nơi một bình, ra lệnh phải lập tháp mà thờ kính cúng dường bình nước Phật tám ấy.

Sau đó, vua lại phát tâm vô thượng Bồ-đề, nguyện thành quả Phật. Khi ấy, Phật Chiên Đàn Hương liền thọ ký cho rằng: “Người về sau sẽ thành Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni.”

Phật lại nói với chư tỳ-kheo rằng: “Vua Pháp Hộ thưở ấy chính là ta ngày nay. Quân thần thưở ấy chính là tỳ-kheo các người đó. Nhờ nhân duyên cúng dường, phụng sự đức Phật Chiên Đàn Hương thưở ấy, nên trải qua bao kiếp lưu chuyển, ta chẳng bao giờ đọa vào các đường ác, thường hưởng những sự khoái lạc trong cõi trời, cõi người, cho đến ngày nay được quả vị vô thượng Bồ-đề. Cũng vì thế mà khắp trong cõi trời người, ai ai cũng muốn đến cúng dường ta.”

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## **PHẬT TRỪ DỊCH BỆNH**

Lúc ấy, Phật ở gần thành Vương-xá, nơi tinh xá Trúc Lâm.

Lúc bấy giờ, tại xứ Na-la xảy ra dịch bệnh làm cho người chết rất nhiều. Dân chúng bệnh khổ đau đớn, cầu khẩn đủ các vị thần, song không thấy ứng nghiệm. Bệnh ngày càng lan rộng chẳng giảm chút nào.

Khi đó, tại xứ này có một người cư sĩ tin Phật, nói với mọi người rằng: “Đức Như Lai luôn làm lợi ích, an ổn cho hết thấy chúng sanh. Chúng ta nên cùng nhau chí tâm niệm danh hiệu ngài mà cầu khỏi sự bệnh khổ.”

Mọi người nghe lời ấy rồi, liền cùng nhau đồng thanh mà xưng danh hiệu Phật, cầu đức Thế Tôn đại bi thương xót cứu hộ cho khỏi nạn dịch bệnh.

Đức Như Lai thường lấy tâm đại bi mà ngày đêm quán sát chúng sanh, nơi đâu có người chịu khổ não ngài đều đến cứu hộ cho, lại dạy tu theo các pháp lành vĩnh

viễn trừ được khổ não. Khi ấy, Phật thấy biết nhân dân ở xứ Na-la chịu bệnh khổ, đang nhất tâm xưng danh hiệu Phật mà cầu cứu khổ.

Đức Thế Tôn liền cùng với chư tỳ-kheo hiện đến xứ Na-la, ngài lấy tâm đại bi mà ủy dụ dân chúng, khuyên tu các điều lành. Dịch bệnh khi ấy tự nhiên giảm mất, chẳng còn ai bệnh khổ nữa.

Khi ấy, dân trong xứ đều thấy sự lợi ích, an ổn mà đức Như Lai mang lại cho mọi người, liền nói với nhau rằng: “Chúng ta đây nhờ ơn đức Phật mới còn giữ được thân mạng, vậy nên lập hội thỉnh Phật mà cúng dường.”

Nghĩ như vậy rồi, họ liền cùng nhau đến chỗ Phật, lễ bái thưa thỉnh. Phật liền nhận lời.

Dân chúng trong vùng ấy được Phật nhận lời cầu thỉnh rồi thì mừng rỡ, cùng nhau sắm sửa lập hội cúng dường. Họ trang hoàng nơi lễ đàn, hương hoa cò phướn đủ lễ trang nghiêm, cho đến dọn sửa đường sá, nhặt sạch những thứ đá sỏi, đồ ô uế. Lại sắp đặt đầy đủ các món ăn ngon lạ, tinh khiết. Mọi việc chuẩn bị xong, họ lại cho người đến thỉnh Phật và chư tỳ-kheo tăng.

Bấy giờ, đức Thế Tôn và chư tỳ-kheo đáp y, mang bình bát cùng đến dự hội. Lễ cúng dường xong, dân chúng đều khao khát mong mỏi xin được nghe pháp. Phật liền vì mọi người mà thuyết pháp cho nghe. Nghe Phật thuyết Pháp xong, mọi người đều thấy tâm ý khai mở, nhiều người được đắc quả Tu-đà-hoàn, có người chứng quả Tu-đà-hàm, có người chứng quả A-na-hàm. Lại có người ngay khi đó phát tâm vô thượng Bồ-đề nguyện được quả vị Phật, Thế Tôn.

Lúc bấy giờ, chư tỳ-kheo thấy việc như vậy liền thưa hỏi Phật: “Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên phước báo nào mà dân chúng nơi đây ngày nay cúng dường Phật, cũng như nhờ đâu mà họ được Phật độ cho khỏi nạn dịch bệnh tai ác?”

Đức Phật đáp rằng: “Này chư tỳ-kheo! Các người hãy chú tâm lắng nghe, ta sẽ vì các người mà phân biệt giảng nói.

“Này Chư tỳ-kheo! Về thuở quá khứ, nước Ba-la-nại có Phật ra đời hiệu là Nguyệt Quang, cùng với chư tỳ-kheo đi đến nước của một vị vua tên là Phạm-ma. Đức vua

này cúng dường Phật với chư tỳ-kheo xong, liền quỳ xuống mà bạch rằng: “Xin đức Thế Tôn từ bi thương xót mà cứu độ cho nhân dân hiện nay đang bị dịch bệnh tai ác.”

Lúc bấy giờ, đức Phật Nguyệt Quang liền lấy tấm y của mình trao cho nhà vua, nói rằng: “Đại vương! Hãy mang áo cà-sa của ta đây treo lên đầu cây phước, cung kính cúng dường, rồi dịch bệnh sẽ tự nhiên tiêu tán, không còn trở lại nữa.” Vua nghe theo lời ấy rồi, mọi việc đều tốt đẹp, dịch bệnh tự nhiên tiêu trừ. Vua hết sức vui mừng, phát tâm Bồ-đề. Đức Phật liền thọ ký cho vua rằng: “Người về sau sẽ thành Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni.”

Phật bảo chư tỳ-kheo rằng: “Vua Phạm-ma thuở ấy chính là ta ngày nay. Quân thần thuở ấy chính là tỳ-kheo các người. Nhờ nhân duyên cúng dường, phụng sự đức Phật Nguyệt Quang thuở ấy, nên trải qua bao kiếp lưu chuyển, ta chẳng bao giờ đọa vào các đường ác, thường hưởng những sự khoái lạc trong cõi trời, cõi người, cho đến ngày nay được quả vị vô thượng Bồ-đề. Cũng vì thế mà khắp trong cõi trời người, ai ai cũng muốn đến cúng dường ta.”

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## **THIÊN ĐẾ CÚNG PHẬT**

Lúc ấy, Phật ở tại thành Vương-xá, cùng với chư tỳ-kheo nơi tinh xá Trúc Lâm. Lúc bấy giờ, Đề-bà-Đạt-đa là người ngu si cực ác, kiêu căng, ganh ghét, mới xúi giục vua A-xà-thế ban hành chế lệnh chẳng đúng chánh pháp. Vua cho người đánh trống đi khắp nơi mà tuyên lệnh rằng: “Từ nay không cho phép nhân dân đến cúng dường nơi chỗ sa-môn Cồ-đàm nữa.”

Lúc ấy, trong thành có một người tin sâu nơi Phật, nghe lệnh cấm ấy rồi thì trong lòng buồn bã, âu sầu áo não, thảm thiết than khóc chấn động đến cả cung điện cõi trời của vua trời Đế-thích.

Đế-thích thấy cung điện của mình bỗng dưng chấn động, liền quán sát nguyên nhân mới biết việc Đê-bà-Đạt-đa xui vua cấm dân cúng dường Phật, khiến người kia khóc than buồn thảm chấn động cõi trời. Tức thời, Đế-thích liền hiện xuống, giữa nơi thình không phát âm thanh lớn cho mọi người đều nghe rằng: “Ta nay sẽ đến cúng dường đức Phật với chư vị tỳ-kheo tăng.”

Nói lời ấy giữa thình không rồi, Đế-thích liền đến nơi Phật ngự, cung kính lễ bái, thưa thỉnh Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Xin ngài nhận cho con được cung phụng, cúng dường Phật và chư tăng đến trọn đời.” Phật chẳng nhận lời.

Đế-thích lại bạch rằng: “Nếu ngài chẳng nhận cho con trọn đời cung phụng cúng dường, xin nhận cho được 5 năm cúng dường.” Phật cũng chẳng nhận lời.

Đế-thích lại bạch rằng: “Nếu ngài chẳng nhận cho con cung phụng cúng dường trong 5 năm, xin nhận cho được 5 tháng cúng dường.” Phật cũng chẳng nhận lời.

Thiên Đế-thích lại bạch rằng: “Nếu ngài chẳng nhận cho con cung phụng cúng dường trong 5 tháng, xin nhận cho được 5 ngày cúng dường.” Phật liền nhận lời.

Khi ấy, Đế-thích liền dùng thần lực hóa vùng tinh xá Trúc Lâm thành ra cung điện nguy nga đồ sộ giống như cung Tỳ-xà-da trên cõi trời, lại đủ các thứ trang nghiêm cúng dường như giường, ghế, đồ ăn thức uống, y phục, thuốc men... mỗi thứ vật dụng đều làm bằng vàng ròng sáng đẹp. Khi ấy, Đế-thích lại cùng với chư thiên cõi trời hiện xuống tự tay sắp đặt các món vật dụng, thức ăn thức uống, y phục, thuốc men... mà cúng dường Phật với chư tỳ-kheo tăng.

Bấy giờ, vua A-xà-thế đứng trên lầu cao nhìn về phía tinh xá Trúc Lâm, thấy hiện rõ đền đài cung điện, lại thấy Đế-thích cùng với chư thiên cõi trời tự tay sắp đặt các món vật dụng, thức ăn, thức uống, y phục, thuốc men... mà cúng dường Phật với chư tăng. Vua liền sanh lòng hối hận, giận dữ mắng nhiếc Đê-bà-Đạt-đa rằng: “Người thật là người ngu si. Tại sao lại xúi giục ta ban hành chế lệnh chẳng đúng chánh pháp?” Nói lời ấy rồi, liền sanh lòng tin sâu nơi Phật.

Khi ấy quần thần liền tâu lên vua rằng: “Xin Đại vương ban bố chánh lệnh, cho nhân dân từ nay được tùy ý mà cúng dường Phật với chư tỳ-kheo tăng.” Vua liền

ban lệnh xuống các quan, sai người đi đánh trống mà rao khắp nước rằng: “Từ nay cho phép nhân dân được tùy ý cúng dường Phật với chư tỳ-kheo tăng.”

Lúc ấy, Phật vì hết thấy mọi người mà thuyết pháp cho nghe. Nghe Phật thuyết pháp xong, trong chúng hội đều thấy tâm ý khai mở, nhiều người được đắc quả Tu-đà-hoàn, có người chứng quả Tu-đà-hàm, A-na-hàm. Lại có người ngay khi đó phát tâm vô thượng Bồ-đề nguyện được quả vị Phật, Thế Tôn.

Lúc bấy giờ, chư tỳ-kheo thấy việc như vậy liền thưa hỏi Phật: “Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên phước báo nào mà có việc vua trời Đế-thích hiện đến cúng dường hôm nay?”

Phật bảo chư tỳ-kheo: “Các người nên chú ý lắng nghe, ta sẽ vì các người mà phân biệt giảng nói.

“Này Chư tỳ-kheo! Về thuở quá khứ, cách nay vô số kiếp, nước Ba-la-nại có Phật ra đời hiệu là Bảo Điện, cùng với chư tỳ-kheo đi giáo hóa khắp nơi, đến nước của một vị vua tên là Già-sí. Vua ấy nghe tin Phật đến thì liền cùng với quần thần đều ra nghinh đón, thỉnh Phật ở lại trong thành để cúng dường các món ăn uống, y phục, thuốc men trong ba tháng. Đức Phật liền nhận lời.

Lễ cúng dường rồi, Phật liền vì vua Già-sí mà thuyết pháp mọi lẽ. Vua nghe Pháp rồi phát tâm Bồ-đề, nguyện thành quả Phật. Khi ấy, đức Phật Bảo Điện liền thọ ký cho vua rằng: “Người về sau sẽ thành Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni.”

Phật lại bảo chư tỳ-kheo rằng: “Vua Già-sí thuở ấy chính là ta ngày nay. Quần thần thuở ấy chính là tỳ-kheo các người đó vậy. Nhờ nhân duyên cúng dường, phụng sự đức Phật Bảo Điện thuở ấy, nên trải qua bao kiếp lưu chuyển, ta chẳng bao giờ đọa vào các đường địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, thường hưởng những sự khoái lạc trong cõi trời, cõi người, cho đến ngày nay được quả vị vô thượng Bồ-đề. Cũng vì thế mà khắp trong cõi trời người, ai ai cũng muốn đến cúng dường ta.”

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

## PHẬT HÓA HÌNH ĐẾ THÍCH

Lúc ấy, Phật ở tại thành Vương-xá, nơi tinh xá Trúc Lâm. Lúc bấy giờ, trong thành có một viên quan lớn tên là Lê-xa, theo bọn tà đạo, chẳng tin luật nhân quả, thuận theo việc thái tử A-xà-thế giết vua Tần-bà-sa-la mà đoạt ngôi, tự lập lên làm vua. Khi ấy, viên quan này lấy làm đắc ý, tự mãn, liền truyền lệnh tổ chức một đại hội tụ tập những người bà-la-môn lại, số đông đến trăm ngàn người, rồi tự đặt ra quy chế rằng: “Không ai được đi đến chỗ sa-môn Cồ-đàm.” Những người bà-la-môn thấy đều nghe lệnh cấm như vậy, chẳng ai dám đến chỗ Phật nữa.

Đến một lúc nọ, có một số người bà-la-môn bí mật tụ họp lại với nhau bàn luận, có người nói rằng: “Trong kinh Vĩ-đà có nói rằng: Sa-môn Cồ-đàm chính là vị Đại thiên chủ của chúng ta. Nay chúng ta nên cùng nhau xưng danh ngài, nếu ngài quả thật nghe mà ngự đến chỗ hội này, chúng ta sẽ trọn đời thờ kính phụng sự.” Nói như vậy rồi, liền cùng nhau mà xưng tụng rằng: “Nam-mô Cồ-đàm Sa-môn! Xin ngài đến nơi hội này theo lời cầu thỉnh của chúng con.”

Như Lai thường lấy tâm đại bi ngày đêm quán sát chúng sanh, những ai có thể hóa độ thì ngài đều hóa độ cho. Phật biết căn lành của những người bà-la-môn này đã được thuần thực, có thể được Phật hóa độ, nên liền tự biến ra hình Đế-thích, từ trên hư không hiện xuống nơi chỗ hội. Mọi người trông thấy thấy đều đứng dậy cung nghinh, đón rước lên chỗ tòa cao trang trọng mà ngồi, liền thưa với Đế-thích rằng: “Chỗ sở nguyện của chúng tôi nay chắc sẽ được, nếu đúng như vậy thì xin trọn đời phụng sự thờ kính.” Đế-thích khen rằng: “Như vậy là tốt lắm.”

Khi ấy, đức Thế Tôn biết rằng tâm ý của những người bà-la-môn này đã được điều phục, liền hiện lại hình Phật, đứng theo lời nguyện thỉnh của họ, rồi thuyết pháp Tứ diệu đế cho nghe. Nghe Phật thuyết pháp xong, mọi người đều thấy tâm ý khai mở, nhiều người được đắc quả Tu-đà-hoàn, thấy đều được an ổn, vui vẻ. Những người bà-la-môn này liền soạn sửa trăm thứ món ăn thức uống quý lạ, tinh khiết mà thỉnh Phật cùng chư tỳ-kheo tăng đến để cúng dường.

Lúc bấy giờ, chư tỳ-kheo thấy việc như vậy liền thưa hỏi Phật: “Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên phước báo nào mà nay những người bà-la-môn này thiết hội cúng dường Phật và chư tỳ-kheo tăng như vậy?”

Phật bảo chư tỳ-kheo: “Các người nên chú ý lắng nghe, ta sẽ vì các người mà phân biệt giảng nói.

“Này chư tỳ-kheo! Về thuở quá khứ, cách nay vô số kiếp, nước Ba-la-nại có Phật ra đời hiệu là Diệu Âm, cùng với chư tỳ-kheo đi đến chỗ của một vị vua tên là Bảo Điện. Vua ấy nghe tin Phật đến thì cùng với quần thần ra nghinh đón, thỉnh Phật ở lại trong thành cúng dường các món ăn uống, y phục, thuốc men trong ba tháng. Đức Phật nhận lời.

Sau ba tháng thọ nhận sự cúng dường của vua Bảo Điện rồi, đức Phật Diệu Âm liền từ nơi giữa rón phóng hiện ra bảy đóa hoa sen báu, mỗi đóa sen ấy đều có một vị Phật ngồi kiết già trên đó, lại phóng ra ánh sáng rực rỡ, trên chiếu đến cõi trời A-ca-ni-trá, dưới thấu đến địa ngục A-tỳ. Khi ấy, vua Bảo Điện thấy sự thần biến như vậy rồi, liền phát tâm vô thượng Bồ-đề. Đức Phật Diệu Âm liền thọ ký cho vua rằng: “Người về sau sẽ thành Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni.”

Phật bảo chư tỳ-kheo rằng: “Vua Bảo Điện thuở ấy chính là ta ngày nay. Quần thần thuở ấy chính là tỳ-kheo các người. Nhờ nhân duyên cúng dường, phụng sự đức Phật Diệu Âm thuở ấy, nên trải qua bao kiếp lưu chuyển, ta chẳng bao giờ đọa vào các đường địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, thường hưởng những sự khoái lạc trong cõi trời, cõi người, cho đến ngày nay được quả vị vô thượng Bồ-đề. Cũng vì thế mà khắp trong cõi trời người, ai ai cũng muốn đến cúng dường ta.”

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## **CÚNG DƯỜNG ÂM NHẠC**

Bấy giờ, Phật ở tại thành Xá-vệ, nơi vườn Kỳ thọ Cấp Cô Độc, cùng với chư vị tỳ-kheo tăng. Khi ấy, trong thành có 500 vị càn-thát-bà rất giỏi tài đàn ca, hát nhạc, thường dùng âm nhạc hay lạ mà cúng dường Phật, chẳng lúc nào rời xa. Danh tiếng hay giỏi của các vị lan xa khắp nơi, bốn phương đều nghe biết.



Khi ấy, ở một thành kia về phía Nam, có vị vua loài càn-thát-bà tên là Thiện Ái, cũng rất giỏi thuật chơi đàn, khắp trong vùng không ai giỏi hơn. Vì thế sanh lòng kiêu căng tự đại, cho là chẳng ai bằng mình. Vua Thiện Ái nghe nói nơi thành Xá-vệ có những vị càn-thát-bà giỏi về thuật chơi đàn, liền vượt đường xa mà tìm đến, trải qua rất nhiều nơi, tính có đến 16 cõi nước lớn. Đi đến đâu cũng chỉ dùng cây đàn có một dây mà phát ra được đủ bảy thứ âm thanh khác nhau, mỗi âm thanh lại có đến 21 cách diễn tấu, khiến cho nhân dân khắp các xứ ấy nghe qua đều sanh tâm vui mừng nhảy nhót, cho đến cuồng nhiệt chẳng thể tự chế.

Vua Thiện Ái tìm đến thành Xá-vệ rồi, muốn gặp vua Ba-tư-nặc để thăm hỏi. Lúc ấy, vị thần canh giữ thành quách và các vị càn-thát-bà ở đó biết chuyện mới đến tâu với vua Ba-tư-nặc rằng: “Ở cõi nước về phía Nam có vị vua càn-thát-bà tên là Thiện Ái, giỏi việc chơi đàn, nay đang ở ngoài cổng thành, có ý muốn gặp đại vương, vì nghe rằng trong xứ của đại vương có những vị càn-thát-bà cũng giỏi thuật chơi đàn, nên từ xa đến đây muốn được cùng so tài.” Vua Ba-tư-nặc liền lệnh cho người giữ cửa thành mời vua Thiện Ái vào, cùng nhau hội kiến, đôi bên đều vui vẻ.

Vua Thiện Ái nói: “Tôi nghe trong xứ của đại vương có những vị càn-thát-bà giỏi việc chơi đàn, chẳng hay hiện giờ ở đâu? Ý tôi muốn được cùng họ so tài chơi đàn xem ai hơn, ai kém.” Vua Ba-tư-nặc đáp: “Chuyện ấy ta thật không ngại. Chỗ họ ở cách đây cũng chẳng xa, nay ta với ngài cùng đi đến đó, tùy ý mà so tài.” Vua Thiện Ái nhận lời.

Cùng nhau đi đến chỗ Phật. Phật vốn đã biết ý vua Ba-tư-nặc nên liền tự biến hình thành một vị vua càn-thát-bà, cùng với nhiều vị thiên thần khác nữa, số đông đến 7.000 vị, thấy đều ôm đàn làm bằng ngọc lưu ly, đứng hầu hai bên tả hữu. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc mới nói với vua Thiện Ái rằng: “Đó đều là các vị thần chơi nhạc của tôi. Nay ông có thể cùng so tài xem ai hơn kém.”

Vua Thiện Ái liền lấy cây đàn một dây ra khảy, phát thành bảy thứ âm thanh khác nhau, mỗi âm thanh lại có 21 cách biến tấu, tiếng đàn tiếng gõ hòa hợp cùng nhau nghe rất êm tai, lại khiến cho người nghe sinh lòng vui mừng, cho đến nhảy nhót cuồng nhiệt không thể tự chế được.

Đức Thế Tôn khi ấy liền lấy cây đàn quý bằng ngọc lưu ly ra, khảy lên thành ngàn vạn thứ âm thanh khác nhau, mỗi mỗi âm thanh đều êm dịu, hòa hợp, khiến người nghe sinh lòng thích thú, cười múa theo điệu nhạc, rồi lại sinh tâm hoan hỷ, vui mừng không kể xiết.

Vua Thiện Ái nghe Phật khảy đàn rồi, khen là chưa từng có, liền tự mình cảm thấy hổ thẹn, sinh lòng cảm phục, liền quỳ xuống chấp tay lễ bái, xin tôn Phật làm thầy mà theo học thuật chơi đàn.

Khi ấy, Phật biết là vua Thiện Ái đã dẹp bỏ lòng kiêu căng ngã mạn lâu nay, tâm ý được điều phục, nên ngài liền hiện lại hình Phật, có chư tỳ-kheo tĩnh lặng ngồi quanh. Vua Thiện Ái lúc đó kinh sợ, đối trước Phật liền sinh lòng tin phục, quỳ xuống chấp tay xin được xuất gia nhập đạo. Phật nói: “Lành thay đó, tỳ-kheo.” Vừa nói xong thì râu tóc trên người vua liền tự rụng hết, y phục đang mặc trên người hóa thành cà-sa, tự nhiên thành ra một vị sa-môn. Rồi đó, tinh tấn tu tập nên chẳng bao lâu sau liền đắc quả A-La-hán.

Vua Ba-tư-nặc thấy vua Thiện Ái tâm ý được điều phục, đắc thành đạo quả thì sinh tâm hoan hỷ vui mừng, liền quỳ xuống mà thỉnh Phật với chư tỳ-kheo tăng đến nhận lễ cúng dường. Phật liền nhận lời.

Vua liền ra lệnh cho quần thần chuẩn bị lễ đàn, sửa dọn đường xá cho bằng phẳng, nhặt sạch hết sỏi, đá cho đến các thứ đồ ô uế, lại sắp sửa đủ các thứ lễ nghi trang nghiêm, trân trọng như tràng phan, chuông khánh, hương hoa, nước sạch... cùng là chỗ ngồi, chỗ nằm rộng rãi đẹp đẽ, với đủ các món ăn thức uống quý lạ, tinh khiết, cúng dường Phật và chư tỳ-kheo tăng.

Lúc bấy giờ, chư tỳ-kheo thấy việc xảy ra, đều khen là chưa từng có, liền thưa hỏi Phật: “Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên phước báo nào mà nay có kẻ dùng âm nhạc cúng dường Phật mãi mãi chẳng dứt như vậy?”

Phật nói với chư tỳ-kheo: “Các người nên chú ý lắng nghe, ta sẽ vì các người mà phân biệt giảng nói.

“Này Chư tỳ-kheo! Về thuở quá khứ, cách nay vô số kiếp, nước Ba-la-nại có Phật ra đời hiệu là Chánh Giác, cùng với chư tỳ-kheo đi khắp nơi giáo hóa chúng sanh,

đến xứ của một vị vua tên là Phạm-ma. Khi ấy Phật cùng với chư tỳ-kheo dừng dưới một cội cây, ngồi kiết già, nhập Hỏa quang tam-muội, ánh sáng chiếu khắp cõi trời đất. Lúc bấy giờ vua Phạm-ma cùng với quần thần số đông đến ngàn vạn người, ra khỏi thành mà dạo chơi, có dẫn theo các đoàn kỹ nữ, nhạc công để múa hát. Vua ấy từ xa trông thấy Phật với chư tỳ-kheo ngồi kiết già dưới cội cây, có ánh sáng chiếu rọi sáng hơn cả ngàn mặt trời, sinh lòng hoan hỷ, vui mừng, liền dẫn các đoàn nhạc công, kỹ nữ đến đó lễ bái nơi chân Phật, trỗi nhạc mà cúng dường. Vua lại quỳ thỉnh Phật và chư tỳ-kheo tặng vào thành cúng dường. Phật nhận lời.

Vua Phạm-ma thiết lễ cúng dường trọng hậu, đủ các món ăn ngon lạ, tinh sạch. Lễ cúng dường xong, Phật vì vua Phạm-ma mà thuyết pháp. Vua nghe Pháp rồi liền phát tâm vô thượng Bồ-đề. Đức Phật Chánh Giác liền thọ ký cho vua rằng: “Người về sau sẽ thành Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni.”

Phật lại bảo chư tỳ-kheo rằng: “Vua Phạm-ma thuở ấy chính là ta ngày nay. Quần thần thuở ấy nay chính là tỳ-kheo các người. Nhờ nhân duyên cúng dường, phụng sự đức Phật Chánh Giác thuở ấy, nên trải qua bao kiếp lưu chuyển, ta chẳng bao giờ đọa vào các đường địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, thường hưởng những sự khoái lạc trong cõi trời, cõi người, cho đến ngày nay được quả vị vô thượng Bồ-đề. Cũng vì thế mà khắp trong cõi trời người, ai ai cũng muốn đến cúng dường ta.”

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## **NGƯỜI TỬ TỘI CẦU XUẤT GIA**

Lúc ấy, Phật ở gần thành Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp Cô Độc. Trong thành có một người ngu si tên là Như Nguyệt, quen làm những chuyện sát hại, trộm cắp, tà dâm. Nhiều người bắt được thưa kiện lên vua, liền sai quân trói lại dẫn ra chợ, chiếu theo luật mà ghép tội chết.

Trên đường dẫn đi, người ấy trông thấy Phật từ xa liền quỳ mọp xuống lễ bái, tự xưng tội trạng, bạch Phật rằng: “Con nay mắc phải tội chết, mạng sống chẳng còn

bao lâu nữa. Nguyên đức Thế Tôn đại từ đại bi xin tội cho con. Con nguyện xuất gia theo Phật, trọn đời không tái phạm.”

Khi ấy Phật liền nhận lời cầu xin ấy. Ngài bảo với A-nan rằng: “Này A-nan! Người hãy đến chỗ vua Ba-tư-nặc và tâu rằng, ta xin tha mạng người tử tội này để tha nhân người xuất gia nhập đạo.” Ngài A-nan vâng lời Phật đi đến chỗ vua Ba-tư-nặc. Đến nơi, ngài đem lời Phật mà tâu với vua. Vua nghe lời Phật liền lập tức tha tội, truyền quân dẫn đến chỗ Phật.

Phật độ cho Như Nguyên xuất gia. Nhờ tinh cần tu tập nên chẳng bao lâu được đắc quả A-La-hán.

Chư tỳ-kheo thấy việc Như Nguyên sắp chết mà được cứu, lại xuất gia chưa bao lâu được thành đạo quả, đều khen là việc chưa từng có, liền thưa hỏi Phật rằng: “Bạch đức Thế Tôn! Do nhân duyên phước báo gì mà ngày nay Thế Tôn nói ra liền được người tin phục nghe theo, cứu mạng tội nhân dễ dàng như vậy.”

Phật bảo chư tỳ-kheo: “Các người nên chú ý lắng nghe, ta sẽ vì các người mà phân biệt giảng nói.

“Này chư tỳ-kheo! Về thuở quá khứ, cách nay vô số kiếp, nước Ba-la-nại có Phật ra đời hiệu là Đế Tràng, cùng với chư tỳ-kheo đi khắp nơi giáo hóa chúng sanh. Ngày kia nơi giữa đường đi gặp một vị tiên nhân. Vị ấy thấy Phật đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, hào quang chiếu sáng rực rỡ, liền sinh lòng hoan hỷ vui mừng, lễ bái dưới chân, thỉnh Phật cúng dường. Phật nhận lời.

“Khi ấy, tiên nhân soạn sửa đủ các món ăn thức uống quý lạ, tinh sạch mà cúng dường Phật với chư tăng. Lễ cúng dường xong, liền phát lời nguyện rằng: ‘Nhờ công đức cúng dường hôm nay, nguyện cho trong đời vị lai, lời tôi nói ra đều được người tin phục nghe theo.’ Đức Phật Đế Tràng liền nhận cho rằng: ‘Chỗ mong muốn của người hôm nay tất được như nguyện, cũng giống như ta ngày nay không sai khác.’ Khi ấy, tiên nhân nghe lời Phật rồi liền phát tâm vô thượng Bồ-đề, cầu thành quả Phật. Phật Đế Tràng thọ ký cho rằng: ‘Người về sau sẽ thành Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni.’”

Phật bảo chư tỳ-kheo rằng: “Vị tiên nhân thuở ấy chính là ta ngày nay. Vì ta đã từng kính thuận chư Phật, nên ngày nay mỗi lời nói ra liền được người tin theo, cứu mạng được cho tội nhân, lại độ cho thành đạo quả.”

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## **VUA TÀN-BÀ-SA-LA THỈNH PHẬT**

Lúc ấy, Phật ở thành Vương-xá, nơi tinh xá Trúc Lâm.

Bấy giờ, vua Tàn-bà-sa-la cùng với rất đông người đi đến chỗ Phật. Đến nơi, vua lễ bái cung kính rồi quỳ xuống mà thưa thỉnh rằng: “Bạch Thế Tôn! Xin ngài mở lòng từ bi mà nhận cho con được suốt đời cung phụng cúng dường mọi thứ cho Phật và chư tăng.”

Phật không nhận lời.

Vua liền bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Nếu ngài chẳng nhận cho con suốt đời cung phụng cúng dường, thì xin nhận cho trong 12 năm.”

Phật cũng không nhận.

Vua lại bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Nếu ngài chẳng nhận cho con cung phụng cúng dường trong 12 năm, thì xin nhận cho trong 12 tháng.”

Phật cũng không nhận.

Vua lại bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Nếu ngài chẳng nhận cho con cung phụng cúng dường trong 12 tháng, thì xin nhận cho trong 3 tháng.”

Phật liền nhận lời.

Vua lập tức ban lệnh cho quần thần chuẩn bị lễ đàn, sửa dọn đường sá cho bằng phẳng, nhặt sạch đá sỏi, cho đến các thứ dơ nhớp, ô ứ. Lại dựng tràng phan, treo chuông nhạc, rưới nước thơm lên đất, rải các loại hoa thơm, và sửa soạn đủ các thứ giường nằm, ghế ngồi, thầy đều rộng rãi, đẹp đẽ, lại chuẩn bị đủ các món ăn thức uống ngon lạ, tinh khiết, thỉnh Phật và chư tỳ-kheo tăng đến cúng dường trong ba tháng.

Khi ấy, vua Tần-bà-sa-la đích thân cầm một cái lọng quý mà che cho Phật. Các vị quần thần mỗi người cũng đều cầm một cái lọng, đi theo che cho chư tỳ-kheo.

Vừa lúc đức Thế Tôn đặt chân lên ngưỡng cửa thành, mặt đất liền chấn động, trong thành kho báu tự nhiên khai mở, người mù được sáng, người điếc được nghe, người câm nói ra tiếng, người bệnh được khỏi, người nghèo được của báu, trên không trung có tiếng ca nhạc vang lên, các loài voi, ngựa chim chóc bỗng hòa tiếng kêu khắp chốn, từ trên hư không có mưa rải các loại hoa thơm xuống theo đường Phật đi cho đến tận cung vua Tần-bà-sa-la.

Vua dâng các món ngon vật lạ, đủ trăm mùi vị, cúng dường Phật với chư tỳ-kheo tăng như vậy trong ba tháng.

Lễ cúng dường xong, Phật vì vua mà thuyết pháp. Vua nghe pháp rồi, trong lòng hoan hỷ, vui sướng, lại dùng loại áo quý ca-thi-dục mà dâng cúng Phật với chư tỳ-kheo tăng.

Khi ấy, chư tỳ-kheo thưa hỏi đức Thế Tôn rằng: “Bạch đức Thế Tôn! Do nhân duyên phước báo gì mà nay vua Tần-bà-sa-la cúng dường Phật trọng hậu như vậy?”

Phật bảo chư tỳ-kheo: “Các người nên chú ý lắng nghe, ta sẽ vì các người mà phân biệt giảng nói.

“Này chư tỳ-kheo! Về thuở quá khứ, cách nay vô số kiếp, nước Ba-la-nại có Phật ra đời hiệu là Sai-ma, cùng với chư tỳ-kheo đi giáo hóa khắp nơi, đến nước Bảo Thắng, của một vị vua tên là Già-sí. Vua ấy nghe tin Phật đến thì trong lòng hoan hỷ, sung sướng, liền cùng với quần thần ra nghinh đón. Lễ bái trước Phật rồi thỉnh Phật và chư tỳ-kheo tăng vào trong thành để cúng dường. Đức Phật nhận lời.

Vua cúng dường Phật đủ các món ăn thức uống ngon lạ, tinh sạch. Lễ cúng dường xong, vua khao khát muốn được nghe pháp. Phật liền vì vua Già-sí mà thuyết pháp. Vua nghe Pháp rồi trong lòng vui vẻ, liền đối trước Phật mà phát tâm Bồ-đề, nguyện thành quả Phật. Khi ấy, đức Phật Sai-ma liền thọ ký cho vua rằng: “Người về sau sẽ thành Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni.”

Phật bảo chư tỳ-kheo rằng: “Vua Già-sí thưở ấy chính là ta ngày nay. Quân thần thưở ấy chính là tỳ-kheo các người. Nhờ nhân duyên cúng dường, phụng sự đức Phật Sai-ma, nên trải qua bao kiếp lưu chuyển, ta chẳng bao giờ đọa vào các đường địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, thường hưởng những sự khoái lạc trong cõi trời, cõi người, cho đến ngày nay được quả vị vô thượng Bồ-đề. Cũng vì thế mà khắp trong cõi trời người, ai ai cũng muốn đến cúng dường ta.”

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## **ĐẾ-THÍCH HIỆN THÂN BIẾN**

Lúc ấy, Phật ở gần thành Vương-xá, cùng với chư tỳ-kheo nơi tinh xá Trúc Lâm.

Bấy giờ, trong thành có một người trưởng giả tên là Cù-sa, giàu có không kể xiết. Người trưởng giả này tin theo tà kiến, phụng sự bọn ngoại đạo, chẳng tin Phật pháp. Ngài Đại Mục-kiền-liên quán sát, biết ông trưởng giả này tin sâu thuyết tà kiến như vậy, tất đọa vào ba nẻo dữ, không thể nào cứu được, liền sinh lòng thương xót, mới nghĩ cách phương tiện mà cứu độ. Ngài liền bảo Đế-thích dùng sức thần mà biến cảnh rừng Trúc Lâm nơi Phật ngự hóa thành cung điện bằng bảy thứ báu giống như cung điện của chư thiên không sai khác, trang hoàng các thứ tràng phan, chuông khánh, rải hoa trời thơm trên khắp cõi đất, các món ăn thức uống quý lạ tự nhiên đầy đủ mà cúng dường Phật với chúng tỳ-kheo tăng. Lại khiến vua loài rồng cảm lộng báu mà che mát cho Phật, tất cả các vị long vương khác cũng đều cảm lộng mà che cho chư tỳ-kheo. Lại khiến các vị phu nhân cùng các thể nữ thấy đều cảm quạt mà hầu hai bên tả hữu, dùng quạt ấy mà quạt cho Phật. Lại khiến các vị càn-thát-bà trở lên nhạc trời, làm vui mà cúng dường Phật.

Bấy giờ, người trưởng giả kia thấy những việc ấy, khen là chưa từng có, liền sanh lòng tin sâu, kính ngưỡng đức Phật. Ông liền đến nơi Phật ngự, bạch rằng: “Nguyện đức Thế Tôn đại bi lân mẫn, nhận cho sự cúng dường của con.” Khi ấy, đức Phật lặng yên mà chấp nhận.

Người trưởng giả được Phật nhận lời, tức thì quay về nhà chuẩn bị các món ăn thức uống. Xong, người liền đến thỉnh Phật. Khi ấy, Phật cùng chư tỳ-kheo liền đến nhà người trưởng giả ấy mà thọ nhận cúng dường. Lễ cúng dường xong, Phật vì người ấy mà thuyết pháp. Nghe pháp xong, trưởng giả được khai mở tâm ý, đắc quả Tu-đà-hoàn.

Bấy giờ, chư tỳ-kheo thấy việc biến hóa thần diệu, cho đến việc trưởng giả phát tâm cúng dường, đều khen là chưa từng có, liền thưa hỏi Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà có được báo ứng như ngày hôm nay?”

Phật bảo chư tỳ-kheo: “Các người nên chú ý lắng nghe, ta sẽ vì các người mà phân biệt giảng nói.

“Này chư tỳ-kheo! Về thuở quá khứ, cách nay vô số kiếp, nước Ba-la-nại có Phật ra đời hiệu là Mãn Nguyên, cùng với chư tỳ-kheo đi giáo hóa khắp nơi, đến nước của một vị vua tên là Phạm-ma. Vua ấy nghe tin Phật đến thì cùng với quần thần ra nghinh đón. Lễ bái rồi thỉnh Phật và chư tỳ-kheo tãng vào trong thành cúng dường. Đức Phật nhận lời.

Vua xuống lệnh cho quần thần sắp sửa cúng dường các món ăn thức uống ngon lạ, tinh sạch, đủ trăm mùi vị. Lễ cúng dường xong, Phật liền vì vua mà thuyết pháp. Vua nghe pháp rồi phát tâm Bồ-đề, nguyện thành quả Phật. Khi ấy, đức Phật Mãn Nguyên liền thọ ký cho vua rằng: ‘Người về sau sẽ thành Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni.’”

Phật bảo chư tỳ-kheo rằng: “Vua Phạm-ma thuở ấy chính là ta ngày nay. Nhờ nhân duyên cúng dường, phụng sự đức Phật Mãn Nguyên và chư tãng thuở ấy, nên trải qua bao kiếp lưu chuyển, ta chẳng bao giờ đọa vào các đường địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, thường hưởng những sự khoái lạc trong cõi trời, cõi người, cho đến ngày



nay được quả vị vô thượng Bồ-đề. Cũng vì thế mà khắp trong cõi trời người, ai ai cũng muốn đến cúng dường ta.”

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

### **PHẨM THỨ BA : THỌ KÝ BÍCH-CHI PHẬT - VƯƠNG TỬ SANH TỪ HOA SEN**

Lúc ấy, Phật hóa độ qua các nơi trong nước Ma-kiệt-đề, đến bờ con sông Hằng.

Cách bờ sông Hằng chẳng bao xa, có một cảnh tháp cổ điêu tàn, hư rã bởi những cơn mưa sa nắng tấp, không ai trông nom, tu sửa. Chư tỳ-kheo thấy cảnh ấy, bạch hỏi Phật rằng: “Bạch đức Thế Tôn! Chẳng hay tháp ấy là tháp chi? Vì sao lại hoang tàn như vậy, chẳng có ai trông nom tu sửa?”

Phật bảo chư tỳ-kheo: “Các người nên chú ý lắng nghe, ta sẽ vì các người mà phân biệt giảng nói.

“Này chư tỳ-kheo! Về thuở quá khứ, vào khoảng giữa Hiền kiếp này, nước Ba-la-nại có một vị vua tên là Phạm-ma Đạt-đa. Vua ấy trị nước đúng theo chánh pháp, nên nhân dân sung túc, giàu có, mùa màng bội thu, dân cư đông đảo, yên ổn làm ăn, chẳng có những nạn binh đao, dịch bệnh xảy ra trong xứ, lại thêm trâu bò, gia súc đều đông đúc.

Vua ấy không có con. Người rất buồn bực, thành tâm mà cầu đảo các vị thần thánh, nhưng chưa thấy ứng nghiệm gì.

Thuở ấy, trong vườn hoa của vua, nhằm lúc hoa sen đua nở. Có một búp sen hiện lên, to lớn lạ thường. Búp sen ấy càng ngày càng lớn, đến khi nở ra, bên trong thấy một hài nhi xinh đẹp ngồi theo lối kiết già, có đủ ba mươi hai tướng quý và tám mươi vẻ đẹp, trong miệng tỏa ra hơi thơm của hoa ưu-bát-la, và các lỗ chân lông đều xuất ra mùi hương chiên-đàn.

Bấy giờ, người làm vườn tâu lên với vua. Vua nghe chuyện lấy làm vui mừng, liền ngự ra vườn hoa, có triều thần với các vị hậu phi theo hầu. Khi nhìn thấy đứa trẻ ấy thì vua bỗng vui mừng không tự chế được, lòng muốn chạy đến mà ôm lấy ngay. Đứa trẻ ấy vừa thấy vua liền lên tiếng nói rằng: “Vị đại vương thường cầu thỉnh, nên nay tôi đến đây làm con của ngài.”

Khi ấy, vua cùng với các vị hậu phi nghe lời ấy rồi thì thấy đều vui mừng, liền ẵm đứa bé về cung nuôi nấng.

Khi đứa trẻ dần dần lớn lên, mỗi khi đi đứng nơi đâu, chỗ bước chân đều nảy sinh lên những đóa hoa sen, còn các lỗ chân lông trong người thì tỏa ra mùi hương chiên-đàn thơm ngát, nhân đó mà đặt tên là Chiên Đàn Hương.

Bấy giờ, đứa trẻ ấy tự quan sát thấy những chỗ mình đi qua đều nảy sinh hoa sen, mới sanh thì tươi tốt, xinh đẹp, chẳng bao lâu liền héo úa, tàn lụi. Thấy như vậy rồi, liền tự suy nghĩ, thấy thân người cũng không bền chắc, giống như vậy không khác. Nhân đó mà ngộ hiểu được lý vô thường, chứng quả Phật Bích-chi. Ngay khi ấy thân thể liền bay được lên không trung, hiện đủ mười tám phép thần biến, rồi nhập Niết-bàn.

Khi ấy, vua và các vị hậu phi, cung nữ đều buồn thảm than khóc. Liền mang di thể đi thiêu hóa, thu nhật xá-ly rồi lập tháp đặt vào mà thờ kính, cúng dường. Đó chính là ngôi tháp cổ mà ngày nay các người thấy đó.”

Chư tỳ-kheo lại hỏi Phật: “Bạch đức Thế Tôn ! Chẳng hay vị Phật Bích-chi ấy nhờ nhân duyên phước báo gì mà được có mùi thơm chiên-đàn tỏa ra từ nơi thân thể như vậy?”

Phật nói với chư tỳ-kheo: “Các người nên chú ý lắng nghe, ta sẽ vì các người mà phân biệt giảng nói.

“Này chư tỳ-kheo! Về thuở quá khứ, cách nay vô số kiếp, nước Ba-la-nại có Phật ra đời hiệu là Ca-la-ca Tôn-đà. Thuở ấy có một vị trưởng giả giàu có vô cùng, tài sản, châu báu không tính kể xiết. Khi ấy, ông trưởng giả chẳng may mất sớm, vợ ông với đứa con trai lại chẳng ở chung nhau. Người con trai ông trưởng giả ấy rất

đam mê sắc dục, gắp một cô kỹ nữ đem lòng mê mết. Cô đòi hỏi phải bỏ ra trăm lượng vàng thì cô mới tiếp một đêm. Cứ như vậy qua nhiều năm thì tài sản cạn kiệt hết. Ngày kia không còn đủ vàng cho cô nữa, cô không chịu tiếp. Người con ông trưởng giả mới tha thiết khẩn cầu, chỉ xin được gán cô một đêm nữa thôi. Cô kỹ nữ ấy nói rằng: ‘Nếu anh có thể kiếm được một bông hoa thật đẹp mà mang đến cho tôi, thì tôi chịu tiếp anh một đêm.’

“Khi ấy, người con ông trưởng giả mới suy nghĩ rằng: ‘Nay tài sản ta chẳng còn chi, đến tiền mua một cành hoa cũng không có nữa, lấy chi mà mang cho cô ấy.’ Rồi lại nghĩ rằng: ‘Nay trong tháp của nhà vua chắc chắn là có hoa đẹp, hay là ta vào đó lấy trộm một cành.’ Nghĩ rồi làm liền.

“Nơi tháp của nhà vua lại có một người giữ, chẳng thể nào vào nơi cửa trước được. Người con ông trưởng giả liền lần theo lối sau, ẩn mình chờ khi thuận tiện thì đột nhập được vào trong tháp, mới trộm lấy một cành hoa.

“Được hoa rồi mang đến chỗ cô kỹ nữ, cô liền tiếp một đêm. Ngờ đâu đến sáng hôm sau, thân thể bỗng nổi lên rất nhiều ung nhọt, đau nhức, khổ não không thể nói hết. Khi ấy mời các vị danh y đến xem bệnh liệu trị, đều nói rằng phải dùng loại chiên-đàn thơm quý mà tán bột rắc lên những chỗ ung nhọt ấy, mới có thể khỏi.

“Người con ông trưởng giả tự nghĩ: ‘Nay ta chẳng còn tiền bạc chi, lấy gì mua bột chiên-đàn quý ấy?’ Liền bán hết nhà cửa đất đai, được sáu trăm ngàn đồng tiền vàng, mang đi mua được sáu lượng bột chiên-đàn thơm.

“Khi ấy, ông suy nghĩ rồi không chịu trị bệnh nữa, nói với lương y rằng: ‘Nay bệnh của tôi thật là bệnh trong tâm, nếu chỉ trị ngoài thân thể làm sao dứt được?’

“Nói lời ấy xong, liền vào trong một ngôi tháp, phát lời nguyện lớn rằng: ‘Đức Như Lai ngày xưa tu đủ các hạnh khổ, thế nguyện độ hết chúng sanh trong chốn khổ ách. Nay thân thể này của con đọa vào chỗ khổ não không cùng, nguyện đức Thế Tôn đại từ lân mẫn cứu cho khỏi nạn.’ Phát lời nguyện như thế rồi, liền lấy số bột chiên-đàn ra hai lượng, rắc lên cúng dường tháp, hai lượng mang đèn trả lại giá trị cành hoa, hai lượng chí tâm cúng dường Phật, cầu xin sám hối.

“Ngay khi ấy, ung nhọt tự nhiên dứt trừ, trong thân thể các lỗ chân lông đều xuất ra mùi hương thơm chiên-đàn. Nghe được mùi hương ấy, lòng vui không kể xiết.

“Từ khi phát nguyện và cúng dường như thế về sau, nhờ công đức ấy mà chẳng đọa các nẻo dữ, lại khi sinh ra trong cõi trời, cõi người, mỗi nơi đi qua đều nảy sinh hoa sen xinh đẹp, từ trong lỗ chân lông lại tỏa ra mùi thơm dễ chịu.

“Này chư tỳ-kheo! Người con ông trưởng giả ngày trước rắc bột chiên-đàn cúng dường trong tháp ấy, về sau chính là vị Bích-chi Phật thờ trong ngôi tháp cổ đó.”

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## **EM BÉ CÚNG HOA**

Lúc ấy, Phật ở gần thành Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp Cô Độc.

Khi ấy Phật cùng với chư tỳ-kheo đáp y, ôm bát vào thành Xá-vệ hóa trai. Đến ngõ hẻm kia gặp một người phụ nữ ẵm đứa con nhỏ. Người phụ nữ đi đến con hẻm này thì đặt con xuống đất ngồi nghỉ. Đứa nhỏ nhìn thấy Phật từ xa thì bỗng sinh lòng vui mừng hơn hở, liền đòi mẹ mua cho một cành hoa. Người mẹ chiều ý mua hoa cho em. Em bé được hoa rồi thì cầm lấy, chạy đến trước chỗ Phật đang đi đến, quỳ xuống mà tung hoa lên cúng dường Phật.

Khi ấy cành hoa bay lên giữa không trung liền hóa thành một tán hoa lớn, bay che theo trên đầu Phật. Đứa bé nhìn thấy sự màu nhiệm ấy, lòng vô cùng vui sướng, liền phát tâm Bồ-đề, lập lời nguyện rằng: “Do phước lành công đức cúng dường hôm nay, nguyện cho ngày sau con được đắc thành chánh giác, cứu độ chúng sanh cũng như Phật ngày nay không khác.”

Khi em bé phát nguyện như vậy rồi thì đức Thế Tôn liền mỉm cười, từ nơi trán, giữa hai lông mày phóng ra một đạo hào quang năm sắc chiếu khắp thế giới, hóa hiện đủ các màu sắc, bay quanh Phật ba vòng rồi lại theo chỗ trên trán Phật mà bay trở vào.

Khi ấy, A-nan bạch Phật rằng: “Nhu Lai là đáng tôn quý, chẳng vô cớ mà cười bao giờ. Nay vì nhân duyên gì mà Phật mỉm cười, xin giảng giải cho được biết.”

Phật bảo A-nan: “Người có nhìn thấy em bé tung hoa cúng dường ta hôm nay chẳng?” A-nan thưa: “Bạch Thế Tôn, con đã thấy.”

Phật bảo A-nan rằng: “Đứa bé này nhờ công đức tung hoa cúng dường ta, trong tương lai không còn bị đọa vào các đường ác nữa, lại thường được hưởng những điều khoái lạc trong cõi trời người. Trải qua ba a-tăng-kỳ kiếp nữa sẽ thành Phật, hiệu là Hoa Thạnh, hóa độ chúng sanh số lượng nhiều không thể tính đếm. Vì nhân duyên ấy mà ta mỉm cười.”

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## **CÚNG DƯỜNG TRÂN BẢO**

Lúc ấy, Phật ở thành Vương-xá, nơi tinh xá Trúc Lâm.

Trong thành Vương-xá có một người thương chủ tên là Phù Hải, cùng với nhiều khách thương đi ra biển cả tìm châu báu. Vợ người còn trẻ trung, dung nhan xinh đẹp, sầu lo về nỗi chồng đi xa, đêm ngày mong mỏi cho được sớm về.

Bà liền đến đền thờ thần ngoại đạo Na-la-diên mà khẩn vái rằng: “Nhu ngài phò hộ cho chồng tôi an ổn mà về sớm, tôi sẽ dâng cúng các thứ vàng bạc, châu báu mà báo ơn ngài. Còn nếu chồng tôi gặp nạn chẳng về, tôi sẽ đem các thứ phân ứ như nhớp mà bôi trét lên tượng ngài.”

Không bao lâu, chồng bà trở về được bình an vô sự. Bà liền sắp sửa các thứ châu báu, vàng bạc, cùng với một đoàn tùy tùng mang đến cúng thần Na-la-diên.

Trên đường đi, bà gặp Phật đang cùng với chư tỳ-kheo đi khất thực trong thành. Từ xa trông thấy vẻ trang nghiêm của Phật, với ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, dáng đi uy nghi, thanh thản, có hào quang rạng chiếu rực rỡ quanh thân, bà liền sanh tâm hoan lạc, vui mừng, muốn mang hết những châu báu, vàng bạc mà dâng lên cúng dường. Những người tùy tùng liền cản lại, nói rằng: “Vị này chẳng phải là thân Na-la-diên.”

Nhưng bà chẳng nghe theo lời can ngăn ấy nữa, vì lòng bà rất kính mộ. Bà đến trước đức Thế Tôn, quỳ xuống rồi tung hết những châu báu, vàng bạc mang theo lên không trung mà cúng dường ngài. Những vàng bạc, châu báu ấy bay lên hư không bỗng nhiên biến hóa thành một cái lọng báu, bay theo che bên trên Phật.

Người phụ nữ nhìn thấy sự thần biến như vậy, lòng bà sanh ra tin kính sâu vững nơi đức Phật, liền chí thành lễ bái mà phát lời đại nguyện rằng: “Con nhờ công đức cúng dường Phật hôm nay, nguyện trong đời vị lai sẽ được thành chánh giác, cứu độ chúng sanh như Phật ngày nay không khác.”

Khi bà phát nguyện như vậy rồi thì đức Thế Tôn liền mỉm cười, từ nơi trán, giữa hai lông mày phóng ra một đạo hào quang năm sắc chiếu khắp thế giới, hóa hiện đủ các màu sắc, bay quanh Phật ba vòng rồi lại theo chỗ trên trán Phật mà bay trở vào.

Khi ấy, A-nan bạch Phật rằng: “Nhu Lai là đáng tôn quý, chẳng vô cớ mà cười bao giờ. Nay vì nhân duyên gì mà Phật mỉm cười, xin giảng giải cho được biết.”

Phật bảo A-nan: “Ngươi có nhìn thấy người phụ nữ cúng dường trân bảo cho ta hôm nay chăng?” A-nan thưa: “Bạch Thế Tôn, con đã thấy.”

Phật bảo A-nan rằng: “Người phụ nữ này trong tương lai không còn bị đọa vào các đường ác nữa, thường được hưởng những điều khoái lạc trong cõi trời người. Trải qua ba a-tăng-kỳ kiếp nữa sẽ thành Phật, hiệu là Kim Luân Anh Lạc, hóa độ chúng sanh số lượng nhiều không thể tính đếm. Vì nhân duyên ấy mà ta mỉm cười.”

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## CHÚ NGUYỄN CỨU ĐƯỢC NGƯỜI

Lúc ấy, Phật ở thành Xá-vệ, nơi tinh xá Trúc Lâm.

Bấy giờ, trong hậu cung của vua Ba-tu-nặc có người cung phi già tên là Thiện Ái, tánh tình cực kỳ tham lam, bủn xỉn, ghét chuyện bố thí, chỉ ưa thích việc ngồi không mà ăn uống.

Ngài Đại Mục-liên muốn hóa độ cho bà lão, mới đắp y, ôm bình bát, dùng phép thần thông từ trong lòng đất mà hiện lên ngay trước mặt bà lão, xin khát thực. Bà nghe nói thì sinh tâm sân hận, chẳng chịu bố thí.

Bà ăn uống xong, trên bàn chỉ còn thừa một ít trái cây hư thối không ăn được, với nước rửa bát. Ngài Mục-liên mới đến xin những thứ ấy. Bà lão trong lòng giận dữ, lấy những thứ ấy mà thí cho. Ngài Mục-liên nhận lấy rồi, liền nhảy vọt lên hư không, hiện đủ mười tám phép biến hóa. Khi ấy, bà lão nhìn thấy phép thần biến rồi, mới sinh lòng tin phục, kính ngưỡng, thành tâm mà sám hối.

Ngay trong đêm hôm đó bà chết đi, sanh thành loài quỷ khoáng dã nơi đồng hoang, ở dưới một cội cây, chỉ ăn trái cây uống nước mà sống.

Qua nhiều năm như vậy. Ngày kia, vua Ba-tu-nặc cùng với quần thần tổ chức một cuộc săn bắn để vui chơi, rượt đuổi theo một đàn nai mà chạy đến đó, mệt và khát nước lắm. Xa trông thấy cội cây ấy thì muốn đến xem, may ra có nước uống ở đó chẳng. Vừa nhắm hướng ấy chạy đến, còn cách cội cây chẳng bao xa thì bỗng có một bức tường lửa bùng lên, cản không đến gần được.

Vua nhìn nơi gốc cây thì thấy có dáng một người ngồi, liền đứng từ xa mà hỏi vọng tới: “Người là ai mà ngồi dưới gốc cây đó?” Người ấy liền đáp: “Tôi trước là cung phi trong cung vua Ba-tu-nặc, tên là Thiện Ái. Do tánh bủn xỉn, không ưa bố thí, nên mạng chung sanh ra chôn này. Xin đại vương rủ lòng thương, vì tôi mà thiết lễ thỉnh Phật và tỳ-kheo tăng cúng dường, giúp tôi thoát khỏi thân mạng khổ

nào này.” Vua liền hỏi lại: “Ta vì người mà làm việc phước, biết có kết quả gì chẳng?” Người ấy liền đáp: “Tất nhiên là sẽ được, đại vương cứ làm rồi sẽ tự thấy.”

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc nghe lời ấy rồi, liền ra lệnh cho quân binh của mình, cứ một trăm bước thì đặt một người đứng canh, vừa để nghe được tiếng nói của nhau. Nói từ đó mà truyền về đến tận cung vua. Vua về trong thành thiết lễ cúng dường, thỉnh Phật và chư tăng, dặn quân binh canh chừng nơi gốc cây, nếu thấy có sự ứng nghiệm thì tức tốc truyền tin về ngay cho vua biết hư thực như thế nào.

Sắp đặt xong rồi liền thỉnh Phật và chư tăng đến dự, nhờ chú nguyện cho Thiện Ái. Chú nguyện vừa xong, nơi gốc cây kia hiện đủ trước mặt Thiện Ái cả trăm món ăn ngon lạ. Vua Ba-tư-nặc nghe quân phi báo, biết sự ứng nghiệm, sinh lòng tin phục sâu vững. Phật liền vì vua thuyết pháp, vua nghe xong đắc quả Tu-đà-hoàn.

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## **TRƯỞNG GIẢ CÚNG PHẬT**

Lúc ấy, Phật ở gần thành Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, trong thành có một người trưởng giả tên là Hàm Hương, giàu có vô cùng, tài sản của cải không sao tính kể hết. Người này bẫm tánh hiền lành, tin sâu nơi Tam bảo.

Ngày kia, ông tự suy nghĩ rằng: “Thân này của ta đây, cùng với bao nhiêu của cải, tài vật, thấy đều là hư dối, chẳng thể tồn tại vĩnh viễn được.”

Nghĩ như vậy rồi, ông liền đi đến chỗ Phật, chí thành lễ bái, rồi đứng sang một bên mà thưa thỉnh rằng: “Nay con muốn thiết lễ cúng dường Phật và chư tỳ-kheo tăng. Nguyện đức Thế Tôn thương mà thọ nhận cho.” Phật liền nhận lời.



Người trưởng giả được Phật nhận lời rồi, liền trở về nhà, sắp đặt lễ cúng trang nghiêm, đủ các món ăn ngon lạ, tinh sạch. Xong, ông lại thân hành đến thỉnh một lần nữa rằng: “Lễ cúng dường đã chuẩn bị xong. Xin đức Thế Tôn và chư tỳ-kheo tăng tùy thời đến dự.”

Lễ cúng dường xong, ông trưởng giả trong lòng vui vẻ khôn xiết, liền sắp đặt một chỗ ngồi ở gần nơi Phật mà xin được nghe thuyết pháp. Phật liền vì ông mà thuyết pháp. Ông nghe xong rồi tâm ý khai mở, mới phát lời đại nguyện rằng: “Con nay nhờ công đức cúng dường này, nguyện trong đời vị lai sẽ thành chánh giác, độ khắp chúng sanh, giống như Phật ngày nay không khác.”

Khi ông trưởng giả phát nguyện như vậy rồi thì đức Thế Tôn liền mỉm cười, từ nơi trán, giữa hai lông mày phóng ra một đạo hào quang năm sắc chiếu khắp thế giới, hóa hiện đủ các màu sắc, bay quanh Phật ba vòng rồi lại theo chỗ trên trán Phật mà bay trở vào.

Khi ấy, A-nan bạch Phật rằng: “Nhu Lai là đáng tôn quý, chẳng vô cớ mà cười bao giờ. Nay vì nhân duyên gì mà Phật mỉm cười, xin giảng giải cho được biết.”

Phật bảo A-nan: “Người có nhìn thấy ông trưởng giả Hàm Hương đây thiết lễ trân trọng cúng dường ta hôm nay chăng?” A-nan thưa: “Bạch Thế Tôn, con đã thấy.”

Phật bảo A-nan rằng: “Vị trưởng giả này nhờ công đức cúng dường ta, trong chín mươi kiếp nữa không còn bị đọa vào các đường ác nữa, lại thường được hưởng những điều khoái lạc trong cõi trời người. Khi thọ sanh lần cuối cùng sẽ thành Phật Bích-chi, hiệu là Hàm Hương, hóa độ chúng sanh số lượng nhiều không thể tính đếm. Vì nhân duyên ấy mà ta mỉm cười.”

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## **QUA SÔNG ĐỘ NGƯỜI**

Lúc ấy, Phật đang ở xứ Ma-kiệt-đề, cùng với chư tỳ-kheo đi giáo hóa trong xứ, ngày kia đến bờ con sông Hằng. Nơi bờ sông chỗ ấy có một người đưa thuyền. Đức Phật nói với người này rằng: “Người nên vì ta mà đưa các vị tỳ-kheo qua sông.” Người lái đò đáp: “Ông trả bao nhiêu tiền xin nói trước, rồi tôi mới thuận đưa các vị sang sông.”

Đức Phật liền nói với người ấy: “Người nên biết rằng ta đây cũng là người đưa thuyền như người không khác. Trong cõi đời khổ não này, ta là kẻ đưa người vượt qua biển khổ sanh tử, không phải là việc đáng làm đó sao? Như Ương-quật-ma-la lòng đầy sân hận, giết hại nhiều người, ta đã từng độ cho qua khỏi biển khổ sanh tử. Như Ma-na-đáp-đà lòng đầy kiêu ngạo, khinh miệt mọi người, ta cũng độ cho vượt qua biển khổ sanh tử. Như Ưu-lưu-tần-loa Ca-diếp ngu si không có trí, ta lại cũng độ cho vượt qua biển khổ sanh tử. Lại còn vô số người khác như vậy, ta cũng đã từng độ cho vượt qua biển khổ sanh tử, mà chẳng hề nói giá đòi tiền. Nay sao người lại buộc ta phải nói giá trước rồi mới đưa người qua sông?”

Đức Phật thuyết đủ mọi lẽ với người lái đò như vậy, mà ông ta vẫn ngoan ngạnh, chẳng chịu đưa người qua sông.

Bấy giờ, nơi mé sông phía dưới gần đó, có một ông lái đò khác, nghe được những điều Phật nói, lòng sinh vui mừng, mới đến bạch Phật rằng: “Nay con xin vì Phật mà đưa chư vị tỳ-kheo sang sông.” Phật liền nhận lời.

Người lái đò liền chuẩn bị thuyền, mời các vị tỳ-kheo lên thuyền mà đưa sang sông. Khi ấy, các vị tỳ-kheo mới hiện thần biến, có người bay lên hư không, có người bay ra giữa sông, có người hiện lên ở bờ sông bên kia.

Lúc đó, mấy người lái đò nhìn thấy Phật và chư tăng hiện các phép thần biến, sinh lòng tin phục, kính ngưỡng, khen là việc chưa từng có, đều làm lễ Phật và chư tăng. Phật liền vì mọi người mà thuyết pháp. Nghe pháp rồi, tâm ý khai mở, đều được đắc quả Tu-đà-hoàn.

Bấy giờ, người lái đò lúc nãy đòi nói giá trước, giờ thấy người lái đò ở bên dưới đưa Phật với chư tăng qua sông, lại thấy được các phép thần biến, trong lòng sinh ra hổ thẹn, liền phủ phục xuống chí thành lễ bái, cầu sám hối với Phật. Lại xin thỉnh Phật và chư tăng về nhà dự lễ cúng dường. Phật liền nhận lời.

Người lái đò được Phật nhận lời, liền quay về nhà sắp sửa lễ cúng dường trang nghiêm, đủ các món ngon lạ, tinh sạch, đủ trăm mùi vị, tự thân lo lắng mọi việc, cúng dường Phật và chư tỳ-kheo tăng.

Lễ cúng dường xong, người liền sắp đặt một chỗ ngồi ở gần nơi Phật mà xin được nghe pháp. Khi ấy Phật vì người lái đò mà thuyết pháp. Ông nghe xong rồi tâm ý khai mở, mới phát lời đại nguyện rằng: “Con nay nhờ công đức cúng dường này, nguyện trong đời vị lai sẽ thành chánh giác, độ khắp chúng sanh, giống như Phật ngày nay không khác.”

Khi ông phát nguyện như vậy rồi thì đức Thế Tôn liền mỉm cười, từ nơi trán, giữa hai lông mày phóng ra một đạo hào quang năm sắc chiếu khắp thế giới, hóa hiện đủ các màu sắc, bay quanh Phật ba vòng rồi lại theo chỗ trên trán Phật mà bay trở vào.

Khi ấy, A-nan bạch Phật rằng: “Như Lai là đáng tôn quý, chẳng vô cớ mà cười bao giờ. Nay vì nhân duyên gì mà Phật mỉm cười, xin giảng giải cho được biết.”

Phật bảo A-nan: “Người có nhìn thấy người lái đò đây sanh tâm hồ thẹn rồi phát nguyện cúng dường ta hôm nay chăng?” A-nan thưa: “Bạch Thế Tôn, con đã thấy.”

Phật bảo A-nan rằng: “Người lái đò này nhờ công đức sám hối, cúng dường ta, trong tương lai không còn bị đọa vào các đường ác nữa, lại thường được hưởng những điều khoái lạc trong cõi trời người. Trải qua ba a-tăng-kỳ kiếp nữa sẽ thành Phật Bích-chi, hiệu là Độ Sanh Tử Hải, hóa độ chúng sanh số lượng nhiều không thể tính đếm. Vì nhân duyên ấy mà ta mỉm cười.”

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

**NGƯỜI HẬU GÁI CÚNG PHẬT**

Lúc ấy, Phật ở thành Vương-xá, trong tinh xá Trúc Lâm. Bấy giờ trong thành có một vị đại trưởng giả nuôi một cô hầu gái, bầm tánh rất hiền lành, kính tin nơi Tam bảo.

Ngày kia, cô đang dùng bột hương chiên-đàn mà thoa phết các nơi trong nhà chủ, có việc phải tạm đi ra ngoài. Tình cờ nhìn thấy Phật với chư tỳ-kheo lúc ấy đang đi khát thực trong thành. Cô được thấy Phật thì sinh lòng vui mừng khôn xiết, liền quay trở vào nhà lấy một ít bột chiên-đàn, rồi đến trước Phật mà lễ bái, dùng bột chiên-đàn ấy mà phết lên chân Phật để cúng dường.

Khi ấy, Phật dùng thần lực làm cho mùi hương chiên-đàn quyện lên thành những đám mây hương, bay khắp các nơi trong thành Vương-xá.

Cô gái nhìn thấy sự thần biến ấy, lòng sinh ra tin tưởng sâu vững và kính ngưỡng, liền gieo mình lạy Phật chí thành, phát lời nguyện rằng: “Con nay nhờ công đức cúng dường này, nguyện trong đời vị lai sẽ thành chánh giác, độ khắp chúng sanh, giống như Phật ngày nay không khác.”

Khi người hầu gái phát nguyện như vậy rồi thì đức Thế Tôn liền mỉm cười, từ nơi trán, giữa hai lông mày phóng ra một đạo hào quang năm sắc chiếu khắp thế giới, hóa hiện đủ các màu sắc, bay quanh Phật ba vòng rồi lại theo chỗ trên trán Phật mà bay trở vào.

Khi ấy, A-nan bạch Phật rằng: “Như Lai là đáng tôn quý, chẳng vô cớ mà cười bao giờ. Nay vì nhân duyên gì mà Phật mỉm cười, xin giảng giải cho được biết.”

Phật bảo A-nan: “Người có nhìn thấy người hầu gái đây lấy bột chiên-đàn cúng dường ta hôm nay chăng?” A-nan thưa: “Bạch Thế Tôn, con đã thấy.”

Phật bảo A-nan rằng: “Người hầu gái này nhờ công đức cúng dường chiên-đàn cho ta, trải qua trong chín mươi kiếp nữa, mỗi khi sinh ra thân thể đều thơm tho, tinh khiết, chẳng đọa vào các đường dữ, trong cõi trời người thường được hưởng những điều khoái lạc, cho đến khi thọ sanh lần cuối cùng sẽ thành Phật Bích-chi, hiệu là Chiên Đàn Hương. Vì nhân duyên ấy mà ta mỉm cười.”

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## **NGƯỜI NGHÈO CÚNG PHẬT**

Lúc ấy, Phật ở gần thành Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp Cô Độc. Trong thành, có một người nghèo khổ tên là Bạt-đề, đi làm thuê giữ vườn cho người khác mà sinh sống.

Một ngày kia, Bạt-đề ươm được một cây vả con, muốn đem vào trong thành mà bán. Vừa đến cửa thành thì gặp một người nói rằng: “Nếu ông đưa cây vả ấy cho ta, ta sẽ cho ông ăn một bữa đủ trăm món ngon lạ.” Người nghèo nghe vậy mừng lắm, đồng ý ngay. Người kia lại nói: “Ông hãy mang cây vả mà đi theo ta, đến chỗ tinh xá Kỳ Hoàn, rồi ta sẽ cho ông ăn uống.” Người nghèo ấy liền nghe lời mà cùng đi. Đến tinh xá Kỳ Hoàn, nhìn thấy Phật đang ngự nơi đó, đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, hào quang chói sáng rực rỡ quanh thân, trong lòng người nghèo khổ ấy liền thấy hoan hỷ, sung sướng vô cùng. Ông liền quỳ xuống lễ bái trước Phật, dâng cây vả của mình lên mà cúng dường.

Đức Phật nhận cây vả, cầm lấy rồi cắm ngay xuống đất. Ngài dùng thần lực mà làm cho cây vả ấy trong phút chốc bỗng vụt lớn lên, cành lá tươi tốt, hoa quả sum sê, dáng vẻ xinh đẹp. Đức Thế Tôn hiện ra nơi cội cây ấy ngồi kiết già, vì chúng hội số đông đến trăm ngàn vạn người mà thuyết diễn diệu pháp.

Người nghèo khổ kia nhìn thấy phép thần biến ấy, trong lòng vui sướng không kể xiết, liền phủ phục xuống chí thành lễ Phật, phát lời nguyện lớn rằng: “Con nay nhờ công đức cúng dường này, nguyện trong đời vị lai sẽ thành chánh giác, độ khắp chúng sanh, giống như Phật ngày nay không khác.”

Khi người nghèo khổ ấy phát nguyện như vậy rồi thì đức Thế Tôn liền mỉm cười, từ nơi trán, giữa hai lông mày phóng ra một đạo hào quang năm sắc chiếu khắp thế

giới, hóa hiện đủ các màu sắc, bay quanh Phật ba vòng rồi lại theo chỗ trên trán Phật mà bay trở vào.

Khi ấy, A-nan bạch Phật rằng: “Nhu Lai là đáng tôn quý, chẳng vô cớ mà cười bao giờ. Nay vì nhân duyên gì mà Phật mỉm cười, xin giảng giải cho được biết.”

Phật bảo A-nan: “Người có nhìn thấy người nghèo khổ cúng dường cây vả cho ta hôm nay chăng?” A-nan thưa: “Bạch Thế Tôn, con đã thấy.”

Phật bảo A-nan rằng: “Người nghèo khổ này, nhờ công đức cúng dường hôm nay, trong mười ba kiếp nữa, chẳng đọa vào các đường dữ, trong cõi trời người thường được hưởng những điều khoái lạc, cho đến khi thọ sanh lần cuối cùng sẽ thành Phật Bích-chi, hiệu là Ly Cấu. Vì nhân duyên ấy mà ta mỉm cười.”

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## **TRƯỜNG GIẢ CÚNG DƯỜNG ÂM NHẠC**

Lúc ấy, Phật ở thành Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp Cô Độc. Ngày kia, trong thành có một nhóm các vị trưởng giả ăn mặc sang trọng, dùng các món trang sức như vòng, xuyên, anh lạc, các thứ hương hoa, với đủ cả đàn ca kỹ nhạc, cùng nhau đi ra ngoài thành vui chơi giải trí. Vừa đến cửa thành thì gặp Phật cùng với chư tỳ-kheo đang vào thành khát thực.

Các vị trưởng giả ấy nhìn thấy Phật đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, hào quang chói sáng rực rỡ quanh thân, thì ai nấy đều thấy trong lòng vui vẻ, hoan lạc. Bọn họ liền đến lễ bái trước Phật, rồi dùng đủ các môn đàn ca kỹ nhạc mà dâng lên cúng dường Phật với chư tỳ-kheo. Mỗi người lại dùng những hoa hương của mình mang theo mà tung lên không trung để cúng dường Phật. Những hoa hương ấy từ trên không trung bỗng nhiên hóa thành một tán hoa lớn. Phật lại dùng thần lực làm cho tán hoa ấy che phủ ra khắp cả thành Xá-vệ.

Những người trưởng giả kia thấy sự thần biến, đều khen là việc chưa từng có. Tất cả liền quỳ mọp xuống, chí thành lễ Phật, cùng nhau phát nguyện rằng: “Chúng con ngày nay nhờ công đức xướng nhạc cúng dường này, nguyện trong đời vị lai sẽ thành chánh giác, độ khắp chúng sanh, giống như Phật ngày nay không khác.”

Khi các vị trưởng giả ấy phát nguyện như vậy rồi thì đức Thế Tôn liền mỉm cười, từ nơi trán, giữa hai lông mày phóng ra một đạo hào quang năm sắc chiếu khắp thế giới, hóa hiện đủ các màu sắc, bay quanh Phật ba vòng rồi lại theo chỗ trên trán Phật mà bay trở vào.

Khi ấy, A-nan bạch Phật rằng: “Nhu Lai là đáng tôn quý, chẳng vô cớ mà cười bao giờ. Nay vì nhân duyên gì mà Phật mỉm cười, xin giảng giải cho được biết.”

Phật bảo A-nan: “Người có nhìn thấy các vị trưởng giả đây cúng dường ta hôm nay chăng?” A-nan thưa: “Bạch Thế Tôn, con đã thấy.”

Phật bảo A-nan rằng: “Những vị trưởng giả này nhờ công đức cúng dường hôm nay, trong một trăm kiếp nữa, chẳng đọa vào các đường dữ, trong cõi trời người thường được hưởng những điều khoái lạc, cho đến khi thọ sanh lần cuối cùng đều sẽ thành Phật Bích-chi, có cùng một hiệu như nhau là Diệu Thanh. Vì nhân duyên ấy mà ta mỉm cười.”

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## **NHẬN LÃNH TAM QUY**

Lúc ấy, Phật ở gần thành Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp Cô Độc, cùng với chư tỳ-kheo. Trong thành khi ấy có một người ngu si tên là Ác Nô, tánh thường ham vui, lại hay ản núp những nơi vắng vẻ mà cướp đoạt của người khác, lấy đó làm kế sinh nhai.

Khi ấy có một vị tỳ-kheo ở trong một cái động vắng vẻ bên ngoài thành mà ngồi thiền, học đạo. Đến giờ ăn, ngài mới đắp y, mang bình bát vào thành khát thực. Có

một ông trưởng giả, thấy vị tỳ-kheo tướng mạo oai nghi, sinh lòng tin phục, kính ngưỡng, liền mời vào nhà cúng dường. Xong, ông lấy ra một xấp vải tốt mà dâng cúng. Vị tỳ-kheo trở về chỗ ngụ, gặp Ác Nô hỏi xin xấp vải. Ngài liền trao cho.

Hôm sau, Ác Nô lại tìm đến, hỏi xin một tấm y. Ngài cũng trao cho.

Đến hôm sau nữa, vị tỳ-kheo đi khát thực về, ăn uống vừa xong, đã vào nghỉ ngơi. Ác Nô lại đến hỏi xin bình bát. Vị tỳ-kheo khi ấy tự nghĩ rằng: “Ta chỉ có mỗi một cái bát này dùng để khát thực mà nuôi sống thân mạng, tên cướp này lại muốn cướp lấy, thật là không tự biết đủ. Nay ta phải lập một kế buộc nó phải thọ Tam quy y, khiến cho từ nay về sau không còn đến đây phá quấy nữa.”

Nghĩ như vậy rồi, liền nói vọng ra bên ngoài động với kẻ cướp rằng: “Đợi ta một chút, ta sẽ đưa bát cho ngươi.” Ác Nô nghe vậy liền ngồi ngoài chờ.

Vị tỳ-kheo lấy sợi dây thừng làm một cái thòng lọng đặt sẵn nơi lối đi phía trong. Xong rồi mới gọi kẻ cướp mà nói rằng: “Ta bây giờ mệt quá, không thể ngồi dậy được. Ngươi hãy tự vào đây mà lấy, ta đưa bát cho.” Ác Nô nghe nói liền bước vào cửa trong, vị tỳ-kheo rút mạnh thòng lọng, bắt dính lại được. Liền đó mang trói chặt vào chân giường, rồi ra ngoài lấy một cây gậy lớn mang vào mà đánh. Trước khi đánh, người nói to lên rằng: “Một gậy này, để ngươi quy y Phật.” Nói rồi giáng cho một cây, đau ngất không kêu nổi. Chờ hồi lâu tỉnh lại, người mới đem điều hơn lẽ thiệt giảng nói cho nghe. Nghe rồi, chuẩn bị đánh nữa. Lần này nói to rằng: “Đánh gậy thứ hai, để ngươi quy y Pháp.” Nói rồi giáng xuống một gậy nữa, đau đớn hơn gấp bội phần, tưởng chừng như muốn chết đi được. Lại đợi hồi lâu cho tỉnh lại, người tiếp tục giảng nói cho nghe những chỗ phải quấy ở đời. Đến lần thứ ba, trước khi đánh xuống lại nói to rằng: “Đánh gậy thứ ba, cho ngươi quy y Tăng.”

Khi ấy, tên cướp ngất đi tỉnh lại đã mấy lần, trong bụng liền nghĩ rằng: “Nay người này đánh ta đau thấu xương cốt, chẳng kêu rên nổi. Nếu chẳng chịu quy phục, để người truyền thọ đến lần thứ tư ắt là phải chết.” Nghĩ như vậy rồi, liền hỏi hạ quý lay xin thọ nhận ba điều quy y ấy.

Vị tỳ-kheo lúc ấy mới tháo dây mà thả ra. Ác Nô phải đòn một phen suýt chết, thẳng đường chạy đến chỗ Phật, lớn tiếng kêu to rằng: “Bạch Thế Tôn, ngài thật là



đại từ đại bi, dạy các vị tỳ-kheo truyền thọ chỉ ba điều quy y. Nếu có đến bốn quy y, chắc là tôi phải chết mất!”

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn biết tên cướp này tâm ý đã được điều phục, liền mới vì anh ta mà thuyết pháp. Ác Nô nghe pháp rồi, tâm ý khai mở, đắc quả Tu-đà-hoàn, mới cầu Phật xin được xuất gia. Phật nói: “Lành thay đó, tỳ-kheo!” Ngay khi ấy, râu tóc tự nhiên rụng sạch, y phục trên người hóa ra áo cà-sa, thành một vị sa-môn oai nghi đầy đủ. Lại tinh tấn tu hành, chẳng bao lâu được quả A-La-hán, chứng đủ Ba trí sáng, Sáu thần thông và Tám giải thoát, khắp cõi trời, người thấy đều kính ngưỡng.

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## **PHẨM THỨ TƯ : BỒ-TÁT RA ĐỜI - VUA LIÊN HOA NGUYỄN HÓA LÀM CÁ**

Lúc ấy, Phật ở gần thành Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp Cô Độc. Bấy giờ vào mùa thu, có nhiều loại quả chín, Phật cùng với chư tỳ-kheo đi giáo hóa trong các xóm làng, chỉ ăn toàn các thứ quả. Chư vị tỳ-kheo thấy đều tiêu hóa khó khăn, sinh ra lắm chứng bệnh khô, chẳng thể ngồi thiền, niệm kinh hay tu học gì được cả.

Bấy giờ, ngài A-nan mới lễ Phật mà hỏi rằng: “Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên phước báo gì mà Phật ăn uống hết thấy các món đều tiêu hóa tốt, chẳng sanh bệnh khô trong thân bao giờ, nên dung mạo lúc nào cũng tươi nhuận, đẹp đẽ?”

Phật liền bảo A-nan rằng: “A-nan! Ta nhớ lại những kiếp quá khứ, tu hạnh từ bi, thường dùng các loại thuốc men, thang dược mà bố thí cho chúng sanh. Nhờ nhân duyên ấy mà được quả báo không có bệnh, lại khi ăn uống bất cứ món chi đều tiêu hóa tốt, chẳng sinh bệnh khô.”

Khi ấy, ngài A-nan lại thưa hỏi tiếp: “Bạch Thế Tôn! Chẳng biết hạnh tu của Phật ngày trước đó là như thế nào? Xin đức Thế Tôn từ bi vì chúng con mà thuyết giảng cho nghe.”

Phật liền bảo chư tỳ-kheo: “Các người nên chú ý lắng nghe, ta sẽ vì các người mà phân biệt giảng nói.

“Này chư tỳ-kheo! Về thuở quá khứ, nước Ba-la-nại có vị vua tên là Liên Hoa, trị nước theo chánh pháp, nhân dân an ổn, thịnh vượng, không có nạn đao binh, chinh chiến. Trong cõi nước của ngài, các loại trâu bò, voi ngựa, gia súc, thấy đều đông đúc. Xứ ấy lại có lắm thứ cây quả ngon ngọt, tươi tốt quanh năm. Khi ấy, nhân dân trong xứ do tham ăn quả cây quá nhiều, không thể tiêu hóa được, sanh ra đủ chứng bệnh khổ, da dẻ vàng vọt, mới kéo nhau đến chỗ vua mà xin thuốc trị. Khi ấy, đức vua Liên Hoa thấy dân bệnh khổ thì sinh lòng đại bi, thương xót, mới triệu tập các vị thầy thuốc lại để chế thuốc mà phân phát cho dân. Nhưng bệnh mỗi ngày một nhiều, việc trị liệu chẳng thể dứt được.

Vua Liên Hoa khi ấy mới gọi các vị thầy thuốc lại, khiển trách rằng: “Nay các người lo lắng những việc chi khác mà không trị bệnh cho nhân dân, để mọi người phải đến chỗ ta mà cầu khẩn?” Các vị thầy thuốc mới tâu lên rằng: “Tâu đại vương! Thuốc men hiện nay không có, nên chẳng thể trị bệnh cho dân. Ngay như trong bọn chúng tôi đây, còn phải chịu bệnh khổ, không có thuốc mà tự trị, huống gì trị bệnh cho người khác?”

Vua nghe như vậy lấy làm thất vọng, lòng thương dân vô hạn, mới hỏi các vị thầy thuốc rằng: “Nay các người bảo thiếu thuốc, vậy là thiếu món chi?” Các thầy thuốc tâu rằng: “Cần có máu thịt của loài cá đỏ để làm thuốc. Mỗi người chúng tôi lâu nay đều ra công tìm kiếm, mà đến nay vẫn chưa có được. Chính vì vậy mà bệnh mỗi ngày một nhiều thêm, đã lắm người phải mất mạng rồi.”

Khi ấy vua Liên Hoa tự nghĩ rằng: “Loài cá đỏ này, câu lưới đều chẳng bắt được. Nay ta nên phát nguyện sanh ra làm thân cá ấy mà cứu độ bệnh khổ cho nhân dân.”

Nghĩ như vậy rồi, liền triệu hết các vị đại thần và thái tử đến, nói rằng: “Nay ta đem việc nước mà giao phó lại cho tất cả các ngươi, cùng nhau lo liệu. Phải khéo biết chăm lo cho dân, đừng làm việc chi sai trái.”

Nghe vua nói lời ấy, thái tử và các vị đại thần thấy đều kinh hãi, buồn thảm sâu khóc nói chẳng nên lời. Hồi lâu, mới có một vị đại thần tâu lên rằng: “Đại thần chúng tôi cùng với thái tử chẳng biết đã làm gì nên tội mà nay đại vương nói ra lời oán hận dường ấy?”

Vua Liên Hoa đáp rằng: “Ta chẳng thấy tất cả các ngươi có lỗi chi cả. Chỉ có điều là ngày nay trong nước nhân dân bệnh khổ, nhiều người đã phải mạng vong, cần có máu thịt của loài cá đở để trị liệu. Ý ta muốn bỏ thân mạng này để nguyện hóa sanh làm loài cá đở mà trị bệnh khổ cho nhân dân trong nước. Vì thế nên mới cho gọi thái tử với tất cả các ngươi đến đây mà giao phó việc nước.”

Bấy giờ, nghe lời ấy rồi, thái tử với các quan đại thần đều cảm lòng không được, ngửa mặt lên trời mà kêu khóc bi thảm, ôm chân vua khóc lóc nói rằng: “Hết thấy chúng tôi đây đều nương cậy vào lòng từ của đại vương che chở. Nhân dân an lạc, thịnh vượng lâu nay cũng nhờ ân đức đại vương. Có sao chỉ trong phút chốc, lại muốn bỏ mặc chúng tôi mà ra đi cho đành?”

Vua đáp rằng: “Việc ta làm ngày nay, cũng là vì tất cả nhân dân đó thôi. Sao các ngươi cố chấp không chịu hiểu cho?” Bấy giờ, thái tử và các vị đại thần hết lời can ngăn, mà vua vẫn cương quyết không đổi ý.

Khi ấy, vua sắp sửa hương hoa lễ vật, lên lầu cao vọng lễ khắp bốn hướng, phát lời nguyện lớn rằng: “Tôi nay xả bỏ thân mạng này, nguyện được sanh vào dòng sông ở xứ Ba-la-nại, làm loài cá đở lớn. Người nào ăn thịt tôi thì đều trừ hết được các chứng bệnh khổ.” Phát nguyện xong rồi, liền tự gieo mình từ lầu cao xuống mà bỏ mạng. Quả nhiên, vua hóa sanh nơi dòng sông làm loài cá đở rất lớn.

Bấy giờ, nhân dân nghe nói nơi sông ấy có loài cá đở lớn, liền rủ nhau mang lưới, mang câu đi tìm đánh bắt. Ăn thịt cá ấy rồi, các thứ bệnh khổ liền được trừ hết. Còn loài cá ấy, cứ chết đi rồi thì lại cũng hóa sanh trở lại nơi sông ấy để cho người ta đánh bắt. Cứ như vậy trong 12 năm, bỏ thí thân mạng cho chúng sanh mà không

hề có chút may mắn. Qua 12 năm rồi, khi chết đi mới sinh lên cảnh trời Dao-ly.”

Phật lại bảo A-nan rằng: “Vua Liên Hoa thuở ấy, chính là ta ngày nay. Do nhân duyên xả bỏ thân mạng cứu độ chúng sanh, nên ngày nay được phước báo không chịu bệnh khổ, cho đến thành được quả Phật Bồ-đề mà cứu độ cho vô số chúng sanh.”

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

### **VUA PHẠM-DỰ BỐ THÍ**

Lúc ấy, Phật ở gần thành Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp Cô Độc. Bảy giờ chur tỳ-kheo bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Chẳng hay vì nhân duyên gì mà Phật thường tán thán, ca ngợi công đức của việc bố thí. Không biết nguyên do việc ấy thế nào, xin Phật từ bi vì chúng con mà phân biệt giảng thuyết.”

Đức Thế Tôn đáp rằng: “Này chur tỳ-kheo! Hãy chú tâm lắng nghe, ta sẽ vì các ngươi mà phân biệt giảng nói.

“Này chur tỳ-kheo! Ta nhớ lại về thuở quá khứ cách nay vô số kiếp, nước Ba-la-nại có vị vua tên là Phạm-dự, trị nước theo chánh pháp, nhân dân an ổn, thịnh vượng, không có nạn đao binh, chinh chiến. Trong cõi nước của ngài, các loại trâu bò, voi ngựa, gia súc, thấy đều đông đúc.

“Bấy giờ trong nước có một người bà-la-môn giỏi thuật chiêm tinh, tâu với vua rằng: ‘Thần xem thiên văn thấy có hỏa tinh sanh lại phương này. Ứng theo điềm ấy, khắp nước sẽ phải chịu một cơn hạn hán kéo dài đến 12 năm, mùa màng chẳng thu được gì, nhân dân hết sức đói khổ.’

“Vua Phạm-dự nghe lời ấy rồi, trong lòng buồn bã lo âu, tự suy nghĩ rằng: ‘Nay ta biết tìm cách chi để cứu nhân dân sống qua khỏi kiếp nạn này?’

“Liên cho gọi những người giỏi thuật toán số đến bảo rằng: ‘Các người hãy tính hết số dân trong nước, đem so với số lúa thóc hiện có trong các kho, rồi chia đều xem có thể cung cấp được bao lâu.’

“Những người ấy vâng lệnh vua, tổ chức một cuộc điều tra khắp nước, rồi báo với vua rằng: ‘Nếu chia đều ra, phân phát cho mỗi người một thặng lúa, thì có thể phân phát được 6 năm. Chia như vậy cũng chẳng đủ ăn, nên số người chết chắc là nhiều lắm. Riêng phần của vua thì được chia hai thặng.’ Vua liền ra lệnh cứ y vậy mà phân phát.

“Có một người bà-la-môn sau đó tìm đến vua, tâu rằng: ‘Tâu đại vương! Chỉ có riêng mình tôi bị sót tên không được chia lúa. Mạng sống chỉ còn trong nay mai. Xin đại vương từ bi thương xót, cấp cho ít nhiều.’

“Vua Phạm-dự nghe nói vậy, liền tự nghĩ rằng: ‘Nay người này đang cơn đói thiếu, cần ta bố thí ít nhiều. Nếu ta chẳng thể vì người mà bố thí, thì nói gì đến chuyện sau này tế độ chúng sanh, lại trong vô lượng kiếp vì chúng sanh mà chịu những sự khổ não?’ Nghĩ như vậy rồi, liền giảm phần mình một nửa số lúa, bố thí cho người bà-la-môn ấy.

“Khi ấy, lòng bố thí của vua cảm động đến cả trời đất, khiến cho cung điện của vua trời Đê-thích tự nhiên chấn động, chẳng được yên ổn. Đê-thích suy nghĩ rằng: ‘Nguyên do gì mà cung điện của ta tự nhiên chấn động? Hay là do ta phước đức đã hết, mạng sắp tự diệt nên có điềm báo này?’

“Nghĩ như vậy rồi, liền dùng thần thông quán sát, thấy biết việc vua Phạm-dự trong cơn đói thiếu, có thể vì chúng sanh mà làm được việc rất khó làm, nên cảm ứng đến cung điện nơi cõi trời rung chuyển chấn động.

“Đê-thích liền nghĩ: ‘Nay ta nên đến đó, thử lòng vua xem có thật như thế chẳng.’ Liền tự biến hình thành một người bà-la-môn già yếu, bệnh hoạn, chống gậy đến chỗ vua Phạm-dự mà xin ăn. Khi ấy, vua Phạm-dự suy nghĩ: ‘Thân mạng này của ta, dầu cho có bố thí hay không thì cuối cùng cũng đi đến chỗ chết mà thôi.’ Nghĩ như vậy rồi, trong lòng vui vẻ muốn bố thí, được lợi ích cho chúng sanh thì dù chết cũng không hối hận. Còn chỉ một phần lúa duy nhất của mình, vua liền mang ra bố thí cho người bà-la-môn già yếu ấy.

“Đế-thích nhận bố thí rồi, liền hỏi vua rằng: ‘Đại vương trong cơn đói khát, cơ khổ mà có thể làm được việc rất khó làm, xả bỏ cả thân mạng, như vậy ắt cầu được sanh cõi trời, hoặc cầu làm Chuyển luân Thánh vương chẳng, hay cầu được sự vui thú, vinh hoa nơi cõi thế?’

“Vua Phạm-dự đáp: ‘Tôi thật chẳng cầu hết thảy những điều ấy, duy chỉ nguyện trong đời vị lai được thành chánh giác, cứu tế chúng sanh thoát mọi khổ não.’

“Phát nguyện ấy xong, Đế-thích liền nói: ‘Lành thay, lành thay! Thật chưa từng có vậy!’ Nói xong, hiện lại nguyên hình, nói với vua Phạm-dự rằng: ‘Ta thật là vua trời Đế-thích. Nay đại vương nên truyền lệnh cho dân chúng chuẩn bị dọn sửa ruộng đất, trong vòng bảy ngày ta sẽ cho một cơn mưa lớn.’

“Vua Phạm-dự nghe vậy vui mừng khôn xiết, liền truyền rao trong dân chúng, phải cày dọn ruộng đất sẵn sàng, trong vòng bảy ngày sẽ có mưa lớn. Nhân dân được tin hết sức vui mừng, lập tức cày dọn ruộng đất chờ sẵn. Đúng bảy ngày quả nhiên trời đổ cơn mưa lớn. Năm đó mùa màng bội thu, không còn đói thiếu.”

Phật lại bảo A-nan rằng: “Vua Phạm-dự thuở ấy, chính là ta ngày nay. Do nhân duyên ấy, ta thường tán thán công đức bố thí là vô cùng lớn lao, không thể nói hết.”

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thảy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## **VUA THI-TỶ KHOẾT MẮT BỐ THÍ**

Lúc ấy, Phật ở gần thành Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp Cô Độc. Lúc ấy, mùa an cư gần mãn, mỗi ngày chư tỳ-kheo nhóm họp hai lần để nghe Phật thuyết pháp. Ngoài những lúc ấy ra, các tỳ-kheo hoặc có người lo rửa bát, giặt y, hoặc vá sửa những mảnh y cũ rách. Cứ như vậy, ai ai cũng đều có việc để làm.

Bấy giờ, trong chúng tỳ-kheo có một vị tên là Thi-bà, già quá nên mắt mờ, trái y ra đất mà vá nhưng chẳng thấy đường khâu chỉ qua lỗ kim, mới lớn tiếng nói rằng: “Có ai muốn được thêm chút công đức thì xin vì tôi mà khâu chỉ.”

Khi ấy, đức Thế Tôn nghe được lời ấy, liền đến chỗ vị tỳ-kheo, nắm tay ông rồi lấy kim định khâu. Ông tỳ-kheo già nghe biết tiếng Phật, liền bạch rằng: “Bạch Thế Tôn! Ngài từ vô số kiếp đến nay từng tu hạnh đại từ đại bi, đủ sáu pháp ba-la-mật, các hạnh Bồ-tát, trừ sạch phiền não, công đức đầy đủ, tự thành quả Phật. Vì sao lại đến chỗ con mà cầu chút phước đức nhỏ bé này?”

Phật bảo vị tỳ-kheo ấy rằng: “Chính vì ta ngày xưa cũng đã từng nhờ người mà tích tập công đức, lòng vẫn chưa quên, nên nay mới đến chỗ người mà cầu làm phước.”

Khi ấy, chư tỳ-kheo nghe lời Phật nói rất lấy làm lạ, liền thưa hỏi rằng: “Chẳng hay ngày xưa đức Thế Tôn nhờ vị tỳ-kheo già đây mà tích tập công đức như thế nào? Xin vì chúng con mà giảng thuyết cho nghe.”

Phật liền nói với chư tỳ-kheo: “Các người nên chú ý lắng nghe, ta sẽ vì các người mà phân biệt giảng nói.

“Này chư tỳ-kheo! Về thuở quá khứ, nước Ba-la-nại có vị vua tên là Thi-tỳ, trị nước theo chánh pháp, nhân dân an lạc, thịnh vượng.

“Vua Thi-tỳ khi ấy rất chuộng việc bố thí, cứu tế người nghèo khổ. Đối với các món tài vật, trân bảo, cho đến những thứ trong thân thể mình như đầu, mắt, tủy não, nếu có người đến xin đều vui lòng cho đi không tham tiếc.

“Lòng thành của vua như thế cảm động cả trời đất, khiến cho cung điện của vua trời Đê-thích tự nhiên chấn động, chẳng được yên ổn. Đê-thích khi ấy liền suy nghĩ: ‘Nguyên do gì mà cung điện của ta tự nhiên chấn động? Hay là do ta phước đức đã hết, mạng sắp tự diệt nên có điềm báo này?’ Nghĩ như vậy rồi, liền dùng thần thông quan sát, thấy biết việc vua Thi-tỳ chẳng tích giữ tài vật, có ai đến xin đều vui lòng bố thí cho, lòng chân thành như vậy nên cảm ứng đến cung điện nơi cõi trời rung chuyển chấn động.

“Đế-thích liền nghĩ: ‘Nay ta nên đến đó, thử lòng vua xem hư thật như thế nào.’ Nghĩ rồi liền tự biến hình thành một con ó đen rất lớn, bay xuống chỗ cung vua mà đậu, nói với vua rằng: ‘Tôi từng nghe nói đại vương phát tâm bố thí, chẳng tham tiếc gì với hết thảy chúng sanh, nên mới đến đây có chuyện muốn cầu xin, mong được đại vương thuận cho.’

“Khi ấy, vua Thi-tỳ nghe rồi, lòng rất vui vẻ, nói với chim ó: ‘Ngươi cứ tùy ý mà xin, ta chẳng tham tiếc gì.’ Chim ó liền nói: ‘Tôi nay chẳng cầu các thứ vàng bạc, trân bảo hay tài vật. Chỉ mong được đại vương thí cho đôi mắt, đối với tôi là món rất quý vậy.’

“Vua Thi-tỳ nghe lời chim ó rồi, vui vẻ thuận cho. Vua tự tay lấy con dao bén mà khoét mắt mình trao cho ó, chẳng sợ đau đớn, thậm chí trong lòng cũng không chút hối tiếc, ân hận. Bấy giờ trời đất rung chuyển, cõi đất chấn động sáu lần, hoa trời rải xuống khắp nơi.

“Chim ó lại hỏi vua rằng: ‘Đại vương tự tay khoét mắt cho tôi, lòng có hối tiếc gì chẳng?’ Vua đáp: ‘Thật không hối tiếc.’ Chim ó lại hỏi: ‘Nếu thật lòng vua không hối tiếc, biết lấy gì chứng tỏ?’ Vua Thi-tỳ liền phát nguyện rằng: ‘Nếu lòng tôi thật không hối tiếc, xin nguyện cho đôi mắt tôi hoàn lại như xưa.’ Phát nguyện vừa xong, đôi mắt vua lập tức nguyên vẹn như xưa không khác.

“Bấy giờ Đế-thích mới hiện nguyên hình, lên tiếng khen ngợi rằng: ‘Thật lạ lùng thay! Quả là xưa nay chưa từng có vậy! Đại vương tâm lành bố thí chẳng tiếc thân mạng như vậy, chắc là cầu được sanh cõi trời, hoặc cầu làm Chuyển luân Thánh vương, hay cầu được sự vui thú, vinh hoa nơi cõi thế?’

“Vua Thi-tỳ đáp: ‘Tôi thật chẳng cầu hết thảy những điều ấy, duy chỉ nguyện trong đời vị lai được thành chánh giác, cứu tế chúng sanh thoát mọi khổ não.’ Đế-thích nghe được lời nguyện ấy rồi, liền trở lại Thiên cung.”

Phật lại bảo các vị tỳ-kheo rằng: “Vua Thi-tỳ thuở ấy, chính là ta ngày nay. Đế-thích hiện hình chim ó ngày trước, chính là vị tỳ-kheo già ngày nay đó vậy. Ta vì đời trước bố thí đôi mắt lòng không tham tiếc, nên đến ngày nay chứng thành quả Phật. Do nhân duyên ấy, dẫn đến nay đối với vị tỳ-kheo già này, vẫn muốn tích tập thêm phước đức, lòng không chán nản.”



Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## VUA THIỆN DIỆN XẢ THÂN CẦU PHÁP

Lúc ấy, Phật ở gần thành Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp Cô Độc. Đức Thế Tôn lấy tâm đại bi thương xót tất cả chúng hội, thường đem những chỗ pháp yếu vi diệu ngày đêm giảng thuyết cho nghe, mà chưa từng thấy ngài có chút chi mỗi mệt, chán nản. Chúng tỳ-kheo thấy vậy liền thưa hỏi Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Vì sao mà ngài ngày đêm thường vì tất cả chúng hội diễn thuyết các chỗ pháp yếu, chẳng hề chán ngán, mỗi mệt như vậy?”

Phật dạy chư tỳ-kheo: “Các người nên chú ý lắng nghe, ta sẽ vì các người mà phân biệt giảng nói.

“Này chư tỳ-kheo! Về thuở quá khứ, nước Ba-la-nại có vị vua tên là Thiện Diện. Thái tử con vua tên là Tôn-đà-ly. Thuở ấy trong nước nhân dân an lạc, thịnh vượng. Vua Thiện Diện là người thông minh trí tuệ, lại yêu chuộng đạo đức, thường mong cầu được nghe diệu pháp. Vua cho đặt các thứ vàng bạc, châu báu, tài vật ở những nơi ngã tư đường, truyền rao trong dân chúng rằng, nếu ai có thể vì vua diễn thuyết diệu pháp, vua sẽ đem những vàng bạc, trân bảo, tài vật ấy mà ban thưởng cho.

“Lòng thành cầu pháp của vua chấn động đến tận thiên cung, khiến cho cung điện của Đê-thích rung chuyển, không được an ổn. Khi ấy, Đê-thích liền dùng thần lực quán sát, hiểu được nguyên nhân là do lòng cầu pháp chân thành của vua Thiện Diện cảm ứng mà có sự chấn động như vậy.

“Đê-thích liền hóa hình thành một quỷ la-sát dữ tợn, có hai răng nanh dài nhọn sắc bén, ai ai nhìn thấy đều khiếp sợ. La-sát bay đến nơi cung vua, cất tiếng nói lớn rằng: ‘Ta có diệu pháp.’ Vua nghe được, lập tức thân hành ra nghinh tiếp, xin được

nghe diệu pháp. Quý la-sát nói: ‘Ta thật có biết diệu pháp, nhưng nay đang cơn đói khát, chẳng thể vì vua mà diễn thuyết được.’

“Vua nghe vậy liền truyền mang đến đủ các thứ món ngon vật lạ cho la-sát. Quý ấy nói rằng: ‘Ta vốn chỉ ăn được thịt sống và uống máu nóng mà thôi. Những món này chẳng phải thức ăn của ta.’

“Khi ấy, thái tử Tôn-đà-ly đang đứng hầu bên liền tâu vua rằng: ‘Tâu phụ vương! Xưa nay diệu pháp rất khó được nghe. Con xin được thí thân cho vị la-sát này tùy ý ăn thịt uống máu, chỉ nguyện cho phụ vương được nghe diệu pháp.’

“Vua nghe thái tử phát tâm rộng lớn chẳng tiếc thân mạng, liền suy nghĩ rằng: ‘Ta từ bao kiếp đến nay buộc chặt trong vòng luyến ái, khiến cho lưu chuyển sinh tử mãi mãi không cùng. Nay nếu vì được nghe diệu pháp, cũng đáng xả bỏ đũa con yêu dấu của mình vậy.’ Nghĩ vậy rồi liền thuận cho ‘thái tử được tùy ý.

“Thái tử được vua cha thuận cho, liền tự đến trước quý la-sát mà nộ mạng. La-sát được mời liền ngay trước mặt vua mà xé xác thái tử, uống máu, ăn thịt ra vẻ ngon lành. Ăn xong liền nói: ‘Ta vẫn chưa no bụng, làm sao thuyết pháp?’

“Bấy giờ hoàng hậu đứng bên, thấy rõ việc thái tử xả thân cho la-sát ăn thịt, thì trong lòng tự suy nghĩ rằng: ‘Con ta còn dám xả bỏ thân mạng, huống hồ thân ta, lẽ nào không dám thí xả?’ Nghĩ rồi, liền y vậy mà tâu với vua. Vua thuận cho.

“Hoàng hậu được vua thuận cho, liền tự đến trước quý la-sát mà nộ mạng. La-sát lại xé xác ra ăn cũng giống như đã ăn thịt thái tử. Ăn xong, xem bộ vẫn còn đói khát, lại nói với vua rằng: ‘Nay vua nên nộ mạng cho ta ăn luôn đi.’

“Vua Thiện Diện đáp: ‘Tôi cũng chẳng tiếc gì thân mạng này. Chỉ hiềm nếu chết đi thì chưa được nghe diệu pháp. Vậy ngài hãy thuyết pháp trước đi, tôi nghe xong xin nộ mạng cho ngài ăn.’

“Khi ấy, Đê-thích thật biết lòng vua thành tín, liền vì vua mà đọc kệ rằng:

Ái luyến sinh sầu bi,  
Ái luyến sinh sợ hãi.

Người thoát được ân ái,  
Vĩnh viễn không sợ hãi.

“Đề-thích đọc bài kệ ấy xong, liền hiện lại nguyên hình. Thái tử và hoàng hậu cũng tự nhiên hiện ra an ổn vô sự. Vua nghe được bài kệ pháp yếu ấy, càng thêm vững tin hơn nữa. Lại nhìn thấy thái tử và hoàng hậu sống lại, lòng vui mừng vô hạn, không thể nói hết.”

Phật bảo các vị tỳ-kheo rằng: “Vua Thiện Điện thuở ấy, chính là ta ngày nay. Thái tử Tôn-đà-ly ngày ấy chính là A-nan ngày nay. Hoàng hậu thuở ấy, nay là Da-du-đà-la. Ta ngày trước tu đạo Bồ-tát mà còn xả bỏ thân mạng, vợ con để được nghe pháp, hưởng chi ngày nay thành Phật, có lẽ nào đối với việc thuyết pháp mà lại sanh lòng chán nản, mỗi một hay sao?”

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## **THÁI TỬ CẦU PHÁP**

Lúc ấy, Phật ở gần thành Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp Cô Độc. Trong thành có vậy trưởng giả tên là Tu-đạt, bẩm tính hiền lương, tin kính nơi Tam bảo, ngày nào cũng đến quét dọn các ngôi chùa tháp.

Một hôm người ấy có việc phải đi xa, không đến quét dọn như thường lệ. Khi ấy, Phật và các vị đại đệ tử như Mục-kiền-liên, Xá-ly-phát, Ca-diếp... cùng vào trong tháp, quét dọn sạch sẽ rồi cùng ngồi quanh Phật mà nghe thuyết pháp.

Phật dạy các vị tỳ-kheo rằng: “Các người nên biết, việc quét dọn chùa tháp được năm công đức lớn. Một là tự trừ được những cấu uế trong tâm, hai là trừ được sự cấu uế, bất tịnh ở bên ngoài, ba là diệt trừ được tâm kiêu mạn, bốn là điều phục được tâm mình, năm là làm tăng trưởng công đức, có thể được sinh về những cõi lành.”

Khi ấy, ông trưởng giả Tu-đạt vừa đi xa về, liền đến tinh xá, nghe được Phật thuyết năm công đức lớn của việc quét dọn chùa tháp. Ông hết sức vui mừng, liền bạch với Phật rằng: “Nay con được nghe đức Thế Tôn thuyết năm công đức lớn của việc quét dọn chùa tháp, thật như được thấy chư vị hiền thánh thường ở trước mặt mình.”

Phật liền dạy ông Tu-đạt rằng: “Ta từ nhiều kiếp lâu xa đến nay cũng thường kính ngưỡng, tu tập các thiện pháp như ông ngày nay vậy. Nay ông hãy chú tâm lắng nghe, ta sẽ vì ông mà phân biệt, giảng nói.

“Về thời quá khứ cách nay đã vô số kiếp, vua xứ Ba-la-nại tên là Phạm-ma-đạt-đa, trị nước theo chánh pháp, nhân dân giàu có, cuộc sống thảnh thơi sung túc, đầy đủ.

“Khi ấy, hoàng hậu có thai, tự nhiên trên đỉnh đầu hóa hiện một cái lọng quý, đi đâu cũng theo che cho bà. Vua liền mời các vị thầy tướng đến xem tướng cho hoàng hậu, các vị nói rằng: ‘Đứa trẻ này có phước đức rất lớn, sinh ra về sau sẽ khao khát tìm cầu diệu pháp ở khắp cả bốn phương.’

“Qua thời gian mang thai, hoàng hậu hạ sinh một thái tử dung mạo đoan trang, xinh đẹp. Nhân theo lời đoán trước của các vị thầy tướng, vua liền đặt tên là cho thái tử là Cầu Pháp.

“Thái tử dần dần lớn lên, quả thật có lòng mộ pháp vô cùng. Ngài sai người mang trân bảo, châu báu đi khắp bốn phương mà tìm cầu diệu pháp. Như vậy nhiều năm vẫn không được, thái tử hết sức buồn bã, áo não, ngày đêm buồn khóc, cảm động cả trời đất.

“Lòng thành cầu pháp của thái tử chấn động đến cung điện của vua trời Đê-thích, khiến cho không được an ổn. Khi ấy, Đê-thích liền dùng thần lực quán sát, hiểu được nguyên nhân là do lòng cầu pháp chân thành của thái tử Cầu Pháp, cảm ứng mà có sự chấn động như vậy.

“Đê-thích khi ấy liền nghĩ rằng: ‘Ta nên hóa hình đến thử xem lòng cầu pháp của vị thái tử ấy đến mức nào.’ Liền hóa hình thành một người bà-la-môn tìm đến gần cung vua, tự nói rằng: ‘Ta có diệu pháp. Nếu ai muốn nghe ta sẽ vì người ấy mà thuyết giảng.’

“Khi ấy, thái tử nghe lời ấy thì vui mừng không kể xiết, thân hành đến nghinh tiếp, đón vào cung nội, mời ngồi lên ghế cao, rồi chí thành lễ bái, thưa rằng: ‘Kính mong đại sư từ bi thương xót, thuyết giảng diệu pháp cho nghe.’”

“Khi ấy, thầy bà-la-môn mới nói rằng: ‘Việc cầu pháp chẳng phải dễ dàng, muốn tìm thầy cũng rất lâu mới gặp. Nay ta tuy có diệu pháp, nhưng thái tử vừa gặp đã muốn nghe, thật không phải lẽ.’”

“Khi ấy, thái tử liền thưa: ‘Lòng tôi chỉ muốn cầu được nghe diệu pháp. Nếu cần điều gì xin đại sư cứ nói, dù phải xả bỏ thân thể, vợ con, cho đến voi, ngựa, châu báu các thứ, tôi quyết không hề tham tiếc.’”

“Thầy bà-la-môn liền nói: “Những thứ mà thái tử nói đó, ta thật chẳng hề cần đến. Nhưng nếu thái tử có thể cho đào một cái hầm sâu mười trượng, chất đầy củi mà đốt cho lửa cháy rực lên trong đó, rồi tự mình nhảy vào được, thì ta sẽ đem diệu pháp mà nói cho nghe.’”

“Thái tử nghe thầy bà-la-môn nói vậy rồi trong lòng vui vẻ, liền sai đào hầm, chất củi đúng như lời dạy của ông, sẵn lòng nhảy vào hầm lửa đó.

“Khi ấy, hoàng hậu và các vị quân thần đều hay tin, vội vã đến nơi, liền can gián thái tử, lại nói với thầy bà-la-môn ấy rằng: ‘Xin đại sư từ bi thương xót tất cả chúng tôi, đừng buộc thái tử phải nhảy vào hầm lửa, còn ngoài ra ngài muốn bất cứ điều chi, chúng tôi cũng xin đáp ứng.’”

“Thầy bà-la-môn nói: ‘Ta không ép buộc, ấy là tùy ý thái tử quyết định. Chỉ làm được như vậy thì ta mới thuyết pháp cho nghe.’”

“Thái tử nghe lời ấy rồi, liền nói: ‘Ta từ nhiều kiếp đã qua, từng xả bỏ bao nhiêu thân mạng rồi, nhưng chưa từng có ai vì vậy mà thuyết pháp cho ta nghe. Nay đại sư đây sẽ vì ta giảng thuyết diệu pháp, thì tiếc gì thân mạng?’ Nói rồi muốn nhảy vào hầm lửa.

“Khi ấy, hoàng hậu và các vị đại thần thấy thái tử chí thành cầu pháp, đã muốn nhảy vào hầm lửa, liền hết sức cản ngăn, can gián rằng: ‘Xin thái tử hãy nghĩ đến tất cả chúng tôi. Lẽ nào vì lời nói của một người mà xả bỏ hết thầy?’

“Thái tử đáp rằng: ‘Ta từ vô số kiếp đến nay, cũng từng trải qua các cảnh địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, chịu bao khổ não, lửa dữ đốt thiêu, đói rét khốn khổ, đau đớn không sao nói hết, thân mạng mất đi chưa từng được sự lợi ích, chưa từng vì pháp. Nay sao các vị lại can gián ta, bỏ thân hư giả này mà cầu được đạo vô thượng Bồ-đề. Nay ta xả bỏ thân này, nguyện được đạo lớn mà cứu độ hết thầy chúng sanh thoát khỏi biển khổ sanh tử.’

“Nói như vậy rồi quyết định liều chết, liền nói với thầy bà-la-môn rằng: ‘Xin đại sư vì tôi nói pháp trước, nghe xong sẽ nhảy vào hầm lửa. Vì nếu chết rồi sợ chẳng nghe được pháp.’

“Khi ấy, thầy bà-la-môn liền vì thái tử mà thuyết kệ rằng:

Tâm thường tu lòng từ,  
Trừ bỏ ý ghét giận.  
Lòng bi thương chúng sanh,  
Nhỏ lệ như mưa lớn.

Người tu pháp đại bi,  
Cùng ta đều đắc pháp.  
Cứu độ khắp muôn loài,  
Ấy là hạnh Bồ-tát.

“Khi ấy, thái tử nghe thuyết kệ rồi vui mừng khôn xiết, liền giữ lời hứa tự mình nhảy vào hầm lửa. Khi ấy, hầm lửa bỗng nhiên hóa thành một cái ao sen, thái tử nhảy vào trong đó, ngồi trên một đóa sen thật lớn. Khắp cõi đất đều chấn động, từ trên trời rơi xuống những loại hoa thơm mà cúng dường người.

“Thầy bà-la-môn hiện lại nguyên hình là Đê-thích, khen ngợi thái tử Cầu Pháp, hỏi rằng: ‘Thái tử ngày nay không sợ nạn khổ, vì lòng cầu pháp chẳng tiếc thân mạng, ngài có nguyện được điều chi chăng?’

“Thái tử đáp: ‘Lòng tôi muốn cầu được đạo vô thượng Bồ-đề, độ thoát chúng sanh khỏi biển khổ sanh tử.’

“Đế-thích nghe xong hết lòng tán thán, khen là việc chưa từng có, rồi từ biệt trở về thiên cung.

“Vua Phạm-ma cùng quần thần thấy việc cầu pháp của thái tử như vậy, đều khen là việc chưa từng có, mọi người đều sanh lòng vui mừng, hoan hỷ, cùng nhau đưa thái tử trở về cung nội.”

Phật lại bảo chư tỳ-kheo rằng: “Vua Phạm-ma thuở ấy, nay chính là vua Tịnh-phạn. Hoàng hậu thuở ấy, nay là hoàng hậu Ma-da. Thái tử Cầu Pháp nay chính là ta đây.”

Khi Phật thuyết nhân duyên cầu pháp này, trong chúng hội nhiều người đắc quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-La-hán, cho đến có người phát tâm cầu quả vị Phật Bích-chi, có người phát tâm cầu quả vị vô thượng Bồ-đề.

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## **NGƯỜI CẢN ĐƯỜNG PHẬT**

Lúc ấy, Phật ở gần thành Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp Cô Độc.

Hôm đó, Phật cùng chư tỳ-kheo đắp y, mang bát vào thành khất thực như thường lệ. Đến một ngõ hẻm kia, gặp một người bà-la-môn cản đường lại. Người này lấy ngón tay vạch lên mặt đất một lần ngang, nói rằng: “Nếu các người muốn đi qua khỏi đây, phải nộp cho ta đủ số 500 đồng bạc.”

Bấy giờ, đức Thế Tôn cùng chư tỳ-kheo mặc nhiên đứng lạng giữa đường, không bước đến được.

Tin Phật bị cản đường lan ra khắp nơi, đến tai vua Ba-tư-nặc cùng các vị thân hào Tỳ-xá-khư, Phú-lan-na... Những người này, ai cũng mang đủ số bạc đến cho người bà-la-môn ấy, nhưng ông ta đều không chịu nhận.

Ông trưởng giả Tu-đạt nghe việc Phật gặp nạn cản đường của người bà-la-môn như vậy, liền mang đến đủ số 500 đồng bạc đến mà đưa cho. Người bà-la-môn ấy nhận bạc và để cho Phật đi qua.

Bấy giờ, chư vị tỳ-kheo thấy sự kỳ quái ấy, liền thưa hỏi Phật: “Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà Thế Tôn gặp phải nạn cản đường của người bà-la-môn đây và mặc nhiên chấp nhận, lại do nhân duyên gì mà ông ta không chịu nhận bạc của ai, chỉ nhận của trưởng giả Tu-đạt?”

Phật bảo chư tỳ-kheo: “Các người hãy chú tâm lắng nghe, ta sẽ vì các người mà phân biệt giảng nói.

“Về thuở quá khứ cách đây đã vô số kiếp, xứ Ba-la-nại có vị vua tên là Phạm-ma-đạt-đa. Thái tử con vua tên là Thiện Sanh, một hôm cùng các vị thân hữu đi dạo chơi trong thành, gặp một đám đồ súc sắc ăn tiền bên đường, cả nhóm liền ghé lại xem chơi. Khi ấy, có vị công tử con quan phụ tướng đại thần cùng đi, liền vào chơi và đặt cuộc thua mãi đến số 500 đồng bạc. Vị công tử ấy chẳng chịu chung tiền. Thái tử Thiện Sanh thấy vậy liền nói với người đồ súc sắc: ‘Người cứ yên tâm, nếu người này không trả, ta sẽ trả thay cho.’

“Về sau, vị công tử ấy ý thế lực nên chẳng chịu trả tiền cho người đồ súc sắc ấy. Còn thái tử cũng vô tình quên mất lời nói của mình.

“Từ đó đến nay dầu rằng đã qua vô số kiếp, người đồ súc sắc ấy vẫn thường theo đuổi mà đòi món nợ xưa.”

Phật lại bảo chư tỳ-kheo: “Thái tử Thiện Sanh thuở ấy, chính là ta ngày nay đây. Vị công tử con quan phụ tướng, nay là trưởng giả Tu-đạt, còn người bà-la-môn cản đường ta hôm nay chính là người đồ súc sắc ăn tiền 500 đồng bạc ngày xưa.



“Vì vậy, các người nên nhớ, phàm có nợ người khác, bất cứ là nợ gì, hãy sớm lo mà trả. Ta chỉ nợ một lời nói, mà cho đến nay thành Phật cũng không thoát khỏi nạn vừa rồi.”

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## **PHẬT ĐỘ TU-BẠT-ĐÀ**

Lúc ấy, Phật ở thành Câu-thi-na, giữa hai cây sa-la, sắp nhập Niết-bàn. Khi ấy, có ông Tu-bạt-đà nghe Phật sắp nhập Niết-bàn liền cùng với một nhóm người khác, cả thấy 500 người cùng tìm đến chỗ Phật, chí thành lễ bái cầu xin xuất gia nhập đạo.

Phật bảo những người ấy rằng: “Lành thay đó, tỳ-kheo!” Liền đó, râu tóc đều rụng hết, áo cà-sa hiện nơi thân, hóa thành 500 vị sa-môn oai nghi, đức hạnh. Phật liền vì mọi người khai diễn thuyết pháp, khiến cho tâm ý khai mở, thấy đều có chỗ đắc pháp.

Khi ấy, chư vị tỳ-kheo thấy việc như vậy liền thưa hỏi Phật: “Bạch Thế Tôn! Chẳng hay nhóm 500 người bọn ông Tu-bạt-đà đây, trước đã trồng căn lành chi mà lúc Phật sắp nhập Niết-bàn còn thuyết pháp cứu độ cho họ không hề mỗi một.”

Phật nói: “Chẳng phải ngày nay họ mới được cứu độ. Trong đời quá khứ, ta cũng đã từng cứu độ cho họ như vậy.”

Các vị tỳ-kheo nghe nói đều lấy làm lạ, liền thưa hỏi xin Phật thuyết cho nghe nhân duyên thời quá khứ. Phật bảo chư tỳ-kheo: “Các người hãy chú tâm lắng nghe, ta sẽ vì các người mà phân biệt giảng nói.

“Về thuở quá khứ cách đây đã vô số kiếp, xứ Ba-la-nại có vị vua tên là Phạm-ma-đạt-đa, cùng dẫn theo nhiều người ra khỏi thành dạo chơi, đến một vùng núi kia có con suối rất lớn, gặp một bầy nai, liền mang cung tên cùng nhau đuổi bắn.

“Khi ấy, con nai chúa trong bầy liền dẫn cả bầy cùng chạy trốn, nhưng gặp suối nước lớn cản ngang không sao qua được, cả bầy đều cảm chắc phải bỏ mạng. Nai chúa thấy vậy liền bảo 500 con nai trong bầy rằng: ‘Nay ta lấy thân mình làm cầu nối, bắc ngang qua suối, các người nương trên thân ta mà qua suối nhanh kéo chết.’

“Nói rồi, nai chúa hóa hình to lớn, bốn chân dặng ra đạp tỳ hai bên bờ suối. Cả bầy nai cùng lần trên lưng nai chúa mà chạy sang bờ bên kia. Khi ấy, da thịt nai chúa bị chân của bầy nai dẫm đạp lên, tróc ra từng mảng, đau đớn không nói hết. Đến chừng không chịu được nữa, đã muốn thu mình lại thì nhìn thấy trên bờ vẫn còn một con nai mẹ, vì dẫn theo một nai con nên chậm chạp chưa qua kịp. Nai chúa lại gắng hết sức mình để chịu đựng, chờ cho hai mẹ con nai qua thoát đến bờ bên kia. Quá sức đau đớn, khi ấy nai chúa liền bỏ mạng, sinh lên cảnh trời Đao-ly.”

Phật bảo chư tỳ-kheo: “Nai chúa thưở ấy chính là ta ngày nay. Trong đời quá khứ, còn mang thân thú vật, ta đã tu hạnh đại từ bi, chẳng kể khổ nạn, quên thân mình mà cứu độ chúng sanh. Huống chi nay ta thành Phật, vượt trên ba cõi, lẽ nào lại mỗi một trong việc cứu độ chúng sanh hay sao?”

Phật lại nói: “Bầy nai 500 con thưở ấy, chính là nhóm 500 người của ông Tu-bạt-đà ngày nay, vừa được ta độ cho xuất gia làm tỳ-kheo đó.”

Khi ấy, chư tỳ-kheo lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Chẳng hay nhóm ông Tu-bạt-đà 500 người đây nhờ phước báo gì mà nay được gặp Phật, lại được xuất gia đắc đạo?”

Phật bảo chư tỳ-kheo: “Các người hãy chú tâm lắng nghe, ta sẽ vì các người mà phân biệt giảng nói. Vào giữa Hiền kiếp này, xứ Ba-la-nại có vị Phật xuất thế hiệu là Ca-diếp. Phật hóa độ chúng sanh đã lâu, pháp duyên đã mãn, liền muốn nhập Niết-bàn. Khi ấy có 500 vị tỳ-kheo cùng nhau ngồi thiền học đạo trong chón núi sâu, không hay biết việc Phật sắp nhập Niết-bàn.

“Bấy giờ, có mấy vị thần cây nơi ấy, biết Phật sắp nhập Niết-bàn nên buồn thảm khóc lóc, nhỏ lệ xuống chỗ các vị tỳ-kheo đang ngồi thiền.

“Các vị tỳ-kheo liền hỏi mấy vị thần cây rằng: ‘Hôm nay vì sao mà các ngài buồn khóc nhỏ lệ như vậy?’ Mấy vị thần cây đáp: ‘Đức Phật Ca-diếp sắp nhập Niết-bàn nên chúng tôi buồn khóc.’”

“Chư tỳ-kheo nghe vậy thì kinh hoàng, sửng sốt, trong lòng sầu não không sao nói hết, liền hỏi các vị thần cây rằng: ‘Nay chúng tôi đang ở xa quá, biết làm sao gặp được đức Thế Tôn lần cuối trước khi ngài nhập Niết-bàn?’”

“Các vị thần cây đáp: ‘Nếu các ngài muốn đến đó, chỉ việc nhắm mắt lại, thần lực của chúng tôi có thể giúp đưa các ngài đi.’”

“Chư tỳ-kheo nghe vậy liền nhắm mắt cả lại. Trong phút chốc, bỗng thấy mình được đưa đến ngay trước chỗ Phật Ca-diếp. Các vị liền đối trước Phật mà sám hối hết thấy tội lỗi ác nghiệp từ muôn đời. Nhờ công đức tu tập từ kiếp trước như thế, nên nay các vị lại được gặp ta mà xuất gia, đắc đạo.”

Phật bảo chư tỳ-kheo: “Năm trăm tỳ-kheo thưở ấy, chính là nhóm năm trăm người của ông Tu-bạt-đà ngày nay đó.”

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## **THỎ THIÊU THÂN CÚNG DƯỜNG**

Lúc ấy, Phật ở thành Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp Cô Độc. Trong thành có vị trưởng giả tên Bạt-đề, phát tâm xuất gia nhập đạo, nhưng lại thường ưa tham gia những chuyện thế sự, ba nghiệp chẳng được thanh tịnh.

Khi ấy, đức Thế Tôn quán sát căn cơ, biết tỳ-kheo Bạt-đề đã đến lúc hóa độ được, liền bảo ngài A-nan: “Người đi gọi tỳ-kheo Bạt-đề đến gặp ta.”

A-nan vâng lời Phật đi tìm tỳ-kheo Bạt-đề đến. Phật dạy tỳ-kheo Bạt-đề rằng: “Người nên tìm vào chỗ rừng núi vắng vẻ mà ngồi thiền học đạo ít lâu.”

Tỳ-kheo Bạt-đề vâng lời Phật, tìm vào nơi rừng núi vắng vẻ chuyên tâm tọa thiền, học đạo, không bao lâu liền đắc quả A-La-hán.

Các vị tỳ-kheo thấy việc như vậy đều lấy làm lạ, thưa hỏi Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Chẳng biết vị tỳ-kheo Bạt-đề này trước đây đã tạo các nghiệp thiện ác như thế nào mà nay nghe lời Phật dạy, tu tập chẳng bao lâu chứng được thánh quả?”

Phật nói: “Chẳng phải nay ta mới hóa độ cho Bạt-đề. Trong quá khứ ta cũng đã từng hóa độ cho người ấy.”

Khi ấy, chư tỳ-kheo đều thắc mắc muốn được nghe nhân duyên quá khứ Phật hóa độ cho Bạt-đề. Phật liền bảo chư tỳ-kheo: “Các người hãy chú tâm lắng nghe, ta sẽ vì các người mà phân biệt giảng nói. Vào giữa Hiền kiếp này, xứ Ba-la-nại có một vị tiên tu tập trong chốn núi rừng thâm sâu vắng vẻ, chỉ ăn các thứ trái cây rừng, uống nước suối. Trải qua nhiều năm gặp nắng hạn khô cằn, hoa quả trong rừng chẳng còn cho người ăn no bụng nữa, liền có ý xuống nơi thôn xóm mà khát thực.

“Bấy giờ có vị Bò-tát hiện thân làm vua loài thỏ ở nơi khu rừng ấy. Vua thỏ dẫn một bầy thỏ đi tìm nước uống, thấy vị tiên đang muốn bỏ rừng xuống xóm thôn khát thực, liền đón lại thưa rằng: ‘Tôi có lẽ cúng dường, sáng sớm ngày mai mong được ngài đến thọ nhận.’

“Khi ấy, vị tiên suy nghĩ rằng: ‘Chắc vua thỏ đã gặp con thú nào bỏ mạng, có thể làm thức ăn cho ta, nên muốn mang đến cúng dường. Vậy ta nên nhận lời.’ Nghĩ rồi liền nhận lời.

“Sáng hôm sau, vua thỏ tập trung hết loài thỏ trong rừng lại, cùng thỉnh vị tiên ấy đến, rồi đứng trước tất cả mà thuyết pháp cho nghe. Xong rồi, vua thỏ đốt lên một đồng lửa to, tự nhảy vào lửa thiêu thân mình để cúng dường thịt cho vị tiên.

“Ngay khi ấy, vị tiên tinh ngộ lẽ vô thường, trong lòng vô cùng cảm kích, nói to lên rằng: ‘Đại sư! Sao chỉ trong phút chốc đành bỏ tôi mà đi, khiến tôi chẳng còn được nghe thuyết pháp nữa!’ Nói rồi khóc lóc thảm thiết, nằm lăn lộn trên đất chẳng muốn dậy nữa.

“Bấy giờ cõi đất chấn động, chư thiên rải hoa trời xuống cúng dường, phủ trên xác vua thỏ.

“Vị tiên không đành lòng ăn thịt vua thỏ, liền thiêu lấy xá-ly rồi dựng tháp thờ kính, cúng dường.”

Phật bảo chư tỳ-kheo: “Bồ-tát hiện thân vua thỏ ngày xưa, nay là ta đây. Vị tiên ngày ấy, nay là tỳ-kheo Bạt-đề đó. Ngày trước người nghe lời ta mà đến nghe pháp, nên nay nhờ nhân duyên ấy mà được gặp ta và xuất gia đắc đạo.”

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## **NGƯỜI MẸ GIẾT CON**

Khi ấy, Phật ở thành Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp Cô Độc. Bấy giờ Đề-bà-đạt-đa đem lòng hiềm hận, nhiều lần ám hại đức Thế Tôn, lại dùng những lời độc ác mà thóa mạ ngài, nhưng đức Thế Tôn vẫn không hề có chút oán hận nào đối với người ấy.

Chư tỳ-kheo thấy vậy lấy làm kỳ lạ, liền thưa hỏi Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Đề-bà-đạt-đa sân nhuế ác tâm, nhiều lần mưu hại, nhưng Phật chẳng hề sanh tâm oán hận Đề-bà-đạt-đa, chẳng hay trong quá khứ có nhân duyên gì, xin đức Thế Tôn thuyết giảng cho được biết?”

Phật nói: “Chẳng phải đến bây giờ người ấy mới xúc phạm, mạ nhục ta. Trong thời quá khứ cũng đã từng làm việc ấy, nhưng ta thường nhẫn chịu.”

Chư tỳ-kheo đều thưa thỉnh xin được nghe những nhân duyên thời quá khứ. Phật bảo chư tỳ-kheo: “Các người hãy chú tâm lắng nghe, ta sẽ vì các người mà phân biệt giảng nói.

“Này các tỳ-kheo! Vào giữa Hiền kiếp này, nước Ba-la-nại có vua tên là Phạm-ma-đạt-đa, trị nước theo chánh pháp, nhân dân giàu có, đời sống sung túc.

“Vua ấy có hai vợ. Vị phu nhân thứ nhất tên là Thiện Ý, vị thứ hai tên là Tu Thiện Ý. Vị thứ nhất tánh tình hiền thuận, rất hợp ý vua, nhưng lại không có con. Phu nhân thứ hai tánh tình ác độc, sân hận, nhưng sanh được một người con trai cực kỳ thông minh, hiếu thuận, được vua hết lòng thương yêu, cho học đủ các môn kinh thư, luận điển.

“Ngày kia vua cùng phu nhân Thiện Ý ra ngoài thành dạo chơi, dẫn theo cả vương tử. Hôm ấy vua rất vui, trong lòng nghĩ nhớ đến phu nhân Tu Thiện Ý nên sai người mang đến cho một ít rượu thịt để tỏ lòng chia sẻ.

“Chẳng ngờ phu nhân nghe biết vua dạo chơi với phu nhân Thiện Ý, có dẫn theo cả con mình thì sanh lòng ghen tức cực kỳ, trong lúc có sứ giả của vua đó lớn tiếng thóa mạ rằng: ‘Ta chỉ muốn cắt cổ đưa con ấy để lấy máu mà uống, quyết chẳng uống rượu của vua ban.’

Sứ giả trở về y lời tâu lại với vua, vua nổi trận lôi đình truyền bắt vương tử mang đến đó, xem thử phu nhân có dám cắt cổ con mà uống máu như lời độc địa ấy chẳng. Chẳng ngờ phu nhân Tu Thiện Ý nghe lệnh vua thì lòng ghen tức chưa nguôi, liền thân nhiên sai người cắt cổ vương tử. Khi ấy, vương tử quỳ trước mẹ, chấp tay mà thưa rằng: “Con thật chẳng có lỗi chi, vì sao đến có sự này?” Mẹ trả lời rằng: “Đó là lệnh của cha con, con có chết cũng chẳng phải lỗi nơi ta.” Vương tử nghe vậy, liền thưa với mẹ xin sám hối tất cả lỗi làm đã mắc phải. Phu nhân Tu Thiện Ý khi ấy đứng đưng không nghe, lệnh cho người cắt cổ con mà lấy máu. Vương tử mạng chung, trong lòng không chút oán hận nên sinh lên cõi trời Đao-ly.”

Phật lại bảo chư tỳ-kheo: “Người mẹ nhẫn tâm giết con thuở ấy nay chính là Đè-bà-đạt-đa. Vương tử bị giết không chút oán hận, nay là ta đây. Ngày xưa ta còn là phàm phu, bị Đè-bà-đạt-đa ác hại như vậy còn không có lòng oán hận, huống chi nay đã thành Phật, vượt trên ba cõi, lẽ nào lại không thể lấy tâm từ bi mà tha thứ cho Đè-bà-đạt-đa sao?”

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## **KẺ CƯỚP LÂU-ĐÀ**

Khi ấy, Phật ở thành Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp Cô Độc. Trong thành có một kẻ cướp tên là Lâu-đà, thường mang khí giới, cung tiễn, núp ở những nơi vắng vẻ mà cướp đoạt người, lấy đó làm nghề sinh sống.

Một ngày kia, Lâu-đà chẳng gặp ai để cướp, trong bụng đói khát chẳng có gì ăn. Xa xa chợt trông thấy một vị tỳ-kheo mang bát đi khất thực, vừa từ trong thành trở ra. Lâu-đà liền nghĩ: “Ông thầy tu kia đi khất thực, trong bát chắc là có thức ăn, ta phải đến cướp lấy. Nếu ông ta đã ăn hết rồi thì ta mở bụng mà lấy thức ăn vậy.”

Nghĩ như vậy rồi, liền nhắm hướng vị tỳ-kheo ấy mà đi đến. Gần đến nơi, trong lòng dự dự nên dừng lại một chút.

Bây giờ, vị tỳ-kheo ấy biết tâm ý của kẻ cướp Lâu-đà. Ngài liền nghĩ rằng: “Nếu ta cứ mặc nhiên mà đi, kẻ ấy muốn đoạt thức ăn sẽ đến hại mạng ta, tạo tội nặng nề, phải đọa ác đạo không sao cứu được. Chi bằng ta lên tiếng trước mà gọi người đến, thí cho thức ăn này.”

Nghĩ vậy rồi liền lớn tiếng gọi Lâu-đà: “Người kia, hãy mau đến đây. Ta muốn bố thí chỗ thức ăn này cho người.”

Khi ấy, Lâu-đà lấy làm lạ, tự suy nghĩ rằng: “Quái lạ, sao vị tỳ-kheo này từ xa vừa thấy ta đã biết là đói khát mà gọi đến cho ăn?” Tuy vậy, Lâu-đà đang quá đói nên liền nhanh chân đi lại.

Vị tỳ-kheo bố thí thức ăn cho Lâu-đà rồi, tên kẻ cướp được no bụng liền sinh lòng hoan hỷ. Tỳ-kheo nhân đó thuyết diễn pháp yếu cho nghe, liền được đắc quả Tu-đà-hoàn. Khi ấy mới phát tâm xuất gia nhập đạo, tu tập rất tinh cần, chẳng bao lâu được đắc quả A-La-hán.

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## **PHẨM THỨ NĂM : LÀM ÁC ĐẠO NGẠ QUỶ - PHÚ-NA-KỶ ĐẠO NGẠ QUỶ**

Lúc ấy, Phật ở gần thành Vương-xá, trong tinh xá Trúc Lâm.

Khi ấy, hai vị đại đức là Xá-ly-phất và Mục-kiền-liên tự phát nguyện trước mỗi bữa ăn đều nhập định quán sát các chốn địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, rồi sau mới ăn. Các ngài làm như thế là muốn khiến cho tất cả chúng sanh đều biết sợ đường sanh tử luân hồi mà cầu đạo giải thoát Niết-bàn.

Ngày kia, ngài Mục-kiền-liên quán sát thấy một ngạ quỷ thân hình như cây đuốc cháy, bụng lớn như quả núi mà cổ họng thì nhỏ như cây kim, tóc dài phủ xuống khắp mình. Khắp thân ngạ quỷ ấy liên tục bị lửa dữ thiêu đốt nóng nảy, chạy tránh khắp nơi mà chẳng khỏi, chỉ cầu được những thứ phân dơ và nước tiểu để làm món ăn thức uống, nhưng tìm mãi suốt ngày chẳng khi nào có được.

Khi ấy, ngài Mục-kiền-liên liền hiện thân đến trước ngạ quỷ ấy, lên tiếng hỏi rằng: “Ngày trước người đã tạo những ác nghiệp gì mà nay thọ khổ báo thế này?” Ngạ quỷ ấy đáp: “Nơi có mặt trời chiếu rọi thì chẳng cần đèn đuốc. Nay có đức Như Lai Thế Tôn đang tại thế, ngài nên tự đến đó hỏi. Tôi nay đang cơn đói khát, chẳng thể trả lời ngài được.”

Ngài Mục-kiền-liên liền đi đến chỗ Phật, muốn hỏi xem nhân duyên nghiệp báo của ngạ quỷ ấy trước đây là như thế nào.

Bấy giờ, Phật đang thuyết pháp giữa đại chúng, nhìn thấy Mục-kiền-liên từ ngoài đi vào liền lên tiếng hỏi rằng: “Hôm nay người đã thấy điều gì lạ?” Mục-kiền-liên đáp: “Đệ tử hôm nay thấy một ngạ quỷ thân thể cháy đỏ, chạy khắp đông tây, thọ



khô vô lượng. Chẳng biết nga quý ấy ngày trước đã tạo ác nghiệp gì mà nay thọ thân khô não như thế?”

Phật bảo Mục-kiền-liên: “Người hãy chú tâm lắng nghe, ta sẽ vì người mà phân biệt giảng nói. Vào giữa Hiền kiếp này, trong thành Xá-vệ có một vị trưởng giả giàu có, của cải không sao tính đếm hết. Ông thường thuê người làm công việc ép mía nấu đường, nhờ đó mà thành nhà hào phú giàu có.

Có vị Phật Bích-chi bị bệnh nặng, thầy thuốc bảo phải dùng nước mía ép uống với thuốc mới khỏi bệnh. Phật Bích-chi liền ôm bát đến nhà trưởng giả ấy mà xin nước mía ép. Ông trưởng giả nhìn thấy vị Phật Bích-chi dung mạo oai nghi đẹp đẽ, sinh lòng kính ngưỡng, liền đến chào và thưa hỏi: “Ngài cần điều chi?” Phật Bích-chi nói: “Ta có chút bệnh cần dùng nước mía ép, đến chỗ thí chủ để xin một bát.”

Người trưởng giả nghe xong lấy làm vui vẻ, quay sang nói với người vợ là Phú-na-kỳ: “Ta có chút việc gấp phải đi ngay, bà hãy lấy nước mía ép mà cúng dường cho vị tăng này.” Người vợ nói: “Ông cứ yên tâm đi công việc, tôi sẽ tự lo việc cúng dường.”

Nói rồi bước ra đón lấy bình bát của vị Phật Bích-chi ấy, mang ra chỗ khuất rồi tiểu tiện vào, xong mới lấy nước mía ép mà đổ thêm lên trên. Phật Bích-chi nhận bình bát lại đã biết ngay sự việc, liền ném bát lên không trung. Bình bát trút sạch chất ô uế trong đó rồi tự quay về chỗ ngài.

Bà Phú-na-kỳ ấy về sau mạng chung đọa làm nga quý, thường chịu cảnh đói khát, khổ khô. Do nhân duyên như trên mà phải chịu những khổ não ấy.

Phật nói với Mục-kiền-liên rằng: “Người vợ trưởng giả tên Phú-na-kỳ ngày trước chính là nga quý mà người đã gặp.”

Phật thuyết nhân duyên đọa nga quý của Phú-na-kỳ, chư tỳ-kheo trong chúng hội liền lia bỏ lòng tham lam, sân hận, lánh sợ đường sinh tử, có người đắc quả Tu-đà-hoàn, có người đắc quả Tu-đà-hàm, có người đắc quả A-na-hàm, có người đắc quả A-La-hán, lại có nhiều người phát tâm cầu quả Phật Bích-chi, cũng có người phát tâm cầu quả vô thượng Bồ-đề.

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## **THAM LAM ĐỌA NGẠ QUỶ**

Lúc ấy, Phật ở thành Vương-xá, núi Kỳ-xà-quật. Tôn giả Mục-kiền-liên ngồi thiền dưới một gốc cây kia, quán sát thấy một ngạ quỷ thân như cây đuốc cháy, bụng như quả núi lớn, cổ họng lại nhỏ như cây kim, tóc dài phủ khắp cả mình, cả thân người đều bốc lửa thiêu đốt không lúc nào ngưng nghỉ, kêu gào than khóc, chạy khắp bốn phương tìm những phân dơ để làm thức ăn mà tìm hoài chẳng gặp, đói khát khổ não cùng cực.

Ngài Mục-kiền-liên liền hiện thân đến trước ngạ quỷ ấy, hỏi rằng: “Ngày trước người tạo những ác nghiệp chi mà nay chịu quả báo khổ não như thế?” Ngạ quỷ đáp: “Nay đang có đức Như Lai tại thế, ngài nên đến đó mà hỏi. Tôi hiện đang đói khát, chẳng thể trả lời ngài được.”

Khi ấy, ngài Mục-kiền-liên liền đến chỗ Phật để hỏi nguyên do tác nghiệp ngày trước của ngạ quỷ ấy.

Phật bảo Mục-kiền-liên: “Người hãy chú tâm lắng nghe, ta sẽ vì người mà phân biệt giảng nói.

“Về thuở quá khứ cách đây đã vô số kiếp, xứ Ba-la-nại nhân dân hòa thuận, sung túc, chẳng có nạn binh đao tranh chấp.

“Bấy giờ có vị trưởng giả tên là Hiền Thiện, tâm tánh nhu hòa, hiền hậu, có lòng tin sâu nơi Tam bảo, thường làm việc bố thí, cúng dường, khắp nơi đều nghe tiếng.

“Có vị tỳ-kheo đi khát thực, nhân đến nhà trưởng giả Hiền Thiện. Ông ân cần đón rước vào nhà, gọi vợ ra căn dặn rằng: ‘Tôi có chút việc phải đi ngay, bà hãy thay tôi mang thức ăn ra cúng dường vị tỳ-kheo này.’ Người vợ đáp: ‘Ông không phải lo lắng, tôi sẽ làm việc đó.’

“Nhưng lòng người đàn bà ấy tham lam lắm, nên khi chồng đi rồi, liền tự nghĩ rằng: ‘Hôm nay nếu cho ông ấy thức ăn, chắc rằng ngày sau lại đến nữa, những người như thế này thật là đáng ghét.’ Nghĩ vậy rồi, liền giả vờ mời vị tỳ-kheo ấy vào phòng trong, xong khóa cửa nhốt lại suốt ngày ấy chẳng cho ăn uống gì cả.

“Do nhân duyên tạo nghiệp ấy mà qua vô lượng kiếp phải đọa làm thân ngạ quỷ, thọ khổ như vậy.”

Phật lại nói với Mục-kiền-liên rằng: “Người vợ trưởng giả ngày trước ác tâm bỏ đói vị tỳ-kheo ấy, nay chính là ngạ quỷ mà người gặp đó. Do vậy, tỳ-kheo các người nên tu hạnh bố thí, chẳng nên giữ tâm tham lam, bủn xỉn.”

Phật thuyết nhân duyên đọa ngạ quỷ của Phú-na-kỳ, chư tỳ-kheo trong chúng hội liền lia bỏ lòng tham lam, sân hận, lánh sợ đường sinh tử, có người đắc quả Tu-đà-hoàn, có người đắc quả Tu-đà-hàm, có người đắc quả A-na-hàm, có người đắc quả A-La-hán, lại có nhiều người phát tâm cầu quả Phật Bích-chi, cũng có người phát tâm cầu quả vô thượng Bồ-đề.

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## **LOÀI QUỶ KHÁT NƯỚC**

Lúc ấy, Phật ở tại thành Vương-xá, tinh xá Trúc Lâm. Tôn giả Mục-kiền-liên khi ấy tọa thiền dưới một cội cây, quán sát thấy một ngạ quỷ thân hình như cây đuốc cháy đỏ, bụng như hòn núi lớn mà cổ họng nhỏ như cây kim, tóc dài phủ khắp thân hình. Khắp người ngạ quỷ ấy đều rực lửa, thiêu đốt không ngừng, khát nước kêu khóc muốn chết. Ngạ quỷ ấy chạy tìm nước uống, đến chỗ sông suối nào thì ở đó nước đều tự nhiên cạn khô. Gặp khi trời đang mưa lớn, mà nước mưa vừa chạm thân ngạ quỷ liền hóa thành lửa đỏ, vẫn không có được chút nước nào vào miệng.

Ngài Mục-kiền-liên liền hiện thân đến trước nga quý ấy, hỏi rằng: “Ngày trước người tạo những ác nghiệp chi mà nay chịu quả báo khổ não như thế?” Nga quý đáp: “Tôi đang khát nước muốn chết được, chẳng thể trả lời ngài. Ngài nên đến chỗ Phật mà hỏi.”

Khi ấy, ngài Mục-kiền-liên liền đến chỗ Phật để hỏi nguyên do tác nghiệp ngày trước của nga quý ấy.

Phật bảo Mục-kiền-liên: “Người hãy chú tâm lắng nghe, ta sẽ vì người mà phân biệt giảng nói.

“Vào giữa Hiền kiếp này, xứ Ba-la-nại có vị Phật xuất thế hiệu là Ca-diếp. Khi ấy, có một thầy tỳ-kheo trên đường hành hóa, gặp lúc nắng gắt khô khát lắm, muốn tìm một chỗ xin nước uống.

“Bấy giờ có cô gái tên là Ác Kiến đang xách nước chỗ một cái giếng. Tỳ-kheo liền đến đó xin nước. Cô gái đáp rằng: “Dù ông có khát nước đến chết tôi cũng chẳng thể lấy nước này cho ông được. Nếu tôi cho ông, chẳng phải là sẽ giảm bớt số nước của tôi đó sao?” Nói vậy rồi nhất định chẳng cho tỳ-kheo uống nước.

Lòng cô gái ấy cực kỳ tham lam, bủn xỉn, nên về sau có bao nhiêu người đến xin nước uống, cô cũng đều chẳng thí cho một ai. Đến khi mạng chung, do nghiệp duyên ấy mà phải đọa làm thân nga quý, chịu khổ não như thế, dù trong người khô khát muốn chết được nhưng chẳng bao giờ được uống nước.”

Phật bảo Mục-kiền-liên rằng: “Cô gái tên Ác Kiến ngày đó, chính là nga quý khát nước mà người nhìn thấy.”

Phật thuyết nhân duyên đọa nga quý của Ác Kiến rồi, chư tỳ-kheo trong chúng hội liền lia bỏ lòng tham lam, sân hận, lánh sợ đường sinh tử, có người đắc quả Tu-đà-hoàn, có người đắc quả Tu-đà-hàm, có người đắc quả A-na-hàm, có người đắc quả A-La-hán, lại có nhiều người phát tâm cầu quả Phật Bích-chi, cũng có người phát tâm cầu quả vô thượng Bồ-đề.

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## PHÂN DƠ TRONG BÁT

Lúc ấy, Phật ở thành Vương-xá, trong tinh xá Trúc Lâm. Tôn giả Mục-kiền-liên một hôm hóa trai xong, đến cội cây lớn ngồi tham thiền. Khi nhập vào đại định, ngài quán sát thấy một ngạ quỷ thân thể cực kỳ xấu xí, chẳng thể đến gần được.

Ngài Mục-kiền-liên liền hiện thân đến trước ngạ quỷ ấy, hỏi rằng: “Ngày trước người tạo những ác nghiệp chi mà nay chịu quả báo thân thể xấu xí chẳng ai đến gần được như thế?” Ngạ quỷ đáp: “Ngài nên tự đến hỏi Phật.”

Khi ấy, ngài Mục-kiền-liên liền đến chỗ Phật, thưa hỏi rằng: “Bạch Thế Tôn! Hôm nay con ngồi thiền quán sát thấy một ngạ quỷ thân thể cực kỳ xấu xí, dơ nhớp, chạy khắp nơi tìm phân người mà ăn, xem là món ngon nhất, nhưng chẳng bao giờ tìm được. Chẳng biết nguyên do nghiệp báo này là do việc làm như thế nào từ ngày trước?”

Phật bảo Mục-kiền-liên: “Ngươi hãy chú tâm lắng nghe, ta sẽ vì ngươi mà phân biệt giảng nói.

“Về thuở quá khứ cách đây đã vô số kiếp, xứ Ba-la-nại có vị Phật Bích-chi ra đời. Ngài ở nơi thanh vắng trải tòa cỏ mà ngồi thiền, gặp khi thân thể có bệnh, thầy thuốc bảo dùng thịt làm thuốc có thể khỏi bệnh.

Phật Bích-chi theo lời thầy thuốc, mang bát vào trong thành đến nhà một người trưởng giả tên là Kiết Thiện xin món thịt. Khi ấy, trưởng giả nói với người vợ là Bàn-đà-la rằng: “Tôi nay có việc gấp phải đi ra ngoài, bà hãy lo việc cúng dường cho vị tỳ-kheo này.” Người vợ trả lời: “Ông cứ yên lòng ra đi, để việc ấy tôi lo.”

Ông trưởng giả liền ra đi. Bàn-đà-la khi ấy sinh tâm tham lam, suy nghĩ rằng: “Nếu hôm nay ta lấy thức ăn mà cho người này, tất ngày mai lại đến nữa. Hạng người này thật là đáng ghét lắm.”

Nghĩ như vậy rồi liền nhận lấy bát của Phật Bích-chi, mang đến chỗ khuấy đại tiện vào đó, rồi lấy cơm mà phủ lên trên, mang ra trao cho Phật Bích-chi. Phật Bích-chi biết rõ sự việc, lặng lẽ đổ bát rồi đi ra.

Do tạo nghiệp duyên như thế, trải qua vô lượng kiếp phải đọa làm thân ngạ quỷ đói khát, muốn ăn các thứ phân dơ nhưng chẳng bao giờ được có mà ăn.”

Phật bảo Mục-kiền-liên: “Người vợ trưởng giả ngày xưa đại tiện vào bình bát của Phật Bích-chi, nay là ngạ quỷ đói đi tìm phân dơ mà người gặp đó.”

Phật thuyết nhân duyên đọa ngạ quỷ của Bàn-đà-la rồi, chư tỳ-kheo trong chúng hội liền lia bỏ lòng tham lam, sân hận, lánh sợ đường sinh tử, có người đắc quả Tu-đà-hoàn, có người đắc quả Tu-đà-hàm, có người đắc quả A-na-hàm, có người đắc quả A-La-hán, lại có nhiều người phát tâm cầu quả Phật Bích-chi, cũng có người phát tâm cầu quả vô thượng Bồ-đề.

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## **NĂM TRĂM NGẠ QUỶ**

Lúc ấy, Phật ở gần thành Vương-xá, trong tinh xá Trúc Lâm. Đại đức Mục-kiền-liên một hôm mang bát vào thành khát thực, vừa đến cửa thành thì gặp 500 ngạ quỷ cũng từ ngoài đi vào thành.

Đám ngạ quỷ ấy gặp tôn giả Mục-kiền-liên thì mừng rỡ, bạch với ngài rằng: “Xin tôn giả mở lòng từ bi thương xót nhớ lấy tên chúng tôi, đến nói với những thân quyền của chúng tôi rằng: Vì chúng tôi chẳng làm việc thiện, chẳng hay bố thí, nên nay phải đọa làm thân ngạ quỷ đói khát. Xin tôn giả lại vì chúng tôi nhận lấy tiền bạc nơi những thân quyền ấy mà thiết lễ cúng dường Phật với chư tăng. Nếu như tiền bạc chẳng đủ, xin tôn giả mở lòng quyền góp thêm của bá tánh cho đầy đủ lễ cúng, chú nguyện cho chúng tôi được thoát khỏi thân ngạ quỷ này.”

Tôn giả Mục-kiền-liên thương xót những nga quý khôn khổ ấy, liền nhận lời cầu thỉnh. Ngài lại hỏi: “Các người ngày trước đã tạo những ác nghiệp gì mà chịu khổ báo như thế này?”

Các nga quý đồng thanh đáp rằng: “Chúng tôi ngày trước đều là con nhà trưởng giả trong thành Vương-xá. Vì kiêu căng, ngã mạn, sống phóng túng buông thả, chẳng tin nơi Tam bảo, chẳng thích việc bố thí, làm phước thiện. Mỗi khi thấy có các thầy sa-môn đi khát thực trong thành, đã không thí cúng, còn ngăn cản những người khác không cho thí cúng, khiến các vị chẳng còn đường sống. Thường nói với bá tánh trong thành rằng: “Nếu thí cho các ông ấy, ngày sau các ông ấy lại đến nữa, chẳng biết bao giờ mới đủ.” Do những nghiệp duyên như vậy, nên khi mạng chung thấy đều đọa sinh làm loài nga quý, thọ khổ não không cùng.’

Ngài Mục-kiền-liên liền bảo chư nga quý rằng: “Ta sẽ vì các người mà lo việc thiết lễ cúng dường. Đến lúc đó, các người nên tự đến dự lễ.”

Đám nga quý thưa rằng: “Chúng tôi do tội nghiệp nặng nề, dẫu nay mang thân hình nga quý, nhưng thân thể như cây đuốc cháy, bụng như hòn núi lớn, cổ họng nhỏ như cây kim, tóc dài che phủ khắp mình, cả người lúc nào cũng bị lửa dữ thiêu đốt, bốn phương cầu tìm đồ ăn thức uống rốt cùng đều chẳng bao giờ tìm được, dẫu có các món ngon vật lạ bày ra trước mắt, tự nhiên cũng hóa thành máu huyết như nhớp chẳng thể ăn được. Như vậy làm sao mà có thể đến dự hội được?”

Khi ấy, ngài Mục-kiền-liên vì các nga quý ấy đến nói với những người quyền thuộc. Những người này nghe vậy đều buồn thương áo não, cùng nhau hợp sức lo việc thiết lễ cúng dường.

Ngài Mục-kiền-liên sau đó mới nhập định, muốn tìm xem các nga quý hiện nay đang ở nơi đâu. Ngài quán sát khắp cùng thế giới, lại quán sát cả đến những cõi miền trên, miền dưới, chẳng nơi nào tìm thấy.

Thấy việc lạ kỳ, ngài Mục-kiền-liên liền tìm đến chỗ Phật thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Con nay vì một nhóm 500 nga quý, quyền góp của người thân thuộc cùng bá tánh để lo việc thiết hội cúng dường tạo phước, cầu cho họ thoát thân nga quý. Giờ đây nhập định quán sát khắp cùng thế giới chẳng nơi nào nhìn thấy các nga quý ấy, chẳng biết giờ đây họ đọa lạc đến chốn nào?”

Phật nói: “Những nga quý ấy trôi dạt theo gió nghiệp lực, không phải sức của hàng thanh văn các người nhìn thấy được. Tuy nhiên, những nga quý ấy mong nhờ việc thiết hội cúng dường, tội cũ tất nhiên trừ diệt. Khi ấy ta có thể khiến họ đến chỗ hội cúng.”

Ngài Mục-kiền-liên vì các nga quý thiết hội cúng dường Phật và chư tăng. Phật dùng thần lực khiến cho chư nga quý hiện đến nơi thiết hội, lại khiến cho hết thảy nhân dân trong thành đều nhìn thấy rõ hình trạng xấu xí, ghê tởm của các nga quý ấy. Nhìn thấy như vậy rồi, rất nhiều người lìa bỏ lòng tham lam, sân hận, lánh sợ đường sinh tử, có người đắc quả Tu-đà-hoàn, có người đắc quả Tu-đà-hàm, có người đắc quả A-na-hàm, có người đắc quả A-La-hán, lại có nhiều người phát tâm cầu quả Phật Bích-chi, cũng có người phát tâm cầu quả vô thượng Bồ-đề.

Đức Thế Tôn lại vì các nga quý ấy mà thuyết pháp, trong tâm họ liền tự lìa bỏ hết tham lam, sân hận, khởi lòng tin tưởng sâu vững nơi Tam bảo. Ngay trong đêm đó tất cả đều mạng chung, sinh lên cõi trời Đao-ly.

Các vị thiên tử mới thác sinh này liền tự suy nghĩ rằng: “Không biết chúng ta đã tạo nghiệp lành gì mà được sinh lên cõi trời này?” Liền tự quán sát, nhớ biết nhân duyên nhờ có tôn giả Mục-kiền-liên thiết hội cúng dường Phật và chư tăng nên các vị được sinh lên cõi trời. Khi ấy, tất cả đều nghĩ rằng: “Nay chúng ta nên đến tạ ơn ngài.”

Nghĩ như vậy rồi liền từ cõi trời hiện xuống, hào quang quanh thân, mang theo các thứ anh lạc, hương hoa cõi trời, cùng đến cúng dường Phật và tôn giả Mục-kiền-liên. Cúng dường xong, cùng ngồi nơi chỗ Phật mà nghe thuyết pháp, tâm ý khai mở rồi thấy đều có chỗ đắc hoạch đạo quả, cùng lễ Phật rồi quay về cõi trời.

Phật bảo tôn giả Mục-kiền-liên: “Năm trăm vị thiên tử này chính là năm trăm nga quý ngày trước đó.”

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.



---o0o---

## **BÀ MẸ BỎN SẼN**

Lúc ấy, Phật ở thành Vương-xá, trong tinh xá Trúc Lâm. Trong thành có một vị trưởng giả giàu có vô cùng, lại chọn được người vợ cũng thuộc dòng cao sang quyền quý.

Khi ấy, người vợ mang thai đủ ngày tháng sanh được một đứa con trai, hình dung xinh đẹp, khôi ngô ít có. Cha mẹ đều vui vẻ, nhân đó mới đặt tên là Ưu-đa-la.

Dần dần khôn lớn, không may người cha mất sớm. Ưu-đa-la khi ấy suy nghĩ rằng: “Cha ta trước đây chuyên đường buôn bán kiếm lãi, nhờ đó mà dựng thành gia nghiệp. Ta nay không nên đi theo đường ấy, mà nên kính tin Phật pháp.” Nghĩ vậy rồi liền thưa với mẹ xin được xuất gia tu học.

Người mẹ đáp rằng: “Cha con đã chết, nay ta chỉ còn có mỗi một mình con, sao nay con lại muốn bỏ ta mà ra đi xuất gia. Ta còn sống đây ngày nào, quyết không thuận cho con xuất gia. Mai sau ta có chết rồi, thì con tùy ý.”

Ưu-đa-la không thỏa ý nguyện, liền nói với mẹ: “Nếu mẹ không cho con xuất gia, con sẽ dùng thuốc độc tự vẫn.”

Mẹ khuyên dỗ rằng: “Con đừng nói vậy. Mẹ nghĩ con không cần phải xuất gia nhập đạo. Từ nay về sau nếu con muốn thỉnh các vị sa-môn, bà-la-môn đến cúng dường, ta đều chiều ý.”

Ưu-đa-la nghe vậy cũng nguôi ngoai. Từ đó thường thỉnh các vị tỳ-kheo tăng về nhà cúng dường.

Người mẹ thấy các vị tỳ-kheo thường đến nhà thọ nhận cúng dường nhiều lần, sinh lòng tham tiếc, không vui. Lâu dần bà buông ra nhiều lời nhục mạ, xúc xiểm các vị.

Có lần Ưu-đa-la đi vắng chẳng có nhà, mẹ liền lấy một ít thức ăn đồ cho rơi vãi trên mặt đất. Ưu-đa-la trở về, mẹ lại nói rằng: “Khi con đi vắng có nhà, mẹ có thỉnh các vị tỳ-kheo đến nhà cúng dường đầy đủ các món ăn ngon lạ.” Nói rồi dẫn Ưu-đa-la đến chỗ thức ăn đồ mà chỉ cho xem, nói: “Con xem, thức ăn thừa rơi vãi cũng vẫn còn đó.” Ưu-đa-la nghe và thấy như vậy thì tin là thật và lấy làm vui mừng, hoan hỷ.

Đến khi người mẹ mạng chung, do tạo ác nghiệp như thế mà phải đọa làm thân ngạ quỷ. Còn Ưu-đa-la không còn vương bận gia đình liền xuất gia nhập đạo, tinh cần tu tập, đắc quả A-La-hán. Ngày kia, khi đang ngồi thiền trong một hang động nơi bờ sông, có một ngạ quỷ miệng phun ra lửa, thân thể nóng khát, hiện đến nơi ấy mà nói rằng: “Ta là mẹ của con đây.”

Tỳ-kheo Ưu-đa-la lấy làm kinh quái, nói rằng: “Mẹ ta sanh tiền thường làm việc bố thí, cúng dường tỳ-kheo tăng, làm sao có thể thọ quả báo làm thân ngạ quỷ được?”

Ngạ quỷ đáp rằng: “Quả thật là mẹ đây. Ngày xưa mẹ tham lam, bủn xỉn, chưa từng thật lòng cúng dường tỳ-kheo tăng, chỉ dôi gạt con đó thôi. Chính vì vậy mà phải sinh làm thân ngạ quỷ, đã 20 năm nay chưa từng được món ăn thức uống gì vào miệng. Khi đến bờ sông, nước sông liền khô kiệt; gặt quả trên cây, cây với quả đều khô chết. Mẹ nay đói khát, khổ sở vô cùng, chẳng thể dùng lời mà nói ra cho hết được.”

Tỳ-kheo Ưu-đa-la lại hỏi: “Nguyên do thật sự là thế nào?” Ngạ quỷ đáp: “Tuy mẹ có vì con mà làm việc bố thí, nhưng trong tâm tham lam, keo kiệt, thường tiếc rẻ những thứ mang ra cúng dường. Vì thế mà chẳng có lòng cung kính đối với các vị tỳ-kheo tăng, lại nhiều lần nặng lời mạ nhục, xúc phạm. Nay nếu con vì mẹ mà thiết lễ cúng dường Phật và chư tăng, vì mẹ mà sám hối các ác nghiệp, thì mẹ có thể nhờ đó mà thoát được thân ngạ quỷ này.”

Ưu-đa-la khi ấy hết lòng thương mẹ, liền đi quyên góp vật thực khắp nơi trong thành, thiết lễ cúng dường thỉnh Phật và chư tăng đến thọ nhận. Lễ cúng dường xong, ngạ quỷ liền hiện thân đến giữa chúng hội mà sám hối các ác nghiệp.

Đức Thế Tôn khi ấy vì nạ quý mà khai diễn thuyết pháp. Nghe Phật thuyết pháp rồi, nạ quý tự thấy xấu hổ vì những nghiệp ác đã tạo, ngay trong đêm đó mạng chung, lại sinh làm loài nạ quý phi hành.

Khi ấy, nạ quý phi hành hiện hào quang quanh thân, có đủ các món trang sức quý báu, đẹp đẽ, hiện đến chỗ Ưu-đa-la mà nói rằng: “Mẹ nay vẫn chưa thoát được thân nạ quý. Con nên vì mẹ thiết lễ cúng dường tăng chúng khắp bốn phương, mẹ có thể nhờ đó mà thoát thân nạ quý.”

Ưu-đa-la nghe vậy rồi, lại một lần nữa quyên góp vật thực nhiều nơi, thiết lễ cúng dường thỉnh chư tăng bốn phương cùng thọ nhận. Lễ cúng dường xong, nạ quý phi hành liền hiện đến trước chúng hội, sám hối các ác nghiệp đã tạo. Ngay trong đêm đó liền mạng chung, sinh lên cõi trời Đao-ly.

Khi ấy, vị chư thiên mới sinh lên cõi trời ấy liền tự hỏi: “Ta đã tạo được phước đức gì mà nay được sinh lên cõi trời này?” Rồi tự quán sát, nhớ lại việc tỳ-kheo Ưu-đa-la vì mình hai lần thiết hội cúng dường Phật và chư tăng, nhờ đó mà được thoát thân nạ quý, sinh lên cõi trời. Nhớ lại rồi, liền tự nghĩ rằng: “Nay ta nên đến đó báo ơn Phật và tỳ-kheo Ưu-đa-la.”

Nghĩ rồi, liền hiện thân trang nghiêm đẹp đẽ của chư thiên, mang theo những hoa hương, trân bảo ở cõi trời, hiện đến chỗ Phật và tỳ-kheo Ưu-đa-la mà cúng dường. Lễ cúng dường xong, liền ngồi lại một bên nghe Phật thuyết pháp. Nghe rồi được khai mở tâm ý, chúng quả Tu-đà-hoàn, liền lễ bái Phật rồi quay về cõi trời.

Khi Phật thuyết nhân duyên đọa nạ quý của người mẹ Ưu-đa-la, chư tỳ-kheo trong chúng hội liền lia bỏ lòng tham lam, sân hận, lánh sợ đường sinh tử, có người đắc quả Tu-đà-hoàn, có người đắc quả Tu-đà-hàm, có người đắc quả A-na-hàm, có người đắc quả A-La-hán, lại có nhiều người phát tâm cầu quả Phật Bích-chi, cũng có người phát tâm cầu quả vô thượng Bồ-đề.

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

## NGẠ QUỶ MÙ

Lúc ấy, Phật ở thành Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp Cô Độc. Tôn giả A-nan đắp y mang bát vào thành khát thực, thấy một ngạ quỷ thân như cây đuốc cháy, bụng như quả núi lớn, cổ họng như cây kim, lại mù lòa. Các loài quạ, ó trên không, chó dữ dưới đất đều đua theo mà cắn xé thịt ngạ quỷ ấy, khiến cho đau đớn than khóc không lúc nào ngừng.

Tôn giả A-nan liền hiện đến trước ngạ quỷ ấy, hỏi rằng: “Ngày trước người đã tạo những ác nghiệp gì mà nay thọ khổ báo như thế này?”

Ngạ quỷ đáp: “Khi mặt trời chiếu sáng thì chẳng cần đến đèn đuốc. Nay đức Thế Tôn đang tại thế, ngài nên đến hỏi thì sẽ biết.”

Khi ấy, ngài A-nan liền đến chỗ Phật, kể rõ sự tình và thưa hỏi nhân duyên tạo nghiệp của ngạ quỷ ấy.

Phật bảo A-nan: “Ngươi hãy chú tâm lắng nghe, ta sẽ vì ngươi mà phân biệt giảng nói.

“Vào giữa Hiền kiếp này, xứ Ba-la-nại có Phật ra đời hiệu là Ca-diếp, cùng các vị tỳ-kheo đi giáo hóa khắp nơi, đến khu vườn Lộc. Khi ấy, có người phụ nữ đang mang thai, được nhìn thấy chân thân Phật oai nghi tốt đẹp, ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, lòng rất hoan hỷ, sinh lòng tin kính sâu vững nơi Phật pháp.

Nhờ nhân duyên ấy, bà sinh hạ một bé gái dung nhan xinh đẹp, nét na thùỵ my, thông minh hơn người. Qua nhiều năm, dần dần lớn lên được có nhân duyên gặp Phật, sinh lòng tin sâu vững liền thưa với cha mẹ xin được xuất gia nhập đạo. Cha mẹ hết lời khuyên can ngăn cản đều không được, buộc phải đồng ý cho xuất gia làm tỳ-kheo ni. Khi ấy, cha mẹ thương con nên bỏ tiền xây dựng một ngôi chùa thật lớn làm nơi cho cô tu tập, lại thỉnh nhiều vị tỳ-kheo ni oai đức khác cùng đến ở.

Qua một thời gian, vị tỳ-kheo ni con nhà trưởng giả ấy phạm vào giới luật. Chư tỳ-kheo ni họp bàn quyết định trục xuất cô ra khỏi chùa. Cô sinh lòng hổ thẹn, chẳng

dám trở về nhà, đến nương nấu ở nhà người khác. Khi ấy, cô sinh tâm sân hận, nói ra lời này: “Nơi ấy thật là nhà của ta, do mẹ cha ta tạo dựng. Vì sao giờ các người ấy sinh lòng bội bạc mà đuổi ta đi, tự chiếm lấy chỗ ở?”

Nói như vậy rồi, liền đi nói với mọi người rằng các vị tỳ-kheo ni ở chùa ấy có rất nhiều lỗi lầm, tà ác, chẳng chịu tự làm lấy mà ăn chỉ biết nhờ vào bá tánh. Cô lại thề độc là từ nay về sau đâu thọ thân nơi nào cũng không thấy mặt các vị tỳ-kheo ni ấy nữa.

Phát lời thề độc như vậy rồi, sau đó mạng chung đọa làm thân ngạ quỷ, lại phải bị mù lòa.”

Phật bảo A-nan: “Người con gái nhà trưởng giả xuất gia phạm giới luật bị trục xuất khỏi chùa, lại sanh ác tâm mạ lỵ, báng bổ chư tỳ-kheo ni, nay chính là ngạ quỷ mù lòa mà ngươi vừa gặp đó.”

Phật thuyết nhân duyên ngạ quỷ mù lòa này xong, chư tỳ-kheo thấy đều tự biết phòng hộ các nghiệp thân, miệng, ý, lánh sợ đường sinh tử, có người đắc quả Tu-đà-hoàn, có người đắc quả Tu-đà-hàm, có người đắc quả A-na-hàm, có người đắc quả A-La-hán, lại có nhiều người phát tâm cầu quả Phật Bích-chi, cũng có người phát tâm cầu quả vô thượng Bồ-đề.

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## **XUẤT GIA CHĂNG BỎ LÒNG THAM**

Lúc ấy, Phật ở gần thành Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp Cô Độc. Trong thành có một người trưởng giả tên Nhã-đạt-đa, giàu có vô cùng.

Một lần, ông trưởng giả này có dịp đến tinh xá Kỳ Hoàn, nhìn thấy đức Thế Tôn đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, hào quang rực rỡ quanh thân, liền sinh

lòng kính ngưỡng. Được nghe Phật thuyết pháp rồi, ông phát tâm muốn xuất gia nhập đạo.

Khi ấy, ông về hội họp tất cả thân quyến, trình bày ý nguyện xuất gia của mình. Ai nấy đều hoan hỷ tán trợ. Ông liền đến tinh xá Kỳ Hoàn cầu Phật xin xuất gia. Phật bảo ông rằng: “Lành thay đó, tỳ-kheo!” Liền khi đó, râu tóc tự rụng, áo cà-sa hiện nơi thân, thành một vị sa-môn oai nghi đức hạnh.

Bấy giờ nhân dân trong thành nghe tin ông Nhã-đạt-đa giàu có vô cùng, nay bỏ nhà ra đi xuất gia nhập đạo, thì hết lòng ngưỡng mộ, tranh nhau cúng dường các thứ phẩm vật, áo và bình bát cho ông.

Khi ấy, ông tự sinh tâm phân biệt, thấy mình được nhiều phẩm vật cúng dường hơn mà phải chia đều với các vị tỳ-kheo khác thì khởi lòng tham tiếc, không muốn xả bỏ. Bởi vậy, ông mới mang giấu những y và bát mà người ta cúng cho mình đi, chẳng chịu chia cho những người đồng tu.

Do tâm tham lam đó, khi mạng chung ông phải sinh vào loài ngạ quỷ, lại quay trở về ngay mà bám giữ những y bát của mình.

Khi các vị tỳ-kheo đồng tu thấy ông đã chết, liền mở cửa phòng mà vào, định mang thi hài của ông đi an táng, đồng thời dọn lấy những y bát, liền nhìn thấy một ngạ quỷ thân hình như cây đuốc cháy, hình dáng thật khiếp sợ, ôm giữ lấy những y bát chẳng cho ai đến gần.

Bấy giờ, các vị tỳ-kheo liền đem mọi việc đến trình với Phật. Đức Thế Tôn liền cùng chư tỳ-kheo đến đó. Ngài bảo ngạ quỷ ấy rằng: “Ngươi chẳng biết xấu hổ hay sao? Ngày trước ngươi xuất gia nhập đạo, chẳng bỏ tâm tham lam, bám giữ vật chất lợi dưỡng, chẳng biết bố thí, nên mới sinh làm thân ngạ quỷ, hình mạo xấu xí. Nay sao chẳng biết tự hổ thẹn, lại quay về đây mà bám giữ lấy y bát.” Phật lại dùng nhiều cách dẫn dụ, giảng giải cho nghe về sự tai hại của tâm tham lam, là nguyên nhân đưa đẩy chúng sanh vào các đường ác.

Ngạ quỷ nghe Phật thuyết pháp rồi, tâm ý khai mở, sinh lòng hổ thẹn, liền xả bỏ y bát mà trao cho tăng chúng. Nửa đêm hôm đó, ngạ quỷ mạng chung, lại sinh làm loài ngạ quỷ phi hành, thân thể xinh đẹp đoan trang chẳng khác gì chư thiên cõi

trời, lại có cả hào quang chiếu quanh thân, liền đến tinh xá Kỳ Hoàn mà lễ Phật, nghe Phật thuyết pháp, rồi hoan hỷ lễ bái mà đi.

Sáng hôm sau, các vị tỳ-kheo liền đến thưa hỏi Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Đêm hôm qua có hào quang chiếu sáng nơi tinh xá, chẳng hay đó là các vị Phạm thích, Tứ thiên vương, hay đại Bồ-tát từ phương khác đến nghe pháp?”

Phật dạy rằng: “Chẳng phải Thích phạm, chẳng phải thiên vương, quỷ thần, Bồ-tát. Ấy là trưởng giả Nhã-đạt-đa ngày trước, thoát thân nga quý, giờ thác sanh làm nga quý phi hành, đến đây lễ bái cúng dường ta. Vì vậy mà có ánh hào quang chiếu sáng như vậy.”

Phật thuyết nhân duyên này xong, chư tỳ-kheo trong chúng hội liền lìa bỏ lòng tham lam, sân hận, lãnh sợ đường sinh tử, có người đắc quả Tu-đà-hoàn, có người đắc quả Tư-đà-hàm, có người đắc quả A-na-hàm, có người đắc quả A-La-hán, lại có nhiều người phát tâm cầu quả Phật Bích-chi, cũng có người phát tâm cầu quả vô thượng Bồ-đề.

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## **NGẠ QUÝ ĂN THỊT CON**

Lúc ấy, Phật ở gần thành Vương-xá, trong tinh xá Trúc Lâm. Tôn giả Na-la-đạt-đa sau khi đi khát thực, đến một gốc cây kia ngồi xuống dùng cơm. Cơm xong, ngài bỗng nhìn về thấy tinh xá Kỳ Hoàn bao phủ một màu đỏ bầm như màu máu. Lấy làm quái lạ, ngài vội vã đến xem.

Khi đi gần về hướng ấy, ngài nhìn thấy một nga quý thân hình chỉ còn da bọc lấy xương, mỗi ngày đêm lại sinh ra đến năm trăm đứa con. Lúc sinh nở đau đớn khó khăn, khí lực cạn kiệt, nên sinh con ra rồi thì thương yêu bịn rịn lắm, nhưng trong người đói khát cùng cực chẳng có gì ăn uống, túng thế phải ăn thịt hết cả năm trăm đứa con ấy, mà vẫn chưa thấy no đủ. Nga quý ấy cứ sinh con ra lại ăn trở vào, lại

sinh ra năm trăm đứa con khác, ngày đêm nối tiếp nhau như thế mãi mãi, không lúc nào dừng nghỉ.

Tôn giả Na-la-đạt-đa liền hiện đến trước nga quý ấy, hỏi rằng: “Ngày trước người đã tạo những ác nghiệp gì mà nay thọ khổ báo như thế này?”

Nga quý đáp: “Nay đức Thế Tôn đang tại thế, ngài nên tự đến hỏi sẽ được ngài giảng nói cho nghe.”

Khi ấy, ngài Na-la-đạt-đa liền đến chỗ Phật, kể rõ sự tình và thưa hỏi nhân duyên tạo nghiệp của nga quý ấy.

Phật bảo Na-la-đạt-đa: “Ngươi hãy chú tâm lắng nghe, ta sẽ vì ngươi mà phân biệt giảng nói.

“Vào giữa Hiền kiếp này, xứ Ba-la-nại có một người trưởng giả giàu có vô cùng, nhưng không con nối dõi. Người ấy đi cầu khấn nhiều nơi, cúng bái hết thầy các vị thần thánh, cầu cho có con mà cầu mãi chẳng được.

Khi ấy, người trưởng giả mới dan díu với một cô tớ gái, cưới làm vợ bé, chẳng bao lâu thì có thai. Chẳng ngờ vợ cả thấy cô này có thai thì sinh lòng ghen ghét, mới dùng độc dược lén bỏ vào thức ăn, khiến cho bị sảy thai.

Những người thân quyến của cô vợ bé tức giận lắm. Họ biết sự việc nhưng không có chứng cứ, nên họp nhau mang theo gậy gộc, đao búa, kéo đến chỗ bà vợ cả mà hành hung, quyết hỏi cho ra lẽ.

Vợ cả hoảng sợ lắm, muôn thú thật thì sợ phải đòn đến chết, nên cứ chối quanh không nhận, lại bị đánh đau quá, liền thề độc rằng: “Nếu ta thật có làm chuyện ác như vậy thì khi bỏ thân này sẽ bị đọa làm thân nga quý, mỗi ngày đêm sinh ra năm trăm đứa con, sinh ra lại ăn thịt con trở vào mà chẳng bao giờ được no đủ.”

Những người kia nghe lời thề độc đến như vậy thì cũng hoang mang, nên thôi không làm dữ nữa, liền thả bà ra.



Phật bảo Na-la-đạt-đa: “Người vợ cả của ông trưởng giả ngày đó, dùng thủ đoạn độc ác khiến người khác phải sẩy thai, nay thọ quả báo sanh làm thân nga quý mà người nhìn thấy đó. Do phát lời thề độc, nên nay cứ mỗi ngày đêm phải sinh ra năm trăm đứa con, sinh ra lại ăn vào, chẳng thấy no đủ.”

Phật thuyết nhân duyên nga quý này xong, chư tỳ-kheo thấy đều tự lìa bỏ tâm ganh ghét, tật đố, lánh sợ đường sinh tử, có người đắc quả Tu-đà-hoàn, có người đắc quả Tu-đà-hàm, cho đến có người phát tâm cầu quả vô thượng Bồ-đề.

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## **NGƯỜI XẤU NHƯ QUÝ**

Lúc ấy, Phật ở gần thành Tỳ-xà-ly, ven sông Di-hâu. Trong thành có một trưởng giả tên là Giá-la, vừa gặp được một người vừa ý, mới cưới làm vợ.

Người vợ khi mang thai, bỗng nhiên trở nên hôi hám lạ thời, chẳng ai dám đến gần. Người chồng hỏi: “Ngày trước bà không hôi hám thế này, sao nay bỗng nhiên thay đổi, trở nên hôi hám đến thế?” Vợ đáp rằng: “Điều này chắc hẳn là do đứa con đang mang trong bụng. Do nghiệp lực của nó mà khiến ra có chuyện như vậy.”

Khi đủ ngày tháng, bà hạ sinh một bé trai hình dung cực kỳ xấu xí, khó coi. Lại khi sinh ra có phân dơ bao quanh người, hôi hám cùng cực. Dần dần lớn lên, cứ muốn tìm đến những chỗ dơ nhớp có phân người, khuyên can, dạy dỗ cũng chẳng rời xa những nơi ấy được.

Cha mẹ, thân thuộc họ hàng thấy sự kỳ quái, dơ nhớp như vậy dần dần không chịu nổi, xô đuổi ra chỗ xa vắng, chẳng cho về nhà nữa. Từ đó thằng bé lang thang tìm những chỗ dơ nhớp mà ở, ăn phân dơ, uống nước tiểu người, xem đó là những món ngon lạ nhất. Nhân dân đều nghe biết, gọi nó là quý Diêm-bà-la.

Trong xứ ngày ấy có một thầy ngoại đạo đi du phương, tình cờ gặp Diêm-bà-la, liền thốt ra lời này: “Lành thay!” Diêm-bà-la từ bé đến lớn chưa từng được ai thân cận, gần gũi, ngay cả đến cha mẹ còn xa lánh, nên nghe thầy ngoại đạo nói lời thân mật với mình thì vui mừng không kể xiết, liền quỳ dưới chân thầy mà cầu xin được thân nhận làm đệ tử.

Thầy ngoại đạo nhận Diêm-bà-la làm đệ tử, dạy phải sống lỏa thể, lấy tro hòa nước bôi trét lên khắp người, gọi đó là phép tu tịnh hạnh.

Diêm-bà-la tuy nghe theo thầy, nhưng vẫn không bỏ được tập tính cũ, thời tìm đến ở những nơi dơ nhớp và ăn phân người, uống nước tiểu. Những kẻ đồng tu ngoại đạo thấy vậy thì la mắng thậm tệ, hoặc có khi lấy gậy gộc mà đuổi đánh. Nhiều lần như vậy, Diêm-bà-la sợ quá trốn ra bờ sông, tìm được một cái hang sâu mà lánh vào đó, đêm đêm mới rời hang mà đi kiếm ăn.

Nơi bờ sông ấy có 500 ngạ quỷ hình thể cực kỳ xấu xí, gớm ghiếc. Đám ngạ quỷ ấy thấy Diêm-bà-la đến ở gần bên nhưng vẫn thản nhiên, không hề chê bai hay mắng nhiếc gì. Diêm-bà-la thấy vậy mừng lắm, thường nghĩ rằng: “Ta sống với loài người từ bao lâu nay, chỉ toàn nghe những lời chê bai, la mắng, lại còn đòn roi đánh đập, xô đuổi, khổ não cùng cực. Thật chẳng bằng như nay sống chung với lũ quỷ này, thoát được những nạn khổ ấy.”

Không ngờ lũ quỷ ấy tuy chẳng chê bai hình dạng của Diêm-bà-la, nhưng khi thấy chàng ta tìm ăn phân người, uống nước tiểu thì thấy đều ghê sợ, chẳng muốn ở gần, mới rủ nhau bỏ đi nơi khác. Diêm-bà-la buồn rầu thảm thiết, nói rằng: “Ta mang thân xấu xí, chưa từng có bạn hữu. Nay gặp được các người tưởng là cùng chung thân phận, có thể sống với nhau mà chia sẻ vui buồn. Ngờ đâu nay các người cũng muốn bỏ ta mà đi.” Nói như vậy rồi, trong lòng đau đớn khôn nguôi, nằm lăn trên đất chẳng muốn dậy.

Đức Thế Tôn ngày đêm thời lấy tâm đại bi quán sát chúng sanh, biết nơi nào có thể độ thoát được đều tùy duyên mà đến cứu độ cho. Bấy giờ Phật thấy biết Diêm-bà-la sâu khổ cùng cực, biết là cơ duyên đã đến nên hiện thân đến nơi ấy mà thuyết pháp cho nghe.

Diêm-bà-la được nghe Phật thuyết pháp rồi, sinh lòng vui mừng khôn xiết. Lại được thấy thân Phật với ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, hào quang chiếu sáng quanh thân rực rỡ, trong lòng vô cùng hoan hỷ, liền quỳ xuống chí thành lễ Phật, thưa rằng: “Bạch Thế Tôn! Người hạ tiện, xấu xí, dơ nhớp như con đây, có thể nào xuất gia được chăng?”

Phật dạy Diêm-bà-la rằng: “Trong đạo pháp của ta, không có hạng người nào mà lại không được xuất gia cả.”

Diêm-bà-la nghe vậy thì vui mừng khôn xiết, liền quỳ lạy, cầu thỉnh xin được xuất gia nhập đạo. Bấy giờ, đức Thế Tôn liền nói rằng: “Lành thay đó, tỳ-kheo!” Tức thì râu tóc tự nhiên rụng sạch, áo cà-sa hiện nơi thân, thành một vị sa-môn oai nghi đầy đủ.

Diêm-bà-la được Phật độ cho xuất gia rồi, trong lòng hoan hỷ, liền đọc kệ rằng:

Nay nhờ ơn Phật,  
Được tròn sở nguyện.  
Bỏ thân dơ nhớp,  
Được thành sa-môn.

Phật bảo Diêm-bà-la rằng: “Nhà ngươi nay đã được xuất gia thành đệ tử của ta rồi đó.”

Diêm-bà-la từ đó chuyên cần tu tập, chẳng bao lâu chứng quả A-La-hán, có đủ Ba trí sáng, Sáu phép thần thông, hàng trời người thấy đều kính ngưỡng.

Bấy giờ, chư tỳ-kheo thấy việc như thế, liền thưa hỏi Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Chẳng hay tỳ-kheo Diêm-bà-la đây trước đã tạo những ác nghiệp gì mà nay phải chịu khổ báo như vậy? Lại có nhân duyên gì được gặp Phật và tu tập sớm đắc đạo quả?”

Phật liền đọc cho chư tỳ-kheo nghe bài kệ rằng:

Đã tạo nghiệp thiện, ác,  
Trăm kiếp đều chẳng mất.

Đều do nghiệp, nhân duyên,  
Nên chịu quả như thế.

Chư tỳ-kheo nghe kệ rồi, liền thưa hỏi rằng: “Bạch Thế Tôn! Chẳng hay nhân duyên quá khứ như thế nào? Xin vì chúng con giảng giải cho được biết.”

Phật bảo chư tỳ-kheo: “Các người hãy chú tâm lắng nghe, ta sẽ vì các người mà phân biệt giảng nói. Vào giữa Hiền kiếp này, tuổi thọ con người kéo dài đến bốn mươi ngàn năm. Khi ấy, xứ Ba-la-nại có Phật ra đời hiệu là Ca-la-ca Tôn-đà, cùng với các vị tỳ-kheo đi giáo hóa khắp nơi, đến một nước tên là Bảo Điện.

Vua nước ấy liền cùng với quần thần ra khỏi thành nghinh tiếp Phật, thỉnh Phật vào thành thọ nhận cúng dường trong ba tháng. Phật nhận lời.

Nhà vua được Phật nhận lời, liền truyền cho sắp xếp, chuẩn bị đầy đủ mọi thứ đồ cúng dường. Lại cho xây dựng một khu tự viện rất nhiều phòng ốc dành cho chư tăng, thỉnh một vị tỳ-kheo đứng đầu coi sóc, quản lý mọi việc.

Ngày nọ, có vị tỳ-kheo đã chứng quả A-La-hán đi hành hóa phương xa, ghé vào tự viện ấy. Những người thiện tín đang làm công việc trong tự viện, nhìn thấy oai nghi của vị A-La-hán đều vui mừng chiêm ngưỡng, thỉnh vào phòng trong nấu nước thơm cúng dường cho ngài tắm rửa, lại lấy các thứ bột hương chiên-đàn quý giá để bôi lên thân ngài.

Bấy giờ vị tỳ-kheo chủ trì nơi ấy vừa đi ra ngoài về, thấy việc như vậy thì sinh lòng ganh ghét, sân hận, liền buông lời thóa mạ rằng: “Người là người xuất gia, sao dám lấy hương thơm của người khác mà dùng trên thân mình như vậy?”

Vị A-La-hán nghe lời nói đó, liền lấy lòng từ bi mà thương xót cho vị tỳ-kheo ấy, biết rằng ông ta sẽ phải thọ khổ báo vì lời nói ấy. Ngài muốn giúp ông sinh lòng hối cải để giảm bớt tội nghiệp, nên liền bay lên giữa hư không, hiện đủ mười tám phép thần biến. Vị tỳ-kheo kia thấy vậy vô cùng hổ thẹn, hối hận, liền lễ bái cầu xin sám hối.

Do nghiệp duyên như thế, đã năm trăm kiếp qua rồi, người ấy vẫn thường phải thọ thân xấu xí, dơ nhớp, chẳng ai dám đến gần.”

Phật bảo chư tỳ-kheo: “Tỳ-kheo buông lời xúc phạm vị A-La-hán ngày xưa, nay chính là tỳ-kheo Diêm-bà-la đó. Nhờ khi ấy đã sám hối với vị A-La-hán kia, nên nay mới được gặp ta và xuất gia đắc đạo.”

Phật thuyết nhân duyên của Diêm-bà-la rồi, chư tỳ-kheo thấy đều tự biết phòng hộ các nghiệp thân, miệng, ý, lìa bỏ lòng ganh ghét, sân hận, lánh sợ đường sinh tử, có người đắc quả Tu-đà-hoàn, có người đắc quả Tu-đà-hàm, có người đắc quả A-na-hàm, có người đắc quả A-La-hán, lại có nhiều người phát tâm cầu quả Phật Bích-chi, cũng có người phát tâm cầu quả vô thượng Bồ-đề.

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## **PHẨM THỨ SÁU : CHƯ THIÊN CÚNG DƯỜNG - HÓA THÂN LÀM RẮN ĐỘC**

Lúc ấy, Phật ở gần thành Vương-xá, trong tinh xá Trúc Lâm. Trong thành có một người trưởng giả tên là Hiền Diện, giàu có vô cùng. Người này tánh tình gian hiểm, tham lam, keo kiệt, chưa từng làm việc bố thí giúp người, thậm chí cho đến các loài chim thú cũng xô đuổi chẳng cho đến gần nhà. Mỗi khi có các vị tỳ-kheo đến nhà khát thực, đều dùng lời độc ác, thóa mạ mà xô đuổi. Người ấy chỉ lo việc tích lũy của cải mà làm giàu, chẳng tu hạnh bố thí.

Đến khi mạng chung, trưởng giả ấy phải sinh làm thân rắn độc, lại quay về nhà mà canh giữ gia sản. Mỗi khi có ai đến gần đều giận dữ rượt đuổi. Rắn ấy độc hiểm đến nỗi chỉ trông mắt nhìn cũng đủ làm người bỏ mạng.

Vua Tần-bà-sa-la nghe chuyện rắn độc sinh trong nhà trưởng giả Hiền Diện, đã hại mạng rất nhiều người, trong lòng lo sợ lắm, suy nghĩ rằng: “Con rắn ấy độc hiểm như vậy, nếu không trừ tất còn làm hại nhiều người hơn nữa. Nhưng nó hung dữ đến thế, làm sao trừ được. Nay chắc rằng chỉ có đức Thế Tôn mới điều phục được nó mà thôi.”

Vua liền cùng với quần thần đi đến chỗ Phật, lễ bái cúng dường rồi bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Nay trong thành có một con rắn độc sinh vào nhà trưởng giả Hiền Diện, hại mạng đã nhiều người. Kính mong Như Lai từ bi thu phục nó mà cứu nạn cho bá tánh.” Phật yên lặng nhận lời.

Hôm sau, đức Thế Tôn đắp y, mang bát đi vào thành, thẳng đến chỗ rắn độc đang ở. Rắn thấy Phật đến thì ngóc cao đầu, phùng mang phóng đến, ý muốn hại Phật. Phật liền dùng tâm từ bi mà đưa năm ngón tay chỉ vào rắn độc, tức thời phóng ra năm đạo hào quang năm sắc, chiếu khắp thân hình rắn độc. Khi ấy, tâm sân hận, ác độc của rắn độc bỗng nhiên tiêu tan, tự thấy khoan khoái dễ chịu, không còn có ý muốn hại người nữa.

Khi ấy Phật biết rắn độc đã được điều phục, liền nói lớn rằng: “Người vốn trước kia là trưởng giả Hiền Diện, do tâm tham lam, sân hận mà nay phải thọ quả báo sinh làm rắn độc, thân thể xấu xí, tánh tình độc ác. Nay sao người không biết tự hối lỗi xưa, lại còn tạo thêm nghiệp ác, dùng nọc độc mà hại người, càng thêm tệ ác. Cứ như vậy thì trong tương lai không thể tránh được phải nhận lãnh khổ não cùng cực.”

Rắn độc được nghe lời Phật, ác chướng tiêu trừ, tự nhiên nhớ biết được kiếp trước của mình, do tâm tham lam tạo các ác nghiệp nên nay nhận chịu khổ báo làm thân rắn độc. Nhớ biết được như vậy rồi liền sinh lòng tin tưởng sâu vững nơi Phật pháp.

Phật lại bảo rắn độc rằng: “Người ngày trước làm người, vì chẳng tin theo lời ta nên mới phải rơi vào ác đạo. Ngày nay nên biết hối cải, vâng thuận theo lời dạy của ta.”

Khi ấy, rắn bỗng nhiên thốt được tiếng người, đáp lời Phật rằng: “Xin tùy Phật dạy, con chẳng dám làm sai.”

Phật bảo: “Tâm người nếu đã thuần thực, hãy chui vào bình bát của ta đây.”

Phật vừa dứt lời, rắn liền hóa hình chui vào bình bát của Phật, cùng theo về tinh xá Trúc Lâm.

Bấy giờ, nhân dân khắp thành Vương-xá đều nghe biết việc Phật thu phục rắn độc tự chui vào bình bát, liền lũ lượt kéo nhau đến xem. Do thần lực của Phật, rắn độc nằm trong bát nhìn ra thấy dân chúng kéo đến xem, liền sinh tâm hổ thẹn, trong đêm hôm đó trút bỏ thân rắn, thác sinh lên cõi trời Đao-ly.

Khi sinh lên đó rồi, tự nghĩ rằng: “Ta đã tạo phước duyên gì mà được sinh lên cõi trời này?” Nghĩ rồi liền tự quán sát, nhớ lại nhân duyên đọa làm thân rắn độc, nhờ Phật cứu độ nên ác nghiệp tiêu trừ được sinh lên cõi trời.

Vị thiên tử này liền hiện thân trang nghiêm, mang những hương hoa, trân bảo của cõi trời mà đến chỗ Phật, lễ bái, cúng dường rồi chấp tay đứng hầu sang một bên. Phật nhân đó liền thuyết pháp cho nghe, khiến tâm ý được khai mở, đắc quả Tu-đà-hoàn. Thiên tử liền đọc kệ tán thán Phật rằng:

Đức đại thánh cao siêu,  
Công đức đều đầy đủ.  
Soi sáng người mê tối,  
Khiến được đắc quả Phật.

Trừ sạch các phiền não,  
Vượt qua biển sinh tử.  
Nay nhờ ân đức Phật,  
Vĩnh viễn lìa ác đạo.

Vị thiên tử ấy tán thán Phật rồi, liền chí thành lễ bái rồi từ biệt trở về thiên cung.

Sáng hôm sau, vua Tần-bà-sa-la đến chỗ Phật rất sớm, thưa hỏi rằng: “Bạch Thế Tôn! Đêm qua có hào quang chiếu sáng nơi tinh xá này, chẳng hay đó là các vị Thích phạm, Chuyển luân thánh vương, hay hai mươi tám bộ quỷ thần đến nghe pháp?”

Phật nói: “Chẳng phải Thích phạm, thiên thần đến nghe pháp. Ấy là trưởng giả Hiền Diện tham lam ngày trước, nay đã được sinh lên cõi trời nên đến cúng dường ta. Do đó mà có ánh hào quang ấy.”

Phật thuyết nhân duyên trưởng giả Hiền Diện xong, chư tỳ-kheo trong chúng hội liền lia bỏ lòng tham lam, sân hận, lánh sợ đường sinh tử, có người đắc quả Tu-đà-hoàn, có người đắc quả Tu-đà-hàm, có người đắc quả A-na-hàm, có người đắc quả A-La-hán, lại có nhiều người phát tâm cầu quả Phật Bích-chi, cũng có người phát tâm cầu quả vô thượng Bồ-đề.

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

### **CẬU BÉ ĐƯỢC SINH LÊN CÕI TRỜI**

Lúc ấy, Phật ở gần thành Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp Cô Độc. Trong thành có một người bà-la-môn làm ruộng. Người ấy cưới được một cô vợ cũng hợp ý với mình, không bao lâu sinh được một bé trai kháu khinh, đặt tên là Nguyệt Quang. Lớn dần lên, dung mạo đoan trang, ai thấy cũng đều yêu mến.

Một hôm, cậu bé Nguyệt Quang có dịp đi chơi với trưởng giả Tu-đạt, được ông dẫn đến tinh xá Kỳ Hoàn, nghe Phật thuyết pháp. Do có túc duyên từ nhiều kiếp, cậu ngộ được nghĩa lý của một bài kệ bốn câu. Đêm hôm ấy về nhà, mạng chung sinh lên cõi trời Đao-ly.

Bấy giờ, cha mẹ của cậu bé Nguyệt Quang vô cùng đau khổ, than khóc thảm thiết, đến nghĩa địa rồi ôm xác cậu mà kêu gào, chẳng chịu về nhà. Bằng hữu quyến thuộc khuyên can đều chẳng được.

Lòng bi lụy ấy cảm ứng đến tận cõi trời, khiến cho cung điện của vị thiên tử Nguyệt Quang khi ấy phải chấn động, không được an ổn. Người liền tự quán sát biết được nguyên nhân, thấy cha mẹ đời trước của mình hiện vẫn còn ôm xác mà kêu gào nơi nghĩa địa, chẳng chịu về nhà.

Thiên tử Nguyệt Quang khi ấy liền từ cõi trời hiện xuống, hóa hình thành một vị tiên nhân đi lại chỗ cha mẹ mình đang khóc lóc. Tiên nhân ấy vừa đi vừa lấy lửa mà tự đốt thân mình.



Người cha lấy làm lạ liền hỏi rằng: “Bạch đại đức, người lấy lửa nóng đốt thân mình khô sở như vậy, có sở nguyện gì hay chăng?”

Tiên nhân đáp: “Ta cầu sẽ được làm vua một cõi, có xe đi làm bằng vàng ròng, trang hoàng bằng các món trân bảo, mặt trời mặt trăng phải theo hầu hai bên ta, lại sai bốn vị thiên vương kéo xe của ta đi du hành khắp bốn cõi thiên hạ. Người thấy như vậy chẳng thích lắm sao?”

Người bà-la-môn cha của Nguyệt Quang liền đáp rằng: “Tôi nghĩ dù ông có ngày đêm chịu khổ lửa nóng đốt thân như vậy cho đến cả trăm năm, thì sở nguyện của ông cũng chẳng thể nào thành tựu được.”

Khi ấy, tiên nhân liền hỏi lại: “Thế hai ông bà ở nơi nghĩa địa này mà ôm cái xác chết ấy, có sở nguyện gì chăng?”

Vợ chồng người bà-la-môn đáp: “Đây là đứa con duy nhất mà chúng tôi yêu quý. Nay nó bỏ chúng tôi mà đi. Chúng tôi ôm xác này cầu mong nó sống lại.”

Tiên nhân liền nói: “Ta nghĩ dù hai ông bà có ôm tử thi ấy mà gào khóc suốt đêm ngày, kéo dài cho đến cả trăm năm, thì sở nguyện ấy cũng không thể nào thành tựu được.”

Khi ấy, người bà-la-môn nghe được lời nói của tiên nhân rồi, liền tự thấy hổ thẹn, biết được sự phi lý của mình, liền thôi không còn gào khóc nữa. Khi ấy, tiên nhân liền hiện lại nguyên hình thiên tử cõi trời, nói với cha mẹ rằng: “Ta chính là đứa con duy nhất của hai người đây. Nhờ duyên lành được nghe pháp Phật, nên mạng chung đã sinh lên cõi trời Đao-ly. Nay muốn cho cha mẹ đừng âu sầu khổ não nữa nên mới từ cõi trời mà hiện xuống đây.”

Vợ chồng người bà-la-môn nghe biết như vậy rồi, vui mừng khôn xiết. Khi ấy, vị thiên tử hóa hiện đủ các thứ hương hoa, trân bảo, khuyên hai người nên cùng đi đến cúng dường Phật.

Đến nơi, lễ bái cúng dường Phật xong, liền cùng nhau ngồi lại mà nghe pháp. Phật vì mọi người mà thuyết pháp Tứ diệu đế, khiến tất cả đều đồng thời đắc quả Tu-đà-hoàn.

Bấy giờ, chư tỳ-kheo thấy vậy liền thưa hỏi Phật: “Bạch Thế Tôn! Vị thiên tử này nhờ nhân duyên gì mà có thể khuyên can cha mẹ đời trước, lại được nghe pháp Phật mà đắc quả?”

Phật bảo chư tỳ-kheo: “Không phải chỉ đến ngày nay người này mới khuyên giải giúp ích cho cha mẹ. Trong đời quá khứ cũng đã từng vì cha mẹ mà khuyên giải làm cho không còn sầu não.”

Chư tỳ-kheo lại thưa hỏi: “Chẳng biết nhân duyên quá khứ như thế nào, xin được Thế Tôn giảng giải cho nghe.”

Phật bảo chư tỳ-kheo: “Các người hãy chú tâm lắng nghe, ta sẽ vì các người mà phân biệt giảng nói. Về thuở quá khứ cách đây đã vô số kiếp, xứ Ba-la-nại có một người ngu si thời làm chuyện trộm cắp, tà dâm, dối gạt người khác, bị quan binh truy nã bắt được, giải lên cho vua.

Vua xét hỏi tội trạng, người ấy thú thật đủ mọi điều, liền xử tội phải mang đi chém.

Bấy giờ, đứa con trai của người ấy tánh nết nhân từ, hiền thuận, nhu hòa, lại hiếu kính với cha mẹ, nhân dân cả nước đều biết. Người con ấy vì thương cha nên đến khẩn cầu nhà vua xin tội cho cha. Vua chẳng thuận cho. Lại khẩn khoản cầu xin đến lần thứ ba, vua không nỡ giết liền truyền tha tội.”

Phật bảo chư tỳ-kheo: “Kẻ tội nhân suýt chết ngày ấy, nay chính là người bà-la-môn cha của Nguyệt Quang. Người con hiền đức, hiếu thuận ấy nay là vị thiên tử đây. Do nhân duyên có một lần vào thời Phật Ca-diếp ra đời đã thọ Tam quy y, nên đến nay được gặp ta, nghe pháp mà đắc đạo.

Phật thuyết nhân duyên cậu bé Nguyệt Quang sinh lên cõi trời rồi, trong chúng hội có người đắc quả Tu-đà-hoàn, cho đến có người phát tâm cầu quả vô thượng Bồ-đề.

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## HÁI HOA CÚNG PHẬT

Lúc ấy, Phật ở thành Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp Cô Độc. Trong thành, các vị trưởng giả hào phú tụ tập nhau cùng đi lên chỗ nguồn suối nước, tổ chức đàn ca, hát xướng, vui chơi cùng nhau trong một lễ hội gọi là “Lễ hoa Sa-la”.

Khi ấy, trong hội đồng cử ra một người vào rừng hái hoa sa-la về để kết thành những tràng hoa đẹp. Người này đi hái hoa xong, trên đường về mang hoa đến chỗ lễ hội thì gặp Phật đang đi khát thực. Ông này nhìn thấy Phật dung mạo từ hòa, dáng đi thanh thản, lại có đủ các tướng tốt, các vẻ đẹp, oai nghi rực rỡ với hào quang chiếu sáng quanh thân, trong lòng liền sinh ra sự tin phục, kính ngưỡng vô hạn. Ông liền quỳ xuống, chí thành lễ bái đức Thế Tôn, rồi mang hết những hoa sa-la tươi đẹp vừa mới hái về đó cúng dường lên Phật.

Sau đó, ông trở lại vào rừng để hái số hoa sa-la khác mà mang về cho lễ hội. Khi ông leo lên cây, rủi bị cành cây gãy, té rơi xuống đất, liền mạng chung sinh về cõi trời Đao-ly. Ở nơi đó, nhờ phước báu dâng hoa cúng dường Phật, nên cung điện của người trang nghiêm sạch đẹp, kết toàn bằng hoa sa-la tỏa hương thơm ngát.

Vua cõi trời là Đê-thích thấy sự lạ lùng như vậy, liền đến hỏi rằng: “Người từ chôn nào, tạo phước nghiệp gì mà được thác sinh về đây?”

Người ấy đáp rằng: “Tôi ở chôn Diêm-phù-đề hái hoa sa-la, gặp Phật liền dùng hoa ấy mà cúng dường. Nhờ công đức ấy được thác sinh về đây.”

Đê-thích thấy vị thiên tử mới thác sinh này dung nhan kỳ tuyệt, chư thiên chẳng ai bằng, liền đọc kệ tán thán rằng:

Thân như sắc vàng ròng,  
Chói sáng cực tươi đẹp.  
Dung mạo rất đoan chánh,  
Chư thiên chẳng ai bằng.

Vị thiên tử ấy liền đọc kệ đáp rằng:

Tôi nhờ ân đức Phật,  
Dâng cúng hoa sa-la.  
Nhờ thiện duyên như thế,  
Nay hưởng quả như thế.

Đọc kệ như thế rồi, liền cùng với Đế-thích hiện đến nơi chỗ Phật, lễ bái cúng dường rồi ngồi sang một bên. Phật liền vì mọi người mà thuyết pháp, nghe pháp rồi tâm ý khai mở, bao nhiêu tà kiến, ác nghiệp liền được phá trừ, vị thiên tử ấy được đắc quả Tu-đà-hoàn, liền đọc kệ tán thán Phật rằng:

Đức đại thánh Thế Tôn,  
Tối thượng chẳng ai bằng.  
Thầy dạy cùng cha mẹ,  
Chẳng bằng công đức Phật.

Làm khô nước bốn bể,  
Vượt qua núi trắng xương.  
Đóng cửa ba nẻo ác,  
Khai mở ba cửa lành.

Vị thiên tử ấy đọc kệ tán thán Phật rồi, liền lễ bái rồi quay về cõi trời.

Sáng sớm hôm sau, chư tỳ-kheo thưa hỏi Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Đêm qua có hào quang chiếu sáng tinh xá Kỳ Hoàn, chẳng hay đó là các vị Thích phạm, Chuyển luân thánh vương, hay hai mươi tám bộ quỷ thần đến nghe pháp?”

Phật nói: “Chẳng phải Thích phạm, thiên thần, tứ thiên vương đến nghe pháp. Ấy là người hái hoa sa-la cúng dường ta hôm trước, nay đã được sinh lên cõi trời nên lại đến cúng dường ta. Do đó mà có ánh hào quang ấy.”

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

## LIỀU MÌNH QUÉT THÁP PHẬT

Lúc ấy, Phật ở gần thành Vương-xá, trong tinh xá Trúc Lâm. Vua Tần-bà-sa-la rất ngưỡng mộ Phật pháp, mỗi ngày ba lần cùng với các quan thuộc đến lễ bái Phật.

Về sau, vua mỗi ngày một già yếu, thân thể nhọc mệt chẳng thể đến lễ bái Phật hàng ngày được. Các quan đại thần liền tâu vua rằng: “Đại vương nên cầu xin một ít tóc và móng tay của Phật, mang về trong cung lập tháp thờ phụng, để ngày ngày chiêm ngưỡng, lễ bái được gần gũi hơn.”

Vua nghe theo, liền đến lễ Phật xin được thỉnh tóc và móng tay. Phật liền ban cho. Vua mang về lập tháp trong nội cung, hương đèn, hoa quả mỗi ngày ba lần dâng cúng, chí thành lễ bái.

Thời gian sau, thái tử A-xà-thế nghe lời xúi giục của Đề-bà-đạt-đa, giết vua đi mà lên ngôi, lại truyền khắp trong cung không ai được đến tháp ấy mà lễ bái, cúng dường hương đèn hoa quả gì nữa cả. Ai trái lệnh xem như là phạm tội chết.

Đến ngày rằm tháng bảy là ngày chُر tăng tự tứ, có một cung nữ tên là Công Đức Ý, tự suy nghĩ rằng: “Đại vương ngày trước tạo lập tháp này để ngày ngày lễ bái. Nay đã lâu chẳng ai quét dọn, hương đèn, thành ra dơ nhớp, u ám. Ta nay nên liều bỏ thân này mà quét dọn, đốt hương đèn, dâng hoa cúng dường.”

Nghĩ vậy rồi liền vào tháp quét dọn sạch bụi bặm, đốt hương đèn lên sáng rực, lại dâng các thứ hương hoa cúng dường. Vua A-xà-thế khi ấy đang ở trên lầu cao, nhìn xa thấy trong tháp hương đèn sáng rực, liền sai người đến xem coi ai cả gan dám chống lệnh của vua. Người đi xem về thưa lại rằng đó là người cung nữ tên Công Đức Ý. Vua truyền dẫn đến để xét hỏi nguyên do.

Khi ấy, cung nữ Công Đức Ý đối trước mặt vua mà nói rằng: “Tháp ấy do đại vương ngày xưa tạo dựng, làm chỗ để quy ngưỡng, cúng dường. Nay gặp ngày lành, nên tôi quét dọn cho sạch sẽ và đốt hương đèn cúng dường.”

Vua A-xà-thế nghe lời ấy, liền hỏi rằng: “Người có nghe lệnh cấm của ta chẳng?” Công Đức Ý đáp: “Tôi có nghe. Nhưng đại vương ngày nay mới trị nước, chẳng hơn được tiên vương.”

A-xà-thế nghe vậy cực kỳ giận dữ, liền rút gươm mà tự tay chém chết Công Đức Ý. Nhờ công đức xả thân cúng dường tháp Phật, người liền được sinh lên cõi trời Đao-ly, có hào quang quanh thân chiếu sáng hơn một do-tuần.

Khi ấy, vua trời Đế-thích và chư thiên đều tụ họp lại để chiêm ngưỡng hào quang của vị thiên tử mới này, đều hỏi rằng: “Người tạo pháp lành gì được sinh về đây? Nhờ đâu mà có hào quang nơi thân thể sáng rực hơn hẳn chư thiên cõi này?”

Vị thiên tử ấy liền đọc kệ đáp rằng:

Đức Như Lai ra đời,  
Như mặt trời soi sáng.  
Chiếu rọi nơi u tối,  
Làm cho đều sáng rỡ.

Gặp Phật sinh hoan hỷ,  
Tâm xấu ác tự trừ,  
Lành thay, đáng vô thượng,  
Ruộng phước cho muôn loài.

Lòng thành tu phước đức,  
Chẳng tiếc giữ thân mạng.  
Dù bị giết nơi ấy,  
Được sinh cõi trời này.

Vị thiên tử đọc kệ rồi, liền cùng với Đế-thích và chư thiên hiện đến cúng dường Phật, đū các thứ hương hoa, trân bảo nơi cõi trời. Khi ấy, hào quang chư thiên chiếu sáng rực rỡ tinh xá Kỳ Hoàn. Các vị lễ Phật rồi đều yên lặng ngồi sang một bên.

Phật vì chư thiên thuyết pháp Tứ diệu đế. Vị thiên tử ấy nghe pháp rồi tâm ý liền được khai mở, đắc quả Tu-đà-hoàn, tự khởi lên ý niệm này: “Ta nhớ lại từ muôn

kiếp đến nay, những thân mạng đã trải qua, nếu tích tụ lại thì xương trắng chất cao hơn núi, nước mắt khổ đau nhiều hơn biển lớn, chết đi sống lại chẳng biết đã bao lần. Nay thật là đã được thoát ly được vòng sinh tử ấy.”

Nghĩ như vậy rồi, chí thành lễ Phật mà quay về cõi trời.

Sáng hôm sau, chư tỳ-kheo thưa hỏi Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Đêm qua hào quang rực rỡ chiếu sáng khác thời nơi tinh xá này, chẳng hay đó là các vị Thích phạm, tứ thiên vương, hay hai mươi tám bộ quỷ thần đến đây nghe pháp?”

Phật nói: “Chẳng phải Thích phạm, thiên thần, tứ thiên vương đến nghe pháp. Ấy là người cung nữ của vua Tần-bà-sa-la, liềm mình quét tháp Phật, bị vua hại chết liền sinh lên cõi trời Đao-ly, nay đến cúng dường ta. Do đó mà có ánh hào quang ấy.”

Phật thuyết nhân duyên được sinh lên cõi trời của người cung nữ Công Đức Ý, chư tỳ-kheo trong chúng hội có người đắc quả Tu-đà-hoàn, có người đắc quả Tu-đà-hàm, có người đắc quả A-na-hàm, có người đắc quả A-La-hán, lại có nhiều người phát tâm cầu quả Phật Bích-chi, cũng có người phát tâm cầu quả vô thượng Bồ-đề.

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## **CÔ GÁI NGHÈO CÚNG PHẬT**

Lúc ấy, Phật ở gần thành Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp Cô Độc. Trong thành có ông trưởng giả tên là Tu-đạt. Lòng ông chân thành mộ đạo, đã cúng dường, bố thí tài vật rất nhiều. Ông tự suy nghĩ rằng: “Như ta đây giàu có vô cùng, nên cho dù cúng Phật cả khu tinh xá Kỳ Hoàn, cho đến trăm ngàn lượng vàng, cũng chẳng lấy gì làm khó. Nếu ta có thể khuyên những nghèo khổ, bần cùng mà dành dụm chút ít tiền của dùng vào việc bố thí, cúng dường, điều đó mới thật là rất khó. Nhưng nếu làm được, tất sẽ được công đức rất lớn.”

Nghĩ như vậy rồi, liền đem ý nghĩ ấy mà tâu với vua Ba-tu-nặc. Vua cũng tán thành, liền sai người đi khắp trong thành đánh trống rao rằng: “Trong bảy ngày nữa, trưởng giả Tu-đạt sẽ cưới con voi trắng lớn mà đi quyên góp tiền của bố thí ở khắp mọi nơi trong thành, khuyến khích những người nghèo cố gắng tu hạnh bố thí, cho dù tài vật ít đến đâu cũng đều có thể mang ra bố thí, sẽ được phước đức vô cùng.”

Nhân dân trong thành khi ấy vui mừng nghe theo lời khuyến hóa của trưởng giả Tu-đạt, chen nhau mà góp tài vật để làm việc bố thí. Có người góp y phục, vải vóc, có người góp vàng bạc, châu báu, cho đến các thứ đồ trang sức hay vật thực. Ai nấy tùy theo gia cảnh của mà đều vui vẻ góp phần bố thí.

Bấy giờ, trong thành có một cô gái rất nghèo, làm thuê trong ba tháng mới dành dụm mua được một tấm vải, định may áo mặc vì áo cũ đã rách nát cả rồi.

Cô gái nghèo thấy trưởng giả Tu-đạt đi quyên góp tiền của trong dân chúng, liền hỏi người chung quanh rằng: “Ông trưởng giả ấy giàu có chẳng ai bằng, sao nay lại đói thiếu đến nỗi phải đi xin của người khác?”

Mọi người bảo cô rằng: “Ông ấy thật chẳng phải đói khổ, chỉ vì lòng thương muốn khuyến khích mọi người cùng làm việc bố thí tu phước, nên đi quyên góp lấy tài vật ấy để thỉnh Phật với chư tăng mà cúng dường.”

Khi ấy, cô gái nghèo nghe nói rồi thì trong lòng vui vẻ vô cùng, tự nghĩ rằng: “Ta đời trước chẳng biết bố thí tu phước, nên đến nay mới chịu cảnh nghèo khổ bần cùng như thế này. Nay nếu không biết lo tu phước, sợ rằng ngày sau còn khôn khổ hơn nữa.”

Rồi cô lại nghĩ: “Phật pháp ra đời ở thế gian là khó gặp. Ta nay rất muốn thỉnh Phật với chư tăng mà cúng dường, nhưng chẳng có chút tài vật nào, làm sao làm được? Trên người ta giờ đây lại chỉ có một tấm vải định dùng che thân, nếu góp vào để bố thí thì thân thể phải lỏa lồ. Bằng nếu không bố thí, sau này tất chẳng còn hy vọng gì nữa. Thân ta đã cùng khổ thế này, trước sau cũng đến một nước chết mà thôi, vậy nay nên xả bỏ mà bố thí.”



Nghĩ rồi, cô liền lấy tấm vải ra, ngồi bên song cửa sổ, đợi ông Tu-đạt cười voi đi ngang qua thì ném ra. Ông Tu-đạt nhận được tấm vải mà không biết ai gởi cúng, liền sai người vào nhà ấy mà hỏi, gặp cô gái nghèo ngồi trong cửa sổ, không một mảnh vải che thân, liền báo lại với ông Tu-đạt. Ông lên tiếng khen rằng: “Thật lành thay! Đáng khen lắm thay!” Liền cởi ngay mấy tấm áo quý đang mặc trên người cùng những đồ phục sức quý giá, sai người mang cho cô gái ấy. Cô nhận được rồi liền vui mừng nói rằng: “Ta nay phát tâm bố thí, liền được quả báo hiện tiền, hưởng chi là trong đời vị lai.”

Qua nhiều ngày sau, cô gái nghèo ấy mạng chung, sinh lên cõi trời Đao-ly, tự suy nghĩ rằng: “Không biết trước đây ta tạo phước đức gì mà được sinh lên cõi trời này?” Liền tự quán sát, nhớ lại tiền thân là cô gái nghèo hèn cùng khổ, nhờ bố thí cúng dường một tấm vải mà được phước sinh lên cõi trời, liền hiện xuống thành Vương-xá, muôn báo ơn Phật với ông trưởng giả Tu-đạt.

Khi ấy, vị thiên tử này hiện thân trang nghiêm đẹp đẽ, mang theo những hương hoa, trân bảo từ cõi trời, đến cúng dường Phật và trưởng giả Tu-đạt. Lễ bái cúng dường xong, liền ngồi sang một bên nghe pháp. Phật thuyết pháp Tứ diệu đế cho nghe rồi, tâm ý liền khai mở, đắc quả Tu-đà-hoàn, liền lễ Phật rồi quay về cõi trời.

Sáng hôm sau, chư tỳ-kheo thưa hỏi Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Đêm qua có hào quang chiếu sáng ở chỗ Phật, chẳng hay đó là các vị Thích phạm, Chuyên luân thánh vương, hay hai mươi tám bộ quỷ thần đến nghe pháp?”

Phật nói: “Chẳng phải Thích phạm, thiên thần, tứ thiên vương đến nghe pháp. Ấy là cô gái nghèo nghe lời khuyên của ông Tu-đạt mà bố thí một tấm vải, nay được sinh lên cõi trời, lại đến cúng dường ta. Do đó mà có ánh hào quang ấy.”

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

**CHIM KẾT THỈNH PHẬT**

Lúc ấy, Phật ở gần thành Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp Cô Độc. Mùa an cư vừa mãn, Phật cùng chư tỳ-kheo ra khỏi thành đi giáo hóa ở những vùng xa xôi.

Bấy giờ, vua Tần-bà-sa-la cùng với quần thần đều mong mỏi được gặp lại Phật, mới cùng nhau ra bên ngoài thành mà vọng bái, khẩn nguyện rằng: “Đức Như Lai Thế Tôn hiện nay chẳng biết ở đâu, xin ngài mở lòng từ bi thương xót, trở về đây nhận sự cúng dường của chúng con.”

Phật biết được tâm nguyện khát ngưỡng của vua, liền cùng chư tỳ-kheo nhắm hướng nước Ma-kiệt-đề mà quay về.

Trên đường, đến khu rừng kia có một bầy chim két rất đông, trong đó có một con được tôn là vua két. Vua két nhìn thấy Phật từ xa đi lại liền bay đến nghinh tiếp. Vua két thưa với Phật rằng: “Xin thỉnh đức Thế Tôn và chư tỳ-kheo tăng ghé lại khu rừng chỗ chúng con ở mà nghỉ lại một đêm.” Phật liền nhận lời.

Vua két được Phật nhận lời, liền trở về khu rừng của mình, gọi cả bầy chim két cùng ra nghênh tiếp Phật với chư tỳ-kheo tăng. Phật với chư tăng vào rừng rồi, dọn chỗ dưới các góc cây trong rừng mà ngồi thiền.

Vua két nhìn thấy Phật với chư tăng tọa thiền dưới gốc cây, trong lòng vô cùng vui mừng hoan hỷ, nên suốt đêm không ngủ, bay quanh trên trời canh chừng các loại chim chóc, cầm thú, cho đến chó sói, cọp beo, sư tử... chẳng để cho quấy nhiễu Phật với chư tỳ-kheo.

Đến rạng sáng, Phật với chư tăng ra đi, vua két liền bay trước dẫn đường, thẳng đến thành Vương-xá mà báo trước với vua Tần-bà-sa-la: “Đức Thế Tôn và chư tỳ-kheo đang trên đường về tới, đại vương với quần thần nên chuẩn bị các thứ phẩm vật cúng dường, và cho người đi trước nghinh tiếp.”

Vua Tần-bà-sa-la nghe tin vui mừng khôn xiết, liền cùng các vị quần thần kéo ra ngoài thành một quãng xa để nghinh tiếp.

Đêm hôm đó, vua két mạng chung, sinh lên cõi trời Đao-ly. Vừa sinh ra đã cao lớn như đứa bé tám tuổi, liền tự suy nghĩ rằng: “Không biết ta đã tạo phước lành gì mà nay được sinh lên cõi trời này.” Rồi tự quán sát, nhớ lại thân trước là vua két, do

công đức thỉnh Phật và chur tăng nghỉ lại trong rừng một đêm nên được sinh lên cõi trời. Biết như vậy rồi, liền muốn hiện đến cúng dường báo ân Phật.

Liền tự hiện thân trang nghiêm đẹp đẽ, mang theo những hoa hương, trân bảo cõi trời, hiện đến chỗ Phật mà lễ bái, cúng dường. Phật thuyết pháp cho nghe rồi, thiên tử ấy được đắc quả Tu-đà-hoàn, liền chí thành lễ Phật rồi quay về cõi trời.

Sáng hôm sau, chur tỳ-kheo thưa hỏi Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Đêm qua có hào quang chiếu sáng ở chỗ Phật, chẳng hay đó là các vị Thích phạm, Chuyển luân thánh vương, hay hai mươi tám bộ quỷ thần đến nghe pháp?”

Phật nói: “Chẳng phải Thích phạm, thiên thần, tứ thiên vương đến nghe pháp. Ấy là vua của loài chim két, nhờ công đức thỉnh ta với chur tăng nghỉ lại một đêm nên mạng chung được sinh lên cõi trời Đao-ly, nay hiện đến đây lễ bái cúng dường ta. Do đó mà có ánh hào quang ấy.”

Các vị tỳ-kheo lại thưa hỏi rằng: “Bạch Thế Tôn! Vị thiên tử ấy trước đã tạo nghiệp gì phải sinh làm thân chim két, lại nhờ phước lành gì mà nay nghe pháp được đắc quả?”

Phật bảo chur tỳ-kheo: “Các người hãy chú tâm lắng nghe, ta sẽ vì các người mà phân biệt giảng nói. Vào giữa Hiền kiếp này, xứ Ba-la-nại có một vị Phật ra đời hiệu là Ca-diếp. Trong pháp hội của ngài có một vị trưởng giả thọ trì năm giới. Người ấy có lần phạm vào một giới, nên về sau phải sinh làm thân chim két. Nhờ bốn giới kia được trọn vẹn, nên lại được gặp Phật, nghe pháp chứng quả.”

Phật bảo chur tỳ-kheo: “Người cư sĩ trưởng giả ngày ấy, chính là thân vua két, nay được sinh lên cõi trời đó.”

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

**SỨ GIẢ ĐI THỈNH PHẬT**

Lúc ấy, Phật ở gần thành Vương-xá, trong tinh xá Trúc Lâm. Mùa an cư vừa mãn, Phật cùng chư tỳ-kheo ra khỏi thành đi giáo hóa ở những vùng xa xôi.

Bấy giờ, ông trưởng giả Tu-đạt tâu lên vua Ba-tư-nặc rằng: “Chúng ta đã lâu không được gặp Phật. Xin đại vương cho sứ giả sang thành Vương-xá thỉnh Phật về đây để chúng ta cùng lễ bái cúng dường.”

Vua Ba-tư-nặc nghe lời tâu hợp ý, liền sai sứ giả sang thành Vương-xá vấn an Phật, bày tỏ lòng vua với bá tánh đều mong nhớ, nguyện được thấy Phật trở lại thành Xá-vệ mà lễ bái cúng dường.

Sứ giả đến nơi trình tâm nguyện của vua Ba-tư-nặc lên với Phật, Phật liền nhận lời.

Sứ giả quay về tâu lên vua Ba-tư-nặc là Phật đã nhận lời. Vua rất vui mừng, liền truyền đưa xe theo sứ giả ấy sang thành Vương-xá mà đón Phật. Sứ giả đến nơi thưa thỉnh rằng: “Đại vương lòng thành truyền cho xe đến đón, xin đức Thế Tôn từ bi thương xót, cho sứ giả này được dùng xe đưa ngài về thành Xá-vệ.”

Phật nói rằng: “Ta có đủ sáu phép thần thông, bảy phép giác chi, tám phần thánh đạo, năm loại xe pháp. Phép thần của ta như vậy, sao phải cần dùng đến xe của vua?”

Vị sứ giả ấy ba lần cầu thỉnh, xin Phật lên xe để mình đưa đi, không cần dùng đến các phép thần túc.

Khi ấy, Phật cảm lòng thành của sứ giả, liền chịu lên xe để người đưa đi. Khi lên xe rồi, Phật dùng thần thông khiến cho cả người và xe đều vượt lên hư không mà đi, trong phút chốc đến thành Xá-vệ, chỗ vua Ba-tư-nặc đang vọng thỉnh.

Trong đêm hôm đó, vị sứ giả thỉnh Phật ấy mạng chung, sinh lên cõi trời Đao-ly, tự suy nghĩ rằng: “Không biết trước đây ta tạo phước đức gì được sinh lên cõi trời này?” Liền tự quán sát, nhớ lại tiền thân là sứ giả của vua Ba-tư-nặc, nhờ hết lòng thỉnh Phật mà được phước sinh lên cõi trời, liền hiện xuống thành Xá-vệ muốn báo ơn Phật.

Khi ấy, vị thiên tử này hiện thân trang nghiêm đẹp đẽ, mang theo những hương hoa, trân bảo từ cõi trời, đến lễ bái cúng dường Phật. Lễ bái cúng dường xong, liền ngồi sang một bên nghe pháp. Phật thuyết pháp Tứ diệu đế cho nghe rồi, tâm ý liền khai mở, đắc quả Tu-đà-hoàn, liền lễ Phật rồi quay về cõi trời.

Sáng hôm sau, chư tỳ-kheo thưa hỏi Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Đêm qua có hào quang chiếu sáng ở nơi tinh xá, chẳng hay đó là các vị Thích phạm, tứ thiên vương, hay hai mươi tám bộ quý thần đến nghe pháp?”

Phật nói: “Chẳng phải Thích phạm, thiên thần, tứ thiên vương đến nghe pháp. Ấy là vị sứ giả của vua Ba-tư-nặc hôm trước mang xe đến thỉnh ta. Nhờ thiện tâm ấy, nay được sinh lên cõi trời, nên đến cúng dường ta. Do đó mà có ánh hào quang ấy.”

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## **PHẬT ĐỘ TRÂU NƯỚC HUNG DỮ**

Lúc ấy, Phật cùng với chư tỳ-kheo đi giáo hóa, ngang qua nước Kiêu-tát-la, đến một vùng đầm lầy. Ở đó có một bầy 500 con trâu, trong đó có một con cực kỳ hung dữ, lại có 500 người chăn trâu.

Khi thấy Phật từ xa đi lại, những người chăn trâu liền la lớn lên rằng: “Xin đức Thế Tôn đừng qua lối này. Trong bầy trâu ấy có một con cực kỳ hung dữ, thường hại mạng người, không thể đi qua được.”

Phật bảo những người chăn trâu rằng: “Các người chớ lo lắng. Con trâu dữ ấy nếu muốn làm hại, ta có thể tự lo liệu được.”

Liền đó, trâu dữ từ xa phóng tới, đuôi cong lên trời, hai sừng cúi xuống, nhằm ngay mình Phật mà lao đến. Khi ấy, Phật liền đưa năm ngón tay ra, hóa hiện năm con sư tử oai vệ hầu quanh Phật, lại bốn phía hiện ra những hầm lửa lớn, lửa cháy dậy

trời. Con trâu dữ kinh hoàng khiếp sợ, quay vòng không còn biết đường nào trốn chạy nữa.

Bỗng nó thấy ngay trước mặt Phật có một chỗ trống có thể đến tránh né được, vội chạy đến đó, liền thấy thân thể mát mẻ, yên ổn, không còn lo sợ hoảng hốt nữa. Trâu vui mừng quỳ xuống, thè lưỡi liếm trên bàn chân Phật. Rồi lại ngẩng đầu lên mà nhìn Phật, trong lòng vui mừng không kể xiết.

Phật biết trâu dữ đã được điều phục, liền đọc kệ cho trâu nghe rằng:

Tâm hung khởi ác ý,  
Muốn đến đây hại ta.  
Lòng thành mong đắc thắng,  
Quay lại liếm chân ta.

Khi con trâu dữ ấy nghe Phật đọc kệ rồi, trong lòng sinh ra xấu hổ, bỗng nhiên tâm địa trở nên sáng suốt, nghiệp chướng trừ diệt, chợt nhớ lại kiếp trước khi làm thân người đã tạo rất nhiều ác nghiệp. Nhớ lại như vậy rồi trong lòng buồn bã, hối hận và xấu hổ, liền bỏ ăn suốt mấy ngày liền.

Trâu nhịn đói mà chết, ác nghiệp đã dứt, nhờ phước lành gặp Phật nên liền được sinh lên cõi trời Đao-ly. Vừa sinh ra đã cao lớn như đứa trẻ được tám tuổi, trong tâm tự suy nghĩ rằng: “Không biết trước đây ta tạo phước đức gì mà được sinh lên cõi trời này?” Liền tự quán sát, nhớ lại tiền thân là con trâu hung dữ, nhờ được Phật hóa độ cho mà được sinh lên cõi trời, liền hiện xuống chỗ Phật, mang theo những hương hoa, trân bảo từ cõi trời đến cúng dường Phật.

Lễ bái cúng dường xong, liền ngồi sang một bên nghe pháp. Phật thuyết pháp Tứ diệu đế cho nghe rồi, tâm ý liền khai mở, đắc quả Tu-đà-hoàn, liền lễ Phật rồi quay về cõi trời.

Sáng hôm sau, những người chăn trâu liền đến thưa hỏi Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Đêm qua có hào quang chiếu sáng ở chỗ Phật, chẳng hay đó là các vị Thích phạm, tứ thiên vương, hay hai mươi tám bộ quỷ thần đến nghe pháp?”

Phật nói: “Chẳng phải Thích phạm, thiên thân, tứ thiên vương đến nghe pháp. Ấy là con trâu dữ hôm trước, được ta độ thoát sinh lên cõi trời, nay đến cúng dường ta. Do đó mà có ánh hào quang ấy.”

Bấy giờ, những người chăn trâu nói với nhau rằng: “Đến như con trâu hung dữ ấy mà gặp Phật rồi còn được sinh lên cõi trời, hưởng chi như chúng ta đây, đã được làm người lẽ nào không biết cố gắng mà tu thiện?”

Nói như vậy rồi, liền cùng nhau sắm sửa các món ăn thức uống, lễ vật, hương đèn, thỉnh Phật với chư tỳ-kheo đến cúng dường. Lễ cúng dường xong, nghe Phật thuyết pháp, tâm ý được khai mở, mỗi người đều có chỗ chứng đắc, liền cầu Phật xin được xuất gia nhập đạo.

Phật liền nói với những người chăn trâu ấy rằng: “Lành thay đó, tỳ-kheo!” Tức thì râu tóc đều tự nhiên rụng mất, áo cà-sa hiện nơi thân, thành những vị sa-môn oai nghi đầy đủ. Sau đó chuyên cần tu tập nên chẳng bao lâu đều được đắc quả A-La-hán, có đủ ba trí sáng, sáu phép thần thông, tám môn giải thoát, trong cõi trời người thấy đều kính ngưỡng.

Khi ấy, chư tỳ-kheo thấy việc như vậy liền thưa hỏi Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Con trâu và năm trăm người chăn trâu ấy, đã tạo nghiệp lành dữ như thế nào mà nay thọ những quả báo sai khác nhau như vậy?”

Phật bảo chư tỳ-kheo: “Các người muốn hiểu nhân duyên tác nghiệp của con trâu và những người chăn trâu ấy, hãy nghe bài kệ này:

Đã tạo nghiệp thiện, ác,  
Trăm kiếp đều chẳng mất.  
Đều do nghiệp, nhân duyên,  
Nên chịu quả như thế.

Chư tỳ-kheo lại thưa hỏi rằng: “Chẳng biết nhân duyên đời quá khứ như thế nào, xin Như Lai từ bi giảng giải cho biết.”

Phật bảo chư tỳ-kheo: “Các người hãy chú tâm lắng nghe, ta sẽ vì các người mà phân biệt giảng nói. Vào giữa Hiền kiếp này, xứ Ba-la-nại có vị Phật ra đời hiệu là

Ca-diếp. Trong chúng hội của ngài có một vị tỳ-kheo tinh thông cả kinh, luật và luận. Vị tỳ-kheo này cùng với 500 người đệ tử đi hành hóa ở phương xa. Trong lúc luận đàm, nói pháp, có những đệ tử cất vấn tỳ-kheo ấy mấy chỗ không nói được. Vị ấy liền sinh tâm sân nhuế, dùng lời thô ác mà mắng rằng: ‘Các người chẳng có chút hiểu biết gì, lại theo mà vấn nạn ta, có khác nào con trâu dữ chỉ biết gặp người là húc?’

“Bấy giờ 500 vị đệ tử nghe lời ấy rồi đều giận dữ, không thêm cãi lại, nhận là đúng vậy không sai. Nói rồi liền bỏ thầy tỳ-kheo ấy mà đi, chẳng theo học nữa.

“Do nhân duyên ấy, đã năm trăm kiếp rồi đều phải sinh làm thân trâu dữ, lại do nghiệp lực mà luôn cùng sinh ra một nơi với những người chăn trâu kia, cho đến ngày nay gặp ta mới được độ thoát.”

Phật bảo chư tỳ-kheo: “Vị tỳ-kheo ác khẩu ngày ấy, chính là con trâu hung dữ nhất trong bầy. Năm trăm đệ tử, nay là năm trăm người chăn trâu đó.”

Phật thuyết nhân duyên nghiệp báo của con trâu dữ và những người chăn trâu rồi, chư tỳ-kheo trong chúng hội đều tự biết phòng hộ ba nghiệp thân, miệng và ý, lánh sợ đường sinh tử, có người đắc quả Tu-đà-hoàn, có người đắc quả Tu-đà-hàm, có người đắc quả A-na-hàm, có người đắc quả A-La-hán, lại có nhiều người phát tâm cầu quả Phật Bích-chi, cũng có người phát tâm cầu quả vô thượng Bồ-đề.

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thầy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## **ĐÔI BẠN ĐỒNG TU**

Lúc ấy, Phật ở gần thành Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp Cô Độc. Vào khoảng đầu hôm, có năm trăm vị thiên tử hiện thân trang nghiêm đẹp đẽ, mang theo những hương hoa, trân bảo từ cõi trời, đến lễ bái cúng dường Phật. Lễ bái cúng dường xong, liền ngồi sang một bên nghe pháp. Phật thuyết pháp Tứ diệu đế



cho nghe rồi, tâm ý liền khai mở, đắc quả Tu-đà-hoàn, liền lễ Phật rồi quay về cõi trời.

Sáng hôm sau, chư tỳ-kheo thưa hỏi Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Đêm qua có hào quang chiếu sáng ở nơi tinh xá, chẳng hay đó là các vị Thích phạm, tứ thiên vương, hay hai mươi tám bộ quỷ thần đến nghe pháp?”

Phật nói: “Chẳng phải Thích phạm, thiên thần, tứ thiên vương đến nghe pháp. Ấy là năm trăm vị thiên tử từ cõi trời Đao-ly hiện đến cúng dường ta. Các người muốn biết nhân duyên nghiệp quả của những vị ấy, hãy chú tâm lắng nghe, ta sẽ vì các người mà giảng giải.

“Về thuở quá khứ cách đây đã vô số kiếp, vào thời của đức Phật Ca-diếp tại thế, có hai người bà-la-môn sắp đi theo vua đến chỗ Phật mà lễ bái cúng dường. Trong thành có một cư sĩ đến khuyên hai người bà-la-môn ấy rằng: ‘Nay các ông được theo vua đến gặp Phật, nhân đó nên thọ lấy phép Bát quan trai.’

“Hai người bà-la-môn hỏi: ‘Thọ phép trai giới ấy có lợi ích gì?’ Cư sĩ ấy đáp: ‘Thọ phép trai giới ấy, tùy theo chỗ sở nguyện của mình, hết thảy đều được thành tựu.’

“Hai người bà-la-môn liền nghe lời cư sĩ ấy, khi đến lễ Phật cùng nhau thọ phép Bát quan trai. Một người cầu được sinh lên cõi trời, còn người kia cầu được làm vua ở cõi người. Sau khi thọ trai giới rồi, liền cùng nhau quay về chỗ tụ họp của những người bà-la-môn.

“Những người bà-la-môn khác bảo hai người rằng: ‘Các ông đang đói khát, có thể đến đây cùng ăn uống.’ Hai người đáp: ‘Chúng tôi thọ trai giới của Phật, đã quá giờ thì không ăn.’

“Những người kia nói: ‘Bà-la-môn chúng ta cũng tự có đủ phép tắc, quy luật, sao hai người lại đi thọ trai giới của mấy ông sa-môn?’ Nói vậy rồi lại ân cần mời thỉnh nhiều lần, ép buộc hai người phải ăn uống với họ.

“Người bà-la-môn cầu sinh lên cõi trời, khi ấy không giữ được, liền ngồi xuống cùng ăn uống. Do không giữ trọn giới đã thọ nên không thành sở nguyện, mạng chung sinh vào loài rồng.

“Người bà-la-môn cầu được làm vua, kiên trì giữ giới, tuyệt không chịu ăn uống với họ. Nhờ vậy, được thành sở nguyện, đời sau được làm một vị quốc vương.

“Do hai người cùng thọ phép Bát quan trai với nhau, nên lại sinh ra cùng một chỗ với nhau. Người phải sinh vào loài rồng, khi ấy ở trong cái hồ lớn giữa vườn của nhà vua.

“Người giữ vườn mỗi ngày đều hái các loại hoa quả trong vườn dâng lên cho vua. Ngày kia, nơi cái ao lớn giữa vườn bỗng nảy sinh một thứ quả lạ, to lớn mà có mùi thơm ngon kỳ tuyệt.

“Người giữ vườn hái được quả ấy, tiếc không nỡ ăn, suy nghĩ rằng: ‘Ta làm công việc này, ngày ngày ra vào đều phải qua chỗ quan giữ cửa. Nay được quả thơm ngọt này, nên mang biếu ông ta.’ Nghĩ rồi liền mang biếu quan giữ cửa.

“Quan giữ cửa nhận được, cũng không nỡ ăn, suy nghĩ rằng: ‘Ta mỗi ngày ra vào đều qua chỗ quan Hoàng môn. Nay được quả lạ này, nên mang biếu ông ta.’ Nghĩ vậy rồi, liền mang quả đi biếu.

“Quan Hoàng môn nhận được, cũng không nỡ ăn mất, suy nghĩ rằng: ‘Hoàng hậu thời vì ta mà khéo nói với vua, khen ta có tài có đức. Nhờ vậy mà ta mới được vua tin dùng. Nay được quả lạ này, nên mang biếu hoàng hậu mới phải.’ Nghĩ rồi liền mang đi biếu cho hoàng hậu.

“Hoàng hậu được quả ấy rồi, liền dâng lên cho vua. Vua được quả ấy liền bỏ ra ăn, thấy hương vị ngon ngọt lạ thường xưa nay chưa từng được biết, mới hỏi hoàng hậu rằng: ‘Do đâu mà hoàng hậu có được thứ quả ngon lạ này?’ Hoàng hậu liền chỉ đến quan Hoàng môn. Vua truyền hỏi quan Hoàng môn, lại chỉ đến quan Môn giám. Vua truyền hỏi quan Môn giám, liền chỉ đến người giữ vườn.

“Vua liền gọi người giữ vườn đến, quở trách rằng: ‘Trong vườn có thứ quả ngon lạ đến thế, tại sao không dâng lên ta mà mang cho người khác?’ Nói rồi muốn bắt tội. Người giữ vườn hết lời phân trần, rằng trong vườn chẳng hề có thứ quả ấy, chỉ là tự nhiên hóa sinh một quả nơi hồ lớn mà thôi. Vua không nghe, truyền rằng: ‘Tạm

tha chết cho người, nhưng từ nay về sau phải thường dâng loại quả ấy. Nhược bằng không có tất phải tội chết.’

“Người giữ vườn trở về, vào trong vườn đến bên bờ hồ mà than khóc thảm thiết. Loại quả ấy chẳng trồng trong vườn này, nay biết tìm ở đâu mà có được? Nếu không có, tất phải tội chết không tránh khỏi.

“Bấy giờ, long vương trong hồ lớn nghe tiếng than khóc liền hiện lên, hóa thân làm một người từ xa đi lại, hỏi rằng: ‘Có việc chi mà người khóc lóc sầu thảm như vậy?’

“Người giữ vườn nói: ‘Ngày hôm qua tôi được một quả cây ngon lạ nổi lên từ hồ này, mang cho quan giữ cửa. Ông này lại mang cho quan Hoàng môn, quan Hoàng môn dâng cho hoàng hậu, hoàng hậu lại dâng cho vua. Vua ăn quả ấy thấy ngon ngọt, bây giờ buộc tôi phải từ nay về sau phải thường dâng cho vua quả ấy, nếu không thì bắt tội chết. Nhưng quả ấy không trồng mà được, nay tôi biết tìm ở đâu ra? Vì vậy mà đến đây than khóc.’

“Hóa thân của long vương nghe vậy rồi, liền trở về thủy phủ dưới lòng hồ sâu, lấy loại quả ngon lạ ấy lên, đặt trong một cái khay bằng vàng, trao cho người giữ vườn và nói rằng: ‘Nay người mang quả này mà dâng cho vua, ta nhờ người nói với vua điều này: Ta với vua vào thời Phật còn tại thế, vốn là bạn thân với nhau, cùng tu tập Bát quan trai giới. Vua giữ giới trọn vẹn, cầu làm vua thì nay được làm vua. Còn ta do không giữ giới trọn vẹn, nên sinh vào loài rồng. Vì vậy, ta muốn thọ phép Bát quan trai mà tu tập một lần nữa, cầu xả bỏ thân này. Người hãy nói với vua tìm cho ta một bản kinh văn để ta theo đó tu tập. Nếu không giúp ta, ta sẽ biến cả nước của vua thành biển lớn.’

“Người làm vườn đến dâng quả cho vua, rồi trình bày lại những lời rồng nói. Vua nghe việc ấy rồi thì trong lòng lo lắng, không vui. Bởi vì thời ấy không có Phật ra đời, đến tên gọi còn chẳng ai biết đến, huống là tìm được kinh văn? Mà nếu không tìm được, cả nước phải nguy hại. Nghĩ như vậy rồi chẳng biết làm sao được.

“Bấy giờ, có một vị đại thần được vua kính trọng lắm. Vua sai triệu đến bảo rằng: ‘Long thần nhờ ta tìm bản văn Bát quan trai. Nay khanh nên vì ta sớm tìm cho

được bản văn ấy.’ Đại thần đáp: ‘Thời nay không có pháp Phật, làm sao tìm được kinh văn? Vua nói: ‘Nếu không tìm được, phải bắt tội chết.’

“Đại thần nhận lệnh vua rồi, trong lòng lo âu, mặt mày biến sắc. Khi trở về nhà bồn chồn lo lắng không yên. Người cha của ông là một vị kỳ lão đã rất cao niên, nhìn thấy vậy thì đoán biết có chuyện nghiêm trọng, liền hỏi: ‘Con có việc gì lo lắng lắm hay sao?’ Đại thần thuật chuyện vua buộc phải tìm văn kinh Bát quan trai.

“Người cha liền nói: ‘Cha thường nhìn thấy cây cột nhà ta có ánh hào quang tỏa ra. Nay con nên đập phá ra mà xem thử. Cha nghĩ là có vật lạ trong đó.’

“Đại thần nghe lời cha, đập cây cột nhà, liền thấy trong đó có hai quyển kinh. Một là văn kinh Thập nhị nhân duyên, hai là văn kinh Bát quan trai giới.

“Đại thần mang văn kinh Bát quan trai dâng lên vua. Vua mừng rỡ liền mang đưa cho long vương. Long vương được văn kinh rồi, vui mừng khôn xiết, liền mang rất nhiều báu vật quý giá ở chốn thủy cung mà tặng cho vua.

“Long vương trở về cùng với số rồng con, cộng cả thấy 500 người, đồng thọ phép Bát quan trai. Chuyên cần tu tập, không một mảy may sai sót, hủy phạm. Đến khi mạng chung, tất cả đều được sinh lên cảnh trời Đao-ly.”

Phật bảo chư tỳ-kheo: “Này các tỳ-kheo! Năm trăm vị thiên tử đêm qua đến cúng dường ta, chính là 500 con rồng ngày trước. Nhờ tinh cần tu tập Bát quan trai giới nên được phước báo sinh lên cõi trời.”

Phật thuyết nhân duyên đôi bạn đồng tu Bát quan trai giới rồi, chư tỳ-kheo trong chúng hội có người đắc quả Tu-đà-hoàn, có người đắc quả Tu-đà-hàm, có người đắc quả A-na-hàm, có người đắc quả A-La-hán, lại có nhiều người phát tâm cầu quả Phật Bích-chi, cũng có người phát tâm cầu quả vô thượng Bồ-đề.

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

## THIÊN NGÀ NGHE PHÁP

Lúc ấy, Phật đang ở trong nước Ba-la-nại, tại một vùng rừng núi đầm lầy, vì dân chúng nơi ấy mà thuyết pháp.

Bấy giờ, trên không có một bầy thiên nga 500 con, nghe âm thanh thuyết pháp của Phật sinh lòng hoan hỷ, kính mộ, liền hạ xuống bay đến gần để nghe cho rõ.

Có người bẫy chim đang giăng lưới gần đó, nhìn thấy bầy thiên nga bay xuống thấp thì giăng lưới ra mà chờ. Bầy thiên nga vô tình đáp xuống liền mắc lưới bị bắt trọn.

Năm trăm thiên nga ấy đều bị người bẫy chim mang đi bán cho người giết thịt. Sau khi mạng chung, nhờ duyên lành muốn nghe pháp Phật, tất cả đều được sinh lên cõi trời Đao-ly. Vừa sinh ra, thấy đều cao lớn như đã được tám tuổi, lại có dung mạo đoan trang thù thắng, hào quang chiếu sáng quanh thân, cung điện uy nghi như những quả núi lớn.

Khi ấy, năm trăm vị thiên tử đều tự hỏi rằng: “Không biết chúng ta tạo phước lành gì mà nay được sinh lên cõi trời này?” Nghĩ rồi đều tự quán sát, nhớ lại tiền thân là bầy chim thiên nga, nhờ nghe âm thanh Phật thuyết pháp sinh lòng kính mộ mà được phước sinh lên cõi trời. Các vị liền tự trang nghiêm thân mình, mang theo những hương hoa, trân bảo của cõi trời, cùng đến chỗ Phật mà lễ bái, cúng dường. Cúng dường xong, cùng thưa với Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Chúng con từ xa nghe âm thanh thuyết pháp của Phật sinh lòng kính mộ, nên bỏ thân súc sanh mà được sinh về cõi trời. Nay xin đức Thế Tôn từ bi thương xót mà giảng thuyết lại những chỗ pháp yếu ấy để chúng con được nghe rõ.”

Phật liền vì chư thiên tử ấy mà giảng thuyết những chỗ pháp yếu. Sau khi nghe rồi, tâm ý được khai mở, tất cả đều được đắc quả Tu-đà-hoàn, liền vui mừng lễ Phật rồi quay về cõi trời.

Bấy giờ, ngài A-nan thưa hỏi Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Đêm qua có hào quang chiếu sáng nơi Phật ngự, đó là nhân duyên gì? Xin Phật từ bi giảng giải cho được biết.”

Phật bảo A-nan: “Người hãy chú tâm lắng nghe, ta sẽ vì người mà phân biệt giảng nói. Nhân hôm trước khi ta đang thuyết pháp có bảy chim thiên nga 500 con, vì muốn nghe pháp mà hạ cánh xuống, nhân đó bị mắc bẫy mà mất mạng. Nhờ phước lành đó, được sinh lên cõi trời Đao-ly. Nay đến cúng dường ta để báo ân.”

Ngài A-nan nghe Phật thuyết nhân duyên của bảy chim thiên nga được sinh lên cõi trời, liền tán thán rằng: “Thật là chưa từng có! Đức Như Lai xuất hiện nơi cõi thế này mang lại lợi ích cho khắp cả quần sanh. Đến như loài chim thú nghe âm thanh của Phật còn được phước báo, huống chi chúng ta là người, nếu biết thành tín mà thọ trì tu tập giáo pháp, phước báo sẽ nhiều hơn gấp bội.”

Bấy giờ, chư tỳ-kheo trong chúng hội nghe Phật thuyết nhân duyên này, có người đắc quả Tu-đà-hoàn, có người đắc quả Tu-đà-hàm, có người đắc quả A-na-hàm, có người đắc quả A-La-hán, lại có nhiều người phát tâm cầu quả Phật Bích-chi, cũng có người phát tâm cầu quả vô thượng Bồ-đề.

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## **PHẨM THỨ BẢY : CHƯ PHẬT RA ĐỜI - THÂN HIỆN SẮC VÀNG**

Lúc ấy, Phật ở thành Ca-tỳ-la-vệ, dưới gốc cây Ni-câu-đà. Trong thành có một trưởng giả vô cùng giàu có, chọn được người xứng đôi vừa lứa cũng thuộc gia đình hào tộc mà cưới làm vợ.

Không bao lâu người vợ có thai, rồi sinh được một bé trai. Khi sinh ra thân thể chiếu hiện ánh sáng màu vàng, lại rất xinh đẹp, khô ngô. Bấy giờ lại có ánh hào quang chiếu khắp thành nội, thấy đều một màu sáng như vàng ròng.

Vợ chồng ông trưởng giả rất vui mừng liền mời các vị thầy tướng đến xem cho đứa bé. Nhân hỏi về điềm lành khi đứa trẻ sinh ra, liền đặt tên cho trẻ là Kim Sắc.

Qua nhiều năm, Kim Sắc dần dần lớn lên, tánh tình hiền hậu, hay thương người, lại rất có hiếu với cha mẹ. Nghe biết có Phật đang ở thành Xá-vệ, liền cùng đi với các vị thân hữu đến lễ bái cúng dường. Khi nhìn thấy đức Thế Tôn với ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, hào quang chiếu sáng quanh thân, oai nghi rực rỡ thù thắng vô cùng, chàng Kim Sắc lấy làm vui mừng, hân hoan, liền lễ Phật rồi đứng sang một bên mà chiêm ngưỡng.

Khi ấy Phật thuyết pháp Tứ diệu đế cho mọi người nghe. Chàng nghe rồi tâm ý được khai mở, đắc quả Tu-đà-hoàn. Khi về nhà liền thưa với cha mẹ xin xuất gia theo Phật.

Cha mẹ nghe vậy rồi, do lòng thương không muốn trái ý con, liền cùng đi đến chỗ Phật xin cho con xuất gia. Phật nói: “Lành thay đó, tỳ-kheo!” Tức thì, râu tóc tự nhiên rụng sạch, áo cà-sa hiện ra nơi thân, thành một vị sa-môn oai nghi đầy đủ. Chuyên cần tu tập, chẳng bao lâu đắc quả A-La-hán, đủ Ba trí sáng, Sáu phép thần thông, Tám môn giải thoát, khắp cõi trời người ai gặp cũng đều kính trọng, ngưỡng mộ.

Chư tỳ-kheo thấy việc như vậy, thưa hỏi Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Vị tỳ-kheo Kim Sắc này trước đã trồng những căn lành gì mà nay được sinh trong nhà hào tộc, có sắc vàng sáng hiện nơi thân, lại được gặp Phật mà xuất gia đắc đạo?”

Phật bảo chư tỳ-kheo: “Các người hãy chú tâm lắng nghe, ta sẽ vì các người mà phân biệt giảng nói. Về thuở quá khứ cách đây chín mươi một kiếp, xứ Ba-la-nại có vị Phật ra đời hiệu là Tỳ-bà-thi. Hóa duyên đã mãn, Phật liền nhập Niết-bàn.

Bấy giờ có vị vua tên là Bàn-đầu-mạt-đế, thu gom xá-ly Phật rồi dựng bốn tòa tháp quý đặt vào trong đẽ cúng dường. Về sau, có người khách đi đường, thấy trong tháp có một chỗ hư hỏng nhẹ, liền bỏ công sửa chữa, tu bổ, lại dùng vàng bạc trang trí thêm vào. Nhờ công đức ấy, trải qua chín mươi một kiếp không đọa vào các nẻo ác, sinh ra trong cõi trời người thời được hưởng những điều khoái lạc, cho đến nay được gặp Phật, xuất gia đắc đạo.”

Phật lại dạy rằng: “Người đi đường thuở ấy dùng vàng bạc cúng dường trang nghiêm trong tháp Phật, nay là tỳ-kheo Kim Sắc đó.”

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## **MÙI THƠM NƠI THÂN**

Lúc ấy, Phật ở thành Ca-tỳ-la-vệ, dưới gốc cây Ni-câu-đà. Trong thành có một trưởng giả vô cùng giàu có, lại chọn được người vợ thuộc dòng quý tộc.

Không bao lâu người vợ có thai, rồi sinh được một bé trai xinh đẹp, khaú khinh. Khi sinh ra, khắp các lỗ chân lông đều có mùi hương chiên-đàn tỏa ra thơm ngát. Trên khuôn mặt lại có mùi thơm của hoa ưu-bát-la.

Cha mẹ và quyến thuộc thấy vậy đều vui mừng, liền mời các vị xem tướng giỏi đến xem cho đứa bé. Nhân thấy có điều đặc biệt khác người như vậy, nên đặt tên là Chiên Đàn Hương.

Khi đứa trẻ dần dần lớn lên, tánh tình hiền lành, nhân ái, ai gặp cũng đều yêu mến. Nhân có một lần đi chơi với chúng bạn, có đến chỗ cội cây Ni-câu-đà là chỗ Phật ngự. Nhìn thấy đức Thế Tôn với ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, hào quang chiếu sáng quanh thân, oai nghi rực rỡ thù thắng vô cùng, Chiên Đàn Hương liền sinh lòng khát ngưỡng, hoan hỷ lễ Phật rồi đứng sang một bên.

Phật thuyết pháp Tứ diệu đế cho nghe. Chiên Đàn Hương nghe xong tâm ý khai mở, chứng được quả thánh Tu-đà-hoàn, liền quay về thưa với cha mẹ xin được xuất gia.

Cha mẹ yêu thương chẳng muốn trái ý, liền cùng dẫn đến chỗ Phật xin cho được xuất gia nhập đạo. Phật nói: “Lành thay đó, tỳ-kheo!” Tức thì, râu tóc tự nhiên rụng sạch, áo cà-sa hiện ra nơi thân, thành một vị sa-môn oai nghi đầy đủ. Chuyên cần tu tập, chẳng bao lâu đắc quả A-La-hán, đủ Ba trí sáng, Sáu phép thần thông, Tám môn giải thoát, khắp cõi trời người ai gặp cũng đều kính trọng, ngưỡng mộ.



Chư tỳ-kheo thấy việc như vậy, thưa hỏi Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Vị tỳ-kheo Chiên Đàn Hương này trước đã trồng những căn lành gì mà sinh ra đã có mùi thơm nơi thân, lại được gặp Phật mà xuất gia đắc đạo?”

Phật bảo chư tỳ-kheo: “Các người hãy chú tâm lắng nghe, ta sẽ vì các người mà phân biệt giảng nói. Về thuở quá khứ cách đây chín mươi một kiếp, xứ Ba-la-nại có vị Phật ra đời hiệu là Tỳ-bà-thi. Hóa duyên đã mãn, Phật liền nhập Niết-bàn.

Bấy giờ có vị vua tên là Bàn-đầu-mạt-đế, thu gom xá-ly Phật rồi dựng bốn tòa tháp quý đặt vào trong để cúng dường. Vua lại cùng với hết thảy quần thần, có các cung phi, tỳ nữ theo hầu, mang những hương hoa, phẩm vật quý giá vào trong tháp Phật mà lễ bái cúng dường.

Vì người ra vào quá đông, nên dẫm đạp nền tháp có chỗ hư hỏng nhẹ. Bấy giờ có ông trưởng giả đến lễ tháp Phật, thấy chỗ hỏng ấy liền bỏ công tu sửa ngay, lại dùng bột hương chiên-đàn rất quý giá mà bôi lên tháp để cúng dường. Nhờ công đức ấy, trải qua chín mươi một kiếp không đọa vào các nẻo ác, sinh ra trong cõi trời người thân thể đều thường có mùi thơm chiên-đàn tỏa ra, cho đến nay được gặp Phật, xuất gia đắc đạo.”

Phật lại dạy rằng: “Người trưởng giả thuở ấy dùng bột chiên-đàn thơm cúng dường trong tháp Phật, nay là tỳ-kheo Chiên Đàn Hương đó.”

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## **TỰ CÓ OAI ĐỨC**

Lúc ấy, Phật ở thành Ca-tỳ-la-vệ, dưới gốc cây Ni-câu-đà. Trong thành có một trưởng giả vô cùng giàu có, chọn một người thuộc gia đình hào tộc mà cưới làm vợ.

Không bao lâu người vợ có thai, rồi sinh được một bé trai. Khi sinh ra thân thể xinh đẹp, khôi ngô kỳ vĩ, mọi người ai thấy cũng đều tự nhiên mến mộ, kính ngưỡng. Cha mẹ thấy vậy liền đặt tên cho là Oai Đức.

Qua nhiều năm, Oai Đức dần dần lớn lên, tánh tình hiền hòa. Lại một điều là ai gặp chàng dù mới lần đầu cũng đều tin phục, kính ngưỡng.

Một hôm, Oai Đức cùng đi với các vị thân hữu đến lễ bái cúng dường Phật. Khi nhìn thấy đức Thế Tôn với ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, hào quang chiếu sáng quanh thân, oai nghi rực rỡ thù thắng vô cùng, chàng Oai Đức lấy làm vui mừng, hân hoan, liền lễ Phật rồi đứng sang một bên mà chiêm ngưỡng.

Khi ấy Phật thuyết pháp Tứ diệu đế cho mọi người nghe. Chàng nghe rồi tâm ý được khai mở, đắc quả Tu-đà-hoàn. Khi về nhà liền thưa với cha mẹ xin xuất gia tu tập.

Cha mẹ nghe vậy rồi, do lòng thương không muốn trái ý con, liền cùng đi đến chỗ Phật xin cho con xuất gia. Phật nói: “Lành thay đó, tỳ-kheo!” Tức thì, râu tóc tự nhiên rụng sạch, áo cà-sa hiện ra nơi thân, thành một vị sa-môn oai nghi đầy đủ. Chuyên cần tu tập, chẳng bao lâu đắc quả A-La-hán, đủ Ba trí sáng, Sáu phép thần thông, Tám môn giải thoát, khắp cõi trời người ai gặp cũng đều kính trọng, ngưỡng mộ.

Chư tỳ-kheo thấy việc như vậy, thưa hỏi Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Vị tỳ-kheo Oai Đức này trước đã trồng những căn lành gì mà nay sinh ra có hình tướng xinh đẹp, dung nhan tươi tỉnh, ai gặp cũng đều kính ngưỡng, lại được gặp Phật mà xuất gia đắc đạo?”

Phật bảo chư tỳ-kheo: “Các người hãy chú tâm lắng nghe, ta sẽ vì các người mà phân biệt giảng nói. Về thuở quá khứ cách đây chín mươi một kiếp, xứ Ba-la-nại có vị Phật ra đời hiệu là Tỳ-bà-thi. Hóa duyên đã mãn, Phật liền nhập Niết-bàn.

Bấy giờ có vị vua tên là Bàn-đầu-mạt-đế, thu gom xá-ly Phật rồi dựng bốn tòa tháp quý cao đến một do-tuần, đặt vào bên trong để cúng dường. Về sau, có người khách đi đường vào lễ Phật, thấy hoa trên điện thờ đã héo, lại thêm bụi bặm bao phủ nhiều nơi, liền tự đi kiếm hoa tươi mà thay vào bình, rồi lại lau chùi bụi bặm,

quét dọn sạch sẽ mọi nơi trong tháp. Nhờ công đức ấy, trải qua chín mươi một kiếp không đọa vào các chốn địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, sinh ra trong cõi trời người thường có hình dung xinh đẹp, lại luôn được mọi người tự nhiên kính ngưỡng, cho đến nay được gặp Phật, xuất gia đắc đạo.”

Phật lại dạy rằng: “Người đi đường thuở ấy thay hoa tươi cúng Phật và quét dọn trong tháp, nay là tỳ-kheo Oai Đức đó.”

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## **SỨC MẠNH TỰ NHIÊN**

Lúc ấy, Phật ở thành Ca-tỳ-la-vệ, dưới gốc cây Ni-câu-đà. Trong thành có một trưởng giả vô cùng giàu có, lại chọn được người vợ thuộc dòng quý tộc, cuộc sống vô cùng hoan lạc, vui thú.

Không bao lâu người vợ có thai, rồi sinh được một bé trai bụ bẫm, to lớn khác thường, tự có sức lực mạnh mẽ lạ lùng. Cha mẹ liền mời thầy xem tướng, rồi nhân đó đặt tên là Đại Lực.

Khi đứa trẻ dần dần lớn lên, sức khỏe phi thường, không ai địch lại. Nhân có một lần đi chơi với chúng bạn, có đến chỗ cội cây Ni-câu-đà là nơi Phật ngự. Nhìn thấy đức Thế Tôn với ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, hào quang chiếu sáng quanh thân, oai nghi rực rỡ, Đại Lực liền sinh lòng kính tín, hoan hỷ lễ Phật rồi đứng sang một bên.

Phật thuyết pháp Tứ diệu đế cho nghe. Đại Lực nghe xong tâm ý khai mở, chứng quả Tu-đà-hoàn, liền quay về thưa với cha mẹ xin được xuất gia.

Cha mẹ yêu thương chẳng muốn trái ý, liền cùng dẫn đến chỗ Phật xin cho được xuất gia nhập đạo. Phật nói: “Lành thay đó, tỳ-kheo!” Tức thì, râu tóc tự nhiên rụng sạch, áo cà-sa hiện ra nơi thân, thành một vị sa-môn oai nghi đầy đủ. Chuyên

cần tu tập, chẳng bao lâu đắc quả A-La-hán, đủ Ba trí sáng, Sáu phép thần thông, Tám môn giải thoát, khắp cõi trời người ai gặp cũng đều kính trọng, ngưỡng mộ.

Chư tỳ-kheo thấy việc như vậy, thưa hỏi Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Vị tỳ-kheo Đại Lực này trước đã trồng những căn lành gì mà sinh ra có sức mạnh hơn người, lại được gặp Phật mà xuất gia đắc đạo?”

Phật bảo chư tỳ-kheo: “Các người hãy chú tâm lắng nghe, ta sẽ vì các người mà phân biệt giảng nói. Về thuở quá khứ cách đây chín mươi một kiếp, xứ Ba-la-nại có vị Phật ra đời hiệu là Tỳ-bà-thi. Hóa duyên đã mãn, Phật liền nhập Niết-bàn.

Bấy giờ có vị vua tên là Bàn-đầu-mạt-đế, thu gom xá-ly Phật rồi dựng bốn tòa tháp quý đặt vào trong để cúng dường. Bấy giờ có một người thấy những cảnh tháp oai nghiêm đó, sinh lòng kính tín, liền đứng ra hô hào, tụ tập nhiều người khác, chung sức lại mà dựng một cái công tháp rất uy nghiêm.

Nhờ công đức ấy, trải qua chín mươi một kiếp không đọa vào các nẻo địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, sinh ra trong cõi trời người thường có sức mạnh siêu phàm, lại cho đến nay được gặp Phật, xuất gia đắc đạo.”

Phật lại dạy rằng: “Người trưởng giả thuở ấy đứng ra kêu gọi, tổ chức việc xây dựng công tháp, nay là tỳ-kheo Đại Lực đó.”

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## **ĐƯỢC NGƯỜI YÊU MẾN**

Lúc ấy, Phật ở thành Ca-tỳ-la-vệ, dưới gốc cây Ni-câu-đà. Trong thành có một trưởng giả vô cùng giàu có, chọn người thuộc gia đình quý tộc mà cưới làm vợ, sống đời hoan lạc, vui thích.

Không bao lâu người vợ có thai, rồi sinh được một bé trai. Khi sinh ra hình dung xinh đẹp, đoan chánh hơn người, ai thấy cũng đều tự nhiên sinh lòng yêu mến.

Qua nhiều năm, đứa bé ấy lớn lên thành một chàng trai đỉnh đạc, dung mạo khôi ngô, tánh tình hiền hậu, lại càng được rất nhiều người yêu thương, mến mộ. Đến một hôm nọ, nhân cùng đi với các vị thân hữu đến lễ bái cúng dường Phật, nhìn thấy đức Thế Tôn với ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, hào quang chiếu sáng quanh thân, oai nghi rực rỡ thù thắng vô cùng, chàng trai liền lễ Phật rồi đứng sang một bên mà chiêm ngưỡng.

Khi ấy Phật thuyết pháp Tứ diệu đế cho nghe, chàng trai ấy liền thấy tâm ý được khai mở, đắc quả Tu-đà-hoàn. Về nhà, liền thưa với cha mẹ xin được xuất gia tu tập.

Cha mẹ nghe rồi, do lòng thương không muốn trái ý con, liền cùng đi đến chỗ Phật xin cho con xuất gia. Phật nói: “Lành thay đó, tỳ-kheo!” Tức thì, râu tóc tự nhiên rụng sạch, áo cà-sa hiện ra nơi thân, thành một vị sa-môn oai nghi đầy đủ. Chuyên cần tu tập, chẳng bao lâu đắc quả A-La-hán, đủ Ba trí sáng, Sáu phép thần thông, Tám môn giải thoát, khắp cõi trời người ai gặp cũng đều kính trọng, ngưỡng mộ.

Chư tỳ-kheo thấy việc như vậy, thưa hỏi Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Vị tỳ-kheo này trước đã trồng những căn lành gì mà nay sinh ra tự nhiên được hết thấy mọi người yêu thương mến mộ, lại được gặp Phật mà xuất gia đắc đạo?”

Phật bảo chư tỳ-kheo: “Các người hãy chú tâm lắng nghe, ta sẽ vì các người mà phân biệt giảng nói. Về thuở quá khứ cách đây chín mươi một kiếp, xứ Ba-la-nại có vị Phật ra đời hiệu là Tỳ-bà-thi. Hóa duyên đã mãn, Phật liền nhập Niết-bàn.

Bấy giờ có vị vua tên là Bàn-đầu-mạt-đế, thu gom xá-ly Phật rồi dựng bốn tòa tháp quý, đặt vào bên trong để cúng dường. Về sau, trải qua một thời gian rất lâu, nắng mưa thay đổi làm cho tháp ấy có đôi chỗ bị đổ sụp. Bấy giờ có một cậu bé vào tháp lễ bái, thấy sự hư hỏng như vậy thì không đành lòng. Sức cậu không làm nổi, nên liền đi hô hào, vận động rất nhiều người khác cùng chung sức mà tu sửa lại ngôi tháp. Cậu bé làm việc ấy, giúp cho nhiều người cùng tham gia vào việc tu sửa tháp mà đều được hưởng phước báu, nên bản thân cậu từ đó đến nay trải qua chín mươi một kiếp, không đọa vào các chốn địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, khi sinh ra trong cõi trời người thường được mọi người yêu mến, tin phục. Cho đến ngày nay lại được gặp Phật, xuất gia đắc đạo.”

Phật lại dạy rằng: “Cậu bé thuở trước đứng ra vận động mọi người cùng góp công sức tu sửa tháp Phật, nay là vị tỳ-kheo được hết thảy mọi người yêu mến đó.”

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thảy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## **LỌNG QUÝ CHE TRÊN ĐẦU**

Lúc ấy, Phật ở thành Ca-tỳ-la-vệ, dưới gốc cây Ni-câu-đà. Trong thành có một trưởng giả vô cùng giàu có, chọn một người vợ thuộc dòng quý tộc, chung sống với nhau vô cùng hòa hợp.

Không bao lâu người vợ có thai, rồi sinh được một bé trai hình dung xinh đẹp, cốt cách hơn người. Khi sinh ra, tự nhiên trên đầu hóa hiện một cái lõng quý có gắn ngọc ma-ni, chiếu sáng rực rỡ. Cái lõng quý ấy tuy che ngay trên đầu đứa trẻ, nhưng nó lớn đến nỗi cả thành đều được che mát, mọi người trong thành đều trông thấy. Nhân có điềm lành ấy, cha mẹ liền đặt tên cho là Bảo Cái, nghĩa là cái lõng quý.

Khi lớn lên, đi chơi theo chúng bạn, có đến chỗ cội cây Ni-câu-đà là nơi Phật ngự. Nhìn thấy đức Thế Tôn với ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, hào quang chiếu sáng quanh thân, oai nghi rực rỡ, Bảo Cái liền sinh lòng kính tín, hoan hỷ lễ Phật rồi đứng sang một bên.

Phật thuyết pháp Tứ diệu đế cho nghe. Bảo Cái nghe xong tâm ý khai mở, chứng quả Tu-đà-hoàn, liền quay về xin cha mẹ cho mình xuất gia tu học.

Cha mẹ yêu thương chẳng muốn trái ý, liền cùng dẫn đến chỗ Phật xin cho được xuất gia nhập đạo. Phật nói: “Lành thay đó, tỳ-kheo!” Tức thì, râu tóc tự nhiên rụng sạch, áo cà-sa hiện ra nơi thân, thành một vị sa-môn oai nghi đầy đủ. Chuyên cần tu tập, chẳng bao lâu đắc quả A-La-hán, đủ Ba trí sáng, Sáu phép thần thông, Tám môn giải thoát, khắp cõi trời người ai gặp cũng đều kính trọng, ngưỡng mộ.

Chư tỳ-kheo thấy việc như vậy, thưa hỏi Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Vị tỳ-kheo Bảo Cái này trước đã trồng những căn lành gì mà sinh ra có điềm lành hiển hiện, lọng quý che trên đầu, rồi nay lại được gặp Phật mà xuất gia chưa bao lâu đã được đắc đạo?”

Phật bảo chư tỳ-kheo: “Các người hãy chú tâm lắng nghe, ta sẽ vì các người mà phân biệt giảng nói. Về thuở quá khứ cách đây chín mươi một kiếp, xứ Ba-la-nại có vị Phật ra đời hiệu là Tỳ-bà-thi. Hóa duyên đã mãn, Phật liền nhập Niết-bàn.

Bấy giờ có vị vua tên là Bàn-đầu-mạt-đế, thu gom xá-ly Phật rồi dựng bốn tòa tháp quý đặt vào trong đẽ cúng dường. Bấy giờ có một người thương gia đi ra biển mà tìm trân bảo, được bình an quay về liền đến lễ bái cúng dường tháp Phật. Người ấy lấy một hạt châu ma-ni cực kỳ quý giá mà gắn lên đỉnh tháp để cúng dường.

Nhờ công đức ấy, trải qua chín mươi một kiếp người ấy không đọa vào các nẻo ác, lại khi sinh ra trong cõi trời người thường có lọng quý hiển hiện che trên đầu, cho đến nay được gặp Phật, xuất gia đắc đạo.”

Phật lại dạy rằng: “Người thương gia thuở ấy lấy ngọc ma-ni cực quý mà cúng dường tháp Phật, nay là tỳ-kheo Bảo Cái đó.”

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## **TIẾNG NÓI ÊM DỊU**

Lúc ấy, Phật ở thành Ca-tỳ-la-vệ, dưới gốc cây Ni-câu-đà. Trong thành có một trưởng giả vô cùng giàu có, cưới một người vợ thuộc gia đình quý tộc, sống đời hoan lạc, vui thích.

Không bao lâu người vợ có thai, rồi sinh được một bé trai, hình dung xinh đẹp đáng yêu. Lớn lên, mỗi khi nói ra điều gì thì tiếng nói êm dịu ai cũng muốn nghe, nghe rồi đều tin phục. Cha mẹ thấy vậy mới chọn tên là Diệu Thanh.

Ngày kia, nhân cùng đi với các vị thân hữu đến lễ bái cúng dường Phật, nhìn thấy đức Thế Tôn với ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, hào quang chiếu sáng quanh thân, oai nghi rực rỡ thù thắng vô cùng, Diệu Thanh liền sinh lòng tín kính, lễ Phật rồi đứng sang một bên mà chiêm ngưỡng.

Khi ấy Phật thuyết pháp Tứ diệu đế cho nghe, Diệu Thanh liền thấy tâm ý được khai mở, đắc quả Tu-đà-hoàn. Về nhà, liền thưa với cha mẹ xin được xuất gia tu tập.

Cha mẹ nghe rồi, do lòng thương không muốn trái ý con, liền cùng đi đến chỗ Phật xin cho con xuất gia. Phật nói: “Lành thay đó, tỳ-kheo!” Tức thì, râu tóc tự nhiên rụng sạch, áo cà-sa hiện ra nơi thân, thành một vị sa-môn oai nghi đầy đủ. Chuyên cần tu tập, chẳng bao lâu đắc quả A-La-hán, đủ Ba trí sáng, Sáu phép thần thông, Tám môn giải thoát, khắp cõi trời người ai gặp cũng đều kính trọng, ngưỡng mộ.

Chư tỳ-kheo thấy việc như vậy, thưa hỏi Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo Diệu Thanh trước đã trồng những căn lành gì mà nay sinh ra tiếng nói được êm dịu dễ nghe, khiến người tin phục, lại được gặp Phật, xuất gia đắc đạo?”

Phật bảo chư tỳ-kheo: “Các người hãy chú tâm lắng nghe, ta sẽ vì các người mà phân biệt giảng nói. Về thuở quá khứ cách đây chín mươi một kiếp, xứ Ba-la-nại có vị Phật ra đời hiệu là Tỳ-bà-thi. Hóa duyên đã mãn, Phật liền nhập Niết-bàn.

Bấy giờ có vị vua tên là Bàn-đầu-mạt-đế, thu gom xá-ly Phật rồi dựng bốn tòa tháp quý cao đến một do-tuần, đặt vào bên trong để cúng dường. Khi ấy có một người nhìn thấy tháp Phật, sinh lòng tín kính, hoan hỷ vô cùng, liền dùng đủ các thứ âm nhạc hay lạ, êm dịu trời lên mà cúng dường. Nhờ công đức ấy, trải qua chín mươi một kiếp không đọa vào các chốn địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, khi sinh ra trong cõi trời người thường có tiếng nói êm dịu dễ nghe, được mọi người yêu mến, tin phục. Cho đến ngày nay lại được gặp Phật, xuất gia đắc đạo.”

Phật lại dạy rằng: “Người dùng âm nhạc cúng dường tháp Phật ngày trước, nay là tỳ-kheo Diệu Thanh đó.”

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.



---o0o---

## MỘT BỌC TRĂM CON

Lúc ấy, Phật ở thành Ca-tỳ-la-vệ, dưới gốc cây Ni-câu-đà. Trong thành có một trưởng giả vô cùng giàu có, chọn một người vợ thuộc dòng quý tộc, sống với nhau vui vẻ, đầm ấm.

Không bao lâu người vợ có thai. Đến kỳ sinh nở, lại sinh ra một bọc thịt lớn. Vị trưởng giả ấy trong lòng sầu khổ, lo lắng, liền đi đến chỗ Phật, lễ bái rồi thưa hỏi rằng: “Bạch Thế Tôn! Người vợ của con sinh ra một bọc thịt lớn, chẳng biết điều ấy lành dữ thế nào. Mong Phật từ bi nói cho được biết.”

Phật nói: “Người chớ sinh lòng nghi ngại, chỉ nên cố gắng mà bảo dưỡng lấy. Sự việc thế nào, trong vòng bảy ngày người sẽ tự biết.”

Trưởng giả nghe vậy lấy làm yên tâm, liền lễ Phật ra về.

Bọc thịt ấy ngày ngày tự nhiên lớn nhanh như thổi, đủ bảy ngày liền tự nhiên xé rách, bên trong chui ra một trăm đứa bé trai, hình thể thấy đều xinh đẹp, khẩu khinh.

Một trăm đứa trẻ ấy lớn lên, khi ăn khi chơi nhất nhất đều gắn bó thân thiết cùng nhau. Cho đến ngày kia, cùng đi đến chỗ cội cây Ni-câu-đà mà lễ Phật. Được nhìn thấy đức Thế Tôn đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, hào quang chiếu sáng quanh thân, oai nghi rực rỡ thù thắng vô cùng, tất cả đều sinh lòng hoan hỷ, tín kính, cùng nhau lễ bái rồi đứng sang một bên nghe pháp.

Phật thuyết pháp Tứ diệu đế cho nghe, một trăm người con ấy liền đồng loạt chứng quả Tu-đà-hoàn, quay về thưa với cha mẹ xin được xuất gia tu học.

Cha mẹ yêu thương chẳng muốn trái ý, liền dẫn tất cả đến chỗ Phật xin cho xuất gia nhập đạo. Phật nói: “Lành thay đó, tỳ-kheo!” Tức thì, tất cả râu tóc tự nhiên rụng sạch, áo cà-sa hiện ra nơi thân, thành một trăm vị sa-môn oai nghi đầy đủ. Chuyên cần tu tập, chẳng bao lâu đều đắc quả A-La-hán, đủ Ba trí sáng, Sáu phép

thần thông, Tám môn giải thoát, khắp cõi trời người ai gặp cũng đều kính trọng, ngưỡng mộ.

Chư tỳ-kheo thấy việc như vậy, thưa hỏi Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Một trăm vị tỳ-kheo này trước đã trông những căn lành gì mà anh em cả trăm người cùng sinh ra một lúc, nay được gặp Phật mà xuất gia, chưa bao lâu đã được đắc đạo?”

Phật bảo chư tỳ-kheo: “Các người hãy chú tâm lắng nghe, ta sẽ vì các người mà phân biệt giảng nói. Về thuở quá khứ cách đây chín mươi một kiếp, xứ Ba-la-nại có vị Phật ra đời hiệu là Tỳ-bà-thi. Hóa duyên đã mãn, Phật liền nhập Niết-bàn.

“Bấy giờ có vị vua tên là Bàn-đầu-mạt-đế, thu gom xá-ly Phật rồi dựng bốn tòa tháp quý đặt vào trong để cúng dường. Bấy giờ có một trăm người sống chung trong một làng kia, cùng nhau mang hương đèn, hoa quả đến lễ bái cúng dường tháp Phật. Cúng dường xong, tất cả đồng phát nguyện rằng: ‘Nhờ công đức cúng dường này, trong đời vị lai tất cả chúng tôi nguyện sinh làm anh em một nhà, khuyến khích nhau cùng tu tập.’”

Phật lại bảo chư tỳ-kheo: “Một trăm người đồng hương thuở ấy cùng cúng dường Phật, nay là một trăm vị tỳ-kheo này đây. Do công đức cúng dường và nguyện lực ngày ấy, trải qua chín mươi một, các vị đều không phải đọa vào các đường ác như địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, lại trong cõi trời người đều cùng sinh ra một lúc, cùng hưởng những khoái lạc, phước báu. Cho đến nay được gặp Phật, cùng nhau xuất gia đắc đạo.”

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## **HẠT CHÂU TRÊN ĐỈNH ĐÀU**

Lúc ấy, Phật ở thành Ca-tỳ-la-vệ, dưới gốc cây Ni-câu-đà. Trong thành có một trưởng giả vô cùng giàu có, lại chọn được người vợ thuộc dòng quý tộc, sống với nhau vô cùng hoan lạc, vui thú.

Không bao lâu người vợ có thai, rồi sinh được một bé trai hình dung xinh đẹp, trên đỉnh đầu tự nhiên có một hạt châu ma-ni quý báu. Nhân đó, cha mẹ mới đặt tên là Bảo Châu.

Khi lớn lên, có một lần đi chơi với chúng bạn, đến chỗ cội cây Ni-câu-đà là nơi Phật ngự. Nhìn thấy đức Thế Tôn với ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, hào quang chiếu sáng quanh thân, oai nghi rực rỡ, Bảo Châu liền sinh lòng kính tín, hoan hỷ lễ Phật rồi đứng sang một bên.

Phật thuyết pháp Tứ diệu đế cho nghe. Bảo Châu nghe xong tâm ý khai mở, chứng quả Tu-đà-hoàn, liền quay về thưa với cha mẹ xin được xuất gia.

Cha mẹ yêu thương chẳng muốn trái ý, liền cùng dẫn đến chỗ Phật xin cho được xuất gia nhập đạo. Phật nói: “Lành thay đó, tỳ-kheo!” Tức thì, râu tóc tự nhiên rụng sạch, áo cà-sa hiện ra nơi thân, thành một vị sa-môn oai nghi đầy đủ. Chuyên cần tu tập, chẳng bao lâu đắc quả A-La-hán, đủ Ba trí sáng, Sáu phép thần thông, Tám môn giải thoát, khắp cõi trời người ai gặp cũng đều kính trọng, ngưỡng mộ.

Tỳ-kheo Bảo Châu mỗi khi vào thành khát thực, có rất nhiều người tranh nhau đi theo để xem hạt châu quý trên đỉnh đầu. Bảo Châu lấy làm hổ thẹn, liền bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Trên đầu con từ nỏ sinh ra sẵn có hạt châu quý, chẳng thể gỡ bỏ. Nay đã là người xuất gia mà mỗi khi khát thực đều có rất nhiều người tranh nhau đi theo xem thật là bất tiện. Xin Phật vì con mà trừ bỏ.”

Phật dạy rằng: “Người chỉ cần nói với hạt châu ấy rằng: ‘Từ nay đến cuối đời này ta chẳng cần người nữa.’ Nói như vậy ba lần, hạt châu ấy sẽ tự mất.”

Bảo Châu theo lời dạy của Phật mà nói với hạt châu như vậy. Quả nhiên, liền tự dung biến mất.

Chư tỳ-kheo thấy việc như vậy, thưa hỏi Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Vị tỳ-kheo Bảo Châu này trước đã trồng những căn lành gì mà sinh ra tự nhiên có hạt châu quý trên đỉnh đầu, lại được gặp Phật mà xuất gia đắc đạo?”

Phật bảo chư tỳ-kheo: “Các người hãy chú tâm lắng nghe, ta sẽ vì các người mà phân biệt giảng nói. Về thuở quá khứ cách đây chín mươi một kiếp, xứ Ba-la-nại có vị Phật ra đời hiệu là Tỳ-bà-thi. Hóa duyên đã mãn, Phật liền nhập Niết-bàn.

Bấy giờ có vị vua tên là Bàn-đầu-mạt-đế, thu gom xá-ly Phật rồi dựng bốn tòa tháp quý cao đến một do-tuần, đặt vào trong để cúng dường. Bấy giờ có một người con của vua ấy vào tháp lễ bái, mang theo một hạt châu ma-ni quý giá, đem gắn lên phía trên nơi cửa trước của tháp. Nhờ công đức ấy, trải qua chín mươi một kiếp không đọa vào các nẻo địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, sinh ra trong cõi trời người thường có hạt châu ma-ni quý giá tự nhiên hiện ra nơi đỉnh đầu, lại cho đến nay được gặp Phật, xuất gia đắc đạo.”

Phật lại dạy rằng: “Vị vương tử thuở ấy cúng dường hạt châu ma-ni trên cửa tháp, nay là tỳ-kheo Bảo Châu đó.”

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## **TRANG NGHIÊM THÁP PHẬT**

Lúc ấy, Phật ở thành Ca-tỳ-la-vệ, dưới gốc cây Ni-câu-đà. Trong thành có một trưởng giả vô cùng giàu có, chọn một người vợ thuộc dòng quý tộc, chung sống với nhau vô cùng hòa hợp.

Không bao lâu người vợ có thai, rồi sinh được một bé trai hình dung xinh đẹp, cốt cách hơn người. Ngày đưa bé sinh ra, tự nhiên trên không trung hóa hiện một cái lọng quý rất lớn, che phủ khắp thành Ca-tỳ-la-vệ. Nhân đó mới đặt tên là Ba-đa-ca.

Khi lớn lên, đi chơi theo chúng bạn, có đến chỗ cội cây Ni-câu-đà là nơi Phật ngự. Nhìn thấy đức Thế Tôn với ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, hào quang chiếu sáng quanh thân, oai nghi rực rỡ, Ba-đa-ca liền sinh lòng kính tín, hoan hỷ lễ Phật rồi đứng sang một bên.

Phật thuyết pháp Tứ diệu đế cho nghe. Ba-đa-ca nghe xong tâm ý khai mở, chứng quả Tu-đà-hoàn, liền quay về xin cha mẹ cho mình xuất gia tu học.

Cha mẹ yêu thương chẳng muốn trái ý, liền cùng dẫn đến chỗ Phật xin cho được xuất gia nhập đạo. Phật nói: “Lành thay đó, tỳ-kheo!” Tức thì, râu tóc tự nhiên rụng sạch, áo cà-sa hiện ra nơi thân, thành một vị sa-môn oai nghi đầy đủ. Chuyên cần tu tập, chẳng bao lâu đắc quả A-La-hán, đủ Ba trí sáng, Sáu phép thần thông, Tám môn giải thoát, khắp cõi trời người ai gặp cũng đều kính trọng, ngưỡng mộ.

Chư tỳ-kheo thấy việc như vậy, thưa hỏi Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Vị tỳ-kheo Ba-đa-ca này trước đã trồng những căn lành gì mà sinh ra hình dung xinh đẹp, lại có điềm lành hiển hiện, lọng quý che phủ khắp thành, rồi nay lại được gặp Phật mà xuất gia chưa bao lâu đã được đắc đạo?”

Phật bảo chư tỳ-kheo: “Các người hãy chú tâm lắng nghe, ta sẽ vì các người mà phân biệt giảng nói. Về thuở quá khứ cách đây chín mươi một kiếp, xứ Ba-la-nại có vị Phật ra đời hiệu là Tỳ-bà-thi. Hóa duyên đã mãn, Phật liền nhập Niết-bàn.

Bấy giờ có vị vua tên là Bàn-đầu-mạt-đế, thu gom xá-ly Phật rồi dựng bốn tòa tháp quý cao đến một do-tuần, đặt vào trong để cúng dường. Bấy giờ có một người đứng ra thiết lễ cúng dường rất lớn nơi tháp ấy. Cúng dường xong, lại làm một lá phướn rất đẹp, cực kỳ to lớn, dài rộng, rồi đem treo ở phía trước tháp để thêm phần trang nghiêm. Nhờ công đức ấy, trải qua chín mươi một kiếp người ấy không đọa vào các nơi địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, lại mỗi khi sinh ra trong cõi trời người, thường có lọng quý hiển hiện che phủ cả vùng nơi ấy, cho đến nay được gặp Phật, xuất gia đắc đạo.”

Phật lại dạy rằng: “Người làm lá phướn đẹp để cúng dường trang nghiêm tháp Phật vào thuở ấy, nay là tỳ-kheo Ba-đa-ca đó.”

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

**PHẨM THỨ TÁM : CÁC VỊ TỖ-KHEO NI - ÁNH SÁNG KHI RA ĐỜI**

Lúc ấy, Phật ở gần thành Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp Cô Độc. Trong thành có một người trưởng giả giàu có vô cùng, tên là Thiện Hiền. Người ấy chọn được người vợ cũng thuộc dòng hào phú, cùng nhau chung sống rất ấm êm, hạnh phúc.

Không bao lâu người vợ có thai, sinh được một bé gái hình dung đoan chánh, xinh đẹp hơn người. Khi sinh ra, trên đỉnh đầu tự nhiên có một hạt châu quý giá, tỏa ánh sáng chiếu khắp thành nội. Nhân có điềm lành ấy, cha mẹ liền đặt tên cho là Bảo Quang.

Cô bé Bảo Quang dần dần khôn lớn, tánh tình hiền hậu, nhu mì, hay thương người, lại chuộng việc bổ thí cho những người cùng khổ. Đến như hạt châu trên đỉnh đầu, khi có người đến xin cũng liền gỡ ra cho. Nhưng cứ gỡ ra rồi, thì nơi ấy lại sinh ra một hạt châu khác cũng giống như cũ.

Cha mẹ thấy con có lòng ưa chuộng việc bổ thí thì vui mừng lắm, liền dẫn đến chỗ Phật để lễ bái và nghe thuyết pháp. Khi ấy, Bảo Quang nhìn thấy Phật thì trong lòng vô cùng hoan hỷ, liền xin xuất gia tu tập. Phật nói: “Lành thay đó, tỳ-kheo ni!” Tức thì, tóc trên đầu tự nhiên rụng sạch, áo cà-sa hiện ra nơi thân, thành một vị tỳ-kheo ni oai nghi đầy đủ. Chuyên cần tu tập, chẳng bao lâu đắc quả A-La-hán, đủ Ba trí sáng, Sáu phép thần thông, Tám môn giải thoát, khắp cõi trời người ai gặp cũng đều kính trọng, ngưỡng mộ.

Bấy giờ, chư tỳ-kheo thấy vậy liền thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo ni Bảo Quang trước đây đã tạo phước đức như thế nào, mà nay khi sinh ra trên đầu tự nhiên có hạt châu quý, lại được gặp Phật, xuất gia đắc đạo?”

Phật bảo chư tỳ-kheo: “Các người hãy chú tâm lắng nghe, ta sẽ vì các người mà phân biệt giảng nói. Về thuở quá khứ cách đây chín mươi một kiếp, xứ Ba-la-nại có vị Phật ra đời hiệu là Tỳ-bà-thi. Hóa duyên đã mãn, Phật liền nhập Niết-bàn.

Bấy giờ có vị vua tên là Phạm-ma-đạt-đa, thu gom xá-lỵ Phật rồi dựng bốn tòa tháp quý, đặt vào trong để cúng dường. Bấy giờ có một người vào cúng dường trong tháp ấy, mang theo một hạt châu rất quý giá, đem gắn lên phía trên nơi cổng tháp

mà cúng dường. Nhờ công đức ấy, trải qua chín mươi mốt kiếp người ấy không đọa vào các nẻo ác, lại mỗi khi sinh ra thường có hạt châu quý tự nhiên hiển hiện, được hưởng nhiều khoái lạc trong chốn trời người, cho đến nay được gặp Phật, xuất gia đắc đạo.”

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

### **NGƯỜI LUÔN NO ĐỦ**

Lúc ấy, Phật ở gần thành Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp Cô Độc. Trong thành có một người trưởng giả giàu có vô cùng, tên là Tu-già. Người ấy cưới vợ thuộc dòng hào phú, sống cùng nhau hoan lạc, vui thích.

Không bao lâu người vợ có thai, sinh được một bé gái. Vừa sinh ra liền biết nói. Trong nhà lại tự nhiên hóa hiện đầy đủ trăm món thức ăn. Cha mẹ thấy vậy trong lòng lo sợ, cho rằng chẳng phải thân người, chắc là loài quỷ Tỳ-xá-xà hiển hiện. Nghĩ vậy rồi, chẳng ai dám đến gần.

Đứa bé mới sinh ấy thấy cha mẹ sợ sệt, lo lắng, liền ứng khẩu đọc kệ nói với mẹ rằng:

Xin mẹ nghe con nói,

Lời ngay thẳng chân thật.

Chẳng phải Tỳ-xá-xà,

Hoặc các loài quỷ dữ.

Thân con thật là người,

Nhờ nghiệp lành tích tụ,

Nhân duyên tu phước thiện,

Nên được quả báo lành.

Khi ấy, cha mẹ nghe đọc kệ rồi, trong lòng vui mừng khôn xiết, liền đến ôm lấy con, thương yêu nuôi nấng, đặt tên là Thiện Ái.

Khi ấy, Thiện Ái thấy cha mẹ đã vui mừng, không còn lo lắng nữa, liền chấp tay thưa rằng: “Xin cha mẹ vì con mà thỉnh Phật và chư tăng đến cúng dường.”

Cha mẹ theo lời, thỉnh Phật và chư tăng đến. Liền khi ấy, trăm thứ thức ăn đều tự nhiên hiện ra đầy đủ. Cúng dường xong, Thiện Ái liền đối trước Phật cầu được nghe pháp. Phật thuyết pháp Tứ diệu đế, cô nghe xong liền đắc quả Tu-đà-hoàn. Đến khi lớn lên, cô liền thưa cha mẹ xin được xuất gia tu tập.

Cha mẹ hết lòng yêu thương, không muốn trái ý, liền dẫn đến chỗ Phật mà cầu cho cô xuất gia. Phật nói: “Lành thay đó, tỳ-kheo ni!” Tức thì, tóc trên đầu tự nhiên rụng sạch, áo cà-sa hiện ra nơi thân, thành một vị tỳ-kheo ni oai nghi đầy đủ. Chuyên cần tu tập, chẳng bao lâu đắc quả A-La-hán, đủ Ba trí sáng, Sáu phép thần thông, Tám môn giải thoát, khắp cõi trời người ai gặp cũng đều kính trọng, ngưỡng mộ.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn cùng với 1.250 vị tỳ-kheo đi giáo hóa ở một vùng xa xôi, đến giờ thọ trai chẳng gọt xóm làng thành thị gì cả. Phật gọi tỳ-kheo ni Thiện Ái đến, bảo rằng: “Hôm nay con nên cúng dường Phật và chư tăng các món ăn thức uống.”

Tỳ-kheo ni Thiện Ái liền vâng lời, đón lấy bình bát của Phật đưa ra khoảng không. Các món ăn ngon lạ liền tự nhiên hiện ra đầy đủ trong bình bát. Rồi cô lần lượt nhận lấy bát của tất cả các vị tỳ-kheo, chỉ cầm trong tay đưa ra thì tự nhiên hiện đủ các món ăn trong bát.

Ngài A-nan thấy vậy khen là việc chưa từng có, liền thưa hỏi rằng: “Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo ni Thiện Ái trước đây đã tạo phước đức như thế nào, mà nay sinh ra



có khả năng kỳ diệu như vậy, chỉ nghĩ đến là thức ăn tự nhiên hiển hiện, chẳng bao giờ phải đói thiếu, lại được gặp Phật, xuất gia đắc đạo?”

Phật bảo A-nan: “Người hãy chú tâm lắng nghe, ta sẽ vì người mà phân biệt giảng nói. Vào giữa Hiền kiếp này, xứ Ba-la-nại có vị Phật ra đời hiệu là Ca-diếp.

“Một hôm, Phật và chư tỳ-kheo cùng đắp y, mang bình bát vào thành khát thực, đến nhà một vị trưởng giả kia. Khi ấy, vị trưởng giả đang chuẩn bị đãi khách. Các món ăn ngon quý đều dọn sẵn, nhưng khách mời chưa đến. Có người hầu gái của ông trưởng giả, thấy Phật và chư tăng đi khát thực đến ngang nhà, liền vào mang hết những thức ăn ấy ra mà cúng dường.

“Đến khi quan khách đến, trưởng giả sai dọn thức ăn, người hầu gái thưa rằng: “Hôm nay có Phật và chư tăng khát thực qua nhà, tôi đã mang hết thức ăn mà cúng dường rồi.” Vị trưởng giả nghe rồi liền vui mừng khen ngợi, nói rằng: “Người thật có thiện tâm, biết làm việc cúng dường bố thí, thật đáng khen lắm. Nay ta cho người được tự do không phải làm thân tôi tớ nữa, tùy ý muốn đi đâu cũng được.”

Người hầu gái nói: “Nếu thật được tự do, tôi xin được xuất gia tu tập.” Ông trưởng giả vui vẻ chấp thuận. Người hầu gái ấy liền xuất gia theo Phật, thành tỳ-kheo ni. Từ đó về sau đến một vạn năm luôn chuyên cần tu tập. Nhờ vậy không bị đọa vào các nẻo dữ, lại mỗi khi sinh ra trong chón trời người, các món ăn ngon quý đều tự nhiên hiện đến.

Phật lại dạy rằng: “Người hầu gái xuất gia tu tập thuở ấy, nay là tỳ-kheo ni Thiện Ái. Nhờ chuyên cần giữ giới, tu tập, nên đến nay được gặp Phật, xuất gia đắc đạo.”

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

**ÁO TRẮNG TỰ NHIÊN SINH**

Lúc ấy, Phật ở thành Ca-tỳ-la-vệ, dưới gốc cây Ni-câu-đà. Trong thành có một trưởng giả vô cùng giàu có, chọn được người thuộc gia đình hào tộc mà cưới làm vợ.

Không bao lâu người vợ có thai, rồi sinh được một bé gái xinh đẹp đoan trang. Khi sinh ra, thân thể có một tấm áo trắng tinh sạch bao quanh. Nhân đó mới đặt tên là Bạch Tịnh.

Ngày càng khôn lớn, tấm áo trắng cũng tự nhiên lớn theo với thân hình, lại lúc nào cũng tự nhiên tinh sạch, chẳng phải phiền người giặt giũ.

Khi đã trưởng thành, Bạch Tịnh thưa với cha mẹ rằng: “Con nay chẳng tham luyến vinh hoa phú quý nơi trần thế, xin cha mẹ cho con được xuất gia tu tập.”

Cha mẹ hết lòng yêu thương, không muốn trái ý, liền đưa đến chỗ Phật cầu xin xuất gia. Phật nói: “Lành thay đó, tỳ-kheo ni!” Tức thì, tóc trên đầu tự nhiên rụng sạch, áo trắng nơi thân hóa thành cà-sa, nghiêm nhiên thành một vị tỳ-kheo ni oai nghi đầy đủ.

Ngài A-nan thấy vậy liền thưa hỏi rằng: “Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo ni Bạch Tịnh trước đây đã tạo phước đức như thế nào, mà nay sinh ra có áo trắng tinh sạch bao quanh thân, lại được gặp Phật, xuất gia chưa bao lâu đã thành đạo quả?”

Phật bảo A-nan: “Người hãy chú tâm lắng nghe, ta sẽ vì người mà phân biệt giảng nói. Vào giữa Hiền kiếp này, xứ Ba-la-nại có vị Phật ra đời hiệu là Ca-diếp, cùng với các vị tỳ-kheo đi du hành giáo hóa nhiều nơi. Bấy giờ, có người con gái được nhìn thấy Phật với chư tăng sinh lòng hoan hỷ, tín kính, liền lấy một tấm vải đẹp mà cúng dường. Nhờ công đức ấy, mỗi khi sinh ra đều có áo trắng sạch bao quanh thân, lại cho đến nay gặp Phật, xuất gia đắc đạo.”

Phật lại bảo A-nan rằng: “Người con gái cúng dường tấm vải thuở ấy, nay là tỳ-kheo ni Bạch Tịnh đó.”

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## CÓ TÀI HÙNG BIỆN

Lúc ấy, Phật ở gần thành Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp Cô Độc. Trong thành có một người bà-la-môn tên là Phạm-ma, có tài hùng biện, học rộng nghe nhiều, giảng giải bốn bộ kinh Phệ-đà của đạo bà-la-môn đều thông thạo.

Ông trưởng giả ấy cưới được một người vợ con nhà hào phú, chẳng bao lâu thì sinh được một bé gái dung mạo đoan trang, xinh đẹp hơn người, đặt tên là Tu-mạn.

Cô gái ấy lớn lên rồi, có tài biện luận không kém gì cha, lại thêm trí nhớ siêu việt, nghe qua điều gì liền nhớ được mãi. Mỗi khi người cha cùng các vị bà-la-môn cao tuổi luận bàn, cô đứng bên nghe qua rồi ghi nhớ hết. Nhờ vậy mà khi cô trưởng thành, trở thành một người nghe nhiều học rộng còn hơn cả cha cô.

Khi cô nghe biết đức Phật Thế Tôn đang ở tại thành Xá-vệ, cô liền tìm đến lễ bái. Khi nhìn thấy Phật với ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, hào quang chiếu sáng quanh thân, oai nghi rực rỡ thù thắng vô cùng, lòng cô sinh ra tin phục, chí thành lễ bái rồi đứng sang một bên. Phật liền thuyết pháp Tứ diệu đế cho cô nghe. Nghe xong, cô thấy tâm ý khai mở, đắc quả thánh Tu-đà-hoàn, liền lạy Phật xin xuất gia tu tập. Phật nói: “Lành thay đó, tỳ-kheo ni!” Tức thì, tóc trên đầu tự nhiên rụng sạch, áo cà-sa hiện ra nơi thân, thành một vị tỳ-kheo ni oai nghi đầy đủ. Chuyên cần tu tập, chẳng bao lâu đắc quả A-La-hán.

Ngài A-nan thấy vậy liền thưa hỏi rằng: “Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo ni Tu-mạn trước đây đã tạo phước đức như thế nào, mà nay sinh ra tuy làm thân nữ lại được nghe nhiều biết rộng, có tài biện thuyết chẳng ai bằng, lại được gặp Phật, xuất gia đắc đạo?”

Phật bảo A-nan: “Ngươi hãy chú tâm lắng nghe, ta sẽ vì ngươi mà phân biệt giảng nói. Vào giữa Hiền kiếp này, xứ Ba-la-nại có vị Phật ra đời hiệu là Ca-diếp, giáo hóa đã xong, liền nhập Niết-bàn.

“Cho đến thời tượng pháp của Phật ấy, có vị tỳ-kheo ni thường đi thuyết giảng, giáo hóa nhiều nơi, chuyên cần rất mực, lại phát lời nguyện lớn rằng: ‘Trong đời vị lai, khi đức Phật Thích-ca Mâu-ni ra đời, tôi nguyện sinh ra mà thuyết giảng những kinh điển do Phật ấy truyền dạy.’ Do nguyện lực ấy, từ đó về sau sinh ra trong cõi trời người đều được thông minh xuất chúng, biện tài hơn người.”

Phật lại nói rằng: “Này A-nan! Vị tỳ-kheo siêng năng thuyết pháp giáo hóa độ sinh thuở ấy, nay chính là tỳ-kheo ni Tu-mạn, nghe nhiều hiểu rộng, có tài hùng biện đó.”

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## VŨ NỮ XIN XUẤT GIA

Lúc ấy, Phật ở gần thành Vương-xá, trong tinh xá Trúc Lâm. Bấy giờ, các vị trưởng giả trong thành tụ tập nhau lại tổ chức một lễ hội vui chơi rất linh đình, có ca múa vũ nhạc giúp vui nhộn nhịp lắm.

Có hai vợ chồng kia vốn là vũ sư từ phương nam đến, cũng dự hội vui này, mang theo một cô con gái tên là Thanh Liên Hoa, dáng vẻ xinh đẹp uyển chuyển, nhan sắc hơn người, lại thêm thông minh trí tuệ, ứng đối khéo léo.

Cô Thanh Liên Hoa ấy chẳng những giỏi nghề ca múa không thôi, cô còn nhiều tài nghệ khéo léo khác, lại thông bác hết thảy các kinh luận của các luận sư đương thời. Vì vậy, lòng cô cao ngạo lắm. Cô cho rằng thế gian này không có ai tài hoa, khéo léo và xinh đẹp như cô.

Sau khi trình bày những vũ điệu rất khéo léo, tài tình, làm lôi cuốn hết thảy những người đến xem hội, cô Thanh Liên Hoa mới lên tiếng hỏi một cách ngạo mạn rằng: “Xin hỏi quý vị, ở thành Vương-xá này có ai có thể xem là tài hoa như tôi đây chăng? Có ai có thể khéo biện giải kinh luận hơn tôi chăng?”

Trong số người xem hội, có người nói rằng: “Có đức Phật Thế Tôn ở tinh xá Trúc Lâm có thể giảng giải những chỗ nghi cho cô. Cô nên đến đó.”

Vũ nữ nghe vậy rồi, liền cùng với nhiều người nữa đi đến chỗ Phật. Lòng đầy cao ngạo, cô đến tinh xá rồi, từ bên ngoài vừa ca múa ưỡn ẹo mà đi vào chỗ Phật, không có chút tôn kính nào.

Đức Thế Tôn thấy biết thấu trong tâm cô, liền dùng thần lực khiến thân hình cô chỉ trong phút chốc đã giống như cụ bà trăm tuổi: da nhăn, tóc bạc, răng rụng, má hóp, run rẩy lom khom mà đi.

Cô vũ nữ tự thấy thân hình thay đổi dị thường như vậy, liền tự hiểu ngay là do thần lực của Phật hóa hiện. Biết vậy rồi, cô đối trước Phật sinh lòng hổ thẹn vô cùng, bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Nay con đến trước đức Thế Tôn mà tâm sinh kiêu mạn, buông lung phóng túng thật chẳng phải đạo. Xin đức Thế Tôn từ bi tha thứ.”

Phật biết trong tâm cô đã được điều phục, liền dùng thần thông khiến cho cô trở lại nguyên hình như trước.

Khi ấy, đại chúng tỳ-kheo nhìn thấy vũ nữ ấy chỉ trong thoáng chốc mà thoát trẻ, thoát già, hình dung chẳng có gì là cố định, liền ngộ sâu vào lý vô thường, thấy đều sinh tâm nhàm chán cuộc sinh tử, tâm ý khai mở, có người đắc quả Tu-đà-hoàn, có người đắc quả Tu-đà-hàm, có người đắc quả A-na-hàm, có người đắc quả A-La-hán, lại có nhiều người phát tâm cầu quả Phật Bích-chi, cũng có người phát tâm cầu quả vô thượng Bồ-đề.

Bấy giờ cô vũ nữ sinh lòng tín kính, lạy Phật xin xuất gia nhập đạo. Phật nói: “Lành thay đó, tỳ-kheo ni!” Tức thì, tóc trên đầu tự nhiên rụng sạch, áo cà-sa hiện ra nơi thân, thành một vị tỳ-kheo ni oai nghi đầy đủ. Chuyên cần tu tập, chẳng bao lâu đắc quả A-La-hán, đủ Ba trí sáng, Sáu phép thần thông, Tám môn giải thoát, khắp cõi trời người ai gặp cũng đều kính trọng, ngưỡng mộ.

Chư tỳ-kheo thấy việc như vậy liền thưa hỏi rằng: “Bạch Thế Tôn! Nhờ đâu Phật có thể hóa độ cho một kẻ phóng túng kiêu căng như thế, chỉ trong chốc lát đã thành tâm quy phục, lại xuất gia chứng đắc đạo quả?”

Phật bảo chư tỳ-kheo rằng: “Chẳng phải đến ngày nay ta mới ra tay cứu độ cho cô ấy. Trong quá khứ ta cũng đã có lần cứu độ cô ấy rồi.”

Chư tỳ-kheo thưa thỉnh, xin được nghe nhân duyên thời quá khứ. Phật bảo chư tỳ-kheo: “Các người hãy chú tâm lắng nghe, ta sẽ vì các người mà phân biệt giảng nói. Về thuở quá khứ cách đây đã vô số kiếp, vua xứ Ba-la-nại có vị thái tử tên là Tôn-đà-ly, bỏ ngôi báu mà vào chốn rừng núi tu tập, chứng đắc được năm phép thần thông.

“Khi ấy có cô gái khản-na-la muốn làm cho người động tâm, liền hiện hình đến trước mặt, đủ vẻ xinh đẹp, thanh lịch, chẳng khác gì chư thiên trên cõi trời. Cô gái ấy biểu diễn đủ các điệu ca múa hay khéo để mong làm xiêu lòng thái tử.

Vị thái tử ấy tâm đạo kiên cố, chẳng hề lay chuyển, liền lên tiếng nói với cô gái khản-na-la ấy rằng: “Tất cả các pháp hữu vi đều không thường tồn, có sinh có diệt. Ta nay nhìn vào thân thể người, đã thấy trước sự già nua, xấu xí rồi sẽ đến, chẳng còn gìn giữ được bao lâu nữa. Tại sao nay người còn buông thả phóng túng, chẳng lo tu tập, lại còn muốn làm cho ta phải động tâm mà thôi chí hay sao?”

Cô gái khản-na-la ấy nghe thái tử nói rồi, liền tự thấy hổ thẹn, quỳ lạy cầu xin sám hối tội lỗi. Sám hối rồi, hướng đến thái tử mà phát nguyện rằng: ‘Ngày sau nếu ngài vượt thoát được biển khổ sinh tử, tôi nguyện được ở nơi chỗ ngài để tu tập chứng đạo.’

Phật lại nói rằng: “Này chư tỳ-kheo! Vị thái tử tu đắc ngũ thông, nay chính là ta đây. Cô gái khản-na-la thuở ấy, nay là vũ nữ Thanh Liên Hoa, vừa mới xuất gia nhập đạo, chứng đắc đạo quả đó.”

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

**SINH RA CÓ ÁO CÀ-SA**

Lúc ấy, Phật ở xứ Ba-la-nại trong vườn Lộc. Hoàng hậu trong cung vua Phạm-ma-đạt có thai, sinh được một cô công chúa dung mạo đoan chánh, xinh đẹp khác thường. Khi sinh ra, quanh thân mình lại tự nhiên có một tấm áo cà-sa bao bọc.

Vua cho mời các vị tướng sư đến xem tướng cho công chúa. Nhân vì có áo cà-sa bao quanh thân khi sinh ra, nên đặt tên là Ca-thi-Tôn-đà-ly.

Công chúa dần dần lớn lên, tấm áo cà-sa cũng tự nhiên lớn lên theo, lúc nào cũng bao quanh thân hình. Tánh tình cô hiền lành, nhân ái, hay thương người và hiếu thuận với cha mẹ. Ngày kia, cô cùng với một đoàn thị vệ ra khỏi cung dạo chơi, lại đi đến chỗ Phật đang thuyết pháp trong vườn Lộc.

Bấy giờ công chúa nhìn thấy đức Thế Tôn với ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, hào quang chiếu sáng quanh thân, oai nghi rực rỡ thù thắng vô cùng, thì sinh lòng kính mộ, tin phục, liền hoan hỷ lễ Phật rồi chấp tay đứng hầu một bên.

Phật thuyết pháp Tứ diệu đế cho nghe, cô liền đắc quả Tu-đà-hoàn. Quay về cung liền tâu xin vua cha với mẫu hậu cho được xuất gia tu đạo.

Vua cha với mẫu hậu thương yêu rất mực, không nỡ làm trái ý con, liền đưa đến chỗ Phật mà xin cho cô xuất gia. Phật nói: “Lành thay đó, tỳ-kheo ni!” Tức thì, tóc trên đầu tự nhiên rụng sạch, áo cà-sa hiện ra nơi thân, thành một vị tỳ-kheo ni oai nghi đầy đủ. Chuyên cần tu tập, chẳng bao lâu đắc quả A-La-hán, đủ Ba trí sáng, Sáu phép thần thông, Tám môn giải thoát, khắp cõi trời người ai gặp cũng đều kính trọng, ngưỡng mộ.

Bấy giờ, chư tỳ-kheo thấy vậy liền thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo ni Ca-thi-Tôn-đà-ly trước đây đã tạo phước đức như thế nào, mà nay được sinh trong nhà quyền quý, khi sinh ra quanh thân hình tự nhiên có áo cà-sa bao bọc, lại tu tập chứng được đạo quả?”

Phật bảo chư tỳ-kheo: “Các người hãy chú tâm lắng nghe, ta sẽ vì các người mà phân biệt giảng nói. Về thuở quá khứ cách đây chín mươi một kiếp, xứ Ba-la-nại có vị Phật ra đời hiệu là Gia-na-gia Mâu-ni, cùng với chư tỳ-kheo đi giáo hóa khắp nơi trong nước. Có người con gái của vua gặp Phật trên đường đi, sinh tâm hoan

hỷ liền quỳ lạy Phật, thỉnh Phật với chư tỳ-kheo thọ nhận lễ cúng dường trong ba tháng, đủ các món thức ăn cũng như y phục, thuốc men, phẩm vật... Phật liền nhận lời.

Sau khi cúng dường đầy đủ cho Phật với chư tỳ-kheo rồi, công chúa lại còn dùng những tấm áo quý, cúng dường mỗi vị một tấm.

Nhờ công đức ấy, trong chôn trời người thường được sinh vào nhà cao sang, quyền quý, lại có áo cà-sa bao quanh thân khi sinh.”

Phật lại nói rằng: “Người công chúa phát tâm cúng dường thưở ấy, nay chính là tỳ-kheo ni Tôn-đà-ly.”

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## VÒNG NGỌC QUANH TRÁN

Lúc ấy, Phật ở gần thành Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp Cô Độc. Trong thành có một người trưởng giả giàu có vô cùng, tên là Phát-sớ. Người ấy chọn được người vợ cũng thuộc dòng hào phú, cùng nhau chung sống rất ấm êm, hạnh phúc.

Không bao lâu người vợ có thai, rồi sinh được một bé gái xinh đẹp đoan trang. Khi sinh ra, trên trán tự nhiên có một cái vòng kết bằng những hạt ngọc quý. Cha mẹ thấy vậy vui mừng khôn xiết, mời các vị thầy tướng đến xem tướng cho con. Do có vòng ngọc bao quanh trán nên đặt tên là Chân Châu Man.

Ngày càng khôn lớn, tánh tình hiền từ nhân ái, hay thương xót những kẻ khốn cùng. Nhiều lần gỡ vòng ngọc trên đầu ra mà bố thí cho người đến xin. Cứ gỡ rồi thì lại sinh ra một vòng khác cũng giống như trước.

Bấy giờ ông trưởng giả Tu-đạt nghe ông Phát-sớ có cô con gái thông minh hiền đức, muốn đến hỏi về làm vợ cho con trai mình.



Khi Chân Châu Man nghe được việc ông Tu-đạt cho người đến cầu hôn, cô liền thưa với cha mẹ rằng: “Nếu cha mẹ thương con, trước khi cưới buộc họ phải có lời thề trước, rằng về sau hai vợ chồng sẽ cùng xuất gia theo Phật. Bằng không thì xin đừng nhận lời. Bởi con không tham muốn phú quý sang giàu nơi cõi trần, chỉ một lòng muốn xuất gia theo Phật thôi.”

Cha mẹ thương con không muốn trái ý, liền đến nói với ông Tu-đạt ý nguyện của con gái mình. Ông Tu-đạt hoan hỷ lắm, thuận theo lời ấy, liền tiến hành ngay việc cưới xin.

Vợ chồng sống với nhau chưa bao lâu, cả hai đều sinh lòng nhàm chán việc thế tục, liền đưa nhau đến chỗ Phật cầu xin xuất gia. Phật bảo Chân Châu Man rằng: “Lành thay đó, tỳ-kheo ni!” Tức thì, tóc trên đầu tự nhiên rụng sạch, áo cà-sa hiện ra nơi thân, nghiễm nhiên thành một vị tỳ-kheo ni oai nghi đầy đủ. Lại bảo người chồng rằng: “Lành thay đó, tỳ-kheo!” Tức thì, râu tóc tự nhiên rụng sạch, áo cà-sa hiện ra nơi thân, thành một vị tỳ-kheo.

Chuyên cần tu tập, chẳng bao lâu cả hai đều được chứng quả A-La-hán, đủ Ba trí sáng, Sáu phép thần thông, Tám môn giải thoát, khắp cõi trời người ai gặp cũng đều kính trọng, ngưỡng mộ.

Bấy giờ, chư tỳ-kheo thấy vậy liền thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Vị phu nhân Chân Châu Man này, trước đây đã tạo phước đức như thế nào, mà nay khi sinh ra trên đầu tự nhiên có vòng ngọc quý, lại được gặp Phật, xuất gia chưa bao lâu đã được đắc đạo?”

Phật bảo chư tỳ-kheo: “Các người hãy chú tâm lắng nghe, ta sẽ vì các người mà phân biệt giảng nói. Về khoảng giữa Hiền kiếp này, xứ Ba-la-nại có vị Phật ra đời hiệu là Ca-diếp, cùng với chư tỳ-kheo hội nơi vườn Lộc mà thuyết giảng giáo pháp, độ thoát chúng sanh.

Có người trưởng giả tên là A-sa-la, muốn cho mọi người đều phát tâm cúng dường Phật và chư tăng, liền có ý nghĩ rằng: “Ta sẽ đích thân đi khuyến hóa hết thảy nhân dân trong thành.” Nghĩ vậy rồi, liền tâu lên đức vua xin được làm việc ấy. Vua ưng thuận.

Ông trưởng giả A-sa-la liền cưới một con voi trắng lớn, đi khắp trong thành, khuyến hóa nhân dân góp phần cúng dường Phật với chư tỳ-kheo tăng.

Có người phụ nữ kia đang đeo một chiếc vòng kết bằng những hạt ngọc rất quý trên trán, gặp ông trưởng giả khuyến hóa liền cởi vòng ấy ra mà cúng dường.

Người chồng đi xa về thấy trên trán vợ không có vòng ngọc quý, liền hỏi rằng: “Em đã mang vòng ngọc quý đưa cho ai vậy?” Vợ đáp: “Ông trưởng giả A-sa-la đi khuyến hóa nhân dân trong thành cúng dường Phật với chư tỳ-kheo, em đã lấy vòng ngọc ra cúng dường rồi.” Người chồng nghe vậy liền hoan hỷ, khen ngợi.

Người vợ ấy, cúng dường vòng chuỗi ngọc đeo trán rồi, phát lời nguyện rằng: “Nhờ công đức này, nguyện trong đời vị lai tôi chẳng sinh vào các đường ác. Khi sinh ra trong chốn trời người, có vòng ngọc quý ấy sinh ra cùng tôi.”

Phật lại dạy rằng: “Người cúng dường vòng ngọc quý đang đeo trên trán hồi thuở ấy, nay là tỳ-kheo ni Chân Châu Man. Do công đức cúng dường vòng ngọc, nên nay được gặp Phật, xuất gia thành đạo quả.”

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## HAI VUA GIẢNG HÒA

Lúc ấy, Phật ở thành Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp Cô Độc. Vua Ba-tư-nặc cùng với vua Phạm-ma khi ấy thường tranh chấp nhau, đôi bên đều dùng đến cả bốn đạo quân lớn là quân cưỡi voi, quân cưỡi ngựa, quân đi xe và quân đi bộ.

Khi ấy, hoàng hậu của hai vua có thai, cùng sinh nở một lúc. Một người sinh trai, một người sinh gái. Vua Ba-tư-nặc đặt tên cho công chúa là Sai-ma.

Hai vua vui mừng lắm, đều ban lệnh ra cho tất cả quân binh rằng: “Thu hồi quân binh, ban thưởng các thứ tài vật, đôi bên cùng nhau hòa giải. Cho hai đứa trẻ sau

này sẽ kết hôn cùng nhau. Hai nước từ nay không tranh chấp nữa, cho đến con cháu nhiều đời sau cũng vậy.”

Đến năm thái tử con vua Phạm-ma được 7 tuổi, vua sai mang các thứ báu vật, trân bảo sang làm lễ cầu hôn với công chúa con vua Ba-tư-nặc. Công chúa Sai-ma nghe chuyện, tâu với vua rằng: “Thân người rất khó được, nay con được thân người. Thân thể rất khó toàn vẹn, nay con được toàn vẹn. Lòng tin rất khó phát sinh, nay con phát sinh lòng tin. Phật pháp rất khó gặp, nay con được gặp. Xin cha đừng buộc con vào vòng khổ ách, phải vĩnh viễn lìa xa các bậc thiện tri thức. Chỉ xin cha thương tưởng cho con được xuất gia theo Phật.”

Vua đáp lại rằng: “Khi con còn trong thai, ta đã có lời hứa với vua kia. Nhờ có con mà hai nước giảng hòa, dứt được nạn đao binh. Nay nếu con không thuận kết hôn, tức là ta mang tội chẳng giữ lời hứa. Vua kia tất sẽ xem ta là thù địch. Chư thiên cũng giận ta mà không phù trợ. Đối với các vị đại thần và dân chúng, cũng đều xem ta là hạng chẳng giữ chữ tín, đi ngược lại với pháp chế của các vị tiên vương. Con chẳng từng nghe vua A-xà-thế, vua Ba-cù-ly... cho đến cả chục vị vua như thế, đều do nói không đúng sự thật mà đọa vào địa ngục. Nay con lại muốn ta nuốt lời, để phải sa vào địa ngục mà chịu khổ như các vị vua ấy hay sao? Con thật không nên nói những lời ấy mà cầu xin ta từ chối việc hôn nhân.”

Vua Ba-tư-nặc nói vậy rồi, tức tốc sai người sang báo với vua Phạm-ma là trong vòng bảy ngày phải tiến hành ngay hôn lễ.

Công chúa Sai-ma nghe vua sai sứ đi hỏi thúc gấp rút như vậy, trong lòng sầu khổ bi lụy, liền cởi bỏ hết các thứ trang sức châu báu, mặc áo thô vải xấu, lên tận lầu cao, quay mặt về hướng tinh xá Kỳ Hoàn mà khẩn nguyện rằng: “Đức Như Lai Thế Tôn từ bi thương xót hết thầy chúng sanh, trong một ý nghĩ có thể biết hết sự việc trong ba đời. Nay con lâm nạn, khổ não cùng cực, xin được cứu độ.”

Bấy giờ đức Thế Tôn từ xa đã thấu hiểu tâm nguyện chí thành của công chúa Sai-ma, chỉ trong chớp mắt liền hiện đến trước mặt công chúa mà thuyết pháp cho nghe. Công chúa nghe xong liền đắc quả A-na-hàm.

Đúng hạn bảy ngày, vua Phạm-ma đưa người đến để đón dâu, số đông đến trăm ngàn người đều mang theo y phục đắt tiền và những trân bảo, vàng ngọc quý giá.

Vào tới trong cung muốn xem mặt cô dâu, liền hốt nhiên nhìn thấy công chúa Sai-ma hiện thân giữa không trung, biến hóa đủ mười tám phép, hiện bên đông, mắt bên tây, lại hiện bên nam, mắt bên bắc, đi đứng nằm ngồi giữa hư không thật tự tại, rồi từ giữa không trung mà hạ xuống.

Vua Ba-tư-nặc thấy công chúa hiện phép thần thông như vậy, trong lòng hổ thẹn, nói rằng: “Ta thật ngu si, không biết con đã tu đắc thần thông như vậy, nên mới đem chuyện ô nhiễm của trần thế mà buộc vào con. Nay ta xin sám hối, thuận cho con xuất gia.”

Vị vương tử con vua Phạm-ma cũng sinh lòng tín kính, liền nói rằng: “Ta cũng ngu si không chút hiểu biết, nên mới nghĩ đến chuyện kết hôn với người. Nay xin thành tâm sám hối.”

Công chúa Sai-ma được lời của vua cha rồi, liền đến tinh xá Kỳ Hoàn lay Phật cầu xuất gia. Phật liền hứa thuận. Từ đó thành tỳ-kheo ni, chuyên cần tu tập đắc quả A-La-hán.

Bấy giờ, chư tỳ-kheo thấy vậy liền thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo ni Sai-ma trước đây đã tạo phước đức như thế nào, mà nay được sinh vào hoàng tộc, chẳng vương vào ái dục, lại được gặp Phật, xuất gia chưa bao lâu đã thành đạo quả?”

Phật bảo chư tỳ-kheo: “Các người hãy chú tâm lắng nghe, ta sẽ vì các người mà phân biệt giảng nói. Về khoảng giữa Hiền kiếp này, xứ Ba-la-nại có vị Phật ra đời hiệu là Ca-diếp.

Trong chúng hội của Phật, có người phụ nữ thường hay có chuyện xích mích với chồng. Ngày kia cả hai cùng đến lễ bái một vị tỳ-kheo mà thọ giới Bát quan trai. Nhân đó cùng nhau phát lời nguyện rằng: “Nhờ công đức này, nguyện trong đời vị lai chúng tôi đều được sinh vào nhà hào tộc, quyền quý, có chuyện tranh chấp nhau đều nhờ chúng tôi mà hòa giải.” Phát nguyện như vậy rồi, đến khi mạng chung thường được sinh vào hoàng tộc.”

Phật lại dạy rằng: “Cha của người chồng ngày ấy, nay là vua Phạm-ma. Cha của người vợ, nay là vua Ba-tư-nặc. Người chồng khi ấy, nay là con trai vua Phạm-ma. Người vợ khi ấy, nay là tỳ-kheo ni Sai-ma đó.”

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## CÔNG CHÚA XẤU XÍ

Lúc ấy, Phật ở thành Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp Cô Độc. Hoàng hậu của vua Ba-tư-nặc là phu nhân Mạt-ly vừa hạ sinh một công chúa, dung mạo cực kỳ xấu xí. Thân thể thô kệch, da thịt xù xì, đầu tóc cứng nhắc, bồm xồm như đuôi ngựa.

Vua Ba-tư-nặc nhìn thấy con như vậy thì không vui chút nào, liền dặn nội thị phải thận trọng giữ kín, không được để cho người ngoài nhìn thấy hoặc hay biết chuyện này. Vua lại nghĩ rằng: “Con bé ấy tuy hình dung xấu xí, nhưng dù sao cũng là do phu nhân Mạt-ly sinh ra.” Liền dặn người phải chăm sóc nuôi dưỡng cẩn thận.

Khi công chúa lớn lên, đến tuổi gã chồng, vua lo buồn suy nghĩ, chẳng biết làm sao, vì công chúa xấu quá. Liền gọi một vị đại thần đến, dặn kín rằng: “Ngươi hãy vì ta mà đi tìm cho công chúa một người chồng. Nên tìm người nào trước đây thuộc dòng hào tộc, nhưng gia thế nay đã suy sụp, túng thiếu bần hàn thì mới thích hợp.”

Đại thần vâng lệnh, tìm khắp nơi, được một người trước đây vốn con nhà hào tộc danh gia, nhưng hiện tại bần cùng đói khổ. Liền đưa đến bái kiến vua.

Vua liền đưa người ấy vào chỗ kín đáo, đuổi hết kẻ hầu chung quanh ra, rồi mới bảo rằng: “Ta nghe nhà ngươi vốn dòng hào tộc, giờ đây túng thiếu bần cùng. Vậy ta sẽ chu cấp các thứ tài vật trân bảo cho ngươi, khiến cho được giàu có như xưa. Nay ta có một đứa con gái, diện mạo cực kỳ xấu xí, mong ngươi hãy thuận ý ta, nhận nó làm vợ.”

Người bần cùng ấy liền quỳ tâu lên vua rằng: “Xin theo lời dạy của vua. Dù vua có bảo tôi lấy chó làm vợ, tôi cũng không dám trái ý, hưởng hồ công chúa vốn thật do phu nhân Mạt-ly sinh ra.”

Vua liền mang công chúa gả cho người ấy. Rồi ban cho nhà cửa cao rộng, dặn người chồng phải thường xuyên đóng chặt cửa nhà, nếu có đi ra ngoài thì phải khóa lại, chẳng cho người ngoài ra vào, sợ nhìn thấy công chúa xấu xí. Về phần công chúa cũng phải giữ kỹ trong nhà chẳng cho đi ra bên ngoài. Vua nói với phò mã rằng: “Con ta xấu lắm, chẳng nên để cho người ngoài trông thấy.”

Vua ban cho rất nhiều tài vật, trân bảo, lại phong cho phò mã làm đại thần.

Qua một thời gian, vị đại thần ấy trở nên giàu có, thường giao du đi lại với các nhà hào tộc, phú gia. Ngày kia có lễ hội lớn, hết thấy mọi người đều đến dự. Người nào cũng đưa vợ đến để cùng vui chơi.

Những người dự hội khi ấy thấy vị đại thần ấy dự hội một mình, không có vợ cùng đi, liền sinh nghi ngờ, hỏi nhau rằng: “Người ấy không đưa vợ đến đây, hoặc giả là vợ anh ta đẹp quá, không muốn cho ai nhìn thấy, hoặc là xấu xí cùng cực, chẳng muốn để lộ ra?” Bàn qua nói lại, chẳng ai biết được thực hư thế nào, liền cùng nhau lập kế tìm hiểu.

Cả bọn luân phiên chuốc rượu cho người ấy đến say mèm, nằm lãn ra đất. Xong, họ cử ra năm người đi đến nhà người ấy mà xem cho biết sự thật.

Khi ấy, công chúa xấu xí ở nhà trong lòng phiền não, tự hỏi trách mà suy nghĩ rằng: “Ta xưa đã tạo ác nghiệp gì mà nay phải thọ khổ thế này? Hình dung xấu xí khiến cho chồng chẳng dám cho ra bên ngoài, phải thường ở trong phòng kín, chẳng được giao tiếp cùng ai cả.”

Rồi lại nghĩ rằng: “Nay có Phật ở đời, thường lấy tâm từ bi mà quán sát hết thấy chúng sanh, cứu độ cho những ai khổ nạn.” Nghĩ vậy rồi liền quỳ xuống mà vọng bái đức Thế Tôn, nguyện được ngài thương tưởng mà hiện đến giáo hóa cho. Lòng cô chân thành, chí tâm cầu thỉnh, nên Phật biết tâm nguyện của cô liền hiện đến.

Thoạt tiên, đức Thế Tôn hiện cho cô thấy đỉnh đầu của ngài. Cô nhìn thấy rồi trong lòng vui sướng, hân hoan, sinh lòng tin phục sâu vững. Bỗng nhiên tóc trên đầu cô hóa ra mềm mại, óng mượt, xinh đẹp vô cùng.

Dần dần, Phật hiện cả toàn thân cho cô chiêm ngưỡng. Khi cô nhìn thấy toàn thân Phật rồi, lòng cô vui mừng khôn xiết, trong tâm hoan hỷ, thanh thản nhẹ nhàng, bao nhiêu lo buồn, sầu khổ đều mất hết. Bỗng nhiên thân hình cô hóa ra đoan chánh, mỹ miều, dáng vẻ xinh đẹp như tiên giáng thế.

Khi ấy, Phật hiện hào quang sắc vàng rực rỡ quanh thân cho cô thấy, cô liền sinh lòng kính tín, khát ngưỡng. Phật vì cô mà thuyết pháp Tứ diệu đế cho nghe, ngay khi ấy cô liền đắc quả Tu-đà-hoàn. Thuyết pháp xong, Phật trở về tinh xá Kỳ Hoàn.

Bấy giờ, năm người do nhóm trưởng giả nơi lễ hội cử đến cũng vừa tới nơi. Họ giả vờ gọi cửa bảo là đem tin của ông đại thần về. Công chúa cho người mở cửa mời vào. Nhìn thấy công chúa rồi, bọn họ tâm thần mê mẩn, đều khen là chưa từng được thấy ai xinh đẹp đến thế. Họ bảo nhau: “Thảo nào ông ta không dám đưa vợ đến nơi lễ hội.” Rồi họ trở về chỗ lễ hội mà loan tin ấy với mọi người. Được thỏa mãn rồi, ai nấy đều giải tán.

Ông đại thần tỉnh rượu, tự tìm về nhà. Ông thấy một người con gái xinh đẹp tuyệt thế ở trong nhà mình thì hết sức kinh ngạc, liền lên tiếng hỏi: “Nàng là ai? Vì sao lại đến đây?” Công chúa đáp: “Em là vợ của chàng đây mà.” Rồi cô đem hết mọi sự thuật lại cho chồng nghe. Kể xong, cô lại nói: “Xin chàng vì em đến tâu với phụ vương, xin cho em gặp mặt.” Người chồng nhận lời, vào cung xin gặp vua Ba-tư-nặc.

Khi gặp vua rồi, người nói: “Công chúa muốn gặp đại vương.” Vua đáp: “Chớ nói điều ấy. Người chỉ nên canh chừng cửa ngõ cho nghiêm nhặt, đừng để nó đi ra bên ngoài.” Người chồng nói: “Sao lại như vậy được? Công chúa bây giờ nhờ oai đức của Phật, đã thay hình đổi dạng xinh đẹp như tiên nga, chẳng còn xấu xí như trước nữa.”

Vua nghe rồi chưa tin là thật, liền truyền xa giá đến thăm con gái ngay khi ấy. Gặp con rồi, thấy quả thật như lời người chồng nói, trong lòng vua vừa mừng vui, lại

vừa nghi ngại. Vua liền truyền quân chuẩn bị xa giá, cùng với công chúa đi đến chỗ Phật.

Đến nơi, vua lễ bái Phật rồi quỳ xuống bạch rằng: “Bạch Thế Tôn! Không biết công chúa trước đây tạo nghiệp thiện ác như thế nào, mà nay tuy sinh vào hoàng tộc lại phải thọ thân xấu xí? Xin đức Thế Tôn từ bi dạy cho được biết.”

Phật bảo: “Người hãy chú tâm lắng nghe, ta sẽ vì người mà phân biệt giảng nói. Về thuở quá khứ cách đây đã vô số kiếp, xứ Ba-la-nại có vị trưởng giả giàu có vô cùng. Trưởng giả ấy thường thỉnh một vị Phật Bích-chi đến nhà cúng dường, lễ bái. Phật Bích-chi ấy dung mạo cực kỳ xấu xí, thân thể thô kệch khó coi.

Ông trưởng giả có người con gái nhỏ, thấy Phật Bích-chi dung mạo xấu xí thì sinh lòng khinh miệt, dùng những lời nặng nề, thô bỉ mà xúc phạm.

Vị Phật Bích-chi ấy vẫn cứ đến thọ nhận sự cúng dường của ông trưởng giả rất lâu. Đến khi ngài sắp nhập Niết-bàn, mới dùng thần thông bay lên hư không, hiện đủ mười tám phép biến hóa, đi đứng nằm ngồi trên không trung, tự tại không ngăn ngại, khiến cho cả nhà ông trưởng giả ấy đều được chứng kiến. Xong rồi, ngài mới từ trên hư không mà hạ xuống nơi nhà ông trưởng giả.

Ông trưởng giả thấy vậy thì vui mừng, hoan hỷ lắm. Riêng cô con gái tự sinh lòng hổ thẹn, hối trách, liền quỳ xuống trước Phật Bích-chi mà chí thành cầu xin sám hối.”

Phật lại dạy rằng: “Cô con gái nhà trưởng giả, thuở ấy khinh miệt, xúc phạm vị Phật Bích-chi, ngày nay thọ thân làm công chúa xấu xí đó. Tuy nhiên, nhờ phước đức cúng dường, nên thường được sinh vào nhà quyền quý, giàu sang, chẳng chịu sự khổ đói thiếu. Lại nhờ biết chí thành sám hối lỗi lầm, nên nay được gặp ta cứu cho thoát khổ.”

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc và quần thần, chúng dân, nghe Phật thuyết nhân duyên nghiệp báo của vị công chúa xấu xí ấy rồi, tâm ý liền khai mở, có người đắc quả Tu-đà-hoàn, có người đắc quả Tu-đà-hàm, có người đắc quả A-na-hàm, có người đắc quả A-La-hán, lại có nhiều người phát tâm cầu quả Phật Bích-chi, cũng có người phát tâm cầu quả vô thượng Bồ-đề.



Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## **TÊN TRỘM XUẤT GIA**

Lúc ấy, Phật đang ở nước Tỳ-xá-ly, nơi một giảng đường lớn được xây dựng có nhiều tầng. Trong thành có một người chuyên nghề trộm cắp, khắp nước đều biết tiếng.

Ngày kia, nghe nói chỗ các thầy tỳ-kheo ở có món đồ bằng đồng rất giá trị, tên trộm liền đang đêm đến đó rình mò định lấy. Ngờ đâu chư tỳ-kheo rất tinh táo, chẳng có lúc nào sơ hở thuận tiện, nên cứ nằm rình trên mái nhà cả đêm. Nhân đó, nghe các thầy luận đàm với nhau, bàn về sự khác biệt giữa người phàm với chư thiên. Một thầy nói: “Người cõi thế đôi trông mắt đảo nhanh lắm, còn chư thiên thì rất chậm.” Tên trộm nghe rồi liền nhớ. Nằm đó rình hoài chẳng được, chán nản bỏ về.

Ít lâu sau có người thương nhân từ nơi khác đến, mang theo một hạt châu ma-ni rất quý, đem dâng cho vua. Vua được hạt châu quý, mừng lắm, liền mang đến tháp Phật mà cúng dường, gắn lên bên trên nơi cổng trước của tháp.

Tên trộm nghe biết việc vua cúng dường hạt châu quý gắn nơi cổng tháp, liền nhân lúc đêm tối lên đến gỡ lấy mất. Lấy được rồi giấu kỹ chẳng dám mang đi bán, sợ người biết mà tra xét.

Vua nghe tin hạt châu bị mất, tức giận vô cùng, truyền lệnh truy nã khắp nước. Lại ra chỉ dụ rằng, ai biết được kẻ trộm mà đến mật báo với vua, đều được trọng thưởng. Tuy vậy, trải qua thời gian rất lâu mà chẳng có manh mối gì. Vua thất vọng không còn biết phải làm gì để tìm ra kẻ trộm.

Bấy giờ có vị quan văn tâu lên với vua rằng: “Nay đất nước ta phong tục thuần hóa, chẳng mấy khi xảy ra việc trộm cắp. Duy chỉ có một người chuyên nghề ăn trộm, cả nước ai cũng biết cả. Hạt châu ấy nhất định là do anh ta lấy. Nhưng nếu

bây giờ bắt bớ, khảo tra, chắc không chịu nhận. Đại vương nên lập kế mới tìm ra được sự thật.”

Vua hỏi: “Lập kế thế nào?”

Vị quan ấy đáp: “Bây giờ nên kín đáo sai người đến chỗ tên ấy, mời mọc đãi đằng rượu thịt no say. Phục uống nhiều rượu cho say mèm đến mức chẳng biết chi nữa, rồi cho người khiêng bỏ trước điện châu. Lại trang trí thêm ở chung quanh điện cho thật trang nghiêm đẹp đẽ, trỗi lên các thứ âm nhạc, đàn sáo... giả làm như cõi trời. Tên ấy vừa tỉnh, tất nhiên hoảng hốt, chẳng hiểu gì. Khi ấy, cho các tỳ nữ đến nói rằng: “Chúng tôi nghe rằng trước đây người ở cõi Diêm-phù-đề, lấy trộm hạt châu trên công tháp, nhờ vậy mà được sinh lên cõi trời Đao-ly này. Tỳ nữ chúng tôi ở đây có nhiệm vụ hầu hạ cho ngài. Chẳng hay việc ấy có không?” Trong lúc tinh thần còn hoang mang, chắc rằng tên ấy sẽ thú nhận.

Vua nghe lời vị quan ấy, y kế thi hành. Khi các tỳ nữ gặng hỏi trước điện đường, trong lòng đã muốn thú nhận. Chợt nhớ câu chuyện đã nghe nơi chỗ các thầy tỳ-kheo trước đây, liền chú ý nhìn vào mắt mấy cô tỳ nữ, thấy trông mắt đảo nhanh chẳng khác gì mình, liền suy nghĩ: “Đây chẳng phải cảnh chư thiên, chắc có điều gì mờ ám.” Nghĩ vậy rồi, một mực chối phăng, chẳng nhận là mình có trộm hạt châu. Vua túng thế phải thả ra cho về nhà. Người ấy về rồi, trong lòng tỉnh ngộ ra, hối trách lỗi xưa, lại nghĩ nhờ một câu nói của thầy tỳ-kheo mà thoát được tội chết, nên sinh lòng tín kính.

Khi ấy, vị quan văn lại tâu với vua nữa: “Thần có một kế nữa, có thể dò xét ra hạt châu ấy.” Vua hỏi: “Kế ấy thế nào?”

Đại thần nói: “Đại vương nên giả làm thân thiện, gọi người ấy đến phong cho làm đại thần. Tất cả cửa cải trong kho, mật cho người kê khai ghi chép đủ, rồi giao hết cho người ấy coi giữ. Ít lâu sau lại gọi đến mà khen thưởng, nói rằng: “Chưa có bày tôi nào được như khanh, coi sóc hết thảy cửa cải trong kho chẳng hề thất thoát.” Người ấy tất sinh lòng hoan hỷ, vui mừng. Khi ấy, đại vương nên hỏi: “Trước đây ta có gấn hạt châu nơi công tháp, khanh có nghe biết việc ấy chăng?” Lúc đó, người ấy chắc sẽ thú thật. Bởi vì thấy vua yêu chuộng khen thưởng, tin cậy giao cho hết thảy cửa cải, nếu không thú thật thì biết khi nào mới có dịp như thế nữa?”

Vua lại nghe lời, y kế thi hành.

Quả nhiên, khi ấy tên trộm liền thú thật: “Hạt châu ấy quả là do kẻ nô tài này trộm lấy. Vì sợ quá nên giấu kỹ chẳng dám để lộ ra.”

Vua lại hỏi: “Người lần trước say rượu túy lúy, ta cho người giả cảnh thiên cung mà hỏi, sao không thú nhận?” Tên trộm đáp: “Trước đây nô tài có nghe một câu nói của thầy tỳ-kheo kia, rằng trông mắt của chư thiên đảo qua đảo lại rất chậm, không như mắt của người thường. Khi ấy, các tỳ nữ của vua trông mắt chẳng khác người, nên biết đó là cảnh giả, làm sao dám nhận?”

Khi ấy, vua lấy lại được hạt châu, trong lòng vui vẻ, không bắt tội. Tên trộm liền quỳ tâu rằng: “Đại vương đã thương mà không bắt tội, xin cho nô tài được xuất gia.”

Vua hỏi: “Người nay được ta phong làm đại thần, vinh hoa phú quý chẳng ai bằng, vì sao lại muốn xuất gia?”

Tên trộm đáp: “Trước đây nô tài chỉ nhờ một câu nói của thầy tỳ-kheo mà sau được toàn mạng sống. Nếu được nghe pháp Phật, y pháp tu hành, chắc chắn sẽ được lợi ích lớn. Vì vậy, nguyện xin được xuất gia.”

Vua liền vui vẻ thuận cho. Người ấy chuyên cần tu tập, chẳng bao lâu đắc quả A-La-hán, đủ Ba trí sáng, Sáu phép thần thông, Tám môn giải thoát, khắp cõi trời người ai gặp cũng đều kính trọng, ngưỡng mộ.

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## **PHẨM THỨ CHÍN : CÁC VỊ THANH VĂN - NHỮNG NGƯỜI ĐI BIỂN**

Lúc ấy, Phật ở gần thành Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp Cô Độc. Trong thành có năm trăm người thương khách, muốn đi ra biển mà tìm trân bảo.

Vị thương chủ đứng đầu trong nhóm vừa mới cưới vợ, cũng là người thuộc dòng hào tộc. Khi ấy, người liền mang vợ đi theo trong chuyến đi ra biển ấy.

Chuyến đi kéo dài, người vợ có thai rồi sinh một bé trai ngay trên biển. Nhân đó mới đặt tên cho là Hải Sanh. Chuyến ấy các vị thương khách đều được bình an trở về, thu nhập được rất nhiều trân bảo. Tất cả đều cho là nhờ đứa bé ấy có phước đức lớn.

Khi đứa trẻ lớn lên, lại nối nghiệp cha mà làm một người thương chủ lớn, dẫn theo năm trăm thương khách đi ra biển tìm trân bảo. Tìm được rồi, trên đường về thì gặp một trận bão lớn, thổi mịt mù trời đất. Thuyền bị lạc không còn biết phương hướng, cảm chắc sẽ chết giữa biển khơi.

Bấy giờ, các vị thương nhân rủ nhau cầu khẩn các vị thần linh. Khẩn vái rền trời nhưng chẳng thấy ứng nghiệm gì.

Trên thuyền có một vị cư sĩ tin Phật, liền nói với mọi người rằng: “Nay có đức Phật Thế Tôn thường lấy tâm từ bi quán sát hết thảy chúng sanh, thường cứu thoát hết thảy tai ương, khổ ách. Chúng ta nên chí thành mà niệm danh hiệu ngài, cầu xin cứu hộ.” Các thương nhân tin lời, liền cùng nhau chí thành xưng danh hiệu Phật.

Đức Thế Tôn nhìn thấu nơi biển cả, biết các thương nhân ấy đang lâm nạn, chí thành cầu khẩn. Ngài liền phóng ra một đạo hào quang sáng chói, chiếu đến tận nơi ấy, khiến cho bão tố tức thời lắng dịu, chỉ trong giây lát sóng yên, bể lặng.

Khi ấy, trong số thương nhân có người nói rằng: “Chúng ta nhờ oai thần của Phật phóng hào quang cứu độ, thoát được nạn dữ. Lần này nếu được bình an quay về, nên cùng nhau tạo lập chùa tháp, thỉnh Phật với chư tăng mà cúng dường.” Nói lời ấy rồi, tất cả thương nhân đều hoan hỷ tán đồng.

Thuyền được yên ổn, theo gió mà đi chẳng bao lâu thì nhận được phương hướng, liền an ổn mà quay về nhà. Nhớ lời nguyện giữa biển khơi, cả nhóm liền cùng nhau đến lễ bái, thỉnh Phật với chư tỳ-kheo thọ nhận cúng dường. Cúng dường xong, cùng nghe Phật thuyết pháp. Khi ấy, tâm ý được khai mở, liền đồng thời lễ Phật

xin xuất gia nhập đạo. Phật nói: “Lành thay đó, tỳ-kheo!” Tức thì, râu tóc tự nhiên rụng sạch, áo cà-sa hiện ra nơi thân, thành năm trăm vị tỳ-kheo oai nghi đầy đủ. Chuyên cần tu tập, chẳng bao lâu đều đắc quả A-La-hán, đủ Ba trí sáng, Sáu phép thần thông, Tám môn giải thoát, khắp cõi trời người ai gặp cũng đều kính trọng, ngưỡng mộ.

Chư tỳ-kheo thấy việc như vậy, thưa hỏi Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Năm trăm vị thương nhân xuất gia làm tỳ-kheo đây, trước đã trồng những căn lành gì mà nay được Phật cứu cho thoát khỏi ách nạn, lại được độ cho xuất gia đắc đạo?”

Phật nói: “Chẳng phải đến nay ta mới cứu cho những người này thoát khỏi ách nạn. Trong thời quá khứ ta cũng đã từng cứu họ thoát khỏi ách nạn.”

Chư tỳ-kheo liền thưa thỉnh, xin được nghe những nhân duyên đời quá khứ.

Phật bảo chư tỳ-kheo: “Các người hãy chú tâm lắng nghe, ta sẽ vì các người mà phân biệt giảng nói. Về thuở quá khứ cách đây đã vô số kiếp, xứ Ba-la-nại có vị tiên tu đắc năm phép thần thông, sống tịch lặng nơi một bờ sông nọ.

“Bấy giờ có năm trăm người thương nhân muốn ra biển tìm trân bảo, theo con đường ngang qua chỗ bến sông ấy mà ra, nên gặp vị tiên nơi bờ sông. Những người thương nhân gặp vị tiên ấy sinh lòng kính ngưỡng, liền cùng nhau lễ bái rồi thỉnh vị ấy cùng đi ra biển. Vị tiên đáp rằng: “Các người cứ đi. Nếu gặp ách nạn, chỉ việc gọi tên ta, ta sẽ cứu hộ cho.”

Năm trăm thương nhân thẳng đường ra biển, tìm được rất nhiều trân bảo. Đến lúc quay về gặp cơn bão lớn, thuyền đã muốn chìm. Liền cùng nhau xưng tên vị tiên. Vị ấy liền hiện thần thông đến cứu cho được thoát nạn.”

Phật lại nói rằng: “Vị tiên thuở ấy chính là ta đây. Năm trăm thương nhân ngày trước, là năm trăm tỳ-kheo vừa xuất gia đó. Ngày trước ta còn chưa đoạn trừ hết phiền não, đã có thể cứu khổ cứu nạn cho những người ấy. Huống chi nay đã thành Phật, vượt trên ba cõi, lẽ nào không cứu được ách nạn cho chúng sanh?”

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## ÁO HOA CHE THÂN

Lúc ấy, Phật ở thành Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp Cô Độc. Trong thành có một người trưởng giả giàu có, chọn được người vợ cũng thuộc dòng hào tộc, chung sống cùng nhau ấm êm, hòa thuận.

Không bao lâu người vợ có thai, rồi sinh được một bé trai xinh đẹp, khẩu khinh. Khi trẻ sinh ra, có một tấm y kết bằng hoa Tu-mạn bao quanh người, mùi hoa thơm bay ngào ngạt. Cha mẹ vui mừng hơn hở, liền mời thầy đến xem tướng cho con. Nhân vì có tấm y bằng hoa Tu-mạn bao quanh người, nên đặt tên là Tu-mạn-na.

Khi trẻ lớn lên, tánh tình hiền hòa, hiếu thuận. Tấm y bao quanh thân cũng tự nhiên lớn theo. Cha mẹ đều là người tin sâu Tam bảo, nên mang con đến nhờ trưởng lão A-na-luật dạy dỗ, cho làm sa-di. Thầy A-na-luật dạy cho ngồi thiền, tu tập, chẳng bao lâu đắc quả A-La-hán, đủ Ba trí sáng, Sáu phép thần thông, Tám môn giải thoát, khắp cõi trời người ai gặp cũng đều kính trọng, ngưỡng mộ.

Khi ấy, trưởng lão A-na-luật gọi sa-di ấy mà dạy rằng: “Ngươi đến bờ sông Bạt-đề mức cho ta một bình nước sạch.” Vị sa-di ấy vâng lời, đi đến bờ sông lấy một bình nước đầy, ném lên không trung rồi cất mình bay theo mà về chỗ ngài A-na-luật.

Chư tỳ-kheo thấy việc như vậy, thưa hỏi Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Vị sa-di Tu-mạn-na này trước đã trồng những căn lành gì mà được sinh vào nhà giàu sang, có tấm y kết bằng hoa Tu-mạn bao quanh thân, lại được gặp Phật mà xuất gia đắc đạo?”

Phật bảo chư tỳ-kheo: “Các ngươi hãy chú tâm lắng nghe, ta sẽ vì các ngươi mà phân biệt giảng nói. Về thuở quá khứ cách đây chín mươi một kiếp, xứ Ba-la-nại có vị Phật ra đời hiệu là Tỳ-bà-thi. Hóa duyên đã mãn, Phật liền nhập Niết-bàn.

Bấy giờ có vị vua tên là Phạm-ma-đạt-đa, thu gom xá-ly Phật rồi dựng bốn tòa tháp quý đặt vào trong đê cúng dường. Bấy giờ có một cậu bé nhìn thấy tháp Phật lòng sinh tín kính, liền xuất gia tu tập. Kiên trì tu tập mãi cho đến lúc tóc bạc da nhăn

mà chẳng có sự chứng đắc gì. Trong lòng hổ thẹn lắm, tự trách mình chưa được nhất tâm trong việc tu tập, mới mua thật nhiều hoa Tu-mạn kết lại mà bao phủ quanh tháp Phật để cúng dường, lễ lạy sám hối.

“Nhờ công đức ấy, trải qua chín mươi một kiếp đều không đọa vào các chốn địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, trong cõi trời người khi sinh ra đều có tám y kết bằng hoa Tu-mạn bao quanh thân, lại được hưởng nhiều sự khoái lạc, vui thú, cho đến nay được gặp Phật, xuất gia đắc đạo.”

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## **BÀN TAY VÀNG**

Lúc ấy, Phật ở thành Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp Cô Độc. Trong thành có một người trưởng giả giàu có vô cùng, cưới một người vợ cũng thuộc dòng hào tộc, cuộc sống rất hoan lạc, vui thích.

Không bao lâu người vợ có thai, rồi sinh được một bé trai dung mạo đoan trang, xinh đẹp. Khi trẻ sinh ra, trong hai bàn tay có nắm hai đồng tiền vàng. Khi thả rớt ra thì lại hiện hai đồng tiền vàng khác, cứ thế chẳng bao giờ hết. Cha mẹ vui mừng mời thầy đến xem tướng, nhân việc có tiền vàng trong tay, liền đặt tên là Bảo Thủ.

Đến khi khôn lớn, tính tình hiền hậu, hiếu thuận, có lòng thương người, thời hay bố thí cho kẻ nghèo hèn, túng thiếu. Khi có người đến xin, liền lấy tiền vàng trong tay mà bố thí. Lấy đi rồi lại có trở lại, chẳng bao giờ hết.

Ngày kia, có dịp đi chơi cùng chúng bạn, lại đến tinh xá Kỳ Hoàn mà gặp Phật. Nhìn thấy đức Thế Tôn với ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, hào quang chiếu sáng quanh thân, oai nghi rực rỡ thù thắng vô cùng, Bảo Thủ liền sinh lòng hoan hỷ, kính tín, chấp tay bạch Phật rằng: “Xin đức Thế Tôn và chư tỳ-kheo tăng từ bi thọ nhận lễ cúng dường của con.”

Khi ấy, ngài A-nan đứng hầu bên Phật, liền lên tiếng hỏi rằng: “Nếu muốn cúng dường, cần phải có ít nhiều tài vật. Con chỉ là một đứa trẻ, làm sao có tiền mà mua sắm các thứ?” Bảo Thủ không đáp, chỉ xòe hai tay ra. Tiền vàng từ trong tay cứ rơi ra mãi, giấy lát đã thành một đồng tiền lớn.

Phật dạy A-nan: “Người nên nhận lấy số tiền vàng này, cho người mua sắm các thứ, thỉnh Phật với chư tăng mà cúng dường.” A-nan vâng lời, lo việc thiết lễ cúng dường.

Lễ cúng dường xong, Phật liền vì Bảo Thủ mà thuyết pháp, khi nghe xong tâm ý khai mở, chứng quả Tu-đà-hoàn. Quay về nhà liền thưa với cha mẹ xin được xuất gia tu tập.

Cha mẹ thương yêu không muốn trái ý, liền đưa đến chỗ Phật để xin xuất gia. Phật nói: “Lành thay đó, tỳ-kheo!” Tức thì, tóc trên đầu tự nhiên rụng sạch, áo cà-sa hiện ra nơi thân, thành một vị tỳ-kheo oai nghi đầy đủ. Chuyên cần tu tập, chẳng bao lâu đắc quả A-La-hán, đủ Ba trí sáng, Sáu phép thần thông, Tám môn giải thoát, khắp cõi trời người ai gặp cũng đều kính trọng, ngưỡng mộ.

Ngài A-nan thấy vậy liền thưa hỏi rằng: “Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo Bảo Thủ trước đây đã tạo phước đức như thế nào, mà nay được sinh ra trong nhà hào phú, trong hai bàn tay tự nhiên hóa hiện tiền vàng, lại được gặp Phật, xuất gia đắc đạo?”

Phật bảo A-nan: “Người hãy chú tâm lắng nghe, ta sẽ vì người mà phân biệt giảng nói. Vào giữa Hiền kiếp này, xứ Ba-la-nại có vị Phật ra đời hiệu là Ca-diếp, giáo hóa đã xong, liền nhập Niết-bàn.

“Bấy giờ có vị vua tên là Ca-sí, thu thập xá-lỵ của Phật, dựng bốn ngọn tháp lớn đặt vào để thờ kính, cúng dường. Có vị trưởng giả đi ngang tháp ấy sinh tâm hoan hỷ, liền đến cúng một đồng tiền vàng, đặt chỗ bên dưới cổng tháp. Nhờ công đức ấy, từ đó về sau người chẳng bị đọa vào các nẻo dữ, khi sinh ra trong chón trời người lại thời có tiền vàng hóa hiện trong hai bàn tay, cho đến nay gặp Phật xuất gia đắc đạo.”

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.



---o0o---

## TỠ-KHEO TAM TẶNG

Lúc ấy, Phật ở gần thành Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp Cô Độc. Vua Ba-tư-nặc bấy giờ có một vị phu nhân mang thai, sinh được một người con trai. Đứa bé mới sinh ra ấy dung nhan xinh đẹp, lại có một tấm áo cà-sa bao quanh thân, vừa sinh ra đã biết nói ngay, lên tiếng hỏi vua cha rằng: “Tâu phụ vương, đức Như Lai Thế Tôn nay còn tại thế chăng?” Rồi lại hỏi thăm đến hết thấy các vị đại đệ tử như Xá-ly-phất, Mục-kiền-liên, Ca-diếp, A-nan... Vua liền đáp rằng: “Tất cả ác vị đều an ổn.”

Đứa bé liền nói: “Xin phụ vương vì con mà thỉnh Phật với chư tăng vào cung cúng dường.”

Vua nhận lời, thiết lễ cúng dường rất lớn, thỉnh Phật và chư tăng đến thọ nhận. Khi Phật đến nơi, nhìn thấy vị vương tử mới sinh ấy liền hỏi rằng: “Ngươi có nhớ chăng, vào thời Phật Ca-diếp tại thế ngươi chính là tỳ-kheo Tam Tặng?” Vương tử đáp: “Quả thật vậy.” Lại hỏi: “Ngươi ở trong bào thai được yên ổn chăng?” Đáp rằng: “Nhờ ân đức Phật, được toàn tính mạng.”

Khi ấy, phu nhân nhìn thấy con mình đối đáp với Phật thì lấy làm lạ lùng, không dấu được sự ngạc nhiên, liền thưa hỏi rằng: “Bạch Thế Tôn! Đứa trẻ này trước đây đã gieo những nhân lành gì mà nay sinh ra đã biết nói ngay, có thể cùng Phật đối đáp? Xin đức Thế Tôn từ bi giảng giải cho được biết.”

Khi ấy, đức Thế Tôn liền đọc kệ rằng:

Đã tạo các nghiệp thiện,  
Trăm kiếp đều chẳng mất.  
Do thiện nghiệp, nhân duyên,  
Nên được quả như thế.

Vua Ba-tư-nặc và phu nhân nghe Phật nói kệ như vậy, liền thưa hỏi rằng: “Không biết nhân duyên thời quá khứ như thế nào? Xin đức Thế Tôn giảng giải cho biết.”

Phật nói: “Các người hãy chú tâm lắng nghe, ta sẽ vì các người mà phân biệt giảng nói. Vào giữa Hiền kiếp này, xứ Ba-la-nại có vị Phật ra đời hiệu là Ca-diếp, cùng với chư tỳ-kheo đi giáo hóa rất nhiều nơi, đến nước của vua Ca-sí.

“Bấy giờ, thái tử con vua tên là Thiện Sanh, nhìn thấy Phật rồi lòng sinh ra tin phục, kính ngưỡng, liền tâu lên vua cha xin được xuất gia học đạo. Vua nói: “Ta chỉ có duy nhất một mình con, sẽ là người kế vị ta mà chăm lo cho dân chúng, thật không thể cho phép con xuất gia nhập đạo.”

“Thái tử nghe nói vậy, trong lòng sầu ưu, khổ não, liền bỏ ăn đến sáu ngày liền. Quần thần thấy vậy đều hoảng sợ, đến tâu với vua rằng: “Thái tử tuyệt thức đã sáu ngày rồi, tánh mạng nguy kịch. Xin đại vương thuận theo ý thái tử, may ra sau này còn được nhìn mặt nhau.”

Vua nghe lời tâu như vậy liền thuận theo, đến chỗ thái tử nói rằng: “Ta thuận cho con xuất gia, nhưng phải có lời thề trước là sẽ đọc tụng thông thạo ba tạng kinh điển. Bằng không thì về sau đừng về gặp mặt ta nữa.” Thái tử vui mừng, liền thuận theo ý vua mà lập lời thệ nguyện.

Xuất gia chẳng bao lâu, do chuyên cần học tập, liền đọc tụng thông thạo cả ba tạng kinh điển, trở về thăm vua cha.

Vua liền hỏi: “Ta đã có lời nói trước. Nay người đã đọc tụng thông thạo ba tạng kinh điển hay chưa mà vội trở về đây?” Tỳ-kheo đáp: “Nay đã làm xong việc ấy.” Vua nghe như vậy liền vui mừng khôn xiết, nói với con rằng: “Nếu quả thật vậy, từ nay tất cả kho tàng trân bảo của ta, con có thể tùy ý sử dụng hết thảy, ta thật không tiếc giữ.”

Vị tỳ-kheo ấy nghe lời vua thì mừng lắm, liền lập tức xuất của kho ra tổ chức lễ cúng dường, thỉnh Phật và chư tăng cùng đến thọ nhận. Cúng dường xong, lại phụng cúng cho tất cả tỳ-kheo tăng mỗi người đều có đủ ba tấm y và sáu món cần dùng. Nhờ công đức ấy, người không còn đọa vào các nẻo ác, khi sinh ra trong cõi trời người, đều có áo cà-sa bao quanh thân, lại được gặp Phật mà xuất gia, đắc đạo.

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## **DA-XOA-MẬT-ĐA**

Lúc ấy, Phật ở gần thành Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp Cô Độc. Trong thành có một người trưởng giả giàu có vô cùng, chọn một người con nhà hào phú mà cưới về làm vợ, sống êm ấm bên nhau.

Không bao lâu, người vợ có thai, rồi sinh được một bé trai khá khinh. Ngay khi sinh ra, trời đổ cơn mưa to. Cha mẹ vui mừng lắm, mời thầy đến xem tướng cho con. Thầy tướng bảo rằng, nhờ phước đức của cậu bé nên trời đổ cơn mưa lớn. Vì vậy, đặt tên là Da-xoa-mật-đa.

Đứa trẻ ấy chẳng bú sữa mẹ, từ trong miệng chỗ kẽ răng tự nhiên chảy ra loại nước quý đủ tám công đức, khiến trong người tự thấy no đủ.

Qua nhiều năm lớn lên, cùng với các vị thân hữu đến tinh xá Kỳ Hoàn lễ Phật. Nhìn thấy đức Thế Tôn với ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, hào quang chiếu sáng quanh thân, oai nghi rực rỡ thù thắng vô cùng, Gia-xoa-mật-đa sinh lòng tín kính, liền quỳ lễ Phật cầu xin xuất gia. Phật nói: “Lành thay đó, tỳ-kheo!” Tức thì, râu tóc tự nhiên rụng sạch, áo cà-sa hiện ra nơi thân, thành một vị tỳ-kheo oai nghi đầy đủ. Chuyên cần tu tập, chẳng bao lâu đắc quả A-La-hán, đủ Ba trí sáng, Sáu phép thần thông, Tám môn giải thoát, khắp cõi trời người ai gặp cũng đều kính trọng, ngưỡng mộ.

Bấy giờ, chư tỳ-kheo thấy vậy liền thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo Da-xoa-mật-đa trước đây đã tạo phước đức như thế nào, mà khi sinh ra trời lại đổ mưa lớn, trong miệng tự có loại nước quý đủ tám công đức, lại được gặp Phật, xuất gia thành đạo quả?”

Phật bảo chư tỳ-kheo: “Các người hãy chú tâm lắng nghe, ta sẽ vì các người mà phân biệt giảng nói. Về khoảng giữa Hiền kiếp này, xứ Ba-la-nại có vị Phật ra đời hiệu là Ca-diếp.

Trong chúng hội của Phật, có người trưởng giả đã già yếu lắm rồi mới xuất gia. Người ấy nhọc mệt, chẳng thể tu tập chuyên cần được, lại thêm mắc bệnh rất nguy kịch. Thầy thuốc xem bệnh bảo phải dùng món sữa đặc pha thuốc uống mới khỏi bệnh. Liền nghe lời, theo như vậy pha thuốc mà uống.

Đến nửa đêm, thuốc công phạt trong người, khô khát nóng nảy, chạy tìm nước uống. Đến đâu cũng đều khô cạn, chẳng tìm được chỗ nào có nước. Chạy ra hồ nước phía trước, hồ cũng cạn khô, thậm chí chạy đến bờ sông, liền thấy sông cũng đã khô cạn. Tìm nước khắp nơi đều chẳng được, liền tự hối trách ác nghiệp của mình, nơi bờ sông cởi tấm y treo lên cây mà đi về.

Đến sáng hôm sau, đem chuyện như vậy trình lên thầy trú trì. Thầy nói: “Nghiệp khổ của nhà ngươi nay giống như loài ngựa quý. Ngươi nên lấy nước trong bình của ta, đến chỗ chur tăng mà phân phát.”

Vị tỳ-kheo ấy nghe lời thầy dạy, cầm bình đi chia nước, nước trong bình liền khô cạn.

Khi ấy, trong lòng vị tỳ-kheo sinh ra lo lắng, hốt hoảng, sợ rằng khi mạng chung sẽ phải đọa làm thân ngựa quý, liền tìm đến chỗ Phật mà cầu khẩn: “Bạch Thế Tôn! Con nay khốn khổ, trong lòng lo sợ phải đọa làm thân ngựa quý. Mong được đức Thế Tôn từ bi chỉ giáo.”

Phật dạy: “Ngươi nên ở giữa chúng tăng, phát tâm cung phụng nước sạch tinh khiết, có thể nhờ đó thoát thân ngựa quý.”

Vị tỳ-kheo ấy nghe vậy hết sức vui mừng, liền đến giữa chúng tăng mà phát nguyện rằng: “Từ nay tôi sẽ lo việc cung phụng nước sạch cho chư tăng.”

Người làm như vậy trải qua đến hai mươi ngàn năm rồi mới mạng chung. Quả nhiên thoát khỏi chẳng đọa vào thân ngựa quý. Khi sinh ra trong chốn trời người đều sẵn có nước quý đủ tám công đức hiển hiện trong người, không dùng sữa mẹ. Cho đến nay được gặp Phật, xuất gia đắc đạo.”

Phật lại dạy rằng: “Vị tỳ-kheo già yếu thuở xưa, nay là tỳ-kheo Da-xoa-mật-đa đó.”

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## VỊ TỖ-KHEO HÓA SANH

Lúc ấy, Phật vào mùa an cư ba tháng dưới cội cây Ba-ly-chất-đa, nơi điện Bảo Thạch, trên cõi trời Đao-ly, vì thân mẫu là hoàng hậu Ma-da mà thuyết pháp. Khi mọi việc đã xong, Như Lai muốn trở lại cõi Diêm-phù-đề.

Bấy giờ, Thích-đề Hoàn nhân biết Phật muốn về lại cõi Diêm-phù-đề, liền ra lệnh cho các hàng trời, rồng, càn-thát-bà, a-tu-la, ca-lâu-la, khẩn-na-la, ma-hầu-la-già, cuu-bàn-trà... đều phải hợp sức lại mà làm thành ba cái thang báu trải dài từ trên cõi trời Đao-ly xuống tận Diêm-phù-đề, để Phật nương theo đó mà đi.

Phật từ cõi trời đi xuống, có hai thang báu ở hai bên ngài. Các loài trời, người, rồng, dạ-xoa, a-tu-la... đều nhìn thấy, sinh tâm hoan hỷ vô cùng, khao khát được nghe Phật thuyết pháp.

Phật quán sát biết trong đại chúng nhiều người đã đủ căn lành, liền thuyết pháp cho nghe. Nghe xong, có người đắc quả Tu-đà-hoàn, có người đắc quả Tư-đà-hàm, có người đắc quả A-na-hàm, có người đắc quả A-La-hán, lại có nhiều người phát tâm cầu quả Phật Bích-chi, cũng có người phát tâm cầu quả vô thượng Bồ-đề.

Trong chúng hội lúc đó bỗng có một vị tỳ-kheo hóa sanh, đứng lên nói với đại chúng rằng: “Xin mời hết thấy đại chúng hôm nay thọ dụng các món ăn thức uống do tôi cúng dường. Tôi có thể lo liệu đầy đủ cho tất cả các ngài.”

Nói lời ấy xong rồi thì hết thấy đại chúng yên lặng mà chấp nhận. Tức thời, các thứ bát đĩa quý báu của chư thiên cõi trời liền tự nhiên hiện ra, và mỗi người đều thấy mình có đủ các món ăn ngon quý, đủ trăm mùi vị.

Bấy giờ, Ngài A-nan thấy vậy liền thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Vị tỳ-kheo hóa sanh này trước đây đã tạo phước đức như thế nào, mà nay có thể đủ sức phụng cúng cho

cả một đại chúng đông đảo như thế này? Nhân duyên quá khứ như thế nào xin Thế Tôn nói cho được biết.”

Phật bảo A-nan: “Các người hãy chú tâm lắng nghe, ta sẽ vì người mà phân biệt giảng nói. Về thuở quá khứ cách đây chín mươi một kiếp, xứ Ba-la-nại có Phật ra đời hiệu là Tỳ-bà-thi. Trong chúng hội của ngài có một số vị tỳ-kheo an cư ba tháng nơi vùng núi rừng yên tĩnh. Các vị ngồi thiền tu tập ở vùng này, mỗi ngày phải đi khát thực rất xa xôi nên nhọc nhằn lắm.

Bấy giờ trong số tỳ-kheo đó, có một vị đứng ra thưa với cả đại chúng rằng: ‘Nay tôi xin vì hết thảy chư vị, đi khuyến hóa các vị đàn việt cung cấp món ăn thức uống hàng ngày, để chư vị được yên tâm mà tu tập.’

“Chúng tỳ-kheo nghe vậy rất hoan hỷ, mỗi người đều cố gắng dụng công tu tập, qua ba tháng an cư, thấy đều được chứng đắc đạo quả. Vị tỳ-kheo ấy nhờ công đức phụng sự chư tăng nên về sau sinh ra ở đâu cũng thường có các món ăn thức uống đủ trăm mùi vị tự nhiên ứng hiện, nghĩ đến là có, cho đến nay gặp Phật, lại phát tâm cúng dường đại chúng, cũng liền tự nhiên hóa hiện đầy đủ các món ăn thức uống.”

Khi ấy ngài A-nan lại thưa hỏi rằng: “Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì vị tỳ-kheo ấy chẳng sanh qua bào thai, được sanh bằng cách hóa sanh?”

Phật bảo A-nan: “Giữa Hiền kiếp này, vào thời Phật Ca-diếp, có vị thương chủ dẫn một đoàn thương nhân đi buôn bán phương xa, dẫn theo cả người vợ. Người vợ đang có thai, trên đường đi lại đến kỳ sinh nở. Việc sinh sản khó khăn, đau đớn đến muốn chết mà không chết được. Vị thương chủ thấy thế sinh tâm nhàm chán việc thế tục, liền xả bỏ tất cả mà xuất gia tu tập, lại phát lời nguyện lớn rằng: “Do công đức xuất gia tu tập, nguyện trong đời vị lai dù sinh ra ở chốn nào tôi cũng không phải thọ nhập bào thai, được sanh ra bằng cách hóa sanh.”

Phật lại dạy rằng: “Thương chủ phát nguyện xuất gia ngày ấy, nay là vị tỳ-kheo hóa sanh đó.”

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## CHÚNG BẢO TRANG NGHIÊM

Lúc ấy, Phật ở thành Ca-tỳ-la-vệ, dưới gốc cây Ni-câu-đà. Trong thành có một trưởng giả vô cùng giàu có nhưng không con nối dõi. Cầu khẩn khắp nơi, mong được có con.

Chẳng bao lâu sau, người vợ có thai, sinh được một bé trai hình dung xinh đẹp đáng yêu. Khi vừa sinh ra, trong nhà bỗng nhiên có một dòng suối mát từ trong lòng đất chảy ra, lại có đủ các thứ trân bảo, y phục quý giá cũng tự nhiên hóa hiện.

Ông trưởng giả thấy vậy vui mừng khôn xiết, liền mời thầy tướng đến xem tướng cho cậu bé. Nhân vì khi sinh ra có các thứ trân bảo, y phục quý giá đồng thời hóa hiện, liền đặt tên là Chúng Bảo Trang Nghiêm.

Qua nhiều năm dần dần lớn lên, tình tình hiền hậu, nhân ái, hiếu kính cha mẹ. Ngày kia, cùng với các vị thân hữu cùng đi đến chỗ cội cây Ni-câu-đà, là nơi Phật đang thuyết pháp. Chúng Bảo Trang Nghiêm được thấy đức Thế Tôn với ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, hào quang chiếu sáng quanh thân, oai nghi rực rỡ thù thắng vô cùng, liền sinh lòng tín kính, hoan hỷ, chí thành lễ Phật rồi chấp tay đứng sang một bên nghe pháp. Nghe Phật thuyết pháp rồi, tâm ý khai mở, đắc quả Tu-đà-hoàn. Khi trở về liền thưa với cha mẹ xin được xuất gia nhập đạo.

Cha mẹ thương yêu, không nỡ làm trái ý, liền đưa đến chỗ Phật xin cho được xuất gia. Phật nói: “Lành thay đó, tỳ-kheo!” Tức thì, râu tóc tự nhiên rụng sạch, áo cà-sa hiện ra nơi thân, thành một vị tỳ-kheo oai nghi đầy đủ. Chuyên cần tu tập, chẳng bao lâu đắc quả A-La-hán, đủ Ba trí sáng, Sáu phép thần thông, Tám môn giải thoát, khắp cõi trời người ai gặp cũng đều kính trọng, ngưỡng mộ.

Chư tỳ-kheo thấy việc như vậy, thưa hỏi Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Vị tỳ-kheo Chúng Bảo Trang Nghiêm này trước đã trồng những căn lành gì mà khi sinh ra có những điềm lành rất đặc biệt, lại được gặp Phật mà xuất gia đắc đạo?”

Phật bảo chư tỳ-kheo: “Các người hãy chú tâm lắng nghe, ta sẽ vì các người mà phân biệt giảng nói. Về thuở quá khứ cách đây đã vô số kiếp, xứ Ba-la-nại có vị Phật ra đời hiệu là Ca-tôn-đà. Hóa duyên đã mãn, Phật liền nhập Niết-bàn.

Có vị vua tên là Phạm-ma-đạt-đa thân góp xá-ly của Phật, dựng bốn ngọn bảo tháp cao đến một do-tuần để cúng dường. Bấy giờ có vị trưởng giả mang những hương hoa, trân bảo, y phục quý giá cúng dường vào trong tháp ấy. Nhờ công đức ấy, về sau không còn đọa vào các nẻo dữ địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ; khi sinh ra trong cõi trời người, thường có suối nước trong, cùng với những trân bảo, y phục quý giá tự nhiên đồng thời hóa hiện. Cho đến ngày nay gặp Phật, xuất gia đắc đạo.”

Phật bảo chư tỳ-kheo: “Người trưởng giả cúng dường tháp Phật ngày trước, nay là tỳ-kheo Chúng Bảo Trang nghiêm đó.”

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## **ÔNG VUA HIẾU CHIÊN**

Lúc ấy, Phật ở gần thành Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp Cô Độc. Về phía Nam, có một xứ tên là Kim Địa. Vua xứ ấy tên là Kế-tân. Hoàng hậu của vua thọ thai vừa sinh được một hoàng nam, cốt cách mạnh mẽ, khí lực hơn người, đặt tên là Kế-tân-ninh. Trong ngày sinh thái tử, lại có mười tám ngàn quan thuộc của vua cũng đồng thời sinh ra mười tám ngàn đứa bé trai sức lực mạnh bạo.

Thái tử dần dần khôn lớn. Đến khi vua băng hà, thái tử lên nối ngôi, liền gọi mười tám ngàn người con trai của các quan thuộc cùng sinh một ngày với mình ra phong cho làm đại thần, cùng chăm lo việc nước.

Một hôm, vua đi săn bắn dạo chơi, có quân thân đều theo hộ vệ, hỏi quân thân rằng: “Ta sinh ra khí lực hơn người, ở thế gian này liệu có ai có sức mạnh hơn ta chăng?”



Bấy giờ có người khách buôn thời hay đi xa, nhân lúc ấy cũng tháp tùng trong đoàn của vua, mới tâu lên rằng: “Dưới vùng trung đô có vị vua tên là Ba-tu-nặc, sức khỏe hơn người. So với đại vương đây, vua ấy có thể hơn xa nhiều lắm.”

Vua nghe lời nói của người khách buôn nổi giận, trong lòng bực tức không yên, liền sai sứ đến nói với vua Ba-tu-nặc rằng: “Trong vòng bảy ngày, phải mang theo các quan thuộc tùy tùng đến ra mắt ta. Nếu không, ta sẽ đến đó giết sạch cả năm họ thân tộc của nhà vua.”

Vua Ba-tu-nặc tiếp sứ rồi, vô cùng lo lắng, chưa biết vua kia sức lực thế nào mà đe dọa hung bạo đến thế. Trong lòng chưa quyết định được là có nên nghe theo lời ấy hay không, vua Ba-tu-nặc liền đến chỗ Phật mà thưa hỏi. Phật dạy rằng: “Người chớ nên lo lắng. Hãy về nói với sứ giả ấy rằng: Tôi đây chỉ là vua nhỏ, còn có vị vua lớn hơn ở tại Kỳ Hoàn, ông nên đến đó mà truyền lệnh của vua ông.”

Sứ giả của vua Kế-tân-ninh nghe vậy liền thẳng đến Kỳ Hoàn. Khi ấy, đức Phật hóa hiện thành một vị Chuyển Luân Thánh Vương, sai Đại Mục-kiền-liên hóa hiện trùng trùng binh tướng, cờ xí nghiêm mật, đóng quanh Kỳ Hoàn. Trong điện lớn, Chuyển Luân Thánh Vương ngự trên ngai cao chót vót, có quần thần xếp hai hàng dài đứng hầu, oai nghiêm tột bậc.

Vị sứ giả nhìn thấy quang cảnh Kỳ Hoàn như vậy rồi, liền toát mồ hôi trán, trong lòng run sợ, kinh khiếp, tự nghĩ rằng: “Vua ta tự dung rước họa vào thân rồi!” Bất đắc dĩ đã vào đến điện ngọc, phải dâng thư của vua Kế-tân-ninh lên.

Chuyển Luân Thánh Vương nhận thư rồi, chẳng thèm xem đến, ném xuống chân mà đạp lên, bảo sứ giả rằng: “Ta lên ngai đại vương, quản lãnh bốn phương. Nay ngươi phải nhanh chóng mà về truyền lại lời ta với chủ ngươi. Ngay trong ngày nhận được tin này, phải gấp rút lên đường đến ra mắt ta, không được chậm trễ. Khi lệnh ta truyền đến, nếu đang nằm phải mau ngồi dậy, nếu đang ngồi phải mau đứng dậy, nếu đang đứng phải tức khắc lên đường. Ta hạn cho chỉ trong bảy ngày, vua tôi và triều thần đều phải đến đây triều bái. Nếu trái lời ta, đừng mong xá tội.”

Sứ giả trở về, như thật trình bày, truyền đạt đúng lời đã nghe. Vua Kế-tân-ninh nghe rồi hoảng sợ, trong lòng vô cùng hối hận, tự trách lấy mình, liền triệu tập quần thần ba mươi sáu ngàn người, tức tốc lên đường triều bái. Trên đường đi,

lòng cũng chưa yên, sai sứ hỏa tốc đi trước, tâu lên vua Chuyển Luân rằng: “Vua Kê-tân-ninh đã đến triều kiến, cả thầy ba mươi sáu ngàn người đi theo, có nên vào cả chãng?” Vua Chuyển Luân bảo: “Cho vào một nửa.” Sứ giả về báo lại, vua Kê-tân-ninh liền dẫn mười tám ngàn người gấp rút mà đi.

Lễ triều bái xong, vua Kê-tân-ninh trộm nhìn lên rồi nghĩ rằng: “Vị đại vương này, hình dung tuy là oai nghiêm như vậy, nhưng sức mạnh chưa hẳn đã hơn ta.” Vua Chuyển Luân biết ý nghĩ ấy, sai người mang đến một cây cung lớn trao cho vua Kê-tân-ninh. Vua cố hết sức chãng thế nào giương cung lên nỏ.

Khi ấy, vua Chuyển Luân sai mang cung đến, ngài chỉ dùng một ngón tay mà kéo dây cung ra. Tiếp đó, ngài lấp tên vào mà bắn. Nơi đầu những mũi tên bay ra liền hóa hiện hoa sen báu, mỗi đóa hoa có một vị hóa Phật ngồi trên, phóng ra ánh hào quang sáng chói, soi khắp cùng các cõi thế giới, khiến cho hết thầy chúng sanh đều được lợi lạc.

Khi những hào quang của các vị hóa Phật chiếu ra, chư thiên tiếp nhận liền chứng đắc đạo quả; những chúng sanh trong hỏa ngục liền được mát mẻ; những chúng sanh thọ thân naga quý đói khát liền được no đủ; những chúng sanh đọa làm thân súc sanh liền thoát được những đau đớn nặng nề; những chúng sanh tham dục, sân nhuế, ngu si, phiền não, đều được điều phục, sinh lòng kính tín nơi pháp Phật.

Bấy giờ, vua Kê-tân-ninh thấy những sự hóa hiện như vậy, liền quỳ lạy vua Chuyển Luân, tâm ý được điều phục. Khi ấy, vua Chuyển Luân mới hiện lại nguyên hình Như Lai Thế Tôn, có tứ chúng hầu quanh. Phật liền vì vua Kê-tân-ninh và mười tám ngàn người theo hầu khai diễn thuyết pháp. Tất cả nghe rồi đều thấy tâm ý khai mở, đắc quả Tu-đà-hoàn, liền lễ Phật mà cầu xuất gia. Phật nói: “Lành thay đó, tỳ-kheo!” Tức thì, râu tóc tự nhiên rụng sạch, áo cà-sa hiện ra nơi thân, thành những vị tỳ-kheo oai nghi đầy đủ. Chuyên cần tu tập, chẳng bao lâu đều đắc quả A-La-hán, đủ Ba trí sáng, Sáu phép thân thông, Tám môn giải thoát, khắp cõi trời người ai gặp cũng đều kính trọng, ngưỡng mộ.

Bấy giờ, ngài A-nan thưa hỏi Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Chẳng hay vua Kê-tân-ninh và các vị tỳ-kheo này trước đây đã tạo được những thiện nghiệp gì mà nay đều được sinh trong nhà quyền thế, có sức mạnh hơn người, lại được gặp Phật, xuất gia đắc đạo?”

Phật bảo A-nan và chư tỳ-kheo: “Các người hãy chú tâm lắng nghe, ta sẽ vì các người mà phân biệt giảng nói. Về thuở quá khứ, xứ Ba-la-nại có vị Phật ra đời hiệu là Tỳ-bà-thi, cùng chư tỳ-kheo đi giáo hóa nhiều nơi, đến một nước tên là Bảo Điện.

“Vua nước ấy tên là Bàn-đầu-mạt-đế, nghe có Phật đến thì vui mừng hớn hở, cùng với quần thần mười tám ngàn người ra khỏi thành mà nghinh đón. Vua lễ Phật rồi thưa thỉnh xin được cúng dường Phật và chư tỳ-kheo trong ba tháng. Phật nhận lời.

“Qua ba tháng cúng dường rồi, Phật vì vua với quần thần mà thuyết pháp. Nghe pháp xong rồi, trong lòng vui mừng, cùng nhau lập nguyện rằng: ‘Nhờ công đức cúng dường hôm nay, nguyện trong đời vị lai mười tám ngàn người chúng tôi cùng với đại vương đây được sinh ra ở cùng một nơi, lại trong cùng một ngày.’

“Do công đức cúng dường và nguyện lực ấy, trải qua vô số kiếp đều không đọa vào các nẻo dữ, trong cõi trời người đều được sinh ra cùng một chỗ, lại cùng một ngày với nhau, cùng hưởng những điều khoái lạc, vui thú. Cho đến ngày nay gặp Phật, xuất gia đắc đạo.”

Phật lại dạy rằng: “Vua Bàn-đầu-mạt-đế thuở ấy, nay là vua Kê-tân-ninh. Quần thần ngày ấy, nay là mười tám ngàn vị tỳ-kheo đó.”

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## **ÔNG HOÀNG XUẤT GIA**

Lúc ấy, Phật ở gần thành Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp Cô Độc. Đức Như Lai thành đạo cho đến lúc ấy đã mười hai năm, muôn cùng với 1.250 vị tỳ-kheo về lại thành Ca-tỳ-la-vệ.

Khi ấy, Phật suy nghĩ: “Nay ta về lại thành Ca-tỳ-la-vệ, nên hiện các phép thần thông biến hóa mà độ cho những người trong hoàng tộc Thích-ca phát tâm tu tập.”

Ngài liền dạy các tỳ-kheo rằng: “Khi về thành Ca-tỳ-la-vệ, các người mỗi người nên tự hiện các phép thần thông biến hóa, để giúp những người trong hoàng tộc Thích-ca sinh lòng tín kính mà tu tập.”

Phật phóng ra một luồng hào quang chói sáng, tất cả các vị tỳ-kheo đều nương theo đó cùng hiện đến Ca-tỳ-la-vệ.

Vua Tịnh-phạn nghe tin Phật trở về, liền sai người dọn sửa đường sá, quét dọn sạch sẽ, rải các loại hoa thơm nước sạch theo đường, lại cho thổi lên những khúc nhạc hay lạ, êm dịu mà đón Phật. Rồi vua thỉnh Phật với chư tăng vào cung mà cúng dường.

Bấy giờ, vua Tịnh-phạn thấy các vị tỳ-kheo theo hầu bên Phật, tuy có phép thần thông nhưng hình thể xem ra thô xấu, nên trong lòng vua không vui. Vua nghĩ rằng: “Ta nên tuyển chọn năm trăm người hình thể đẹp đẽ, thanh lịch, giao cho Bạt-đề Thích vương cầm đầu, xuất gia theo Phật làm người hầu cho Phật.”

Nghĩ rồi liền làm ngay, chọn được năm trăm người trong dòng họ Thích-ca, giao cho Bạt-đề Thích vương cầm đầu, đi đến chỗ Phật cầu xuất gia. Phật nhận lời, liền giao cho Ưu-ba-ly cạo bỏ râu tóc. Ưu-ba-ly đang cầm dao cạo, bỗng rơi lệ lên đầu Bạt-đề. Thích vương liền hỏi: “Vì sao ông khóc?” Ưu-ba-ly đáp: “Các vị đều là dòng dõi hoàng tộc, trong một sớm một chiều gạt bỏ tất cả mà làm người xuất gia, tôi thật cảm động lắm nên không cầm được nước mắt.”

Bạt-đề nghe vậy, trong lòng sinh ra kiêu mạn, nghĩ mình thuộc dòng vương giả, mấy ai bì được.

Khi cạo bỏ râu tóc rồi, đắp y thọ giới, theo thứ tự trong chúng tăng mà làm lễ. Đến trước Ưu-ba-ly, liền đứng yên không chịu lễ.

Phật hỏi: “Vì sao không lễ Ưu-ba-ly?” Bạt-đề đáp: “Tôi thuộc dòng tộc cao quý, người này thấp hèn, vì thế không lễ.” Phật nói: “Trong đạo pháp của ta không có sự phân biệt theo cách ấy. Những sự cao quý hay thấp hèn như thế của thế gian đều chỉ là huyễn hóa, có gì bền chắc mà bám vào?”

Bạt-đề lại nói: “Người này thật trước là tôi tớ của tôi, thật không thể lễ lạy được.”

Phật dạy: “Hết thấy những gì người gọi là tôi tớ, nghèo hèn, giàu có, cao quý, hèn hạ... thật ra có gì khác biệt nhau?”

Bạt-đề nghe Phật dạy lời ấy, liền chợt hiểu ra, quỳ xuống mà lễ Ưu-ba-ly. Khi ấy, cõi đất chấn động, chư thiên nơi không trung lên tiếng khen là chưa từng có: Bạt-đề Thích vương vì cầu đạo pháp, hạ mình lễ lạy một người thuộc đẳng cấp hạ tiện, dẹp bỏ được hết thấy tâm kiêu căng, ngã mạn.

Khi thọ giới xong, Bạt-đề chấp tay đứng sang một bên nghe Phật thuyết pháp, liền thấy tâm ý khai mở, chứng quả A-La-hán.

Ngày kia, ngài đắp y mang bát đi khát thực, đến chỗ vắng vẻ ngồi dưới một gốc cây, trong lòng an ổn, vui vẻ, không có điều chi lo nghĩ, sợ sệt, liền suy nghĩ rằng: “Trước đây ta ở trong cung điện, tuyển mộ những người dũng kiện, cầm đu các loại khí giới ngày đêm canh phòng hai bên tả hữu, mà lòng vẫn cứ hoài lo sợ. Nay xuất gia nhập đạo rồi, nơi chỗ vắng vẻ này, một mình an ổn không chút lo sợ, thật là được chỗ lợi lạc không sao nói hết.”

Ngài A-nan thấy việc của Bạt-đề, liền thưa hỏi Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Chẳng hay tỳ-kheo Bạt-đề trước đây tạo những nhân lành như thế nào, mà nay sanh trong hoàng tộc, lại xuất gia chẳng bao lâu mà được thành đạo quả.”

Phật bảo A-nan và chư tỳ-kheo: “Các người hãy chú tâm lắng nghe, ta sẽ vì các người mà phân biệt giảng nói. Về thuở quá khứ cách đây đã vô số kiếp, xứ Ba-la-nại có vị Phật Bích-chi, vào thành khát thực.

“Bấy giờ có một người vô cùng nghèo khổ đi trên đường, đang cơn đói khát, tay cầm một cái bánh duy nhất. Người ấy xa trông thấy Phật Bích-chi thì sinh lòng hoan hỷ vô cùng, liền đến lễ bái rồi dâng miếng bánh ấy mà cúng dường.

“Phật Bích-chi thọ nhận sự cúng dường của người ấy rồi, liền bay lên hư không, hiện đủ mười tám phép biến hóa. Người nghèo khổ ấy thấy vậy càng thêm sinh lòng kính ngưỡng, tin phục.

“Nhờ công đức ấy, đã vô số kiếp trôi qua, người chẳng phải đọa vào các nẻo dữ như địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, trong cõi trời người lại thường sinh trong nhà quyền quý, giàu sang, cho đến nay được gặp Phật mà xuất gia đắc đạo.”

Phật lại dạy rằng: “Người cúng dường miếng bánh ngày xưa cho Phật Bích-chi, nay là tỳ-kheo Bạt-đề đó.”

Phật thuyết nhân duyên này xong, trong đại chúng có người đắc quả Tu-đà-hoàn, có người đắc quả Tu-đà-hàm, có người đắc quả A-na-hàm, có người đắc quả A-La-hán, lại có nhiều người phát tâm cầu quả Phật Bích-chi, cũng có người phát tâm cầu quả vô thượng Bồ-đề.

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## **THÁI TỬ XUẤT GIA**

Lúc ấy, Phật ở nước Câu-tỳ-la, dưới gốc cây thỏ la, tự nghĩ rằng: “Đã đến lúc ta nên hóa độ cho thái tử Hộ Quốc của xứ này xuất gia nhập đạo.”

Như Lai liền cùng chư tỳ-kheo vào thành. Vừa bước qua cửa thành, mặt đất liền chấn động, chư thiên trên trời rải hoa báu xuống như mưa mà cúng dường, lại có ánh hào quang chói sáng chiếu khắp trong thành. Khi ấy, nhân dân trong thành, người mù bỗng nhiên được sáng, người điếc bỗng nhiên được nghe, người câm bỗng nhiên nói được.

Thái tử Hộ Quốc thấy sự thần biến như vậy, khen là chưa từng có, liền tìm đến lễ Phật. Khi được nhìn thấy đức Thế Tôn với ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, hào quang chiếu sáng quanh thân, oai nghi rực rỡ thù thắng vô cùng, thái tử sinh lòng hoan hỷ, tín kính, chí thành lễ bái rồi chấp tay đứng hầu một bên.

Phật vì thái tử thuyết pháp Tứ diệu đế, tâm ý liền khai mở, đắc quả Tu-đà-hoàn.

Thái tử quay về tâu lên vua cha rằng: “Đức Thế Tôn có đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, nếu chẳng xuất gia tất làm bậc Chuyển Luân Thánh Vương, cai trị bốn cõi. Như vậy mà ngài còn dứt bỏ để ra đi xuất gia cầu đạo, hướng chi như con đây, sao chẳng biết xuất gia theo Phật?”

Nói vậy rồi, cầu xin vua cha cho được xuất gia theo Phật.

Vua xứ ấy tên là Tu-đề, nghe thái tử nói vậy thì không ưng thuận. Thái tử trong lòng sầu não, liền tuyệt thực luôn trong sáu ngày. Các vị quần thần thấy vậy liền đến tâu vua rằng: “Thái tử bỏ ăn đã sáu ngày liền, tính mạng e rằng nguy kịch. Xin đại vương chiều ý mà cho xuất gia, may ra sau này còn được gặp mặt.”

Vua Tu-đề nghe vậy cảm lòng không được, liền thuận cho. Thái tử vui mừng tìm đến chỗ Phật lạy xin xuất gia. Phật nói: “Lành thay đó, tỳ-kheo!” Tức thì, râu tóc tự nhiên rụng sạch, áo cà-sa hiện ra nơi thân, thành một vị tỳ-kheo oai nghi đầy đủ. Chuyên cần tu tập, chẳng bao lâu đắc quả A-La-hán, đủ Ba trí sáng, Sáu phép thần thông, Tám môn giải thoát, khắp cõi trời người ai gặp cũng đều kính trọng, ngưỡng mộ.

Chư tỳ-kheo thấy vậy liền thưa hỏi Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Chẳng hay tỳ-kheo Hộ Quốc đây trước đã tạo những nhân lành gì mà được sinh vào hoàng tộc, lại gặp Phật, xuất gia chưa bao lâu được thành đạo quả.”

Phật bảo chư tỳ-kheo: “Các người hãy chú tâm lắng nghe, ta sẽ vì các người mà phân biệt giảng nói. Về thuở quá khứ cách đây đã vô số kiếp, xứ Ba-la-nại có vị vua tên là Tỳ-đề, kéo binh sang đánh nhau với một vị vua lân quốc.

Bấy giờ, vua Tỳ-đề bị đánh bại, cùng với quân binh bỏ chạy thoát thân, lạc đến một vùng hoang vắng kia lại gặp lúc trời nắng nóng, khô khát không nước uống. Nơi ấy có một vị Phật Bích-chi, vua liền đến lễ bái cầu xin cứu hộ. Phật Bích-chi liền hiện thân biến, khiến cho vua và tất cả quân binh đều được đầy đủ nước uống và lương thực, lại tìm được đường về nước cũ.

“Khi ấy, vua vui mừng khôn xiết, liền tự nghĩ rằng: ‘Nay chúng ta được khỏi chết khát, lại tìm được đường về nhà, đều là nhờ ân đức của vị Phật Bích-chi này. Vậy nên thiết lễ cúng dường mà thỉnh ngài thọ nhận.’

“Nghĩ rồi liền thiết lễ cúng dường trọng hậu, thỉnh Phật Bích-chi vào cung thọ nhận. Phật Bích-chi nhận cúng dường xong, liền nhập Niết-bàn. Vua và quần thần than khóc thảm thiết, thu gom xá-lỵ Phật dựng bốn ngọn tháp báu đặt vào trong mà lễ bái cúng dường.

“Nhờ công đức ấy, trải qua vô số kiếp đều không phải đọa vào các nẻo dữ địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, trong cõi trời người thường sinh trong nhà giàu sang quyền quý, hưởng nhiều khoái lạc, cho đến nay gặp Phật xuất gia đắc đạo.”

Phật lại dạy rằng: “Vua Tỳ-đề ngày trước, nay là tỳ-kheo Hộ Quốc đó. Nhờ công đức cúng dường Phật Bích-chi, nên nay được gặp Phật, xuất gia đắc đạo.”

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## **PHẨM THỨ MƯỜI : CÁC NHÂN DUYÊN KHÁC - PHẬT ĐỘ NGƯỜI HUNG ÁC**

Khi đức Phật vừa thành chánh giác, ngài muốn hóa độ cho các vị vua loài rồng, liền hiện thân xuống dưới chân núi Tu-di, hóa hình một vị tỳ-kheo, ngồi thiền dưới gốc cây.

Lúc ấy có con chim Kim-sí bắt được một con rồng con ở giữa biển, mang đến núi Tu-di thả xuống mà ăn thịt. Con rồng ấy còn chưa chết hẳn, mở mắt nhìn thấy vị tỳ-kheo ngồi thiền nơi gốc cây, liền thành tâm mà cầu khẩn, phát sinh lòng tin sâu vững nơi vị ấy.

Ngay khi ấy, rồng bỏ mạng. Do thiện tâm hướng đến Phật, nên thoát thân loài rồng, được sinh làm người, trong một nhà bà-la-môn ở thành Xá-vệ. Người bà-la-môn ấy tên là Phụ-lê, sanh được đứa con trai xinh đẹp, khẩu khinh, liền đặt tên cho là Tu-bồ-đề.



Đứa trẻ ấy ngày càng khôn lớn, thông minh trí huệ ít ai bì kịp, chỉ có điều tính tình cực kỳ hung ác. Mỗi khi nhìn thấy ai cũng đều sinh lòng sân hận, chỉ muốn nhục mạ, gây hấn, thậm chí cho đến đối với súc vật cũng có lòng hiềm hận, oán ghét.

Do vì tánh tình như vậy, nên đến cha mẹ, thân thuộc cũng đều dần dần xa lánh, không muốn gặp gỡ. Trong lòng chán nản, liền bỏ nhà vào sống trong rừng sâu hẻo lánh. Nhưng cho đến sống ở nơi như thế, đối với cầm thú chim muông cũng sanh lòng giận dữ, oán ghét, thậm chí gió lay cây cỏ cũng làm cho tức giận, nên trong lòng chẳng lúc nào thấy vui.

Nơi ấy có vị thần núi, thấy vậy liền bảo Tu-bồ-đề rằng: “Người nay bỏ nhà đến sống nơi chốn sơn lâm cùng cốc này, nếu không tu thiện thì có ích lợi gì, chỉ tự làm khổ lấy mình đó thôi. Nay có đức Phật Thế Tôn đang ở tinh xá Kỳ Hoàn, thường dạy chúng sanh bỏ ác tu thiện. Nếu người đến đó tất có thể trừ được lòng sân nhuế, ác độc.”

Tu-bồ-đề nghe vị thần núi nói lời ấy bỗng sanh tâm hoan hỷ vô cùng, liền hỏi rằng: “Nơi ở của Thế Tôn, làm sao tìm đến được?” Thần núi nói: “Nếu người muốn đi, chỉ việc nhắm mắt lại, ta sẽ giúp người.”

Tu-bồ-đề nghe lời nhắm mắt lại, chỉ trong giây lát liền được thần núi mang đến tinh xá Kỳ Hoàn. Đến nơi, nhìn thấy đức Thế Tôn với ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, hào quang chiếu sáng quanh thân, oai nghi rực rỡ thù thắng vô cùng, liền sanh lòng kính ngưỡng, hoan hỷ, chí thành lễ bái rồi chấp tay đứng sang một bên.

Phật liền vì Tu-bồ-đề mà thuyết dạy rằng: “Lòng sân hận, độc ác, ngu si, phiền não làm mất đi căn lành nơi chúng sanh, lại tăng trưởng thêm điều ác, nên phải lãnh chịu quả báo nơi địa ngục, khổ não không sao nói hết. Đến khi thoát được địa ngục, lại còn phải thọ thân rắn, rồng, la-sát, quỷ thần... trong tâm thường hiềm độc, tàn hại lẫn nhau.”

Tu-bồ-đề nghe Phật thuyết dạy, trong lòng kinh sợ, sanh tâm hối trách, hiểu ra rằng tự bấy lâu nay đã nuôi lấy ác tâm. Liền đối trước Phật chân thành lễ lạy sám hối. Ngay khi ấy chứng đắc quả Tu-đà-hoàn, liền vui mừng cầu xin xuất gia. Phật nói: “Lành thay đó, tỳ-kheo!” Tức thì, râu tóc tự nhiên rụng sạch, áo cà-sa hiện ra nơi

thân, thành một vị tỳ-kheo oai nghi đầy đủ. Chuyên cần tu tập, chẳng bao lâu đắc quả A-La-hán, đủ Ba trí sáng, Sáu phép thần thông, Tám môn giải thoát, khắp cõi trời người ai gặp cũng đều kính trọng, ngưỡng mộ.

Chư tỳ-kheo thấy việc Tu-bồ-đề được Phật hóa độ, liền thưa hỏi rằng: “Bạch Thế Tôn! Chẳng hay tỳ-kheo Tu-bồ-đề trước đây tạo những nghiệp thiện ác như thế nào, mà nay tuy được thân người tâm thường sân hận, hung ác, nay lại được gặp Phật xuất gia đắc đạo.”

Phật bảo chư tỳ-kheo: “Các người hãy chú tâm lắng nghe, ta sẽ vì các người mà phân biệt giảng nói. Giữa Hiền kiếp này, xứ Ba-la-nại có Phật ra đời hiệu là Ca-diếp. Trong chúng hội của ngài có một tỳ-kheo thường đi khuyến hóa, cùng với chư tỳ-kheo đi cúng dường khắp mọi nơi, cho đến mười ngàn năm như vậy. Ngày kia, chư tỳ-kheo có chút việc bận rộn chẳng cùng đi theo, ông liền giận dữ buông lời thóa mạ rằng: ‘Các ông thật là hiểm độc, khác nào loài rồng dữ.’ Nói rồi bỏ đi.

“Do nghiệp duyên đó, trong năm trăm đời phải sanh vào loài rồng dữ, tâm thường độc hiểm, ác hại chúng sanh. Nay tuy được thân người mà nghiệp xưa chưa dứt hẳn, vì vậy mà thường hay sân hận.”

Phật lại dạy rằng: “Tỳ-kheo buông lời ác khẩu ngày trước, nay là Tu-bồ-đề đó. Nhờ công đức cúng dường chư tăng, nên nay được gặp Phật xuất gia đắc đạo.”

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## **MANG THAI SÁU MƯƠI NĂM**

Lúc ấy, Phật ở thành Vương-xá, tinh xá Trúc Lâm. Trong thành có ông trưởng giả giàu có vô cùng, chọn được người vợ cũng thuộc gia đình hào phú, sống với nhau âm êm, hòa thuận.

Không bao lâu, người vợ có thai. Đến kỳ sinh nở, thai chẳng chịu ra. Rồi lại có thai nữa, đủ ngày tháng liền sinh được một bé trai, trong khi cái thai đầu tiên vẫn còn trong bụng mẹ.

Cứ như vậy, người mẹ sinh đến mười đứa con, mà cái thai đầu tiên vẫn còn mang trong bụng, chẳng sinh ra được.

Khi ấy, người mẹ bệnh nặng, thuốc thang chạy chữa vẫn không thuyên giảm, liền dặn lại người nhà rằng: “Đứa con trong bụng ta nay vẫn còn sống. Nếu lỡ ta chết đi, nên mổ bụng lấy ra mà nuôi dưỡng.”

Bệnh quả nhiên không qua khỏi. Khi người mẹ chết rồi, thân thuộc nhớ lời, đưa thi hài ra đến nghĩa trang rồi mời vị danh sư Kỳ-bà đến, mổ bụng bà mà lấy ra được một đứa bé trai. Tuy hình thù nhỏ bé nhưng tóc đã bạc trắng, thân thể lom khom. Vừa được lấy ra khỏi bụng mẹ, liền ngoảnh nhìn bốn phía, nói với những người quyến thuộc chung quanh rằng: “Chư vị nên biết rằng, tôi đây do ngày trước mà nhục tằng chúng, nên phải ở trong bào thai này đến 60 năm, thọ những khổ não không thể nói hết.”

Quyến thuộc nghe như vậy đều cảm thương khôn xiết, chẳng nói thành lời.

Bấy giờ, đức Thế Tôn quán biết sự việc, lại biết rằng đứa trẻ ấy căn lành đã đủ, có thể hóa độ, liền cùng với đại chúng tỳ-kheo hiện đến nơi nghĩa trang ấy. Phật bảo đứa trẻ rằng: “Ngươi có phải là tỳ-kheo Trưởng Lão đó chăng?” Đứa trẻ liền đáp: “Thưa phải.” Phật hỏi như vậy ba lần, cũng đều đáp là phải.

Chư tỳ-kheo thấy đứa trẻ ấy cùng Phật đối đáp, sinh lòng nghi hoặc, liền thưa hỏi rằng: “Bạch Thế Tôn! Người này trước đây đã tạo những nghiệp gì, nay phải ở trong thai đến 60 năm, đầu tóc đã bạc, lưng còng má hóp mới được ra ngoài, lại có thể cùng Phật đối đáp?”

Phật bảo chư tỳ-kheo: “Các ngươi hãy chú tâm lắng nghe, ta sẽ vì các ngươi mà phân biệt giảng nói. Giữa Hiền kiếp này, xứ Ba-la-nại có Phật xuất thế hiệu là Ca-diếp. Khi ấy, chư tỳ-kheo tăng cùng nhau vào hạ an cư, cử ra một vị tuổi tác đã cao làm thầy duy-na, lo lắng mọi việc.

“Đến khi mãn hạ, làm lễ tự tứ, chỉ cho những người đã chứng quả được tham gia. Trong chúng hội khi ấy chỉ có mỗi thầy duy-na là chưa chứng quả, vì vậy chẳng được cho vào dự lễ bố-tát, tự tứ. Vị ấy liền sanh tâm buồn rầu, oán trách, nói rằng: “Chỉ riêng một mình ta quán xuyên mọi việc cho các người được yên ổn mà tu tập. Nay lại phản phúc, chẳng cho ta dự lễ tự tứ.”

Vị ấy sanh tâm sân hận, mạ nhục tăng chúng, rồi đóng kín cửa phòng của mình lại mà phát lời nguyện rằng: “Lũ các người rồi đây sẽ phải ở mãi trong chỗ tối tăm, cũng như ta ngày nay ở trong phòng tối này.” Do lời độc địa ấy, mạng chung đọa vào địa ngục, chịu những sự khổ não cùng cực. Nay vừa được thoát, thọ thân người phải ở trong bào thai mà chịu khổ não.”

Bấy giờ đại chúng nghe Phật thuyết nhân duyên này xong, thấy đều tự phòng hộ lấy ba nghiệp của mình, sinh tâm chán ngán, muốn xa lìa vòng luân hồi sanh tử, có người đắc quả Tu-đà-hoàn, có người đắc quả Tu-đà-hàm, có người đắc quả A-na-hàm, có người đắc quả A-La-hán, lại có người phát tâm cầu quả Phật Bích-chi, có người phát tâm cầu quả vị vô thượng Bồ-đề.

Khi ấy, quyến thuộc liền cùng nhau mang hài nhi về nuôi dưỡng. Đến khi lớn lên liền cho được xuất gia tu học. Chuyên cần tu tập, chẳng bao lâu đắc quả A-La-hán.

Chư tỳ-kheo thấy việc như vậy liền thưa hỏi rằng: “Bạch Thế Tôn! Vị tỳ-kheo này trước tạo được nhân lành gì mà nay xuất gia chưa bao lâu đã được đắc quả.”

Phật dạy: “Do ngày trước cúng dường tăng chúng, lại giữ chức duy-na mà phụng sự chư tăng, nên nay được gặp Phật xuất gia đắc đạo.”

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

**NGƯỜI KHÔNG CÓ TAY**

Lúc ấy, Phật ở gần thành Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp Cô Độc. Trong thành có vị trưởng giả giàu có vô cùng, lại chọn người trong dòng hào tộc mà cưới về làm vợ, cuộc sống rất hoan lạc, vui thú.

Chẳng bao lâu người vợ có thai, sinh được một bé trai, nhưng chẳng có hai bàn tay. Vừa sinh ra, trẻ đã biết nói, lên tiếng bảo người chung quanh rằng: “Nay thật rất khó mà có được hai bàn tay, cần phải hết lòng yêu thương mà gìn giữ.”

Cha mẹ thấy vậy cho là kỳ quái, liền mời thầy tướng đến xem. Nhân vì sinh ra chẳng có tay, nên đặt tên là Ngộ Thủ.

Dần dần khôn lớn, ngày kia đi với chúng bạn đến nơi tinh xá Kỳ Hoàn được gặp Phật. Nhìn thấy đức Thế Tôn với ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, hào quang chiếu sáng quanh thân, oai nghi rực rỡ thù thắng vô cùng, Ngộ Thủ liền sanh tâm hoan hỷ, kính ngưỡng, chí thành lễ bái rồi đứng sang một bên.

Khi ấy, Phật liền thuyết pháp cho nghe. Nghe xong, tâm ý khai mở được chứng quả Tu-đà-hoàn. Khi trở về liền thưa xin cha mẹ cho được xuất gia nhập đạo.

Cha mẹ thương yêu chẳng muốn trái ý, liền dẫn đến tinh xá Kỳ Hoàn, lạy Phật xin cho xuất gia tu học. Phật nói: “Lành thay đó, tỳ-kheo!” Tức thì, râu tóc tự nhiên rụng sạch, áo cà-sa hiện ra nơi thân, thành một vị tỳ-kheo oai nghi đầy đủ. Chuyên cần tu tập, chẳng bao lâu đắc quả A-La-hán, đủ Ba trí sáng, Sáu phép thần thông, Tám môn giải thoát, khắp cõi trời người ai gặp cũng đều kính trọng, ngưỡng mộ.

Chư tỳ-kheo thấy việc như vậy, liền thưa hỏi Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Vị tỳ-kheo Ngộ Thủ này vì sao khi sinh ra đã biết nói ngay, nhưng lại chẳng có ha bàn tay, lại được gặp Phật xuất gia đắc đạo?”

Phật bảo chư tỳ-kheo: “Các người hãy chú tâm lắng nghe, ta sẽ vì các người mà phân biệt giảng nói. Vào giữa Hiền kiếp này, có vị Phật ra đời hiệu là Ca-diếp.

“Khi ấy có hai vị tỳ-kheo kia, một người đã chứng quả A-La-hán, một người chưa chứng quả. Dân chúng trong vùng thường hay mời thỉnh đến cúng dường, vị tỳ-kheo chưa chứng quả thường cùng đi với vị A-La-hán đến thọ nhận sự cúng dường của đàn việt.

“Có một ngày kia, vị A-La-hán không ở đó, lại cùng đi với một người khác. Vị tỳ-kheo chưa chứng quả liền sanh tâm sân nhuế, buông lời thóa mạ, nói rằng: ‘Ta thường vì người rửa bát, bung nước, nay sao lại sanh lòng phản phúc đi với người khác? Từ nay về sau ta mà có đi cùng người thì cho cụt cả hai tay đi.’ Nói lời ấy rồi, hai người từ đó chẳng đi chung với nhau nữa.

“Do nghiệp duyên như thế, trải qua năm trăm đời, tỳ-kheo ấy thọ quả báo sanh ra chẳng có hai bàn tay. Vì việc mà tự nói lên rằng: Hai bàn tay rất là khó được.”

Phật lại dạy rằng: “Vị tỳ-kheo ác khẩu thóa mạ A-La-hán ngày đó, nay là tỳ-kheo Ngột Thủ đó. Do nơi ngày ấy có phụng sự cho bậc thánh, nên nay được gặp Phật, xuất gia đắc đạo.”

Phật thuyết nhân duyên của tỳ-kheo Ngột Thủ xong, chư tỳ-kheo thấy đều tự phòng hộ lấy ba nghiệp của mình, sinh tâm chán ngán, muốn xa lìa vòng luân hồi sanh tử, có người đắc quả Tu-đà-hoàn, có người đắc quả Tư-đà-hàm, có người đắc quả A-na-hàm, có người đắc quả A-La-hán, lại có người phát tâm cầu quả Phật Bích-chi, có người phát tâm cầu quả vị vô thượng Bồ-đề.

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## **ĐÓI KHỔ SUỐT ĐỜI**

Lúc ấy, Phật ở với chư tỳ-kheo gần thành Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp Cô Độc. Trong thành có một người vợ của người bà-la-môn có thai, sinh ra một đứa con trai hình dung cực xấu, thân thể nhóp nhúa. Khi bú vú mẹ, sữa mẹ liền chua đi, chẳng thể bú được. Khi nhờ người khác cho bú lại cũng như thế. Vì vậy, đành phải lấy bơ với mật trét vào miệng cho trẻ ấy mút cảm hơi mà sống. Nhân đó mới đặt tên là Lê-quân-chi.

Đứa trẻ ấy cũng dần dần lớn lên, nhưng thật là xấu số, chẳng lúc nào được ăn no đủ. Thấy các vị tỳ-kheo đi khát thực được người ta cúng dường thức ăn trong bát,

Lê-quân-chi sanh lòng hoan hỷ, nghĩ rằng: “Ta nên đến chỗ Phật mà cầu xuất gia, tất sẽ được ăn no.”

Nghĩ rồi liền đến nơi tinh xá Kỳ Hoàn lạy Phật xin xuất gia. Phật nói: “Lành thay đó, tỳ-kheo!” Tức thì, râu tóc tự nhiên rụng sạch, áo cà-sa hiện ra nơi thân, thành một vị tỳ-kheo oai nghi đầy đủ. Chuyên cần tu tập, chẳng bao lâu đắc quả A-La-hán.

Dù đã chứng quả, nhưng mỗi khi tỳ-kheo Lê-quân-chi đi khát thực vẫn thường đói thiếu. Trong lòng tự hỏi trách, liền vào trong tháp Phật mà lễ bái, thấy có bụi bặm liền chuyên tâm quét dọn sạch sẽ. Hôm ấy đi khát thực được một bữa ăn no. Trong lòng vui vẻ, liền bạch với tăng chúng rằng: “Từ nay về sau xin cho tôi được lo việc quét dọn tháp Phật. Vì nhờ quét tháp Phật tôi mới có thể khát thực được no lòng.” Tăng chúng nghe vậy cũng đều đồng ý.

Đến một ngày nọ, Lê-quân-chi ngủ mê dậy muộn, đã quá giờ quét dọn mà vẫn còn ngủ. Gặp lúc Xá-ly-phát và năm trăm vị đệ tử từ nơi khác đến viếng Phật, thấy trong tháp có bụi bặm liền tiện tay quét dọn sạch sẽ ngay. Lê-quân-chi thức giấc thấy Xá-ly-phát đã quét tháp rồi, liền nói rằng: “Ngài quét tháp Phật, ấy là khiến tôi hôm nay phải nhịn đói rồi.” Xá-ly-phát hỏi nguyên do, nghe xong liền nói rằng: “Ngài không phải lo, hôm nay có thể cùng đi với tôi vào thành khát thực, chắc được no đủ.”

Lê-quân-chi nghe nói vui mừng, đến giờ khát thực liền ôm bát đi theo Xá-ly-phát. Đến nhà đàn việt, ngờ đâu gặp lúc vợ chồng cãi nhau chẳng ai cúng dường, đành ôm bát không mà về.

Ngày thứ hai, đến giờ khát thực Xá-ly-phát liền nói rằng: “Hôm nay có người trưởng giả trong thành thỉnh đến cúng dường, ngài nên cùng đi với tôi, chắc được no đủ.” Liền cùng nhau đến đó. Lễ cúng long trọng, người ta dọn thức ăn rất nhiều. Chư tỳ-kheo ngồi thành hàng dài, những người dọn thức ăn đặt từ phía dưới lên, đến chỗ Lê-quân-chi thì vừa hết mất. Những người dọn từ phía trên xuống, đến chỗ ông lại cũng vừa hết. Vậy là trong chúng hội chỉ mỗi mình ông chẳng có thức ăn. Ông liền lớn tiếng gọi rằng: “Tôi chưa có thức ăn.” Nhưng chẳng hiểu sao chủ nhân chẳng nghe thấy tiếng ông gọi. Đành nhịn đói mà về.

Khi ấy, ngài A-nan nghe kể lại sự việc, sanh lòng thương xót, đến ngày thứ ba liền đến nói với Lê-quân-chi rằng: “Sáng nay tôi được cùng đi với Phật thọ nhận cúng dường, sẽ vì ông mà mang thức ăn về, giúp ông được no đủ.” Nói vậy rồi mới đi.

Ngài A-nan vốn là người đa văn đệ nhất, nghe và nhớ được hết tất cả những kinh Phật thuyết dạy, chưa từng quên mất điều gì. Vậy mà hôm ấy bỗng nhiên quên khuấy mất lời hứa với Lê-quân-chi, thọ thực xong lại ôm bát không mà về!

Đến ngày thứ tư, ngài A-nan lại vì Lê-quân-chi mà nhận thức ăn vào bát mang về. Ngờ đâu nửa đường gặp con chó dữ, chồm lên hất bát đổ hết thức ăn. Đành ôm bát không mà về, Lê-quân-chi phải nhịn đói thêm một hôm nữa.

Ngày thứ năm, ngài Mục-kiền-liên biết chuyện, liền vì Lê-quân-chi mà xin thức ăn mang về, lại gặp con chim Kim-sí cực lớn giạt lấy bát mà mang luôn ra ngoài biển. Lại phải nhịn đói thêm ngày nữa.

Ngày thứ sáu, ngài Xá-ly-phát liền quyết ý giúp Lê-quân-chi. Xin được thức ăn cẩn thận mang về đến tận cửa phòng rồi, cửa bỗng nhiên đóng chặt. Xá-ly-phát liền dùng thần lực mà hiện vào trong phòng, chẳng ngờ nhanh quá nên sẩy tay rơi bát. Ngài lại dùng thần lực mà ngăn giữ, thu hồi nguyên vẹn lại mà đưa cho Lê-quân-chi. Cầm bát thức ăn trên tay, miệng liền dính cứng chẳng mở ra được. Giờ ăn qua rồi, miệng liền tự mở ra được.

Vào ngày thứ bảy, Lê-quân-chi sinh tâm xấu hổ cùng cực, liền ra trước đại chúng vốc cát mà ăn, ăn xong uống nước rồi nhập Niết-bàn.

Chư tỳ-kheo thấy sự việc của Lê-quân-chi thấy đều kinh quái, liền thưa hỏi Phật về nguyên do các nghiệp thiện ác mà tỳ-kheo Lê-quân-chi đã làm. Phật bảo chư tỳ-kheo: “Các người hãy chú tâm lắng nghe, ta sẽ vì các người mà phân biệt giảng nói. Về thuở quá khứ cách đây đã vô số kiếp, xứ Ba-la-nại có vị Phật ra đời hiệu là Đế-tràng, cùng với chư tỳ-kheo đi giáo hóa nhiều nơi.

“Bấy giờ có người trưởng giả tên là Cù-di, thấy Phật với chư tăng thì sanh lòng kính tín, liền thỉnh về nhà mà cúng dường, ngày nào cũng vậy. Một thời gian sau, trưởng giả ấy chết đi. Người vợ tiếp tục cúng dường, nhưng đứa con trai lòng tham lam chẳng thuận việc cúng dường, bỏ thí, liền ngăn cản mẹ. Người mẹ không nghe,



con trai liền lườm thức ăn cho mẹ mỗi ngày. Người mẹ lại nhin một nửa phần ăn của mình, tiếp tục cúng dường Phật với chur tăng.

“Đứa con thấy vậy thì tức lắm, liền nhốt mẹ vào một cái phòng trống, chẳng cho ăn uống gì cả. Cho đến bảy ngày, mẹ đói quá cầu khẩn xin ăn, đứa con đáp rằng: ‘Sao chẳng ăn cát mà uống nước, lại phải theo ta xin ăn?’” Nói vậy rồi lại bỏ mà đi mất. Rốt cục, người mẹ đói quá mà chết.

“Người con ấy sau mạng chung liền sanh vào địa ngục A-tỳ, chịu khổ báo qua vô số kiếp. Mãn nghiệp ấy rồi, được sanh làm người lại phải chịu đói khổ như vậy.”

Phật lại dạy rằng: “Người con trai chẳng cho mẹ ăn ngày trước, nay là tỳ-kheo Lê-quân-chi đó. Nhờ phước cúng dường trước đó, nên nay được gặp Phật, xuất gia đắc đạo.”

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

### **SANH TỬ KHỔ LẮM THAY!**

Lúc ấy, Phật ở gần thành Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp Cô Độc. Trong thành có một người trưởng giả giàu có vô cùng, chọn một người thuộc dòng hào tộc mà cưới về làm vợ, cùng nhau chung sống âm êm hạnh phúc.

Không bao lâu người vợ có thai, sinh được một bé trai. Đứa trẻ sanh ra tự nhớ tiền kiếp, lên tiếng nói với người chung quanh rằng: “Sanh tử khổ lắm thay!” Nhân đó, cha mẹ mới đặt tên cho là Sanh Tử Khổ.

Dần dần khôn lớn nên người, mỗi khi gặp gỡ bằng hữu thường nói lời này: “Sanh tử khổ lắm thay! Các vị đối với bậc cha mẹ, thầy dạy, các bậc tôn trưởng cao niên đức hạnh, nên đem lòng hiếu kính, vâng theo, chớ nên dùng những lời thô tục, ác độc mà đối đáp.”

Ngày kia, cùng đi chơi với các vị thân hữu, đến chỗ tinh xá Kỳ Hoàn được gặp Phật. Nhìn thấy đức Thế Tôn với ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, hào quang chiếu sáng quanh thân, oai nghi rực rỡ thù thắng vô cùng, Sanh Tử Khổ liền sanh tâm hoan hỷ, kính ngưỡng, chí thành lễ bái rồi đứng sang một bên.

Phật nhân đó thuyết pháp Tứ diệu đế cho nghe. Tâm ý khai mở, liền đắc quả Tu-đà-hoàn. Khi trở về nhà, liền thưa xin cha mẹ cho xuất gia nhập đạo. Cha mẹ thương yêu lắm, chẳng muốn trái ý, liền dẫn đến tinh xá Kỳ Hoàn cầu Phật xin cho xuất gia. Phật nói: “Lành thay đó, tỳ-kheo!” Tức thì, râu tóc tự nhiên rụng sạch, áo cà-sa hiện ra nơi thân, thành một vị tỳ-kheo oai nghi đầy đủ. Chuyên cần tu tập, chẳng bao lâu đắc quả A-La-hán, đủ Ba trí sáng, Sáu phép thần thông, Tám môn giải thoát, khắp cõi trời người ai gặp cũng đều kính trọng, ngưỡng mộ.

Chư tỳ-kheo thấy việc như vậy thưa hỏi Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo Sanh Tử Khổ trước đây đã trồng những căn lành gì, nay vừa sanh ra liền biết nói, nhớ được chuyện kiếp trước, lại được gặp Phật xuất gia đắc đạo?”

Phật bảo chư tỳ-kheo: “Các người hãy chú tâm lắng nghe, ta sẽ vì các người mà phân biệt giảng nói. Giữa Hiền kiếp này, xứ Ba-la-nại có Phật ra đời, hiệu là Ca-diếp. Trong chúng hội của ngài, có vị sa-di theo phụng sự một hòa thượng. Ngày kia, trong thành có lễ hội lớn, sa-di bạch hòa thượng rằng: “Hôm nay có lễ hội, chúng ta nên đi khát thực sớm, chắc sẽ được nhiều.” Hòa thượng đáp: “Giờ vẫn còn sớm, con nên ngồi thiền đi.” Lại nói đến lần thứ hai, lần thứ ba, hòa thượng cũng đều đáp như vậy.

“Chú sa-di liền nổi nóng lên, buông lời ác khẩu rằng: ‘Sao ông không chết quách luôn trong phòng đi?’ Nói rồi bỏ đi ra, một mình vào thành khát thực. Khi trở về liền lạy thầy xin sám hối.

“Do nghiệp duyên ấy, trong năm trăm đời phải đọa vào địa ngục, thọ những khổ não không sao nói hết. Nay vừa được thoát ra, nên nói rằng: Sanh tử khổ lắm thay!”

Phật lại dạy rằng: “Chú sa-di nhỏ buông lời xúc phạm vị hòa thượng kia, nay là tỳ-kheo Sanh Tử Khổ đó.”

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## **THÂN THỂ ĐẦY UNG NHỌT**

Lúc ấy, Phật ở thành Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp Cô Độc. Trong thành có một người trưởng giả giàu có vô cùng, cưới một người vợ cũng thuộc dòng hào tộc, cuộc sống rất hoan lạc, vui thích.

Không bao lâu, người vợ có thai, sanh được một bé trai. Thân thể vừa sanh ra đã mọc đầy những ung nhọt, đau nhức khôn khổ, kêu khóc không thôi.

Ngày một lớn lên, ung nhọt càng thêm ghe tởm lắm. Máu mủ chảy ra nhớp nhúa, hôi hám, đau đớn rên siết, kêu khóc chẳng lúc nào ngưng. Nhân đó đặt tên cho là Thân Hào.

Cha mẹ thương xót lắm, tìm thầy chạy chữa. Đã dùng đủ các thứ thuốc men, nhưng những ung nhọt ấy không hề giảm bớt chút nào.

Khi lớn lên, được nghe người ta nói đến đức Phật đang ở tinh xá Kỳ Hoàn, thường cứu độ khổ nạn cho hết thấy chúng sanh, liền tức thời tìm đến.

Khi Thân Hào được nhìn thấy đức Thế Tôn với ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, hào quang chiếu sáng quanh thân, oai nghi rực rỡ thù thắng vô cùng, trong lòng sanh ra hoan hỷ vô cùng, liền lễ Phật rồi đứng sang một bên. Phật liền thuyết pháp cho nghe. Nghe pháp rồi, lòng tự hối trách những ác nghiệp đã qua của mình, liền chí thành lễ Phật mà cầu sám hối. Khi ấy, ung nhọt liền tự nhiên trừ dứt, trong lòng vui sướng vô cùng, lạy Phật cầu xin xuất gia. Phật nói: “Lành thay đó, tỳ-kheo!” Tức thì, râu tóc tự nhiên rụng sạch, áo cà-sa hiện ra nơi thân, thành một vị tỳ-kheo oai nghi đầy đủ. Chuyên cần tu tập, chẳng bao lâu đắc quả A-La-hán.

Chư tỳ-kheo thấy việc như vậy thưa hỏi Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo Thân Hào tạo những nhân duyên gì, nay vừa sanh ra thân thể đầy ung nhọt, đau đớn, nhức nhối, rồi nay lại được gặp Phật xuất gia đắc đạo?”

Phật bảo chư tỳ-kheo: “Các người hãy chú tâm lắng nghe, ta sẽ vì các người mà phân biệt giảng nói. Về thuở quá khứ cách đây đã vô số kiếp, xứ Ba-la-nại có hai vị trưởng giả, thầy đều giàu có vô cùng.

“Khi ấy, hai người có việc tranh chấp, mâu thuẫn nhau. Một người liền mang rất nhiều đồ trân bảo quý giá mà dâng lên cho vua. Khi vua nhận lấy rồi, liền đem lời súc siểm, vu cáo ông trưởng giả kia rằng: “Người ấy rất ác tâm, nhiều lần theo hại tôi, xin đại vương vì tôi mà trừng trị.”

“Vua tin lời ấy, cho người đến bắt ông trưởng giả kia, rồi đánh đập hành hạ đau đớn vô cùng, khiến cho thân thể lở lói, máu thịt nhầy nhụa, khổ sở không thể nói hết.

“Đến khi được thả cho về, ông trưởng giả ấy liền suy nghĩ rằng: “Thân này thật là gốc của sự khổ. Các điều ác quy tụ cả vào thân, khiến phải chịu nhiều tai họa, ta nên nhàm chán thân này. Như ta với người trưởng giả kia, thật không oán thù, mà hại ta đau đớn đến thế.”

“Liền lìa bỏ gia đình, vào nơi chốn rừng núi vắng vẻ, tự quán sát lý vô thường của tất cả pháp hữu vi, nhờ vậy ngộ sâu vào lẽ không, thành Phật Bích-chi.

“Phật Bích-chi bấy giờ nhìn lại kẻ oán người thân đều sanh tâm bình đẳng. Nhớ lại ông trưởng giả kia ác độc hại mình, trong đời vị lai chắc chắn phải chịu khổ báo. Lòng thương muốn cứu giúp, liền đi đến chỗ ông trưởng giả ấy.

“Đến nơi rồi, liền bay lên hư không, hiện đủ mười tám phép biến hóa. Ông trưởng giả nhìn thấy sanh lòng kính tín, khát ngưỡng, tức thời sắp chỗ mời ngồi, thiết lễ cúng dường trọng hậu, lại quỳ lạy cầu xin sám hối.”

Phật lại dạy rằng: “Ông trưởng giả thâm độc hại người khi ấy, nay là tỳ-kheo Thân Hào đó.”

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thầy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## NGƯỜI XẤU XÍ

Lúc ấy, Phật ở gần thành Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp Cô Độc. Trong thành có một người trưởng giả giàu có vô cùng. Người ấy cưới vợ thuộc dòng hào phú, sống cùng nhau hoan lạc, vui thích.

Không bao lâu người vợ có thai, sinh được một bé trai, hình dung cực kỳ xấu xí.

Khi lớn lên, càng thêm xấu xí, ai nhìn thấy cũng phải lánh xa. Đến cha mẹ dần dần cũng gớm ghiếc, xa lánh. Người ấy buồn bã lánh vào nơi thâm sơn cùng cốc, mà đến thú vật nhìn thấy cũng sợ hãi xa lánh, huống hồ là người.

Người ấy đến ở trong một khu rừng, hái quả cây rừng mà ăn để sống. Các loài chim muông cầm thú nhìn thấy cũng đều kinh sợ, tránh xa chẳng dám đến ở cùng trong khu rừng ấy.

Đức Thế Tôn thường lấy tâm đại bi quán sát chúng sanh, cứu độ cho những người nạn khổ. Ngày kia, ngài biết người xấu xí ấy căn lành đã đủ, có thể hóa độ cho, liền bảo chư tỳ-kheo rằng: “Hôm nay chúng ta sẽ đến khu rừng kia mà hóa độ cho một người hình dung xấu xí.”

Khi Phật và chư tỳ-kheo đến nơi khu rừng ấy, người xấu xí trông thấy liền muốn chạy trốn. Phật dùng thần lực khiến cho người không chạy thoát đi được. Bấy giờ, chư tỳ-kheo đến các gốc cây trong rừng mà ngồi thiền.

Khi ấy Phật hóa hình thành một người hình dung cũng cực kỳ xấu xí, chẳng kém gì người kia. Ngài ôm bình bát chứa đầy những thức ăn ngon quý, đi dần đến chỗ người xấu xí. Người ấy thấy Phật hình dạng xấu xí giống mình thì mừng rỡ lắm, trong lòng nghĩ rằng: “Đây chính thật là người mà ta có thể kết bạn.” Nghĩ vậy rồi bước đến chào hỏi. Phật liền mời người ấy cùng ăn với mình.

Khi ăn xong, Phật hiện hình đẹp đẽ, thanh lịch. Người xấu xí lấy làm ngạc nhiên, liền hỏi: “Ông làm sao giờ lại hóa ra xinh đẹp, thanh lịch như thế?” Phật đáp: “Tôi

ăn cơm này xong, lấy lòng lành mà chiêm ngưỡng các vị tỳ-kheo đang ngồi thiền dưới những gốc cây kia. Nhờ đó mà được xinh đẹp, thanh lịch.”

Người xấu xí nghe vậy, liền cố bắt chước theo. Người lấy lòng lành mà chiêm ngưỡng các vị tỳ-kheo đang tọa thiền. Khi ấy, hình dung liền được trở nên xinh đẹp, thanh lịch. Trong lòng vui mừng khôn xiết, sanh lòng kính tín sâu vững đối với các vị tỳ-kheo.

Khi ấy Phật liền hiện lại nguyên hình. Người ấy được thấy Phật với ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, hào quang chiếu sáng quanh thân, oai nghi rực rỡ thù thắng vô cùng, sanh tâm kính ngưỡng, liền chí thành lễ Phật rồi đứng sang một bên.

Phật liền vì người mà thuyết pháp, nghe pháp rồi tâm ý được khai mở, đắc quả Tu-đà-hoàn, liền quỳ lạy Phật xin được xuất gia. Phật nói: “Lành thay đó, tỳ-kheo!” Tức thì, râu tóc tự nhiên rụng sạch, áo cà-sa hiện ra nơi thân, thành một vị tỳ-kheo oai nghi đầy đủ. Chuyên cần tu tập, chẳng bao lâu đắc quả A-La-hán.

Chư tỳ-kheo thấy việc như vậy thưa hỏi Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Vị tỳ-kheo này trước đây đã tạo những nhân duyên gì, sanh ra thân thể xấu xí, bị người xa lánh, rồi nay lại được gặp Phật xuất gia đắc đạo?”

Phật bảo chư tỳ-kheo: “Các người hãy chú tâm lắng nghe, ta sẽ vì các người mà phân biệt giảng nói. Về thuở quá khứ cách đây đã vô số kiếp, xứ Ba-la-nại có Phật ra đời hiệu là Phát-sa, ngồi thiền định dưới một gốc cây nọ.

Khi ấy, ta với ngài Di-lặc đều là hàng Bồ-tát, cùng đến chỗ Phật ấy mà cúng dường, chỉ đứng trên một chân mà hầu bên đức Phật ấy. Cho đến bảy ngày như vậy, rồi mới đọc kệ mà ca ngợi đức Phật rằng:

Khắp thế gian không ai như Phật,  
Mười phương thế giới chẳng sánh bằng.  
Trải khắp thế giới đã từng biết,  
Chưa nhìn thấy ai được như Phật.

Đọc kệ như vậy rồi, trong núi ấy có một vị thần hiện hình cực kỳ xấu xí muốn đến dọa nạt ta. Khi ấy, ta dùng thần lực khiến cho vị thần ấy đi đến chỗ nào cũng đều gặp những khe rãnh, đồi núi hiểm trở, chẳng thể nào vượt qua được.

Vị thần núi ấy liền tự nghĩ rằng: ‘Ta có ác tâm muốn dọa nạt người ấy, nay người khiến cho ta đi đến đâu cũng đều gặp những khe rãnh, đồi núi hiểm trở chẳng thể vượt qua. Ta phải đến sám hối cùng người mới được.’ Nghĩ vậy rồi, liền đến trước mặt ta lễ lạy cầu xin sám hối.”

Phật lại dạy rằng: “Vị thần núi ngày trước đến dọa nạt ta, nay thọ thân xấu xí là tỳ-kheo mới xuất gia chứng quả A-La-hán đó. Do muốn dọa nạt ta, nên trong năm trăm kiếp đều phải mang hình thể xấu xí, ai thấy cũng đều kinh sợ. Nhờ chí thành sám hối, nên đến nay được gặp Phật, xuất gia đắc đạo.”

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## **NGƯỜI KHÔNG THỂ CHẾT**

Lúc ấy, Phật ở thành Ba-la-nại, trong vườn Lộc. Trong thành có vị quan phụ tướng đại thần, giàu có chẳng ai bằng, nhưng không con nối dõi. Khi ấy, ở bờ sông Hoàn-già có miếu thờ thần Ma-ni-bạt-đà, tiếng đồn là thiêng liêng lắm, dân chúng trong vùng ai cầu khẩn điều gì cũng đều đến đó.

Quan phụ tướng liền mang lễ vật đến nơi ấy. Người khẩn rằng: “Ta không có con, nghe nói thần miếu này có công đức lớn, thường giúp đỡ cho nhiều người được tròn sở nguyện. Vì vậy ta đến đây mà cầu khẩn. Nếu giúp ta sanh được một đứa con nối dõi, xin đem nhiều vàng bạc, châu báu đến cúng thần, lại dùng hương thơm quý nhất mà tô lên tượng thần. Bằng như chẳng ứng nghiệm gì, ta sẽ phá nát miếu, dùng phân dơ bôi trét lên tượng thần.” Khẩn như vậy rồi về.

Thần miếu nghe lời khẩn rồi liền tự suy nghĩ: “Người này là bậc quan quyền, thế lực mạnh lắm, chẳng phải kẻ tầm thường mà có thể sanh vào làm con nhà ấy. Sức

ta có hạn, chẳng thể đáp ứng lời nguyện ấy. Bằng như chẳng được vừa ý, người đã nói tất là làm, chắc miếu thờ phải bị hủy hoại.”

Liên đến thưa lên với thần Ma-ni-bạt-đà. Thần Ma-ni-bạt-đà cũng chẳng đủ sức giúp, liền đến cầu nơi chỗ vua Tỳ-sa-môn. Vua Tỳ-sa-môn nói: “Sức ta cũng chẳng thể giúp người ấy có con được.”

Liên đến chỗ vua trời Đế-thích mà cầu giúp đỡ. Đế-thích nói: “Chuyện ấy khó lắm, cũng phải chờ lúc thuận tiện, sẵn đủ nhân duyên.”

Bấy giờ có một vị thiên tử hiện năm tướng suy, phước báu đã hết, sắp phải mạng chung. Đế-thích liền gọi đến, bảo rằng: “Người nên sanh vào nhà quan phụ tướng ấy.” Thiên tử đáp: “Tâm nguyện của tôi là xuất gia học đạo. Nay sanh vào nhà quyền quý, vinh hoa, muốn lìa đi sẽ rất khó. Vì vậy muốn sanh vào nơi gia cảnh tầm thường, dễ bề ra đi xuất gia học đạo.” Đế-thích liền nói: “Người cứ thuận sanh vào nơi nhà ấy. Nếu muốn xuất gia, sau này ta sẽ giúp cho.”

Vị thiên tử ấy nghe theo lời Đế-thích, mạng chung tìm đến đầu thai vào nhà quan phụ tướng. Khi sanh ra hình dung tốt đẹp, khôi ngô tuấn tú, ai thấy cũng đem lòng yêu mến. Quan phụ tướng mời thầy đến xem tướng. Hỏi rằng: “Nhờ đâu ngài có được đứa con này?” Đáp: “Ta cầu khấn ở miếu thờ bên bờ sông Hoàn-già mới được.” Nhân đó liền đặt tên là Hoàn-già-đạt.

Khi đã khôn lớn, y như sở nguyện từ kiếp trước, liền thưa lên cha mẹ xin được xuất gia nhập đạo. Cha mẹ đáp rằng: “Nhà ta sản nghiệp to lớn, chỉ có mỗi mình con để nối dõi trông nom, làm sao có thể cho con xuất gia được? Ta còn sống đây, chẳng thể cho phép con xuất gia nhập đạo.”

Hoàn-già nghe vậy lòng buồn rầu áo não, suy nghĩ rồi muốn tự hủy thân, định thác đi sanh vào nhà dân giả mới có thể xuất gia học đạo. Nghĩ vậy rồi liền thẳng đường lên núi cao, liêu thân nhảy xuống. Chẳng ngờ rơi xuống đến chỗ đất bằng mà thân thể chẳng hề hấn gì. Liền ra nơi sông rộng nhảy xuống trầm mình, lại theo nước mà giạt vào bờ, cũng không tổn hại chi. Túng nước, liền uống thuốc độc vào. Không hiểu sao thuốc độc cũng chẳng có tác dụng gì.



Hoàn-già-đạt quay về suy nghĩ, nay phải phạm vào phép nước, để vua bắt mà giết đi mới được. Nghĩ rồi liền tìm cách thực hiện.

Khi đó hoàng hậu với chư thế nữ đi du ngoạn, đến chỗ ao đẹp mát mẻ muốn tắm, liền sai giăng màn bao quanh mà tắm. Quần áo cởi ra mang treo lên một nhánh cây trong rừng.

Hoàn-già-đạt dò biết, liền lên đến chỗ khu rừng ấy, vào trộm lấy hết quần áo mà mang đi. Người canh giữ bắt được, liền dẫn đến chỗ vua A-xà-thế mà trình rõ mọi chuyện. Vua nghe qua nổi giận, lấy cung tên ra muốn tự tay bắn chết. Tên bắn ra liền quay trở lại rơi dưới chân vua. Ba lần đều như vậy, không sao bắn được.

Bấy giờ, vua kinh sợ, ném cung tên xuống đất, lên tiếng hỏi rằng: “Người có phải là hàng trời, rồng hay quỷ thần hiện thân đó chăng?” Hoàn-già-đạt đáp: “Xin vua hứa cho một điều, rồi tôi mới có thể nói ra.” Vua liền đáp: “Ta hứa.”

Hoàn-già-đạt nói: “Tôi chẳng phải trời, rồng, quỷ thần chi cả, chính thật là con trai quan phụ tướng. Vì tôi muốn xuất gia mà cha mẹ không cho, nên muốn hủy thân để được đầu thai nơi khác mà xuất gia học đạo. Chẳng ngờ nhảy núi, té sông, uống thuốc độc, thầy đều không chết được. Vì vậy cố phạm vào phép vua để được bỏ mạng. Nay vua cũng chẳng giết được tôi, xin thương tình giúp tôi được xuất gia.”

Vua nghe chuyện rồi, liền nói: “Cho người xuất gia.” Nói rồi đích thân dẫn đến tinh xá Kỳ Hoàn, lễ Phật rồi kể lại mọi việc như vậy. Phật liền thuận cho xuất gia nhập đạo.

Phật liền vì người mà thuyết pháp. Nghe qua rồi tâm ý liền khai mở, đắc quả A-La-hán, đủ Ba trí sáng, Sáu phép thần thông, Tám môn giải thoát.

Vua A-xà-thế thấy việc như vậy liền thưa hỏi Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo Hoàn-già-đạt đây trước đã tạo những nhân duyên gì, nay nhảy núi, té sông, uống thuốc độc, tên bắn, thầy đều không chết, giờ được gặp Phật xuất gia đắc đạo?”

Phật bảo vua A-xà-thế: “Về thuở quá khứ cách đây đã vô số kiếp, xứ Ba-la-nại có vị vua tên là Phạm-ma-đạt-đa, cùng với những cung nhân thế nữ cùng đi du ngoạn trong khu rừng kia. Trong lúc vui chơi, liền bảo các cung nữ hòa giọng hát lên giúp

vui. Lúc ấy, có một người ở gần đó cất giọng hòa theo tiếng hát. Vua nghe giận lắm, sai người bắt dẫn theo về.

Về đến kinh đô, chẳng tra hỏi nhiều, truyền đem ra chém. Có vị đại thần đi ngang nhìn thấy tù nhân sắp chém, liền hỏi xem tội gì. Quân lính thuật lại tội trạng, đại thần liền bảo: “Chưa vội giết, giữ đó chờ ta đến gặp đại vương.”

Quan đại thần vào gặp vua, tâu rằng: “Người ấy tội không nghiêm trọng lắm, sao phải tội chết? Cho dù có cất giọng mà hát theo, nhưng chẳng làm việc chi dan díu, tà vạy. Xin đại vương nghĩ lại tha cho tội chết.”

Vua nghe lời nói đúng, không biết trả lời sao, liền thuận tha cho người ấy. Tội nhân được tha, đội ơn vị đại thần, theo phụng sự người rất cần mẫn, không hề ngơi nghỉ. Nhiều năm như vậy, rồi tự suy nghĩ: ‘Chuyện dâm dục hại người thật là đáng sợ hơn cả đao kiếm. Ta ngày trước bị nguy khốn, nghĩ lại cũng do lòng dục.’ Nghĩ vậy rồi, liền thưa với vị đại thần rằng: ‘Xin cho tôi được xuất gia học đạo.’ Đại thần vui vẻ nói: “Không dám trái ý ông. Mai sau thành đạo quả, xin trở về gặp nhau.”

Người ấy liền đi lên chốn rừng sâu núi thẳm, chuyên tâm tu tập quán xét, chẳng bao lâu thành Phật Bích-chi.

Phật Bích-chi quay về chốn cũ, đến nhà vị đại thần. Đại thần được gặp lại vui mừng, sanh lòng kính ngưỡng, liền thiết lễ long trọng cúng dường Phật Bích-chi. Phật Bích-chi thọ nhận rồi, liền bay lên hư không, hiện đủ mười tám phép biến hóa. Đại thần thấy rồi sanh lòng hoan hỷ, vui mừng, liền phát nguyện rằng: ‘Phật Bích-chi này trước nhờ ơn tôi mà được toàn mạng sống, nay mới thành Phật. Nguyện nhờ công đức này mà từ nay về sau tôi luôn luôn được sống lâu và giàu có, lại luôn luôn được đầy đủ trí tuệ, đức độ.’”

Phật bảo vua A-xà-thế: “Vị đại thần cứu mạng người khi xưa, nay chính là Hoàn-già-đạt đó. Do nguyện lực khi xưa, nên chẳng bao giờ gặp nạn chết yểu, lại đến nay gặp Phật xuất gia đắc đạo.”

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## HAI CẬU CHÁU

Lúc ấy, Phật ở thành Vương-xá, trong tinh xá Trúc Lâm. Trong thành có một vị Phạm-chí tên là Diệt-sử, sanh được hai con. Một gái tên là Xá-ly và một trai tên là Câu-hi-la.

Câu-hi-la thông minh, uyên bác, mỗi khi luận đàm chẳng ai thắng được. Người chị là Xá-ly tuy cũng rất mực thông minh, nhưng khi luận đàm với em thì thường đuối lý, chẳng tranh cãi lại.

Đến khi người chị có thai, bỗng nhiên luận giải sắc bén, Câu-hi-la không lần nào thắng được. Ông liền suy nghĩ rằng: “Chị ta trước giờ luận đàm thường không thắng nổi ta. Nay có thai rồi bỗng nhiên lại thay đổi, tất nhiên là do oai đức của đứa bé này. Nay nó còn trong bào thai mà đã như vậy, mai sau khôn lớn ta làm sao thắng nổi?”

Lòng ông đầy kiêu mạn, nghĩ đến sau này phải thua kém đứa cháu ấy thì không chịu được, liền bỏ nhà đi xuống phương Nam, tìm học tất cả kinh luận. Ông phát lời thề rằng: Chưa trở thành vị luận sư giỏi nhất thì chưa cắt móng tay. Bởi vậy, móng tay ông ngày càng dài ra, liền có biệt danh là Trường Trao.

Người chị ông là Xá-ly sau đó sanh ra một người con trai, đặt tên là Xá-ly-phát, hình dung đẹp đẽ, lại thông minh trí tuệ hơn người, học tập các bộ kinh luận đều thông đạt, chẳng mấy ai đối đáp lại nổi.

Ngày kia, trong thành Vương-xá tổ chức một hội lớn, quy tụ hết thầy các vị luận sư để cùng tranh luận với nhau. Nơi hội trường rộng lớn thấy kê bốn chỗ ngồi cao rộng, oai nghiêm. Xá-ly-phát năm ấy vừa được 8 tuổi, đến chơi nơi đó, thấy vậy liền hỏi người chung quanh rằng: “Bốn chỗ ngồi cao rộng ấy là dành cho ai vậy?” Người chung quanh đáp: “Chỗ thứ nhất dành cho nhà vua, chỗ thứ hai dành cho thái tử, chỗ thứ ba dành cho đại thần, chỗ thứ tư dành cho người lên tranh luận.”

Xá-ly-phát nghe xong liền xăm xăm đi đến, leo lên chỗ ngồi dành cho người tranh luận mà ngồi.

Bấy giờ, các vị Phạm-chí cao niên, luận sư kỳ cựu, thấy đều kinh hoảng. Họ lại suy nghĩ rằng: “Nếu chúng ta ra tranh luận, dù có thắng đứa trẻ này cũng chẳng lấy gì là vinh dự. Bằng như thua, thật là nhục nhã chẳng làm sao nói hết.” Nghĩ vậy rồi, chẳng ai muốn lên, liền sai những người bà-la-môn thuộc hàng thấp kém hơn lên tranh biện. Tất cả liền bị Xá-ly-phát bẻ gãy lý luận của từng người, chẳng ai thắng nổi. Dần dần mới đến các vị luận sư kỳ cựu, cũng đều thua hết.

Xá-ly-phát từ sau lần tranh luận thắng hết các vị luận sư, liền nổi tiếng khắp mười sáu nước lớn. Ngày kia, lên chơi trên lầu cao, nhìn xuống thấy người xe đi lại xôn xao bên dưới, bỗng nảy ra ý nghĩ rằng: “Đến trăm năm nữa, những người đi lại dưới kia rốt cùng rồi cũng chỉ còn là con số không, liệu có ý nghĩa gì?” Nghĩ như vậy rồi, từ trên lầu đi xuống, liền tìm theo các sư ngoại đạo mà tu học.

Khi ấy, đức Thế Tôn vừa mới thành đạo quả, khắp mười sáu nước lớn đều chưa ai hay biết. Như Lai thương tưởng muốn giáo hóa chúng sanh, liền sai tỳ-kheo A-bê đến thành Vương-xá khát thực mà hóa đạo. Xá-ly-phát nhìn thấy dáng đi oai nghiêm, thanh thân của tỳ-kheo A-bê, liền cảm nhận được ngay rằng người này đã tìm được một lối sống giải thoát khỏi mọi ràng buộc, nghĩ rằng: “Vị này là ai mà có phong thái ung dung như thế? Ta nên đến chào hỏi xem sao.” Nghĩ rồi liền bước đến hỏi rằng: “Xin hỏi người đã theo học đạo với vị nào? Dạy người những pháp chi mà được ung dung thanh thân như vậy?”

Tỳ-kheo A-bê đọc kệ đáp rằng:

Các pháp do nhân duyên mà sanh,  
Lại cũng do nhân duyên mà diệt.  
Thuyết rõ nhân duyên sanh và diệt,  
Bậc đại sư soi đường đến giải thoát.

Xá-ly-phát nghe kệ, tâm liền khai mở, chứng quả Tu-đà-hoàn.

Khi trở về, người bạn của ông là Mục-kiền-liên thấy vẻ mặt hớn hở khác thường, liền nói rằng: “Tôi với ông trước có lời giao ước: Ai tìm được đạo giải thoát sẽ

cùng dẫn đường cho người kia đi. Nay tôi thấy vẻ mặt ông, có thể đoán biết là ông đã tìm được con đường giải thoát rồi. Có đúng vậy chăng?”

Xá-ly-phát đáp: “Đúng vậy.” Rồi đọc lại cho Mục-kiền-liên nghe bài kệ của A-bệ ba lần. Mục-kiền-liên nghe xong liền chứng quả Tu-đà-hoàn.

Hai người đều đã chứng đắc đạo quả, liền tụ tập đồ chúng lại, thuật chuyện cho nghe rồi bảo rằng: “Nay chúng ta đều muốn lên đường đến chỗ Phật mà cầu được xuất gia nhập đạo. Ý các người thế nào?” Chúng đệ tử đều xin đi theo.

Xá-ly-phát với Mục-kiền-liên liền dẫn theo 250 người đệ tử, cùng đi theo tỳ-kheo A-bệ đến tinh xá Trúc Lâm. Đến nơi, thấy đức Thế Tôn với ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, hào quang chiếu sáng quanh thân, oai nghi rực rỡ thù thắng vô cùng, liền sanh lòng hoan hỷ, tín kính, lễ Phật cầu xin xuất gia.

Phật nói: “Lành thay đó, tỳ-kheo!” Tức thì, râu tóc tự nhiên rụng sạch, áo cà-sa hiện ra nơi thân, thành một vị tỳ-kheo oai nghi đầy đủ. Chuyên cần tu tập, chẳng bao lâu đắc quả A-La-hán, đủ Ba trí sáng, Sáu phép thần thông, Tám môn giải thoát, khắp cõi trời người ai gặp cũng đều kính trọng, ngưỡng mộ.

Bấy giờ, người cậu của Xá-ly-phát là ông Trường Trảo nghe tin Xá-ly-phát xuất gia theo Phật, trong lòng tức giận, tự suy nghĩ rằng: “Thằng cháu của ta sanh ra đã thông minh xuất chúng, uyên bác hơn người, các vị luận sư ở mười sáu nước lớn thấy đều kính phục, nay tại sao lại chịu đi theo mà phụng sự lão Cù-đàm?”

Liên từ Nam Thiên Trúc tìm về, đến chỗ Phật mà tranh luận. Trường Trảo đến chỗ Phật rồi, liền nói rằng: “Này ông Cù-đàm, chỗ sở đắc của ta đây là không nhận bất cứ một pháp nào cả.”

Đức Phật liền nói: “Ông không chấp nhận pháp nào cả, như vậy có chấp nhận cách nghĩ như thế đó chăng?”

Trường Trảo giật mình, nhận ra chỗ sơ hở trong lập luận của mình, vì ông nói như thế tức là đã mặc nhiên “chấp nhận việc không chấp nhận”. Để chống đỡ, ông liền nói: “Ta không chấp nhận cả cách nghĩ như thế nữa.”

Phật nói: “Nếu không chấp nhận mọi pháp, cũng không chấp nhận cả cách nghĩ như thế, như vậy ông có khác gì những kẻ phàm phu không hiểu biết? Tại sao phải sanh tâm ngạo mạn mà coi thường hết thảy mọi người như thế?”

Trường Trảo không đáp được, liền khi đó sanh tâm tín phục, kính ngưỡng, quỳ lạy Phật xin được xuất gia nhập đạo. Phật nói: “Lành thay đó, tỳ-kheo!” Tức thì, râu tóc tự nhiên rụng sạch, áo cà-sa hiện ra nơi thân, thành một vị tỳ-kheo oai nghi đầy đủ. Chuyên cần tu tập, chẳng bao lâu đắc quả A-La-hán.

Chư tỳ-kheo thấy việc như vậy liền thưa hỏi rằng: “Bạch Thế Tôn! Vị tỳ-kheo này do nhân duyên gì mà nay có thể xả bỏ tà kiến, quy y theo Phật, được thành đạo quả?”

Phật bảo chư tỳ-kheo: “Các người hãy chú tâm lắng nghe, ta sẽ vì các người mà phân biệt giảng nói. Về thuở quá khứ cách đây đã vô số kiếp, xứ Ba-la-nại có vị Phật Bích-chi ở nơi rừng sâu mà thiên định.

Bấy giờ có 500 tên cướp, cướp được của người rồi muốn trốn vào nơi rừng vắng, mới cử một tên đi trước dò xem trong rừng có người hay chẳng. Tên cướp ấy thấy Phật Bích-chi ngồi nơi gốc cây, liền bắt lấy, dùng dây trói lại mang đến chỗ tên đầu đảng. Cả đám đều muốn giết ngài đi.

Khi ấy Phật Bích-chi tự nghĩ rằng: “Nếu để chúng ngu si không biết mà giết hại ta, nghiệp ác đó tất đọa địa ngục chẳng mong ngày thoát. Ta nên hiện thần biến mà thu phục chúng.”

Nghĩ vậy rồi, liền bay lên hư không, hiện đủ mười tám phép biến hóa. Bọn cướp nhìn thấy như vậy, tinh thần hoảng hốt, kinh sợ, tức thời quỳ xuống lễ bái cầu xin sám hối tội lỗi. Phật Bích-chi nhận cho sự sám hối đó rồi, liền cùng nhau thiết lễ trọng thể mà cúng dường Phật Bích-chi.

“Nhờ công đức ấy, trong vô số kiếp chẳng còn đọa vào các nẻo dữ địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, trong cõi trời người thường được hưởng nhiều điều khoái lạc, sung sướng, cho đến nay gặp Phật, xuất gia đắc đạo.”

Phật lại dạy rằng: “Người đầu đảng của bọn cướp lúc ấy, nay là tỳ-kheo Trường Trảo đó.”

Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

## **ĐẸP HƠN CON VUA**

Lúc ấy, Phật ở thành Vương-xá, nơi tinh xá Trúc Lâm. Bấy giờ có vị phu nhân vợ của vua Ba-tư-nặc thọ thai, sanh được một người con trai dung mạo xinh đẹp hơn người, cặp mắt sáng đẹp như mắt chim câu-na-la. Nhân đó, vua đặt tên là Câu-na-la.

Vua hài lòng với dung nhan hoàng tử lắm, truyền cho trang sức bằng những loại trân bảo, y phục quý giá, sai người theo bảo vệ, đi hỏi khắp các nơi trong nước rằng: “Thế gian này có đứa trẻ nào xinh đẹp hơn thế này nữa chăng?”

Bấy giờ có người thương khách đi buôn xa, nghe được lời ấy liền tâm lên rằng: “Xin đại vương đừng giận dữ, cũng đừng bắt tội nô tài này, thì mới dám nói lời thật.” Vua liền đáp: “Người cứ nói ra, đừng sợ. Ta hứa không bắt tội.”

Người khách buôn ấy liền nói: “Nơi chỗ thôn tôi ở, có một đứa trẻ tên là Tôn-đà-ly, dung mạo xinh đẹp, thù thắng, so với hoàng tử đây vượt trội hơn nhiều. Hơn thế nữa, khi đứa trẻ ấy sanh ra, trong nhà tự nhiên hóa hiện một dòng suối mát, lại thêm các thứ trân bảo quý giá cũng đồng thời hiện đến.”

Vua nghe lấy làm lạ, liền sai sứ đến ngay nơi ấy, ban lệnh vua rằng: “Ta sẽ thân hành đến đó xem mặt đứa trẻ Tôn-đà-ly.”

Người trong thôn nghe lệnh vua như vậy, bàn với nhau rằng: “Vua muốn đến đây, chỉ để xem mặt Tôn-đà-ly. Sao bằng ta tự đưa trẻ đến cho vua xem?” Nghĩ như vậy rồi, liền phục sức nghiêm trang cho Tôn-đà-ly, cho đeo vào các món trân châu, anh lạc, rồi cùng nhau đưa đến chỗ vua.

Vua nhìn thấy Tôn-đà-ly, cũng nhận là xinh đẹp hơn nhiều, lấy làm quái lạ, khen là chưa từng có, liền đưa đứa trẻ ấy cùng đi đến chỗ Phật, ý muốn thưa hỏi nhân duyên được thân thể tốt đẹp của Tôn-đà-ly.

Khi đến chỗ Phật, Tôn-đà-ly nhìn thấy đức Thế Tôn với ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, hào quang chiếu sáng quanh thân, oai nghi rực rỡ thù thắng vô cùng, liền sanh tâm hoan hỷ, chí thành lễ bái rồi đứng sang một bên. Phật liền thuyết pháp Tứ diệu đế cho nghe. Tâm ý được khai mở liền chứng quả Tu-đà-hoàn, lay Phật cầu xin xuất gia. Phật nói: “Lành thay đó, tỳ-kheo!” Tức thì, râu tóc tự nhiên rụng sạch, áo cà-sa hiện ra nơi thân, thành một vị tỳ-kheo oai nghi đầy đủ. Chuyên cần tu tập, chẳng bao lâu đắc quả A-La-hán.

Vua Ba-tư-nặc thấy việc như vậy, liền thưa hỏi Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Chẳng hay Tôn-đà-ly đây trước đã tạo những nhân lành như thế nào, mà nay sanh ra tự nhiên có suối nước trong xuất hiện trong nhà, lại thêm các thứ trân bảo quý giá đồng thời hiện đến, lại đến nay gặp Phật, xuất gia đắc đạo?”

Phật bảo vua Ba-tư-nặc với chư tỳ-kheo: “Các người hãy chú tâm lắng nghe, ta sẽ vì các người mà phân biệt giảng nói. Giữa Hiền kiếp này, xứ Ba-la-nại có Phật ra đời hiệu là Ca-diếp. Khi ấy có mười tám ngàn vị tỳ-kheo cùng vào chốn rừng sâu mà tu tập thiên định.

Có vị trưởng giả tình cờ đi đường gặp được, sanh tâm hoan hỷ, liền quay trở về nhà chuẩn bị nấu nước thơm cho chư vị tỳ-kheo tắm gội, lại bày biện các món ăn ngon quý, tinh sạch, cùng các thứ phẩm vật hương hoa, rồi thỉnh chư tỳ-kheo tăng đến thọ nhận cúng dường. Cúng dường các món ăn xong, lại còn dùng chậu nước quý bằng trân bảo mà dâng cho tắm chúng nữa.

“Nhờ công đức ấy, trải qua vô số kiếp chẳng đọa vào các nẻo dữ, trong cõi trời người thường được sanh ra cùng với suối nước mát và các thứ trân bảo quý giá.

Phật lại dạy rằng: “Vị trưởng giả cúng dường chư tăng ngày trước, nay chính là Tôn-đà-ly đó.”



Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thấy đều vui mừng tin nhận.

---o0o---

Hết